Số 97 - Ngày 15-1-1961

NGUYÊNVĂNBA . NGUY
ÊNCHÂU . NGUYÊNPHÙ
NGCHÂU . BÙIKHÁNHĐ
ẢN . MINHĐỨC . VŨHẠN
H . NGUYÊNNGUÍ . TRẦN
VĂNKHÊ . LƯUKIẾM . TRÚ
CLIEN . HUỲNHVĂNIAN
G . NGUYÊNHIẾNLÊ . CÔ
LIEU . PHẠMTRỌNGNHÃ
N . VÕPHIẾN . NGUYÊNP
HÚCSA . BÙIHỮUSỦNG
PHANVĂNTẠO . PHẠMTÁ

BÁCH KHOA

NG . HOÀNGMINHTUY
NH . PHƯƠNGTHẢO . Đ
OÀNTHEM . NGUYÊNVĂN
XUÂN . VÕQUANGYẾN

http://tieulun.hopto.org

Nhân dịp

Tết Nguyên-Đán

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :



★ Rượu mùi CURACAO "DiC"

★ Rượu Rhum CARAVELLE

lâu năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì rượu nhập cảng

★ ★ ★

Quí vị thường thức luôn để thay thế Whisky EAU DE VIE 40°



XIN HỎI TẠI : DISTILLERIES DE L'i.C.

135 - Pasteur - Saigon - ĐT. 23.916

và có bán tại đó :

- ALCOOL RECTIFIÉ
- ALCOOL DENATURÉ
- RƯỢU THUỐC "Ích. Thọ. Tửu"
- DẤM ĂN HẢO-HẠNG CHẾ BẰNG GẠO 6°

http://tieulun.hopto.org

BÁCH-KHOA SỐ ĐẶC-BIỆT

KỶ NIỆM ĐỆ TỨ CHU NIÊN

SỐ 97 — NGÀY 15-1-1961

☆

		Trang
HUỲNH-VĂN-LANG	*Những người phản loạn.*	3
HOÀNG-MINH-TUYNH	*Nỗ lực xâm nhập Châu Mỹ La-tinh.*	5
ĐOÀN-THÊM	*Saint John Perse - Nobel văn học 1960*	10
PHẠM-HOÀNG	*Tự gây tai họa*	25
VÕ-QUANG YÊN	*Nobel khoa học 1960*	26
NGUYỄN HIẾN LÊ	*Tình hình xuất-bản trong năm 1960.*	32
NGUYỄN-PHÚC-SA	*Mực sống*	41
NGUYỄN-VĂN-BA	*Dịch lý và thiên địa chi tâm* . . .	47
NGUYỄN-CHÂU PHÙNG	*Thế-giới một năm qua*	55
BÙI-HỮU-SỦNG	*Nhà văn André Maurois tự phê-bình.*	63
CÔ-LIÊU	*Động đất và nạn động đất* . . .	73
PHẠM TRỌNG NHÂN	*Bạch chủng Hoàng chủng*	83
TRANG-DUYÊN	*Bài ca ly xứ (thơ)*	90
CỎ PHƯƠNG THẢO	*Tình hình văn-nghệ trong năm 1960*	91
TƯỜNG-LINH	*Tâm sự (thơ)*	110
TRẦN-VĂN-KHÊ	*Nhạc sĩ đối với âm nhạc hiện đại* . .	102
ĐOÀN-THÊM	*Trăng buổi sáng (thơ)*	108
MINH-ĐỨC	*Lá thư Alger*	109
HÀ-HỢP NGUYỄN	*Lạnh thấm tâm — Chiều miền đất đỏ (thơ)*	112
LƯU-KIỂM	*Chuyện làng (truyện ngắn)* . . .	113

http://tieulun.hopto.org

Ngu-Í NGUIÊN HỮU-NGU	*Ngoài đề (thơ)*	122
NGUYÊN-CHÂU (dịch Alberto Moravia)	*Hung thần La-Mã (truyện dịch)* . .	123
TRÚC LIÊN	*Xuân về vui cho ai ? (thơ)*. . . .	136
VÕ-PHIẾN	*Giã từ (truyện 4 kỳ)*	138
TRU-VŨ	*Hoa và Hồn (thơ)*.	160
PHAN-VĂN-TẠO	*Làm văn nghệ (truyện ngắn)*. . .	161
VŨ HÂN	*Chơi bể đông (thơ)*	169
NGUYÊN-VĂN-XUÂN	*Xóm Mới (truyện ngắn)*.	170
ĐỖ-TẤN	*Một người (thơ)*	185
VŨ HẠNH	*Vàng Tháp Hời (truyện ngắn)* . .	178
XUÂN-HIẾN	*Bách-khoa hậu liệc (thơ)*	218

SINH-HOẠT VĂN-NGHỆ

ĐẶNG-TRẦN-HUÂN	*Thư cậy đăng : Gửi Tạp Chí Phổ-Thông*	220
THU-THỦY	*Tiểu thuyết Pháp đi về đâu ?* . . .	222
NGUIÊN-NGU-Í	*Sách vỉa hè*	224
TRÀNG-THIÊN	*Đọc 40 bài thơ của Mai-Trung-Tĩnh và Vương-Đức-Lệ*	234

BÌA và TRANH do PHẠM-TĂNG minh hoạ.

BẠN ĐỌC ĐÓN COI

BÁCH-KHOA

SỐ TẾT TÂN-SỬU

- Những bài biên-khảo công phu, những sáng tác văn-nghệ đặc-sắc hướng về Xuân và Tết, đem lại tươi vui cho bạn đọc trong những ngày chuẩn bị đón Xuân về.
- Một quà Tết trang nhã trong dịp đầu năm Tân-Sửu.

http://tieulun.hopto.org

• trân trọng cảm tạ các bạn

nguyễnphanan trúcanh nguyênđứcan thanhbình vũquỳnhbang tháibạch n guyễnvănba quýbảo phạmáibích trà nnguyễnanhca nguyễnphượngcác tru ongđìnhcử quanthịchâu nguyễnchâu mạclychâu tăngvănchỉ đỗtrọngchu hu chu vũthừachi hoàngthịchâu anchâu mạclychâu giảnchi huêchâu tiềuđan doãndzân phandu quốcdũng nguyễntrinhdzoanh vươnghòađức nguyễnnông đài huynhđệ vihuyềnđắc lanđình nguyễnđồng minhđức bùikhánhđản băng đình mạcphươngđình lươngminhđức lamgiang thiêngiang bùigiáng kimgiáp quáchgiao dươngquỳnhhoa nguyễnhóa hồnghy nguyễnđìnhhải trầnđứchuyên nguyễnvănhàm phanvonghúc vũhạnh trầnhà vũhân yãhạc xuânhiển quơn ghuấn phạmhoànghộ nguyễntrầnhuân minhhữu trầnđứchuyên phanvọnghữc đônghồ nguyễnvănhầu nguyễnthượnghuyền trầnhùng phạmhoàng trầnhoan nguyễnthịhoàng trầnhồnghừng h oàihương hàvôhoài trangthéhy trầnkhang tạký trọngkhang lưukiếm ánamtrầntuấnkhải phù ngbákhanh hoàikhanh hoàngkh anh nguyễnhuykhánh trầnvănk hê phankhoang tháivănkiểm vũ ký bửuké thongkhâm trầnthikh anh nguyênxuânlan nguyễnhuy

góp công xây dựng tạp chí BACH KHOA trong bốn năm qua

lịch mailâm hoàngcôngliên nghiêmphúlưu bùilương phạmduylân nguyễnthiệ ulâu nguyễnhiếnlê nguyễnquanglệ côliêu nguyễnanhlinh hoàngtháilinh bình nguyênlộc huylực nguyễnquanglục vũthanhly áilan vũtrungtúylang trúcliên lêkháclý tườnglinh anhlâm trầnthúclinh huỳnhvănlang nguyễnmừng thiềm mai phanmai phạmhoanmỹ nguyễnvănmầu nguyễntrungnhật phươngnhâm lưunguyễn nguyễndiênnghị nguyễnngọcnê đặngvănnhâm lưunghi khổngnghi vũnghi diênnghị trươnguầnngọc thoạinguyên trinhnguiên hàhợpnguyễn ng uiễnhữungư phạmtrọngnhân thếnhân phanduynhân nghiêunhựt minhphong võphiến thuậnphong ngọcphượng nguyễnhữuphiếm phạmlêphan phạmphạm nguyễnphúc huỳnhđứcquang mỹquí vănquỳ vănquang bíchquang nguyễn ngọcquang nguyễntửquang hươngquy nguyễndiệmsơn nguyễnsung songan cưsỹ huysơn levănsiêu nguyễnphúcsa thiệnsinh bùihữusủng ngọcsương cát sĩ phạmtườngtrình minhtiến phanvăntrí vũtamtư việttử quáchtấn dươngminh thới nguyễnkimthanh thutrùng phươngtrạch lêthương nguyễnvăntuyên vân trường hoàngđìnhtruật phạmđìnhtân tônnữhoàngtrân thùysongthanh kimthu đôtấn phạmtăng diệuthanh nguyễnhuythanh phạmngọcthảo đoànthêm vũ vănthiện bùivănthịnh võthutịnh mặcthu nguytânthương phạmthịkhánhtrang vântrang phanvăntrí phanlạctuyên mộngtuyết huytrâm hoàngminhtuynh ngu yễnvănthư nguyễnbạttụy xuântùng mộngtrung nguyễnvăntrung yãhọcnguyễn văntrung bùithutrinh lêthanhthái nguyễnvănthế nhânthế thutrang lêphụcthiện phạmcôngthiện phươngthảo ungtrình thanhthuyền kimtuấn cootiêu phanvă ntạo hoàngminhtrí ánhtuyết trọngvăn cầmvân thếvăn tháivăn nguyễnhoài văn phansơnvũ hyvăn hyvũ lamviệt lêvăn nguyễnvănxung đôngxuyên ng uyễnvănxương kimý kiềuyiêu võquangyến bùithịthutrâm hoàngyến hoàilinh

http://tieulun.hopto.org



Giao Tinh
Thân tặng Bách Khoa

Bạn ơi có phải tự nghìn xưa
Những sợi tơ tình kết bởi Thơ
Khúc nhạc Xuân thu hòa nước gợn
Trăng vườn Chiều mộc động trăng mơ
Ai tô sắc thắm vào hoa thảo
Ta bắt hương thơm giữa gió mưa
Ba lớp người ta lần bụi phủ
Một người đem lửa đốt Bơ vơ

Bí ẩn Khôn dò
gửi các [illegible]

NHỮNG NGƯỜI PHẢN LOẠN

HUỲNH-VĂN-LANG

CÁCH đây trên hai năm (1) cũng trên mặt báo này, chúng tôi đã có lần vạch mặt một loại người có bổn phận phải nói sự thật, mà họ không nói, vì mắc bệnh câm. Đối với chế độ, họ là kẻ phá hoại và thời gian đã không chầy chứng minh điều ấy hết sức rõ ràng. Nếu pháp luật công minh thì sớm muộn họ cũng phải đền tội với quốc gia, với xã hội.

Trong lúc mà mọi người, đồng thanh (!) nhứt trí, nín thinh như tuân theo một mạng lệnh tối cao, thì mấy ai có tinh thần kẻ sĩ mà lên tiếng nói thẳng ra sự thật? Hơn nữa, trong lúc mà mọi người có nói thì lại chỉ nói một chiều — hoặc chiều xuôi hoặc chiều ngược — thì mấy ai là kẻ sĩ để xác định rõ được con đường không thiên-lệch của sự thật, hợp lý và thuận với lòng người?.

Gần đây, không biết ngọn gió độc nào thổi tới mà rất nhiều người sanh bệnh hoạn! Đáng lo nhất là chứng bệnh «nói quá và nói bậy», truyền nhiễm rất nhanh. Nó nguy hại như thứ bệnh «cười» ở Phi-châu. Có nhiều người nói quá như không còn biết mình nói gì nữa. Nói trật nói trúng, họ cũng bất chấp; sách vở, tài liệu, điều tra... họ không cần. Họ nói họ viết lu bù, bươi móc tứ tung, chuyện lớn chuyện nhỏ, chuyện xa chuyện gần... không thiếu thứ gì! Tóm lại cũng như khả năng cười, khả năng nói là khả năng đặc biệt của con người,

(1) Bách-Khoa số 43 ngày 15-10-58.

http://tieulun.hopto.org

dầu là con người chánh khách, văn-nghệ, thông tin, báo chí . . . nhưng một khi mà nói thái quá, nói cách xa sự thật, thì đã thành một bệnh rồi, và là thứ bệnh nguy nan vì sớm muộn người bệnh cũng sanh loạn óc!

Trước kia chắc chắn là không phải vì cách mạng mà người ta che đậy, bưng bít sự thật, làm thinh hay nói một chiều. Bây giờ thiết nghĩ cũng không phải vì cách mạng mà người ta tha hồ bạ đâu nói đó. Vì cách mạng khác hẳn với hỗn-loạn.

Trong xã-hội, cũng như trong con người, tinh thần đoàn kết là khối óc, là trái tim điều khiển mọi hoạt động cho linh nghiệm. Nếu khối óc trái tim mà loạn thì còn hành động nào chính đáng được ?

Trước hiểm họa Cộng - sản, là hiểm - họa chung số một của quốc dân, mọi người cần phải siết chặt hàng ngũ, lãnh đạo phải sáng suốt, các cấp trên dưới phải thông cảm nhau... Đó là điều kiện tối thiểu để thắng. Công cuộc cách mạng có phần tiêu cực là đả-phá chỉ-trích, có phần tích cực là đoàn kết, xây-dựng. Trong giai-đoạn hiện tại, thiết tưởng phải nặng phần tích-cực nhiều hơn.

Mặt khác, cách mạng là một sinh hoạt chứ không phải là lời nói hay câu viết. Trong 5 năm qua, chúng, ta đã nói cách mạng, viết cách mạng khá nhiều rồi, mà chúng ta có lẽ chưa sống cách mạng được bao nhiêu. Bây giờ đã đến lúc ta cần phải sống theo như ta đã nói và viết mấy năm nay. Bước đầu tiên để sống cách mạng, không phải là chỉ khởi sự xưng hô với nhau bằng anh bằng chị thôi, mà là sống như anh chị em với nhau. Thái độ xuyên tạc, đâm thọc nhau... là một thái độ cũ, cũng như thái độ nịnh bợ, lòn cúi, ghen tị... Người đọc kẻ nghe xuyên tạc, chỉ-trích, bao giờ cũng thích thú, cho nên biết đâu những thái độ cũ ấy chỉ là mồi câu khách để làm tiền hay lấy tiếng, phỉnh gạt người đọc kẻ nghe mà thôi !

Gần đây danh từ phản loạn đã được người ta dùng rất nhiều để chỉ một số người đã làm loạn. Những phần tử ấy cao bay xa chạy từ bao giờ rồi không còn đáng lo ngại. Đáng lo ngại nhất cho quốc-gia bây giờ, là có một bọn người hiện sống chung đụng với chúng ta, đang dùng lời nói hay câu viết, gây loạn trong tinh-thần đoàn-kết của mọi người. Nói như thế, không có nghĩa là nên che đậy những tội trạng của kẻ làm lỗi, nhưng có nghĩa là cần phải sa thải những phần tử xấu hay bất lực với những bằng chứng cụ thể, chớ không phải với những lời tố cáo vu vơ... Nhưng chính những người gây hỗn loạn, phá tinh-thần đoàn kết, cũng là một loại người phản loạn, tức là phản quốc trong giai đoạn hiện tại.

HUỲNH-VĂN-LANG

http://tieulun.hopto.org

TRỤC MẠC-TƯ-KHOA — BẮC-KINH

NỖ-LỰC XÂM-NHẬP CHÂU MỸ LA-TINH

HOÀNG-MINH-TUYNH

Nước Nga đã mất mười năm để hàn gắn, băng bó những vết thương của nền kinh tế gây ra bởi cuộc thế chiến thứ hai. Khi đã đạt được mục tiêu trên, Liên-Xô, sau ngày Xít-ta lin mất, lại khởi sự dồn nỗ lực vào một công cuộc khác, đó là công cuộc viện trợ các nước Á-Phi qua nẻo đường bí mật, sau những máy móc, dụng cụ trang bị và những hình thức tuyên truyền văn hóa và khoa học. Họ mở một hội nghị quốc tế, nhóm họp tại Mạc-tư-khoa ngày mùng 8 và 12 tháng tư năm 1952, để triệu tập các nhà lãnh đạo Xô-viết tới thảo luận và nhận chỉ thị thiết lập căn-bản cho hướng đi mới.

Trong kỳ Hội nghị thứ mười tại Kandy, năm 1954, ông Menchikov đã thu tóm sách lược này trong một bản tuyên bố về chính cương, từng làm sôi nổi dư luận khắp hoàn cầu. Theo bản tuyên bố này thì chính phủ Xô-viết tỏ ý sẵn sàng hiệp thương với các nước Châu Á và Châu Phi trên căn bản bình đẳng, có lợi cho cả hai bên, và để thực hiện mục đích đó, sẵn sàng cứu xét với mỗi quốc gia liên hệ, khả năng thỏa hiệp dài hạn trong việc mua bán sản phẩm.

Giai đoạn chủ yếu khác trong công cuộc vận động là Hội nghị Á-Phi nhóm họp tại Bandoeng năm 1955. Phần nhiều các thỏa hiệp quan trọng giữa Liên-Xô và các nước hậu tiến đều ký kết sau Hội nghị Bandoeng và một số lớn các nước Á-Phi được Liên-Xô hoặc các nước vệ-tinh chính tận lực săn sóc, đón mời, cũng từ sau đó. Riêng đối với Cộng-hòa Ả-rập thống nhất, trong nhiều năm, Liên-Xô đã lợi dụng nước ấy, coi như một chiếc bàn quay và một tấm bàn đạp để phổ biến tuyên truyền viện trợ của Xô-viết cho các nước Châu Phi như Maroc, Tunisie, Lybie, Soudan, Ethiopie, Ghana, Guinée và sau hết là Congo.

http://tieulun.hopto.org

Hành động của Mạc-tư-khoa — Bắc-kinh tại các nước hậu tiến Á - Phi

Mục tiêu do Mạc - tư - khoa và các nước vệ tinh « dân chủ nhân dân » theo đuổi không phải là bất vụ lợi. Họ chủ tâm muốn dùng hình thức viện trợ kinh tế để đạt những cứu cánh chính trị : Các nhà lãnh đạo Xô-viết hiểu rõ có thể gián tiếp dùng cách hiệp thương thương mại để giảm bớt tình hình căng thẳng về chính trị, và mậu dịch kinh tế để cải thiện tính chất và bản chất của những mối liên lạc ngoại giao ; rồi những mối liên lạc ngoại giao, đến phiên, sẽ ảnh hưởng tới những liên lạc thương mại, làm tăng cường lực lượng cho phe Xô - viết. Họ chờ đợi ở phương-pháp này một lợi ích khác nữa đó là lợi ích khiến cho các cường-quốc tư-bản nổi lên đối kháng, kình địch với nhau.

Nhờ cách thức trên, viện-trợ kinh-tế và tài-chính của Xô-viết cho các nước hậu tiến trở thành, trong khoảng mấy năm, một thứ khí giới chủ-yếu dùng để tách rời hàng trăm triệu nhân mạng ra khỏi khối Tây-phương.

Để thực - hiện sách lược của họ, Liên-Xô đứng tổ-chức ngoại thương. Ở Mạc-tư-khoa có một bộ gọi là bộ Ngoại thương, do một nhân-viên của Hội-đồng Bộ-trưởng Liên-Xô nắm giữ. Vị bộ trưởng này có nhiều phụ-tá giúp việc, mỗi phụ-tá đứng đầu một « tổng cục ». Những tổ - chức kinh-tế ở ngoại-quốc, dưới chiêu đề như Prom - Mochexport, Techno - Prom - Export, Techno - Export và Export-Bleg chỉ là những chi-ngánh che đậy của tổ-chức này.

Tổ-chức gần như độc quyền đó có cái lợi thế là điều hòa được các cuộc mậu dịch kinh-tế giữa Liên-Xô và các nước « Dân-Chủ Nhân-Dân ». Cố nhiên là các « hình-thức viện-trợ » kinh-tế Xô - viết được lựa chọn tùy theo hoàn-cảnh chính-trị và kinh-tế của mỗi nước : có khi là thỏa hiệp thương mại nhằm tiêu thụ những sản phẩm thặng dư khó xuất cảng (lúa của Miến-điện, bông của Ấn-độ hay Ai-cập) ; có khi là giá cách bảo đảm dài hạn (Cao-su của Ceylan) ; có khi là tín dụng dài hạn ít lời (từ 2 tới 2,50% trong khi Ngân-hàng quốc-tế trùng tu và phát-triển, BIRD đòi 4, 4o và Export Bank đôi khi đòi tới 6%) ; có khi là viện trợ kỹ thuật huấn luyện các cán bộ chuyên môn, hoặc tại Liên-Xô hay một nước « dân chủ nhân dân », hoặc tại chỗ, với sự chỉ dẫn của những « ê-kíp » chuyên-viên Nga, cho mượn trong một thời gian hạn định.

Liên-Xô càng tiến sâu thì sách lược thâm nhập của họ càng tỏ ra có khuynh-hướng muốn tiến hành qua sự trung gian của các nước cộng sản khác : đối với Irak, Syrie, Ai-cập, Mạc-tư-khoa lợi dụng một số nước vệ-tinh : Đông đức, Tiệp-khắc, Ba-lan, Hung-gia-lợi và Lỗ-ma-ni ; đôi khi Nam-tư, mặc dù xích mích với Mạc-tư-khoa, cũng đóng một vai trò trong chiến-dịch ấy. Tại Phi-châu, Liên-Xô lại hay nhờ Prague và Varsovie. Có điều đáng lưu-ý là vai-trò

http://tieulun.hopto.org

của mỗi nước vệ-tinh ít khi giống nhau : Đông-đức trỗi về kỹ-thuật trên địa hạt ngoại thương, trong khi Tiệp-khắc, một nước được nuông chiều về hết mọi phương diện, chủ yếu chỉ đứng nguyên trên địa hạt viện-trợ kỹ thuật và viện trợ công nghiệp hay quân sự ; Ba-lan và Lỗ-ma-ni thường được cử phụ trách những phần vụ có tính chất thương mại hay văn-hóa. Tại một số nước, Hung-gia-lợi gần chiếm được độc quyền về hiệp ước thương-mại.

Từ mấy năm trở lại đây, hành động của người Xô-viết thấy đi song song với hành động của Trung-hoa đỏ dưới quyền điều động của Mao-Trạch-Đông. Từ năm 1956, Trung-hoa đỏ cũng muốn lĩnh đóng vai trò gây dựng thế lực và chính sách Trung-hoa trên bàn cờ quốc-tế. Đối với Bắc-kinh, viện trợ kỹ - thuật và kinh- tế cũng là một phương tiện để lôi cuốn cảm tình và liên minh với các nước trong « thế giới đệ tam » Chính sách Bắc-Kinh có chỗ giống với chính sách Liên-Xô như cho vay dài hạn và thi hành mậu dịch trên căn bản cũ kỹ « đổi chác hiện vật » (như đổi bông gòn lấy vũ khí), nhưng cũng có chỗ khác với chính sách Liên-Xô và chỗ khác nhau này chứng tỏ Trung-hoa đã muốn tự đặt mình vào vị trí « thế giới đệ tam » của các nước mở mang còn thua kém, hơn là vào hoàn cảnh của một nước cộng sản đấu tranh.

Một trong những mục tiêu Bắc-kinh cố gắng theo đuổi riết rỏng, là mua chuộc tối đa các nước mới thu hồi độc lập để họ thu nhận chế độ « nhân dân » của Trung-quốc.

Từ năm 1960, nhiều người Tây-phương đã bắt đầu nhắc lại cái « họa da vàng » mà ông cha họ ngày xưa đã có lần nói tới. Cái họa ấy, đối với người Tây-phương ngày nay, có thể đã trở nên một hiểm tượng đáng lo ngại, khi họ thấy bóng dáng của cộng-sản Trung-hoa thấp thoáng trên những mảnh đất của người Phi-châu da trắng và da đen. Muốn ngăn chặn nó, họ nghĩ chỉ có cách thế duy nhất là thiết lập quan hệ ngoại giao cho thật chặt chẽ với các nước Á châu và Trung-hoa Dân-quốc ở Đài-loan. Mới đây hai nhà chính trị có tiếng là sáng suốt nhất của Phi-châu, các ông Houphouet-Boigny và Tsiranana, đã lên tiếng cảp báo về nguy cơ đó. Tiếng cảp báo của hai ông đã gây ra nhiều sôi nổi trong dư luận hoàn cầu.

*
* *

Hành động của Trục trên toàn bộ Châu Mỹ La-tinh

Đại quan mà xét, những phương pháp người cộng sản dùng để triển dương thế lực của họ tại các nước Châu Mỹ La - tinh không có gì khác với những phương-pháp họ đã dùng có kết-quả tại Viễn-Đông, Trung-Đông và Phi-châu. Về một vài phương-diện, nhờ những kinh-nghiệm đã rút được ở các nơi này, cuộc viện-trợ kinh-tế của cộng sản cho các nước Châu Mỹ La-tinh tránh được khá nhiều trở ngại. Cũng như tại Đông-phương, họ đặt

http://tieulun.hopto.org

trọng tâm vào « viện-trợ kỹ-thuật », hơn là vào các hình-thức tiến-hành trực tiếp hay phá hoại. Nếu là mậu dịch thương-mại thì họ hay dùng phương-pháp đổi chác hiện vật ; lợi xuất cho vay cũng bằng lợi xuất ấn-định cho các nước Á-Phi. Ngoài ra, họ còn thường dùng những cách như trưng bày, triển lãm để gây thêm uy tín.

Có chỗ giống nhau nữa : trong những nước chưa cử được phái bộ tới, Liên-Xô thường nhờ cơ-sở của các nước « dân-chủ nhân-dân ». Nỗ lực phát động các phong-trào thanh-niên và tổ-chức sinh viên tại Châu Mỹ La-tinh nếu không hơn thì cũng chẳng kém gì những nỗ lực họ đã tung ra trước đây để gây dựng các phong trào và tổ chức tương tự tại các nước Á-Phi. Nguyên trong năm 1959, họ đã cấp được 2.000 phiếu du lịch cá-nhân không tốn tiền. Số sinh-viên Châu Mỹ La-tinh ghi tên tại các phân khoa và các trường đại học ở bên kia bức màn sắt, lên tới 8.000 (đối với 14.000 sinh-viên tại Hiệp-chúng-quốc).

Về nghiệp đoàn, họ hoạt-động rất tích cực. Từ 1957-1958, họ tham gia vào nhiều cuộc hội thảo, hội nghị ở bên kia bức màn sắt, nhất là tại các nước vệ-tinh như Đông-Đức, Ba-lan và Tiệp-khắc.

Tuyên truyền cũng rất mực ráo riết. Nguyên vô tuyến truyền thanh : trong không đầy ba năm, Trung-hoa dẫn đầu về tuyên truyền dành cho Châu Mỹ, đứng trên cả Liên-xô. Tổng số buổi phát thanh của các đài cộng sản, gồm cả các nước vệ tinh, từ 72 giờ một tuần lễ hồi 1957, vượt lên gần 110 giờ, trung bình hơn 15 giờ một ngày, trong số có 2/3 bằng tiếng Tây-ban-nha. Điện ảnh được coi là phương tiện tuyên truyền không kém lợi hại : nhiều phim Xô-viết và Trung-hoa được đem chiếu cho dân chúng coi qua trung gian của các hội văn hóa « hữu nghị » Nga, Trung-Hoa, Đức, Ba-Lan, Lỗ-ma-ni và Tiệp-khắc...

Về báo chí người ta thấy Châu Mỹ La-tinh tràn ngập những báo chí cộng sản và đó là điểm đáng chú ý nhất tại đây. Trong toàn bộ 21 nước cộng hòa Châu Mỹ La-tinh, có tới hàng trăm cơ quan ngôn luận và 150 nhà vừa xuất bản vừa bán sách cộng sản.

Tuy nhiên, có điểm khác nhau đáng nên lưu ý là : trái hẳn với các nước hậu tiến Châu Phi, Châu Mỹ La-tinh là khu vực đã có sẵn nhiều đảng cộng sản. Gần như không có nước nào vắng bóng cộng sản và hoạt động của họ. Tuy nhiên, số lượng của họ còn tương đối kém và tại nhiều nơi, họ bị cấm hoạt động mặc dù chỉ là cấm trên giấy tờ. Thực tế, hiện nay, cộng sản bị đặt ra ngoài vòng pháp luật trong nguyên có hai nước là Argentine và Pérou (Tại Chili biện pháp trên đã bãi bỏ). Cuộc du hành đã gây nên nhiều náo động của Phó Tổng Thống Nixon năm 1958 có thể cho ta một ý niệm khá rõ rệt về khả năng trên địa hạt tâm lý của người cộng sản đối với dân chúng Nam Mỹ thế nào.

http://tieulun.hopto.org

Người cộng sản hình như biết rõ rằng với phương tiện hiện có họ chưa thể chiếm được chính quyền, dù bằng bạo lực, nên chiến thuật của họ lúc này chỉ là làm cho quan hệ giữa Hiệp-chúng-quốc và Châu Mỹ La-tinh trở nên căng thẳng, bằng cách gây mâu thuẫn, xung đột giữa hai bên. Để đạt mục đích đó, họ nỗ lực đưa người kín đáo xâm nhập các tổ chức chính trị, nghiệp đoàn và trí thức, tạo cơ hội trao đổi « văn hóa » giữa nghệ sĩ, văn gia, sinh viên, huy động những phần tử đắc lực nhất trong các hiệp hội phụ nữ, thanh niên v.v...

*
* *

Nếu chúng ta lấy chiều sâu rộng làm tiêu chuẩn để đo lường sự xâm nhập của các cường quốc cộng sản tại Châu Mỹ La-tinh, ta có thể phân biệt ba khu vực khác nhau, không kể Cu-ba : khu vực thứ nhất gồm ba nước Argentine, Uruguay, Mexique, kẻ là khu vực bành trướng mãnh liệt nhất của cộng sản ; khu vực thứ hai gồm năm nước Brésil, Chili, Vénézuela, Colombia, Bolivie, coi là khu vực tấn công còn vướng mắc nhiều trở ngại, và khu vực thứ ba gồm các nước khác, tạm liệt vào khu vực hành động thực tế không đem lại được kết quả gì gọi là khả quan cho họ. Chúng ta sẽ lần lượt xét từng khu vực trong những số báo tới đây.

HOÀNG-MINH-TUYNH

Tài liệu tham khảo :
— Etudes, tháng Mười 1960
— La Documentation française, tháng Mười một và Mười hai 1960
— Réalités. tháng Mười 1959.

PHẠM HOÀNG sưu tập

Danh ngôn danh lý

GRAHAM GREEN

Sinh năm 1904

★ Trong tuổi ấu-trĩ của chúng ta, bao giờ cũng có một lúc cánh cửa mở ra để đón rước tương-lai vào.

★ Người ta có thể tin vào lượng khoan hồng của Thiên Chúa, nhưng người ta không thể tin vào đói rét, vào loài người.

★ Mùi thơm nhất là mùi bánh, vị ngon nhất là vị muối, tình tốt nhất là tình con trẻ.

★ Khoái lạc lệ thuộc khổ não. Khổ não là phần chủ yếu của khoái lạc. Khi chúng ta đói, chúng ta hãy nghĩ đến thức ăn ngon lành biết chừng nào.

http://tieulun.hopto.org



ĐỌC CÁC THI-PHẨM

SAINT-JOHN PERSE

Giải thưởng NOBEL 1960

ĐOÀN-THÊM

CÁCH đây chừng hai năm, đại-chúng và ngay các giới văn-hóa rất ít chú ý tới thi-sĩ Sain'-John Perse.

Ngay cả ở những tập thi-tuyển có tiếng, như của André Gide (Anthologie de la Poésie française) của René Lalou (Les plus beaux poèmes français) cũng chẳng thấy nói tới ông, trừ pho Anthologie lớn nhất hơn 800 trang của Marcel Aland, song cũng chỉ trích ra vài đoạn ngắn.

Người ta mới nhắc nhiều đến ông, từ khi ông được giải thưởng quốc-gia văn-chương Pháp 1959, và khi nhà Gallimard tái bản « Oeuvre Poétique » của ông, tôi mới được hân hạnh có gần đủ toàn-bộ để cố thưởng thức. (1)

Tôi nói *cố* không phải là quá. Vì thơ S.J. Perse mặc dầu được cả thế-giới hiện nay chú trọng, thuộc loại « vỡ đầu », lắm khi khó hơn cả những thi-phẩm bí-mật

---

(1) Saint-John Perse tức Saintléger Léger, tên thật là Alexis Léger.

Oeuvre poétique :

Eloges (1904-1907 - 1908) Anabase (1922) La Gloire des Rois (1924) Exil, Poème à l'étrangère (1942) Pluies (1943) Neiges (1944) Vents (1945).

Còn hai tập mới (*Amers*, 1957) *Chronique* (1960) thì in riêng ngoài bộ Oeuvre Poétique.

http://tieulun.hopto.org

Siêu-thực mà tôi đã tò mò kiếm xem, với hy-vọng học hỏi được phần nào.

Không phải tôi có tính hiếu-kỳ, báo hức vì thấy tác-giả được giải thưởng cao quí nhất trong hoàn-cầu : tôi thú thực đã bị thất-vọng sau khi mua đọc nhiều cuốn thơ của một vị khác đã được vinh-dự như S.J. Perse : đó là Sully-Prudhomme mà nhiều bạn cùng tôi đã phải học thuộc lòng một số bài kể cũng không hay hơn của nhiều thi-nhân khác (1).

Dù sao, thơ S. J. Perse đã được dịch ra tiếng Anh, Đức, Y-Pha-Nho, Hòa-Lan, Lỗ-Bảo-Ni v.v... chẳng lẽ những bạn yêu thơ ở Việt-Nam ta lại thờ ơ ? Khen hay chê, thiết nghĩ cũng nên biết qua để có ý-niệm về một loại thơ được tán-thưởng do một cơ-quan văn-hóa mà giá-trị vẫn được tôn-trọng và ảnh-hưởng rất mạnh trên hoàn-cầu.

* * *

Saint-John Perse không làm thơ theo những thể cũ có vần, hoặc thơ tự-do không vần thiếu điệu của vài lớp sóng mới hiện nay (2). Thi-phẩm của ông từ 1904 đến hồi sau này, toàn một thứ văn xuôi nhưng có nhịp điệu với âm thanh chọn lọc, giống như của Arthur Rimbaud trong « Illuminations », của Paul Claudel trong « Cinq grandes Odes », của Paul Fort trong những tập « Ballades ». So với của ta, có thể ví đại-khái với lối tùy-bút, Kinh Thi, cổ-phong nhưng phóng-thể hơn... Tỉ dụ :

« Đồng bằng. Lối dốc. Có
« nhiều trật-tự hơn. Và tất cả chỉ là thời
« ngự-trị với biên-thùy của những tia mờ tỏ. Và bóng tối
« cùng ánh sáng khi đó gần như một... Tôi muốn
« nói đến một sự trọng-vọng. Ở ven bờ trái cây
có thể rụng
mà niềm vui không úa ở viền môi ta » (3)

Plaines. Pentes. Il y
avait plus d'ordre. Et tout n'était que
règnes et confins de lueurs. Et l'ombre
et la lumière alors étaient plus près d'é-

---

(1) Xin coi thử của S. Prudhomme : Stances et Poèmes — Les Voix intérieures — Solitudes — Vaines Tendresses v.v... Có lẽ tại tôi chủ-quan, chớ các vị phát thưởng Nobel chẳng lẽ nào lại không xét một cách sáng suốt ? Tôi chỉ nghi ngại vì hồi cụ S. Prudhomme được thưởng (1901) vườn thơ cũng không thiếu những kỳ-hoa dị-thảo. Chính nhiều nhà phê-bình Pháp cũng không hoan nghênh lắm (ti dụ : Bédier — Hazard — Martino — Histoire de la Littérature Française p. 338 — T. II).

(2) Trừ một bài Berceuse ngắn, trang 137.

(3) S J. Perse cũng như P. Claudel có lối viết đặc-biệt, lùi ra, thụt vào, xuống hàng một cách bất ngờ, chắc với dụng-ý cho hơi đọc ngắn dài cao thấp tùy theo mỗi hoạt-động, mỗi nhịp điệu của ý-tưởng. Nếu sách in như thế nào, xin in lại ở đây theo đúng như thế.

http://tieulun.hopto.org

tre une même chose... Je parle d'une estime...
Aux lisières le fruit
pouvait choir
sans que la joie pourrit au rebord
de nos lèvres.)

(Eloges - p. 23).

« Trời sinh ra một con ngựa nhỏ dưới khóm
« lá đồng đen. Một người đặt những trái cây đắng
« vào tay chúng ta. Khách lạ. Hắn đi qua. Thế
« rồi nghe đồn về nhiều địa-phương khác tùy theo ý tôi..
« Ta chào con, hỡi con gái ta, dưới bóng cây
« lớn nhất trong năm ».

(Il naissait un poulain sous les feuilles
de bronze. Un homme mit des baies amères
dans nos mains. Etranger. Qui passait. Et
voici qu'il est bruit d'autres provinces à
mon gre... « Je vous salue, ma fille, sous le
plus grand arbre de l'année. p. 145).

*
* *

I.— Về nội-dung, và đây mới là điểm khiến nhiều bạn cùng tôi đã thắc mắc: khó lòng thấu triệt để phân tích hay tóm tắt, nhất là trong phạm-vi một bài ngắn, phần lý-tưởng, thi-tứ, hoặc đại-ý các đề-tài. Vì ngôn-ngữ của S. J. Perse rất khác thường. Chính một ông Hàn-Lâm nước Pháp, Emile Henriot, mới đây nhân dịp ca ngợi S. J. Perse, cũng phải nhận rằng thơ không vần của tác-giả cho cảm tưởng là một thứ văn xuôi do người ngoại-quốc viết rồi được dịch ra tiếng Pháp, do một dịch-giả có tài song lời-lẽ tối tăm. Ông Henriot cũng nghĩ rằng chính tác-giả có dụng-ý bắt người đọc phải tìm hiểu. (1)

---

(1) « ..... sa poésie sans vers, qui donne toujours l'impression d'être transcrite en prose, de l'étranger, par un traducteur excellent mais content aussi d'être obscur. Enfin, il n'y a pas à le cacher. S.J. Perse est un écrivain difficile, exprès par sa volonté de donner à chercher... » E. Henriot, de l'Académie française : Saint-John-Perse, 10è Prix Nobel de littérature. Article publié dans le journal d'Extrême Orient, p. 6, samedi 26-11-1960.

http://tieulun.hopto.org

Cho nên, với tất cả sự dè dặt không thể tránh, chỉ xin lãnh hội nổi phần nào thì thử trình bày ra phần đó, và cũng chỉ có cách dễ nói hơn cả, là so sánh đường lối của tác-giả với đường lối của các thi-nhân quen thuộc.

Ông không kể truyện như Nguyễn-Du, hay V. Hugo trong Légendes des siècles, không tuôn tình cảm như các nhà thơ Lãng-Mạn (Romantiques), không tả cảnh một cách khách-quan tương-đối như người phái Tao-Đàn (Parnassiens), không gợi ra những trạng-huống tinh-thần hoang-mang hoảng-loạn như nhóm Siêu-thực (Surréalistes)...

Tập đầu tay của ông, *Eloges* (Ca tụng) gồm một số bài khá dài, in hồi 1904 và 1907 : với những đầu đề : Pour fêter une enfance (Để mừng một thời thơ ấu), Images à Crusoé (Những tranh ảnh cho Crusoé) ông nhắc lại một số kỷ-niệm hồi non nớt ; và qua những lời lẽ riêng biệt như ở các đoạn đã trích, người đọc thấy những hình bóng thân yêu thấp thoáng, vườn cây, bến tàu, mẹ và gia-nhân, bờ biển, những khóm dừa chiếu xanh om đáy nước, con ngựa lành, cùng những cảnh do đứa trẻ tưởng tượng ra khi đọc truyện Lỗ-bình-Sơn phiêu-lưu ký, những tiếng chuông, cù lao im lặng, anh nô-bộc da đen Vendredi, con vẹt... Song tác-giả không tả rõ bằng những nét bút thường : những người và vật vừa kể, chỉ như những *mốc* cụ-thể để chỉ dẫn cho ta theo tác-giả vào một khu-vực lạ vì mỗi hình ảnh không được nhìn theo nhãn-quan thiết thực của ta, hoặc con mắt ngây-thơ ngộ nghĩnh của đứa trẻ. Mỗi cảm-xúc của nhi-đồng đã được nhớ lại và *ghi nhận qua một khối óc người lớn hay tìm hỏi ở sự vật những sắc thái huyền-diệu*. Vì thế, đã có nhà phê bình như René Lalou tin rằng S.J. Perse chịu ảnh hưởng của A. Rimbaud (1).

*
* *

Tập thứ hai, nhan đề là *Vinh-quang vương-giả* (La Gloire Des Rois) gồm có 5 bài in vào khoảng 1909, 1910, 1924 và sau mới hợp lại : lời tán-tụng một Hoàng-Hậu, tình bạn của một vương-gia, truyện của một Nhiếp-Chính, bài ca của Đông-cung . . ., bài ca về Công-Chúa đầu lòng . . . (2). Song chúng ta đừng chờ đợi ở đây những cảnh lầu vàng điện ngọc, với

(1) René Lalou — Histoire de la littérature française contemporaine

(2) Récitation à l'éloge d'une Reine, Amitié du Prince, Histoire du Régent, Chanson du Présomptif, Berceuse.

« Môn khả la tước »

Ngày xưa, có vị danh thần nọ làm quan rất mực thanh liêm và cẩn trọng. Ông không hề tiếp khách ở nhà riêng, cửa ngõ thường vắng vẻ, có thể dăng lưới để bẫy chim sẻ được. Do đấy, hán văn có điển : « *Môn khả la tước* », *cửa ngõ có thể dăng lưới để bẫy chim sẻ*, chỉ sự trong sạch của một ông quan chân chính.

http://tieulun.hopto.org

những diễm-tình như của Dương-Quý-Phi hay những vụ thoán-đoạt giữa những cung đình lộng lẫy. Ta cũng không thấy rõ những nhân-vật kể trên, chỉ tưởng tượng được một cách mơ hồ vài ảnh hình kỳ - dị, qua những lời kêu gọi, hay van lơn :

« Hỡi Hoàng - hậu bên gốc ỷ-tử ! tấm thân cao
nhuộm màu vỏ cây, tấm thân như một
« bàn tế-sinh và bia đá khắc luật lệ của ta.
« Bà chị ! hỡi ơi, yên lắng hơn lòng
sông, chúng ta ca ngợi
« vì chiếc lông rực-rỡ sặc-sỡ tô điểm
sườn lưng giấu kín

(O Reine sous le rocou ! grand corps couleur d'écorce, ô corps comme une
table de sacrifice et table de ma loi
Aimée ! ô plus paisible qu'un dos de fleuve, nous louons
qu'un crin splendide et fauve orne ton flanc caché — p. 101).

Hoàng-hậu ở đây, chắc tượng trưng cho Tạo-vật với những ánh sắc mà chỉ thi-nhân trông thấy, để băn khoăn tự hỏi biết sao lấy được tình yêu « *Mais qui saurait par où faire entrée dans Son coeur ?* » Vua ở đây là Thần - Trí sắc bén *(et toi plus maigre qu'il ne sied au tranchant de l'esprit)* có quyền-lực linh-diệu hàn hắn những vết thương, soi sáng cho phán đoán và khơi nguồn mê-ly « *Tu es le Guérisseur et l'Avesseur et l'Enchanteur aux sources de l'Esprit* » ban tỉnh thần và mở rộng cho thi-sĩ bước chân vào đất nước của ngài, vào cõi thơ rực-rỡ hồng-quang « *et je m'engage dans un pays de terres pourpres, son domaine* » — Vua còn an ủi nhà thơ : Mi ưa lang thang vô-cố vào chốn xa xăm. Ta hiểu biết nỗi-niềm bối rối đó của tinh-thần. Ta sẽ bảo cho đâu là nguồn gốc bịnh mi « *tu te plais aux longs déplacements sans cause. Je connais ce tourment de l'esprit. Je t'enseignerai la source de ton mal* ». Rồi thi-nhân lạc vào cõi đó, thấy cảnh vật lạ lùng, đóng vai Đông-cung mà nối nghiệp nhưng để tôn trọng loài người và chung sống « *J'honore les vivants, j'ai face parmi vous* ». Nhưng tiếc rằng chỉ sinh ra một gái đầu lòng, làm thất-vọng quần-thần, vì họ chỉ mong những hoàng-nam theo lối cổ-truyền, và công-chúa chết yểu, hoàn-cảnh lại như xưa, « trật-tự văn-hóa lại tái lập trong các Sách lớn » « *L'ordre reprend dans les grands Livres* ». Phải chăng công-chúa đầu lòng chết yểu, là một sáng-tác đầu tay tuy đầy thiên-phú nhưng không thuận

http://tieulun.hopto.org

cảnh hợp thời, chịu thua những nghệ-thuật cổ-điển, nên chưa lên được ngôi thơ mà mở những kỷ-nguyên mới lạ ?'

*

Đọc hết La Gloire des Rois, và xem đi xem lại, tôi mới được vài tia sáng soi đường mờ tỏ mà noi chân tác-giả tới những lãnh-vực mênh mông : thi-nhân lắng vào những cảnh trạng chập-chùng trong Anabase, lạc loài hiu quạnh trong Exil, nhẫn nhủ mưa gột rửa nỗi niềm cùng những thành-kiến, hủ-tục và trở-lực trên đường sáng-tạo (Pluies), — Ông chơ vơ trên tuyết lạnh và giữa khoảng trắng trong, liên tưởng đến một thứ ngôn-ngữ linh-diệu cho tâm-hồn rạng tỏ trong ánh sáng mát tươi (Neiges) — ông vẫy vùng trên những luồng gió tinh-thần cởi mở tràn ngập mười phương và ước mơ những âm thanh hoàn-toàn đổi mới cho những thế-hệ mai sau (Vents)... Không có vai trò nào hết, không một sự-tích, chỉ một tâm-hồn vô-cùng đơn độc, hết chốn này qua nơi khác, giới khác, thời khác mà vẫn ngẩn ngơ tìm kiếm một ý-nghĩa mới trên những ngả đường mới, cho một cuộc đời vượt khỏi quá-khứ và hiện-tại tầm-thường, nhập vào cây cỏ nước mây để thấy hồn vũ-trụ, rồi vươn mình bay tới cõi bao la siêu-việt của Thơ thần. (Poésie cosmique, như Alain Bosquet đã nhận thấy theo Revue Française tháng 12-1960).

Làm thế nào nói rõ hơn được ? Đọc kỹ cả mục-lục cuối sách, chợt tôi nhận ra một đặc-điểm chưa từng thấy ở bất-cứ tập thơ tập sách nào : vì nhiều đoạn trong những bài dài không mang đầu đề, tác-giả đã lấy ở mỗi đoạn, một câu đầu, để làm đề. Tỉ như : lạ lùng thay canh khuya, khi bao nhiêu hơi gió lạc loài (Etrange fut la nuit où tant de souffles s'égarèrent, trang 214) ; lại như : Thế rồi tuyết rơi, những giọt đầu tiên của tuyết biệt-ly xa vắng (Et puis vinrent les neiges, les premières neiges de l'absence, trang 265) v.v...

Để ý đọc từ trên xuống dưới, thì những « câu đầu đề » theo nhau, quả có một thứ mạch lạc, tuy lỏng lẻo cũng rõ ràng phần nào, để rạng tỏ cho tôi sự tiếp-diễn tư-tưởng mông-lung của tác-giả : không khác nào tác-giả đã xếp đặt tóm tắt để độc-giả tìm hiểu dễ dàng. Cho nên, tốt hơn hết là xin dựa theo mục-lục đó mà phỏng dịch để lược trình những ý-tưởng của thi-sĩ.

« Trong đời, thi-nhân đã trải ba mùa một cách về vang...

« Song ở những xứ nắng lui tới, im lặng như tờ....

« Cảnh sống có chi đáng chê trách ? Không, thi-nhân chỉ muốn ca ngợi mà thôi...

« Nhưng tâm-hồn còn vấn vương những việc xa xôi....

« Có lúc ngựa dừng chân dưới bóng cây đầy chim gáy....

« Rồi các cửa mở toang về phía những bình-sa...

« Biết gửi lý-tưởng về bờ bến nào đây, và tâm sự này biết ghi vào trang giấy nào?

« Nhưng vẫn vẳng bên tai những tiếng la hò ầm ĩ...

« Lạ lùng thay canh khuya bao nhiêu hơi gió lạc loài...

« Có kẻ lang thang nửa đêm ở những đường hầm đá lạnh...,

http://tieulun.hopto.org

« Có kẻ bị đắm chìm vào tịch mạc...

« Biết bao ngả đường đi, mà mọi nơi trú-ngụ của chúng ta đều vô-định....

« Rồi tuyết đã rơi, những giọt tuyết đầu tiên của biệt ly xa vắng ...

« Ngảnh lại, biển cát mênh-mang hay mái tranh ấm cúng cũng không làm vui bước Thời-gian..

« Nhưng không, không dỗ lệ làm chi, nào ai tin được thế chăng ?. ..

« Gió đã nổi, gió ngàn phương thổi ngập hoàn cầu... Có ngại gì giông tố, vì giông tố đưa luồng dịu mát gột rửa tâm-hồn...

« Và đó là những mãnh-lực mới đương lan tràn các ngả đường trên thế-gian này...

« Tất cả mọi việc đều phải bắt đầu lại, tất cả mọi điều cần phải nói lại...

« Kia kìa, đã thấy những xứ mới, trong hương sực ngát của đất mẫu...

« Hãy đi xa hơn nữa, lên cao hơn nữa về phía những kỵ-sĩ nhẹ nhàng trên yên ngựa...

« Hỡi số mệnh, hãy đắt về phía nước màu xanh ngắt, những cù lao đắt bồi rộng lớn...

« Bịnh cuồng-nhiệt đã lan tràn khắp xứ...

« Và nhiều mãnh-lực nữa còn đương kèn cựa dưới chân ta...

« Nhưng vấn - đề chính vẫn là con người !

« Đó là chuyện hôm qua, Gió đã tắt rồi..

« Con người lại hiện bóng trên lối đi của nhân loại....

« Cùng các anh, và khi gió thổi cho ta, hãy tiến vào lối đi của những người thuộc nòi thơ...

« Thơ của chúng ta bay trên đường của nhân loại, mang theo hạt giống và trái cây trong dòng giõi những người thời khác. Một giống mới giữa đám người thuộc nòi thơ một dòng mới giữa các thiếu-nữ cũng nòi thi-sĩ, và tiếng kêu vang giọng người đương sống, của thi-nhân trên đường nhân-loại, sẽ truyền xa nơi này nơi khác, cho tới những bờ bến xa xăm vắng bóng Tử-Thần..

Nguyên-văn của tác-giả :

Anabase

— Sur trois grandes saisons, m'établissant avec honneur. p. 149

— Aux pays fréquentés, sont les plus grands silences. p. 154

— C'est là le train du monde, et je n'ai que du bien à en dire. p. 160

— Mon âme mêlée aux affaires lointaines. p. 165

— Mon cheval arrêté sous l'arbre plein de tourterelles. p. 197

Exil

— Portes ouvertes sur les sables. p. 205

— A nulle rive dédiée, à nulle page confiée. p. 207

— Toujours il y eut cette clameur. p. 210

— Etrange fut la nuit où tant de souffles s'égarèrent. p. 21

http://tieulun.hopto.org

Pluies

— Celui qui erre à minuit, sur des galeries de pierre. p. 21)

— Un homme atteint de telle solitude. p. 250

— Innombrables sont nos voies, et nos demeures incertaines. p. 253

Neiges

— Et puis vinrent les neiges, les premières neiges de l'absence. 256

— Les sables ni le chaume n'enchanteront les pas siècles. p. 281

— Non, point de larmes, — l'aviez-vous cru ? p. 284

Vents

— C'étaient de très grands vents sur toutes faces du monde. p. 297

— Ô vous que rafraîchit l'orage... Fraîcheur et gage de fraîcheur. p. 301

— C'étaient de très grandes forces en croissance sur toutes pistes du monde. p 304

— Tout à reprendre — Tout à redire... p. 311

— Des terres neuves, là-bas, dans un très haut parfum d'humus. p. 337

— Plus loin, plus haut, où vont les hommes minces sur leur selle. p 343

— Guidez, ô chances, vers l'eau verte les grandes îles fluviales. p. 354

— Et du mal des ardents tout un pays est gagné. p. 366

— Et déjà d'autres forces s'irritent sous nos pas. p. 384

— Mais c'est de l'homme qu'il s'agit. p. 389

— C'était hier. Les vents se turent. p 407

— Et l'homme encore fait son ombre sur la chaussée des hommes. p. 412

— Avec vous, et le vent avec nous, sur la chaussée des hommes de ma race. p. 431

— Et nos poèmes encore s'en iront sur la route des hommes, portant semence et fruit dans la lignée des hommes d'un autre âge.

Une race nouvelle parmi les hommes de ma race, une race nouvelle parmi les filles de ma race, et mon cri de vivant sur la chaussée des hommes, de proche en proche et d'homme en homme

Jusqu'aux rives lointaines où déserte la mort ! p. 446

***

II. - Sau khi có ý-niệm khái quát về nội-dung các tác-phẩm, xin thử nhận xét về *nghệ-thuật riêng của tác-giả*.

Về phương-diện từ ngữ, những câu của S. J. Perse rất khó hiểu, đối với những ai quen đọc những văn thơ sáng sủa và thường lãnh hội theo nghĩa thông-thường của mỗi chữ, hoặc bóng gió nhưng đừng quá xa xôi ; nhất là đối với phần đông chúng ta, đọc sách ngoại-ngữ thì ham tìm hiểu nhờ tự-điển và văn-phạm.

Trước hết, S. J. Perse cũng như V. Hugo hoặc Leconte de Lisle, nhiều khi dùng những chữ ít thấy, hoặc chẳng có trong tự-điển : những tên cây, tên chim, tên vật lạ, như *icaque* (một thứ cây có trái. miền nhiệt đới), *clepsydre* (đồng hồ thời cổ, đo giọt

http://tieulun.hopto.org

nước) *séleucide* (chim có lông đẹp ở xứ Nouvelle-Guinée) *hysope* (cây nhỏ có hoa thơm, mầu xanh) *volve* (màng dài quấn quanh đầu và chân những nấm non) *piéride* (một loài bướm trắng) *sérapéum* (miếu thần Serapis ở Ai-Cập) *obsidienne* (một thứ đá trong như thủy-tinh) *cubèbe* (một thứ cây leo có hạt làm thuốc được) *euphuisme* (một lối nói kiểu cách ở triều-đình nữ-hoàng Anh Elisabeth, thế-kỷ thứ XVI). Lại có những chữ như *piléus, cespiteuses, adalingue caye*, tra tự-vị Larousse 1959, không thấy.

Nhưng nguyên-do sự bỡ ngỡ của người đọc chẳng những chỉ ở chữ, còn ở cách dùng rất đột ngột. Vẫn biết làm thơ thường phải đặt ra chữ, nghĩa là sắp đặt những chữ thường để thành ra một nghĩa mới, gợi ra những hình ảnh mà cách-thức thông thường theo văn-phạm và tập-quán chẳng khiêu ra nổi : tài của một tác-giả, hay được nhìn nhận ở khả-năng « sáng tạo » đó. Song nếu bất-ngờ quá, nghĩa là chữ nọ không hề có một chút gì liên-quan đến chữ kia, vượt hẳn ra ngoài lý-trí, thì người đọc tránh sao nỗi băn khoăn :

— « ... và tô điểm bằng mồ hôi »

(*...et orné de sueurs, p. 37*)

— « cánh buồm lớn dễ bực mình, tô màu bộ óc »

(*la grand' voile irritable couleur de cerveau, p. 54*)

— « Ôi những hơi thở mạnh ! Quả thiệt tôi ở trong cuống họng một ông thần ».

(*O bouffées ! Vraiment j'habite la gorge d'un dieu p. 55*)

— « Tôi ngồi, trong tình thân mật của bộ đầu gối tôi »

(*assis, dans l'amitié de mes genoux, p. 73*)

Ngoài ra, có những chữ thường thường không đi được với nhau, vì trái nghĩa trong thực-tế, song ta nên nhớ rằng đối với một số thi-nhân trong đó có ông, mọi sự hiện ra trong tâm-hồn cũng là một sự đã xảy ra, và khi viết, dù không hợp lý đối với chúng ta, cũng vẫn có nghĩa đối với nhà thơ, vì diễn ra một ý muốn, một nguyện-ước, nếu không phải là một sự thấy trong giấc mơ ; và nói ra để gợi lại những cảnh huyền-ảo mà có lẽ chính thi-nhân đã cảm thấy ?

« những bông hồng màu xanh lá cây trong buổi trưa »

(*des roses vertes de midi*, p. 64)

« nhưng tấm tranh kêu lên một tiếng »

(*Mais l'image pousse son cri* p. 79)

« Ôi màu gió thoảng vãng lại trên mặt nước yên lặng ».

(*O la couleur des brises circulant sur les eaux calmes*, p. 84)

« Nhựa tráng đường đi và các đóa hồng, tặng-phẩm của lời ca »

(*Bitume et rose, don du chant*, p. 146)

*
* *

Dù sao, nếu chịu khó quên các lề lối suy luận ngày thường, *các buông thả tâm-thần theo lời thi sĩ*, như khi còn thơ ấu chúng ta lắng tai tin nghe những truyện thần tiên do ông bà kể, ta sẽ cảm thấy phảng phất một không-khí kỳ-diệu với ánh sắc

http://tieulun.hopto.org

ảo - huyền, qua những câu ngân vang âm - hưởng, sau đó sẽ nhận rõ biệt-tài của tác-giả.

Những hình ảnh do ông gợi ra, không giống của thi-nhân nào khác, lôi cuốn ta từ cảnh thực đến cõi mơ lung linh hay u-hoặc như những nét phóng chập-chờn của họa-sĩ vẽ theo ảo-giác, lộng lẫy không kém của Rimbaud, còn hơn cả Rimbaud ở chỗ không cho ta cảm tưởng cuồng-loạn, nhưng lại nhiều bóng dáng êm đềm hoặc lắm khi huy-hoàng trong cao-nhã. Có lẽ chưa ai nói một cách thấm-thía hơn, mộng sầu man mác trong những cảnh hoang vắng mông mênh của một tâm-hồn có khát-vọng hòa đồng cùng vũ-trụ hay nhân-sinh, nhưng thấy cô-đơn lạnh lẽo nên phải tìm lối thoát-ly với nỗi-niềm người biệt-xứ vào những không-gian bát ngát hay những thời-gian còn phải đợi chờ.

Hơn nữa, nếu chất thơ đẹp cần có nhạc thể hiện, như đại đa-số thi-nhân và độc-giả vẫn thừa nhận, thì mặc dầu chẳng gieo vần hoà hợp, nhịp điệu của S.J. Perse, lúc dài lúc ngắn khác hẳn ở văn xuôi thông thường, rất hợp với cách giao-động tinh ý của ông, mà lắm câu trích riêng ra, đúng là một câu văn vần *alexandrin* 12 vế, đại để như của Paul Fort. Song, nếu ông không du dương như P. Fort, thì lại có «khí» mạnh hơn vì ý cao siêu hơn và lời do đó cũng cất cánh vụt xa hơn : về phương-diện này, có nhà phê-bình thiên hơn về Paul Claudel (1) ; nhưng Claudel cũng cao, cũng mạnh, cũng thống-thiết nhờ ở đức tin linh-diệu, thì chất thơ lại vì thế mà nghiêm-khắc, chớ không mỗi nhịp gieo màu gợi cảnh, mỗi câu không đưa dài tiếng dội lâm-ly vang qua biển cát ngàn mây.

Để chứng minh, xin thử trích ra đây một vài câu, mặc dầu rất tiếc không thể nào lột trong chữ dịch mọi tình mọi vẻ :

«... và những mí mắt ngưỡng nhìn, dài hơn trên bóng đậm hơn. »

(*et plus longues sur plus d'ombre se levaient les paupières* p. 19. Oeuvre poétique).

« Sóng vịnh biển mơ giấc mơ nhấp nhô đầu con trẻ.

(*Des rades font un songe plein de têtes d'enfants.*) p. 41

« Triệu con trẻ mang mi mắt rợp bóng như dù che nắng. »

(*Un million d'enfants portant leurs cils comme des ombrelles* p. 69)

« Véo von tiếng hát trong hơn những giọt nước đầu báo mưa »

(*Chantent un chant plus pur que l'annonce des pluie* p. 84 (Câu này 12 vế)

« Mắt lùi xa một thế kỷ, vào những địa-hạt rộng lớn của tâm hồn »

(*L'oeil recule d'un siècle aux provinces de l'âme* p. 188. Câu này như thơ alexandrin 12 vế)

« Ta báo trước cho ngươi những thời kỳ ân sủng, hưởng phước lành khóm lá rủ trong mơ »

(*Je t'annonce les temps d'une grande faveur, et la félicité des feuilles dans nos songes.* p. 184. Phần thứ hai câu này, cũng 12 vế)

(1) René Lalou. Histoire de la littérature Française contemporaire).

http://tieulun.hopto.org

« Ta đã tiếp đọc thông-điệp của người. Và tình thân hữu đã được chấp-nhận như món quà bằng khóm lá thơm : bởi vậy lòng ta dịu mát ».

(*J'ai pris connaissance de ton message. Et l'amitié est agréée, comme un présent de feuilles odorantes : mon coeur s'en trouve rafraîchi.* p. 120. Câu cuối là một câu thơ huitain 8 vế).

« Và hồn trái đất ra đi, trong những hạt mọc cánh tung bay, như hồn thơ trong vần điệu thi nhân »

(*Et la terre en ses graines ailées, comme un poète en ses propos, voyage* p. 168)

« Mùa nắng hạ, tỏa xa hơn những cõi bờ Đế-quốc, treo trên không-gian phẳng lặng mấy tầng khí-hậu. Trái đất bao la muôn dặm cuồn tràn đầy than nóng sạm màu tro ».

(*L'Été plus vaste que l'Empire, suspend aux tables de l'espace plusieurs étages de climats. La terre vaste sur son aire, roule à pleins bords sa braise pâle sous la cendre.* p. 175)

« Những tiếng vo ve của thầm lặng trong bầu ánh sáng vang vang ».

(*les essaims du silence aux ruches de lumière.* p. 176, cũng một câu thơ 12 vế.

«... buổi sớm mai, như điềm báo trước sắp tới những cương-thổ đế-vương và những nước đọng ao tù treo cao trên mây khói cõi này, hỡi trống tha hương lay động ở biên-thùy, cảnh vô-tận vô-cùng buồn thiu trên cát »

(... *au matin, dans un présage de royaumes et d'eaux mortes hautement suspendues sur les fumées du monde, les tambours de l'exil éveillent aux frontières*

l'éternité qui baille sur les sables p. 152)

« Đất đã nhiều nơi nuôi chín những bông hoa tím gieo mọc trong giông tố, và đám khói trên sa-mạc bốc ở lòng sông cạn chết khô, tưởng chừng thời-gian hiện ra những mảng lững lờ đưa từng thế-kỷ lãng du... »

(*La terre en plus d'un point mûrit les violettes de l'orage ; et ces fumées de sable qui s'élèvent au lieu des fleuves morts, comme des pans de siècles en voyage.* P. 186)

« Ở những dọc đường trên trái đất mênh mông, mi có mở rộng hơn cho ta ý-nghĩa cuộc đời, và nối dài hơn cho ta cõi thọ, hỡi tuyết biệt ly tung gieo chan chứa, tuyết ác-nghiệt với người thiếu-phụ, lạnh giá lòng cho héo hắt ý chờ mong ?)

(*Par les chemins de la plus vaste terre, étendez-vous le sens et la mesure de nos ans, neiges prodigues de l'absence, neiges cruelles au coeur des femmes où s'épuise l'attente* ç p. 271).

« Chao ôi, giá bình-minh mới rực rỡ mai đây trong ánh ảo huyền của những ngọc bích xanh hơn, cũng chẳng phải tôi làm cho tươi lại gai hoa ở giữa những mùa tàn tạ »

Ah, qu'une aube nouvelle s'émerveille demain dans de plus vertes gemmes, ce n'est pas moi qui raviverai l'épine au coeur des saisons mortes. p. 352)

*
* *

Nội-dung và ngôn-ngữ, thơ và nhạc của Saint-John Perse, đại - khái như trên. Tôi

http://tieulun.hopto.org

hy-vọng rằng một ngày gần đây, thi-phẩmt của ông sẽ được dịch ra tiếng Việt để độc-giả các giới Việt-Nam có ý-niệm đầy đủ hơn về một công-trình được liệt vào hàng kiệt-tác của văn-nghệ thế-giới.

Mà sự thừa nhận đó không phải mới có từ hôm Viện Hàn-Lâm Thụy-Điển tuyên-bố dành cho thi-sĩ giải thưởng Nobel. Nhiều tập thơ của ông đã được thức-giả các nước ưa chuộng và đem dịch ra tiếng Y-pha-nho, tiếng Ý, tiếng Đức, v v... từ 1914, 1925, 1930... Những bài trong tập Eloges đã được soạn thành bản nhạc do Louis Durey (1922) và do Darius Milhaud (1923).

Sự tấn thưởng ở nước ngoài, đã đền bù từ lâu cho tác-giả sự thờ ơ của người Pháp : Vì cớ gì, tôi chưa được rõ. Có lẽ tại đa số đồng-bào Descartes vẫn trọng lý trí và ưa những thi-văn sáng sủa, hoặc tại những thành-kiến và phán-đoán thiên lệch tương tự như của nhóm Siêu-thực châm biếm đồng sự của ông ở bộ Ngoại-giao là thi-sĩ Paul Claudel : « người ta không thể vừa làm đại-sứ vừa là thi-sĩ, on ne peut être à la fois ambassadeur et poète ». (Xin coi Castex et Surer. XX^e siècle).

Dù sao, vì những đặc-sắc gì mà ông được hiểu biết ở Âu-Mỹ ? Đã đành là thơ ông lời đẹp và nhạc-tính dạt dào : song nhiều thi-nhân khác cũng đủ những điều-kiện đó. Riêng tôi thiết nghĩ ông thành công nhờ nội-dung tác-phẩm hơn là bởi từ-chương hoa-mỹ, nhờ *lý-tưởng nhân-bản hướng về con người*, con người mỏi mệt chán chường ở cõi này như khách tha-hương biệt-xứ, ôm khát-vọng mà lang thang lẻ bóng trong Mưa (Pluies) trên Tuyết (Neiges) trong Gió (Vents) hay trên biển cát bao la : song con người đó vẫn tin tưởng vào một vận-mệnh ở ngàn trùng siêu-việt tràn ngập ánh sáng và hương thơ ; ở cõi đó, con người sẽ thoát ly khỏi mọi sự lạc lầm, thấp kém, nông cạn, chật hẹp, làm khô héo một văn-minh đã quá già nua ; ở cõi đó, những luồng gió mới sẽ thổi lại một tinh-thần mới :

« Vì vấn-đề chính vẫn là con người
« trong hiện-tượng của nhân-cách, và vẫn
« là sự khoáng-đại của nhỡn-quan đến tận
« những lớp sóng trào cao nhất của nội-
« tâm ».

(Car c'est de l'homme qu'il s'agit, dans sa présence humaine, et d'un agrandissement de l'oeil aux plus hautes mers intérieures p. 389).

« Còn ở phía bên kia, phía bên kia, là
« những nét nhăn cuối cùng trên mặt biển
« xa khơi. Và vần điệu của ta còn tỏa
« rộng hồn thơ như bóng chập chờn
« trên sóng.

« Còn ở phía bên kia, phía bên kia, có
« chi khác hơn là bản thân mi ? Liệu còn
« chi khác con người ?

« Giữa trùng-dương, giữa trưa rồi lại
« thâu đêm... »

(*Et au delà, et au delà, sont les derniers froncements d'humeur sur l'étendue des mers. Et mon poème encore vienne à grandir avec son ombre sur la mer.*

Et au delà, et au delà, qu'est-il rien d'autre que toi-même qu'est-il rien d'autre que d'humain ? Minuit en mer après Midi... p. 420).

« Một thứ ngôn-ngữ mới sẽ hiến cho
« mọi người khắp nơi khắp chốn, một làn
« sinh-khí mát cả hoàn-cầu.

http://tieulun.hopto.org

« Như là khí thiêng của thần - trí, như « chính bản chất của sự vật được thốt nên « lời ».

(Une langue nouvelle de toutes parts offerte, une fraicheur d'haleine par le monde.

Comme le souffle de l'esprit, comme la chose même proférée. p. 244).

*
* *

Phân tích một tập thơ để cố tìm hiểu, là bổn-phận của tôi khi đọc, vì nếu không vận dụng lý-trí, làm sao rạng tỏ được mọi khía cạnh ?

Tuy-nhiên, nếu chỉ mổ xẻ, thì chẳng có thi-phẩm nào không chết mất một phần, vì dù sao, thơ chẳng như văn xuôi thiết-thực, và soi mói quá như lật từng cánh hoa để ngắm, thì hoa rụng và thơ tàn.

Cho nên, sau khi làm phận-sự độc - giả, tôi đọc lại, không suy luận nữa, ngâm nga để thưởng thức và vớt lại hồn thơ S.J. Perse mà tôi đã đánh lạc nơi nào : trực-giác đã giúp tôi thông cảm nhiều hơn, nhưng tôi đã thấy gì đây ?

Kể cũng lạ : tôi bình thơ một người phương Tây, mà lại thấy phảng phất bên mình, làn không-khí bâng khuâng mà tôi đã từng thấy lơ mơ cách đây hai mươi năm, khi nghe một ông già trong họ đọc lại bài thơ giáng-bút theo tục truyền, của Bà Liễu-Hạnh cho vua Tự-Đức khi Pháp hạ thành Hà-Nội :

« Hoành-Sơn là lối ra vào
« Cuốc kêu vọng-đế, cáo gào giả-vương
« Cung âm đã sẵn vầng dương
« Non sông sẽ trải một trường xuân-thu
« Tên treo ba mũi phục thù
« Khen thay Khắc-Dụng bày trò trêu con
« Ngọn cờ thấp thoáng đầu non
« Thạch-thành mèo lại bon bon chạy về
« Dặm trường lại láng máu dê..... »

Còn chi nữa, quên mất, chỉ thấy xa xôi, lạ lùng, không nghĩa gì, nhưng vẫn muốn nghe như khi thơ ấu ưa đọc truyện thần tiên huyền hoặc.

Vì sao đọc S. J. Perse lại thấy như vậy ?

Vì thơ của ông là những bài ca dài, đưa ta xa lánh cõi này và thu hút ta bằng những câu lâm-ly kêu mây gọi gió, nghĩa là văng vẳng giọng « tiên tri » và « hô thần » mà người phương Tây cũng ý niệm được để có tiếng nói ra : *accent prophétique et incantatoire.*

Đ.T.

*
* *

PHỤ LỤC

Nhân tiện, xin trích dịch sau đây vài đoạn ngắn, được chọn lọc với tánh-cách tiêu-biểu, của những thi-nhân có tiếng nhất về loại thơ không vần, để quí-vị độc-giả thử so sánh với thơ Saint-John Perse.

Baudelaire.— (1821-1866)

Il faut être toujours ivre. Tout est là c'est l'unique question. Pour ne pas sentir l'horrible fardeau du Temps qui brise vos épaules et vous penche vers la terre, il faut vous enivrer sans trêve.

Mais de quoi ? De vin, de poésie ou de vertu, à votre guise. Mais enivrez-vous, (*Petits poèmes en prose*)

http://tieulun.hopto.org

« Bao giờ cũng phải say. Vạn-sự do đó : « đó là vấn-đề độc-nhất. Để không cảm « thấy gánh nặng ghê tởm của Thời-gian nó « gãy vai anh và còng anh xuống đất, anh « phải say sưa không tỉnh.

« Nhưng mà say gì ? Say rượu, say thơ « hoặc say đạo-đức, tùy thích. Nhưng hãy « say đi (trong tập : Những bài thơ nhỏ « bằng văn xuôi, viết năm 1857).

Tuy tác-giả gọi là thơ, nhưng trộm nghĩ nên coi hẳn là văn xuôi cũng vẫn được, có lẽ như thế thì hơn, vì quá rõ ràng, và rất là đúng văn-phạm.

*
* *

Rimbaud.— (1854-1891)

Oh ! Le pavillon en viande saignante sur la soie des mers et des fleurs arctiques : (elles n'existent pas).

Douceurs !

Les brasiers, pleuvant aux rafales de givre — Douceurs. — les feux à la pluie du vent de diamants jetée par le cœur terrestre éternellement carbonisé par nous — Ô monde ! (Barbare — *Illuminations*).

« Ôi ! Lá cờ bằng thịt đẫm máu tươi trên sóng lụa trùng-dương và những đóa hoa bắc-cực ! (mọi vật đó thực ra không có đâu).

« Ôi êm dịu !

« Những lò than bằng tuơng mưa trong bão tuyết — Êm dịu ! — những ngọn lửa trong cơn mưa của gió kim-cương, mưa tuôn tự đáy lòng trái đất do chúng ta muôn đời đốt cháy thành than — Hỡi vũ - trụ ! (trong bài « Man rợ » tập « Bừng sáng »).

Cảnh vật ánh sắc trong ảo-mộng. Thoạt tiên cũng giống của S.J. Perse. Nhưng lại cho cảm-tưởng đứng trước một tâm hồn rối loạn, màu sắc quá sặc sỡ, thiếu « Khí » và « nhạc » của S.J. Perse.

*
* *

Paul Claudel (1868-1955)

Mais que m'importent à présent vos empires, et tout ce qui meurt,

Et vous autres que j'ai laissés, votre voie hideuse là-bas !

Puisque je suis libre ! que m'importent vos arrangements cruels ? puisque moi du moins je suis libre ! puisque j'ai trouvé, puisque moi du moins je suis dehors !

Puisque je n'ai plus ma place avec les choses créées, mais ma part avec ce qui les crée, l'esprit liquide et lascif ! (L'Esprit et l'Eau — *Deuxième Ode*).

« Nhưng giờ đây can gì nữa đến tôi, sơn-hà xã-tắc của các anh, và tất cả những gì phải tiêu diệt,

« Và hỡi những người mà tôi bỏ lại, con đường rừng rợn của các anh kia kìa ! « Bởi tôi được tự-do ! có cần chi những sự mưu-đồ tai ác của các anh ? Vì ít ra riêng tôi được tự-do ! Vì tôi đã tìm thấy (chân-lý) ! « Vì ít nhất tôi đã được giải thoát ra ngoài !

« Vì tôi không còn đứng giữa các vật được tạo, nhưng tôi chung phần với mãnh-lực gì sáng tạo, tâm-linh trong sáng « chứa chan và lơi lả.

http://tieulun.hopto.org

(Tâm-Linh và thủy-tinh — Bài Ode thứ hai)

Lời lẽ của tác-giả sáng sủa như tâm-linh của ông, giản-dị vì chí-thành, khí mạnh và hấp dẫn vì đức tin cao, nhưng mộc-mạc nên thiếu du-dương, và không gợi ra ra những hình ảnh lộng lẫy như S. J. Perse.

*
* *

Paul Fort — (1872-1959)

Du coteau, qu'illumine l'or tremblant des genêts,/ j'ai vu jusqu'au lointain le bercement du monde,/ j'ai vu ce peu de terre infiniment rythmée/ me donner le vertige des distances profondes.

(Le Bercement du Monde)

. . . . . .

Et la main dans la main, nous ferons un voyage, le même que demain à la fin de nos âges.

(Chanson de Virginette)

« Từ trái đồi, lấp lánh vàng rung
« trên cành kim-tước, mắt xa trông
« tận chân trời thấy nhịp ru đưa
« vũ-trụ, thấy mảnh đất này vô-cùng
« hợp điệu, khiến tôi choáng váng say
« xưa vì ngàn trùng thăm thẳm.

(Bài Ru đưa vũ-trụ)

« Và tay nắm tay, đôi ta cùng
« nhau rong ruổi, cuộc viễn-hành, nay
« cũng như mai, cho đến tận cùng
« cõi thọ ».

(Bài ca của nàng Virginette)

Ở đoạn nguyên-văn tiếng Pháp, đã vạch ngăn những câu y như thơ Alexandrin 12 vế, có hai câu lại hợp cả vần.

Tươi sáng, nhịp nhàng, xứ nào thời nào cũng dễ hiểu, không xa lắc trên ngàn tầm siêu-việt. Phải chăng vì thế mà chúng ta thấy thân mật hơn? nhưng có phải vì điều hoà quá, vì trong trẻo quá, khiến người đọc có cảm-tưởng là thiếu hồn-nhiên nên chóng chán và đòi hỏi những sự tân-kỳ phóng-túng?

Đ.T.

✱ Đàn bà tài tình một cách đáng sợ : trên hoang tàn của những kế-hoạch thất bại, họ xây dựng tức khắc được những kế-hoạch mới.

✱ Phải yêu tất cả mọi tâm hồn như mỗi tâm hồn là con đẻ của mình.

✱ Chỉ việc lật trở, như lật trở một tấm đá, bất luận địa vị nào cũng sẽ thấy đầy dẫy những mâu-thuẫn phi-lý nho nhỏ ở khắp mọi mặt.

✱ Cảm hờn chỉ là một thất bại của trí tưởng tượng.

✱ Hy vọng là một bản năng, chỉ duy có lý luận của tinh thần là giết chết nó được. Loài động vật không biết thất vọng.

✱ Tưởng rằng một người không đau khổ vì mất họ không biểu lộ gì, là một sai lầm dễ mắc.

✱ Có thể tập trận không phải là để thắng trận, nhưng rèn thân là cách để luyện khí.

http://tieulun.hopto.org

Nhận định

TỰ GÂY TAI HỌA

Thấy người làn tật, hẳn chúng ta không muốn hóa thành làn tật ; gặp người bệnh hoạn hẳn chúng ta không muốn trở thành bệnh hoạn.

Song bởi chúng ta sống trong một thế giới có những người lương thiện nhất cũng cho gian lận, trộm cắp, lạm dụng là sự thường tình và vẫn thường tự nhủ : « Có nhiều kẻ kiếm tiền không lương thiện mà vẫn được kính nể. Tại sao ta phải khổ thân để giữ trọn niềm tín nghĩa ? »

Bởi có những người tranh giành, chúng ta cũng phải tranh giành; bởi có những người giả dối, chúng ta cũng phải giả dối; bởi có những người ức hiếp dân lành, chúng ta cũng phải ức hiếp dân lành.

Tất cả những điều bất hảo đó thường gây tai hại hơn cảnh làn tật và bệnh hoạn nhiều phần, thế mà khi họa hoạn xảy tới chung cho tất cả xã hội, chúng ta vẫn lớn tiếng kêu « trời không có mắt ».

Nhưng làm sao có thể có sự tốt đẹp, an toàn trên trái đất, khi mỗi người chúng ta chỉ nghĩ và chỉ làm những điều xấu xa, phá hoại ? Cổ nhân đã nói ; « Trời làm ra tai còn có thể tránh được, người làm ra họa chắc không sao thoát khỏi cực hình. »

PHẠM-HOÀNG

http://tieulun.hopto.org

NOBEL KHOA-HỌC 1960

VÕ-QUANG-YẾN

NĂM nay, bốn giáo sư Mỹ, Anh, Úc chia nhau ba giải thưởng Nobel về khoa học và đồng thời ghi tên lại đời đời cho hậu thế :

— Hai giáo sư Peter Brian Medawar và Frank Macfarlane : giải sinh lý và y học ;

— Giáo sư Donald A. Glaser : giải vật lý học ;

— Giáo sư Willard Frank Libby, giải hóa học.

Giải Nobel sinh lý và y học.

Toàn thể ba mươi hai nhà bác học Thụy-Điển lập thành ban giám khảo năm nay một lòng ban cho hai giáo sư Medawar và Burnet giải sinh lý và y học. Công tác khảo cứu của hai giáo sư về phương pháp ghép một cơ quan mới vào cơ thể vượt qua được tính chất « bất khả xâm phạm » của cơ thể mà mới gần đây ta tưởng không có cách gì lay chuyển được.

Giáo sư Medawar năm nay 45 tuổi, đã theo học ở Oxford, trong Magdalen College. Cách đây mười năm ông đã được bầu vào Royal Society là viện Hàn lâm Anh quốc. Là giáo sư môn Động vật học (1) và Cơ thể đối chiếu học (2) ở viện Đại học London ông còn là nhân viên Ủy ban Khảo cứu những nguy hiểm của các bức xạ,... Năm nay, ông làm giám đốc viện Khảo cứu y học nước Anh, cộng tác với giáo sư có các bác sĩ Rupert Billingham và Leslie Brent.

Sir Burnet năm nay 61 tuổi, quê ở Úc-đại-lợi. Sau khi học xong ở viện Đại học Melbourne, ông trở nên nội trú ở bệnh viện thành phố ấy trước khi được học bổng đi bổ túc thêm ở Lister Institute bên London. Trở về lại Melbourne ít lâu, ông được cử giữ chất giám đốc viện Khảo cứu y học Walter and Eliza Hall. Trước đây, ông đã khảo cứu nhiều về các bệnh truyền nhiễm do cực vi trùng (3) gây ra, nhất là về bệnh cúm, ông đã chế ra được một thuốc chủng có thể miễn dịch được ít lâu. Năm 1947, ông đã được thưởng huy chương của nhà vua. Ngoài ra, cuốn sách phổ biến « Người ta và cực vi trùng » ông cho xuất bản năm 1953 là một quyển sách rất có giá trị.

(1) Zoologie; (2) Anatomie comparée; (3) virus;

http://tieulun.hopto.org

Như trên đã nói, hai nhà bác học Medawar và Brunet, những năm sau này, đã khảo cứu nhiều về phương pháp ghép. Đến nay, các bác sĩ chuyên về mổ xẻ đều nhận thấy cơ thể như là bất khả xâm phạm, nghĩa là không chịu nhận một vật gì mới ở bên ngoài đưa vào. Khi người ta ghép một cơ quan mới vào một cơ thể chẳng hạn, tức khắc trong cơ thể tự động lập ra những phản chất (1) như quân tự vệ chạy lại đánh phá cơ quan mới kia. Vì vậy đến nay các vụ ghép cơ quan mới vào cơ thể luôn luôn bị thất bại, trừ những trường hợp song đôi thật (2) là những người có liên quan di tính (3) rất gần nhau, người ta mới thâu được kết quả mỹ mãn. Hai nhà bác học đã bỏ công học hỏi tính chất « bất khả xâm phạm » kia. Riêng về giáo sư Medawar, ông đã tìm ra được tính chất đặc biệt ấy không có trong phôi thai lúc ban đầu, và chỉ nảy nở dần với phôi thai lớn lên. Ông chứng-minh là nếu cho một ngoại vật vào phôi thai, phôi thai sẽ quen với ngoại vật kia ; khi phôi thai lớn lên, người ta có thể ghép vào một vật đồng chất với ngoại vật nói trên mà không bị phản chất bao vây đánh phá. Theo nguyên tắc nầy ông đã ghép được nhiều mảnh da chuột trắng trên các loại chuột xám. Nguyên tắc nầy đem áp-dụng ra nếu thành công sẽ giải-quyết được không những vấn-đề ghép cơ-quan mới vào cơ thể mà có thể ngay cả việc trị bệnh bạch huyết (4) và thác loạn cơ thể (5). Xin nhắc là trong bệnh bạch huyết (xin xem Đại học số 9, trang 188), số huyết cầu trắng tăng lên quá độ (từ 7000/milimet vuông lên tới 600.000), và lại trở nên to lớn lạ thường, đồng thời bắt đầu tiêu hủy các huyết cầu đỏ. Huyết cầu đỏ hết chuyền vận được điều hòa dưỡng khí cho cơ thể, trong lúc ấy huyết cầu trắng cũng hết làm tròn nhiệm vụ chống vi-trùng. Máu trở nên hồng nhạt, gần như trắng nên người ta gọi là bệnh bạch huyết. Đằng khác bệnh thác loạn cơ thể là do các phản chất gây ra. Các phản chất nầy đáng lẽ có bổn phận bảo vệ cơ thể, nhiều khi lại có tác dụng nguy hại, như phát-sinh các tự động phản chất (6), trở lại đánh phá những thành phần của cơ thể... Giáo-sư Medawar lại còn chứng-minh người ta có thể dùng quang tuyến tiêu diệt phản chất trong lúc ghép. Theo đúng phương pháp nầy, ở Paris, hai giáo-sư Kuss và Hamburger cùng các cộng tác viên đã ghép được thận không những giữa hai anh em không song đôi mà còn là giữa hai người không có bà con gì với nhau. Đằng khác, cũng ở Paris (xin xem Đại học số 8, trang 143), các nhà bác học Ba-tư sau khi bị chiếu quan tuyến trong một tai nạn bất ngờ, đã được ghép tủy xương của những người không thân thuộc, không cùng máu mủ, và hiện nay họ đã lại sống mạnh. Những bác-sĩ Pháp Mathe và Bernard là những người có công trạng lớn trong vụ cứu sống nầy. Và gần đây, ở bệnh viện Saint-Louis ở Paris, các bác-sĩ cũng đã cứu sống được một cô bé 13 tuổi bị bệnh bạch huyết sau khi quang tuyến tiêu hủy tủy xương và ghép tủy xương mới lành mạnh vào.

Công trình khảo cứu của hai nhà bác học Medawar và Brunet thật là vĩ-đại.

---

(1) anticorps ; (2) vrais jumeaux ; (3) lien génétique ; (4) leucémie ; (5) trouble allergique ; (6) autoanticorps ;

http://tieulun.hopto.org

Giải Nobel vật lý học.

Về vật lý học, công trình của giáo sư Glaser tuy thật quan-trọng, nhưng thuộc về chuyên môn hơn nên thường những người thật quan tâm với vấn-đề, tiếp xúc trực tiếp với ngành khảo cứu mới biết tới.

Giáo sư Glaser rất trẻ, năm nay mới 34 tuổi, hiện dạy tại viện Đại học California.

Năm 1927, nhà bác học Wilson đã một lần lãnh được giải Nobel vật lý học nhờ đã sáng chế ra được « phòng dãn » (1). Nhờ có phòng nầy, người ta đã học hỏi được nhiều về các sơ tử (2) là những hạt rất nhỏ nằm trong nguyên tử. Nguyên tắc rất đơn giản nhưng thật tài tình : ông cho đựng trong bình hơi nước quá bảo hòa (3) nghĩa là hơi nước có chứa nhiều hạt nước như trong đám mù, rồi cho dãn xuống nghĩa là cho sụt áp lực xuống một cách rất lanh, nhiệt độ liền thấp xuống, nếu cho một sơ tử chạy băng qua bình, hơi nước sẽ đọng lại thành hạt nước trên đường đi của sơ tử. Như vậy, người ta có thể thấy được cách vận chuyển của sơ tử. Để dễ hiểu, xin lấy một ví dụ tuy xa nhưng tương tự : trên không trung hơi nước rất khô, nhưng khi có một phi cơ phản lực (4) bay qua, hơi nước đọng lại thành hạt, từ mặt đất trông lên ta chỉ thấy một đuôi dài trắng xóa chỉ rõ con đường của phi cơ vì lắm lúc ta chẳng thấy phi cơ ở đâu. Nhưng phòng dãn Wilson chỉ có thể dùng để khảo sát các sơ tử chậm. Muốn học hỏi các hạt năng lượng lớn, chạy rất lanh, phòng dãn Wilson không đủ lớn hoặc phải xây những phòng khổng lồ. Giáo sư Glaser liền nghĩ ra được cách thay thế hơi nước bằng một chất lỏng nấu nóng quá (5) nghĩa là giữ trong chốc lát vài độ trên độ sôi mà không cho sôi. Khi hạt năng lượng lớn chạy qua, tình trạng hết ổn định chất lỏng sôi, những bóng hơi đọng trên đường đi của hạt và người ta có thể chụp hình được. Phòng Glaser nhậy gấp trăm phòng Wilson. Hơn nữa, trong phòng nầy, người ta còn xem xét được nhiều hiện tượng nhân tử khác. Hiện nay, phòng Glaser, còn gọi là « phòng bóng hơi » (6) được dùng rất thông thường trong các phòng thí nghiệm khảo sát hạt năng lượng lớn thường hay gặp trong các bức xạ vũ trụ (7) nhưng người ta cũng có thể chế ra được trong các máy gia tốc (8) lớn.



Giáo-sư Glaser đoạt giải Nobel Vật lý học.

---

(1) « chambre à détente ». (2) particule élémentaire ; (3) vapeur sursaturée ; (4) avion à réaction ;

(5) liquide surchauffé; (6) « chambre à bulles »; (7) rayon cosmique ; (8) accélérateur.

http://tieulun.hopto.org

Giải Nobel hóa học

Năm nay viện Đại học California thật có tiếng vì giáo sư Libby được giải Nobel hóa học cũng dạy ở viện Đại học nầy. Giáo sư trước kia đã theo học ở đấy và năm nay 52 tuổi.

Phương pháp của giáo sư kiếm ra được đã là một kỹ thuật mới giúp các nhà khảo cổ học (1) và cổ sinh vật học (2) đo được những vật cổ tới 60.000 năm. Vẫn biết kể từ nguyên thủy quả đất, 60.000 năm chẳng là bao, nhưng ta cũng nên nhớ toàn thời kỳ lịch sử, nguyên sử (3), và một phần lớn tiền sử (4) đều nằm trong thời gian ấy. Nguyên tắc phương pháp đo người ta biết từ đầu thế kỷ : trong các nguyên tố, có nhiều chất có tính chất phóng xạ tự nhiên (5),



Giáo-sư Libby đoạt giải Nobel Hóa-học

nghĩa là sau một thời gian, nguyên tử thay đổi cấu tạo và biến thành nguyên tử khác. Cuộc biến chất nầy tiến rất điều hòa, hoàn toàn độc lập đối với nhiệt độ, áp lực mà người ta bắt nguyên tố chịu đựng. cũng không thay đổi với bất kỳ trạng thái vật lý nào, hợp chất hóa học nào mà người ta cho trộn lẫn với nguyên tố. Vì vậy các nhà bác học đã nghĩ ngay dùng các chất này làm đồng hồ đếm tuổi quả đất.

Chất thômrium chẳng hạn, sau 13, 9 tỷ năm thì một nửa biến thành chì. Thời gian nầy gọi là « chu kỳ phân hủy » (6) hay nôm na hơn « một nửa đời sống ». Như vậy, trong một nham thạch, người ta chỉ việc đo lượng thôrium và lượng chì là biết được tuổi. Nhờ vậy, người ta đã đo được miếng vân mẫu Transvaal ở bên Nam-Mỹ già đến 3, 85 tỷ năm. Nhưng làm sao đo được những vật gần ta hơn ? Giáo sư Libby đã có công nghĩ ra cách dùng chất cacbon phóng xạ còn gọi là cacbon 14 (vì có tới 14 trung hòa tử hay nơ - trơn trong nhân nguyên tử). Hiện nay, người ta biết chất đạm (7) trong lớp khí quyển cao bị các bức xạ vũ trụ (16) chạm vào và biến thành cacbon phóng xạ. Chất này có « một nửa đời sống » là 5,570 năm, nghĩa là sau thời gian nầy một nửa biến ra lại chất đạm. Trên khắp quả đất có chừng tất cả 74 tấn cacbon phóng xạ, rải rác rất đều và số lượng bất di bất dịch vì số chất đạm biến thành cacbon phóng xạ bằng cacbon phóng xạ biến ra lại chất đạm.

Chất cacbon phóng xạ không khác gì chất cacbon thường hay là cacbon 12 (vì có 12 nơ-trông). Trong khí trời, số cacbon phóng xạ và số ca bon thường bằng nhau. Cây cỏ hút cacbon vào mình, động vật ăn cây cỏ,

(1) archéologie ; (2) paléontologie ; (3) proto-histoire (4) préhistoire (5) radioactivité artificielle ; (6) période de désintégration ; (7) azote.

http://tieulun.hopto.org

thành thử trong sinh vật, bất kỳ ở đâu số cacbon phóng xạ cũng không thay đổi. Ta không khỏi ngạc nhiên khi thấy người ta cũng là phóng xạ vì có cacbon phóng xạ trong mình, nhưng độ phóng xạ của ta rất nhỏ nên không hề gì ; điều đáng chú ý là người nào cũng có một độ phóng xạ giống nhau. Nhưng khi cây cối hoặc động vật chết đi, hết thở, hết ăn thì số ca bon phóng xạ không vào mình nữa ; trái lại số cacbon phóng xạ sẵn có trong mình thì vẫn tuần tự biến ra chất đạm. Nhờ vậy nếu đo được số cacbon phóng xạ trong một sinh vật thì người ta biết được sinh vật ấy chết từ hồi nào.

Từ nguyên tắc này, giáo sư Libby đã nghĩ ra máy đo. Thường muốn đo độ phóng xạ một chất người ta dùng máy đếm Geiger, nhưng máy nầy không nhậy lắm, cho nên trong những sinh vật ít phóng xạ, nhất là trong những sinh vật chết đã lâu năm cần phải chế một máy đặc biệt. Khi máy chế xong, giáo sư đem đo thử những vật mà người ta đã biết được chắc chắn tuổi tác như những cây séquoias khổng lồ bên California, già tới 3.000 năm (có thể tính tuổi theo các vành trong thân cây) và thấy máy đo rất đúng. Giáo sư còn đo những vật khác như các thỏi bản ở Tử-Hải (1), các xác ướp Ai-cập (2), và nhận thấy phương pháp đo đưa ra những kết quả đúng với lịch sử. Giáo sư cùng đồ-đệ liền tấn công những vật mới chưa hằng được đo : Động Lascaux : 15.516 ± 900 năm (± 900 nghĩa là có thể sai trước hoặc sau 900 năm) hoàng đồng thời đại ở Afganistan : 4580 ± 200 năm ;... Theo phương pháp của giáo sư Libby, người ta đã theo dõi được cách di cư các dân-tộc ở châu Mỹ định được vị trí dân-tộc maya, văn-minh babylon theo với thời đại ta, đảo lộn nhiều ước lượng sai lầm như nhiều đô thị dựng trên mặt hồ ở Thụy-sĩ không phải thuộc về tiền sử mà chỉ là vào thời kỳ César (thế-kỷ I trước Thiên Chúa) ; bên Nam Phi, ở Zimbabwe, người ta tìm ra được một đô-thị bỏ hoang, bấy lâu có người cho là vào thời đại vua Salômông trong Thánh Kinh (thế-kỷ 10 trước Thiên Chúa), dùng phương pháp của giáo sư Libby đo các sườn nhà thì biết chỉ vào thế-kỷ 6 thôi !

Phương pháp của giáo sư Libby vì chính xác và tiện lợi, đã bành trướng rất mau lẹ. Nếu máy của giáo sư, chỉ đo được tới 20.000 năm, nhiều nhà bác học khác đã tìm kiếm làm cho máy hoàn hảo hơn như các nhà kỹ-thuật ở Vries bên Hòa lan đã đo được tới 60.000 năm. Kết-quả các cuộc đo-lường trên khắp thế-giới tới nay nhiều đến nỗi người ta phải cho ra một chu san không lồ để thu góp tất cả những kết quả đó.

Giáo sư Libby là một hóa sư, nhưng vì ngành khảo cứu (hóa học bức xạ) bắt giáo

(1) manuscrit de la Mer Morte ; (2) momie égyptienne.

Lấy bút làm trâm

Phàm nhà làm sử thường biết tôn trọng sự thật; người đành chịu chết chứ không chịu phản bội cây bút. Cho nên quan sử đời xưa thường giắt bút làm trâm, *trâm bút*, để khi vào triều thấy có việc gì thì ghi chép ngay cho tiện.

http://tieulun.hopto.org

sư phải thông hiểu cả vật lý, rồi muốn xây dựng máy móc phải biết luôn cả điện tử, toán pháp thống kê.... J. Burmand đã ví giáo sư với nhà thông thái Leonard de Vinci. Đằng khác, phương pháp đo-lường của giáo sư đã đảo lộn nhiều trong các ngành địa chất học, cổ sinh vật học, hải dương học, khí hậu học, khảo cổ học.

Nobel và các giải khoa-học.

Tiện đây nên nhắc lại giải thưởng Nobel do nhà khoa-học Alfred Nobel (1833-1896), người nước Thụy-điển, đã sáng chế ra cốtmìn, đặt ra đến nay đã được 60 năm, phát được độ 250 giải. Ba nước lãnh được nhiều giải khoa-học nhất là Đức, Mỹ và Anh :

Đức :	Sinh-lý và y-học	:	9 lần	
	Vật lý-học	:	13 lần	
	Hóa-học	:	19 lần	Tổng cộng : 41 lần
Mỹ :	Sinh-lý và y-học	:	16 lần	
	Vật lý-học	:	14 lần	
	Hóa-học	:	8 lần	Tổng cộng : 38 lần
Anh :	Sinh-lý và y-học	:	8 lần	
	Vật lý	:	15 lần	
	Hóa-học	:	11 lần	Tổng cộng : 34 lần

Nếu kể số người được giải thì Mỹ chiếm hàng đầu với 58 người vì nhiều năm hai, ba người chia nhau một giải, kế đến Đức (45 người) và Anh (39 người). Pháp tuy đứng hạng tư nhưng chỉ được có 13 lần giải khoa-học. Phía Nga thì từ 1956 đã được luôn 4 giải, còn trong khoảng 50 năm đầu thì chỉ được có một giải sinh lý và y học. (Trong phạm vi bài nầy xin miễn bàn tới giải văn-chương — trong loại này, Pháp đứng hàng đầu với 10 giải, kể cả năm nay với Saint-John Perse — và giải hòa-bình).

Rất tiếc là nhà khoa-học Nobel đã không nghĩ tới các ngành toán học, mỹ-thuật và âm nhạc, nhưng dù sao với các giải hiện có hằng năm người ta cũng theo dõi được tiến-triển văn-hóa trong các nước.

VÕ-QUANG-YỂN

★ Tại họa, cũng như tín ngưỡng, có thể trở thành một thói quen.

★ Người ta có thể ngờ giá trị của một cuộc đời đạo đức kết thúc trong tội lỗi, cũng như một cuộc đời tội lỗi kết thúc trong đạo đức

★ Chết là một sự dĩ nhiên. Chúng ta đừng mất công sửa chữa những sự dĩ nhiên.

★ Sự sợ hãi làm cho mệt mỏi hơn là một độ đường ngựa vừa dài vừa tẻ.

http://tieulun.hopto.org

TÌNH-HÌNH XUẤT-BẢN TRONG NĂM 1960

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

Năm ngoái, trong cuộc phỏng-vấn của tạp chí *Bách-khoa* về tình hình xuất bản trong năm 1959, chúng tôi đã có dịp trình bày :

Chỉ khi nào nền kinh tế khả quan và tinh-thần quốc dân lên cao thì ngành xuất bản và nền văn hóa mới tiến được.

(...) Cùng thì phải thông. Thế nào rồi cũng có lúc khá. Nhưng bao giờ khá thì tôi không biết. Từ nay tới lúc đó, từ nhà cầm bút đến nhà xuất bản, nhà phát hành sách, phải rán mà chịu. Sự cạnh tranh sẽ mỗi ngày một gay go hơn nữa. Người ta còn phải hy sinh nhiều. »

Năm nay tình hình chưa thấy mòi khá mà còn tệ hơn năm ngoái.

Về loại *biên khảo*, trừ vài ba cuốn (như Văn học Việt-Nam của Phạm-Văn-Diêu Sử liệu Việt-Nam của Huỳnh-Khắc-Dụng (Bộ Quốc-gia giáo-dục xuất bản), Nhật-Bản sử lược của *Châu-vũ* Nguyễn-Văn-Tần...), cơ hồ như không còn gì nữa. Viện Đại-học Huế cũng không thấy ra cuốn nào mới.

Về *dịch-thuật*, có được sáu, bảy cuốn, một nửa là triết học (Trung dung, Đại Học, triết học nhập môn của Karl Jaspers), một nửa là tài liệu về sử và địa-lý (Phương đình dư địa chí, Đại-Nam nhất thống chí...)

Về *tiểu thuyết*, chỉ còn những nhà *Phượng Giang*, *Bến-Nghé*, *Nguyễn-Đình-Vượng* là xuất bản mỗi nhà được một hai cuốn mới để cầm chừng.

Kịch hình như được một tập.

Ngay đến loại sách *Giáo-khoa*, loại sách chiếm trên chín phần mười thị trường, năm nay xuất-bản cũng chỉ bằng nửa năm ngoái.

Duy có loại *Thơ* là còn giữ được cái « phong độ » năm sáu năm trước, có được trên mười tập, vài ba tập in rất đẹp (của Vũ-Hoàng-Chương, Đoàn-Thêm, Tương-Phố...), nhưng cũng có nhiều tập phải in Rônéô độ trăm bản.

Giải pháp in Rônéô cho rẻ tiền bảy tám năm trước đã có người thực hiện rồi. Theo chỗ chúng tôi biết thì cuốn đầu tiên là tập thơ *Tao phùng* của Xuân-Việt. Tới năm nay giải pháp đó được nhiều người

http://tieulun.hopto.org

áp-dụng, vì tuy nó không có công dụng phổ biến văn-hóa một cách sâu rộng, vẫn an ủi nhà văn được một phần nào : ít nhất họ cũng thấy tác-phẩm của mình được ra mắt một số — dù là rất nhỏ — độc-giả, nhờ vậy họ còn gắng sáng tác thêm được, chứ nếu bản thảo cứ chất ở trong rương từ năm này qua năm khác thì ít ai đủ can-đảm để tiếp tục viết nữa. Nhưng lúc này người ta đã hơi chán giải pháp đó rồi, có lẽ vì số đọc giả quá ít : chỉ những người có cảm tình với tác giả hoặc tò mò lắm mới chịu bỏ ra một trăm đồng mua một tập thơ in Rônêô.

* * *

Tình hình càng xuống thì sự cạnh tranh càng gay gắt. Tất nhiên là các nhà xuất bản sách giáo khoa cạnh tranh với nhau, còn những nhà xuất bản các loại sách khác, chỉ ra « lai rai » ít cuốn cầm chừng thì cạnh tranh với nhau làm gì cho thêm mệt.

Trên báo đã đăng vụ kiện nhau về sách Giáo khoa ; lại có những lời phàn nàn rằng một vài nhà mô phạm gởi gắm sách Giáo khoa của mình soạn, nhờ các bạn « tiêu thụ » giùm, rằng chưa tới kỳ tựu trường mà người ta đã chở sách vô gởi các trường học để « chiếm chỗ » trước . . . Ôi thôi ! nhiều lắm. Phải tranh đấu để sống mà !

Giữa các nhà phát hành cũng vậy. Xe hơi lên giá, đồ phụ tùng lên giá, xăng nhớt cũng lên giá, phí tổn chở chuyên rất nặng, số sách bán được thì rút đi, — chỉ bằng nửa số sách bán năm ngoái — mà người ta cũng vẫn đua nhau mỗi tháng vài chuyến đem sách ra Trung, lên Cao-nguyên, và đi Lục-tỉnh, để rồi, về nhà tính sổ lại nhăn mặt với nhau. Khi người ta chưa đoàn kết với nhau được thì thế tất phải như vậy : Chở sách đến tận nơi, mời mọc người ta mà sách còn bán không được, nếu cứ nằm nhà đợi ai hỏi mua mới gởi xe lửa hoặc xe đò, thì người ta mua của nhà khác chứ mua của mình làm gì ? Nhiều nhà đại lý đã bảo : « Sách giáo khoa thì đại loại như nhau hết ; chẳng có thứ này thì học sinh dùng thứ khác, chết chóc gì đâu ? »

Lại thêm tình trạng này nữa : Hiện nay không có một nhà nào đáng mang cái tên là nhà phát hành sách cả. Nhà nào cũng, không nhiều thì ít, xuất bản một vài loại sách và khi chở sách của mình bán họ chở thêm ít sách của các nhà khác. Phí tổn rất nặng, tất nhiên người ta chỉ chở những sách nào chắc chắn là bán được ; có nhà lại cẩn thận đợi nhà sách hỏi mua mới lấy sách của nhà xuất bản rồi chở đi. Kết quả là khi một cuốn sách mới ra, tác giả chưa có tên tuổi, thì đem gởi không tại các nhà phát hành, cũng chẳng nhà nào chịu nhận cả. Nhà xuất bản phải quảng cáo cho nhiều đi, khi nào độc giả biết đến, hỏi mua tại nhà sách, nhà sách mới hỏi mua tại nhà đại lý, nhà đại lý mới hỏi mua tại nhà xuất bản một vài chục cuốn, đủ cái số độc giả đòi hỏi thôi. Có khi sách đã ra, độc giả hỏi mua, mà nhà sách cũng chẳng thèm lấy sách về bán nữa. Lời được mười đồng bạc, họ không chịu mất công !

Các bạn đã thấy chưa ? Tình hình xuất bản lúc này nguy kịch như vậy đấy. Tóm lại là mấy năm nay không có sự phát hành mà ở các tiệm sách — trừ vài tiệm lớn ở Sàigòn — không bao giờ người ta bầy riêng những sách mới ra trong tuần hay trong tháng. Muốn kiếm sách mới, chúng ta đừng

http://tieulun.hopto.org

lại hỏi các tiệm sách, vô ích, họ không biết đâu ; phải đọc mục quảng cáo trên báo chí; hoặc hỏi từng nhà xuất bản một vì quảng cáo tốn tiền quá, những nhà xuất bản nho nhỏ không dám dùng tới phương tiện đó.

Một người có sáng kiến xuất bản một tập « Tin sách », mỗi tháng ra một kỳ, 2đ một số, để giới thiệu các sách hiện bán trên thị trường và những sách mới ra trong tháng. Nhưng hình như cũng ít người đọc vì tin tức trong có nhiều ; không kể sách giáo khoa, mỗi tháng chỉ xuất hiện được năm ba cuốn mới ; ít người chịu mua 2đ một số để được biết về năm, ba cuốn mới ra.

Sự cạnh tranh giữa các nhà đại lý—tức nhà bán lẻ — còn gay go hơn nữa. Năm ngoái tôi nói có nhà để 20% huê hồng cho độc giả. Mùa tựu trường năm nay, hỏi một vài bạn đồng nghiệp, chúng tôi mới hay rằng có nhà để tới 30%, và có loại tiểu thuyết người ta dám để tới 50%. Chúng tôi ngây thơ hỏi :

— Nhà bán lẻ để 50% thì nhà xuất bản làm sao sống được ?

Ông bạn đó mỉm cười :

— Sống chứ ! Anh không biết à ? Có tác giả bán trọn một tiểu thuyết 200 trang lấy 1.000$ (một ngàn đồng). Người ta in 3000 cuốn, phí tổn chừng 8$ một cuốn, định giá 40$, bán rẻ cho các nhà sách lấy 30% thôi, nghĩa là $\frac{40\$ \times 30}{100} = 12\$$, Các nhà sách bán lại cho độc giả lấy 50%, nghĩa là 20$. Loại tiểu thuyết đó, viết cho độc giả bình dân mà bán rẻ như vậy thì có thể bán hết được. Lời mỗi cuốn 4$, 3000 cuốn 12.000$, trả tác giả 1000$, cũng còn lời được 11.000$. Họ tính khôn lắm chứ. Một lối bán « xon » mà ! Chứ khác ở nước người, sách bảy năm, mười năm ở khắp các tiệm, rồi ế mới thu về đem bán « xon » còn ở nước mình, sách có thứ bán « xon » từ khi mới phát hành lần đầu. Họ không làm giàu bằng cách đó được, nhưng cũng sống phong lưu. Chúng ta không thể làm như họ, nên chúng ta mới chịu thiệt.

— Sao lại có tác giả chịu bán tác phẩm với giá rẻ mạt như vậy được nhỉ ? Ba ngàn cuốn giá 40$ một cuốn, vị chi 120.000$ mà quyền tác giả có 1000$ không đầy 1% ư ?

Một ngàn đồng chẳng hơn là không được đồng nào ư ? Mà lại được cái danh là tác phẩm bán rất chạy, đã in lần thứ năm thứ sáu.

— Vậy là sự cạnh tranh đã lan tới cả các nhà cầm bút nữa !

— Đúng thế.

* * *

Cái lợi của chính-sách kinh-tế tự-do là có sự cạnh tranh, nhờ đó có sự tiến-hóa. Vậy cạnh tranh không nhất định là một điều xấu. Nó chỉ xấu khi người ta dùng mọi phương tiện lừa gạt người tiêu thụ, mọi cạnh tranh như vậy thì sớm muộn gì người ta cũng níu nhau xuống hố hết. Cho nên cạnh tranh mà không chính đáng thì không thể lâu bền được.

Đã có một hồi, cơ quan ngôn luận lớn vào bậc nhất ở Sài-Gòn cạnh tranh nhau, tặng quà cho độc giả bằng cách này hay cách khác, đến nỗi những tờ báo đó được độc giả tặng cho cái tên là « báo xổ số ». Chỉ được nửa tháng hay một tháng là họ phải xếp giấp để thỏa thuận với nhau.

http://tieulun.hopto.org

Còn sự cạnh tranh trong ngành xuất bản và bán sách — tôi nhắc lại, tối đại đa số là sách giáo khoa — thì kéo dài được ba bốn năm nay, làm cho nhiều người ngạc nhiên. Một ông bạn văn nhiều lần hỏi tôi :

— Nghiệp Đoàn các nhà xuất bản và bán sách đăng báo nói có một vài nhà bán sách vỡ nợ một ông chủ tiệm phải tự-tử. Nhưng vài ba ngày trong số hơn hai trăm nhà ở toàn quốc thì tỉ số có là bao ; vả lại vài ba nhà đóng cửa thì lại có năm sáu nhà khác sẽ mở cửa. Đã có gì là nguy đâu ? Thế thì tại sao các nhà bán lẻ để hoa hồng đến 30% mà vẫn sống ?

Ông bạn đó có lý. Sự thực tình trạng của nghề bán sách chưa nguy kịch lắm. Người ta đã cạnh tranh ba bốn năm nay được là vì cái thế trận của người ta hơi đặc biệt.

Trước hết người ta không bao giờ bán lỗ, cả trong những thời cạnh tranh gay go nhất. Nhà phát hành để 35% huê hồng chẳng hạn thì người ta để cho độc giả nhiều lắm là 30%, bao giờ cũng giữ lại 5% sở phí. Và riêng về thứ sách nào đó người ta có thể để 40, 50% huê hồng cho độc giả thì ít gì người ta cũng nhận được 50, 60% của nhà xuất bản, nghĩa là người ta vẫn có lời, vả lại thường thường người ta chỉ cạnh tranh nhau ráo - riết về loại sách giáo kkoa thôi ; còn những loại sách khác người ta chỉ để 10, 20% cho độc giả là nhiều, lời vẫn còn được từ 10 tới 20%.

Lại thêm các nhà Đại lý không phải chỉ bán riêng có sách Việt, ở các tỉnh lớn nhiều nhà bán sách ngoại quốc, bán loại này lời nhiều ; ở các tỉnh nhỏ các nhà sách còn bán thêm báo ; và nhà nào bất kỳ ở đâu cũng bán dụng-cụ văn phòng có nhà lại bán thêm tạp hóa, cao đơn hoàn tán nữa. Vì vậy có do cạnh tranh mà lỗ ít nhiều về sách Việt thì sẽ lời về những món hàng khác dư để bù lại.

Sau cùng cái thế của nhà đại lý khá mạnh đối với nhà xuất bản. Tăng huê hồng cho độc-giả, sẽ lời của họ rút đi, thì họ đập vào nhà phát-hành, nhà phát-hành đập lại vào nhà xuất-bản và rút cục nhà xuất-bản phải tăng huê hồng lên cho nhà phát-hành, nhà phát-hành tăng huê hồng cho nhà đại-lý. Nhà xuất-bản có thể tăng giá sách lên, nhưng theo chỗ nhận xét của chúng tôi, thì nhiều nhà vẫn giữ y giá ba bốn năm trước, chỉ một số ít là tăng giá, mà cũng chỉ tăng lên khoảng 10% là cùng nếu tăng quá thì thế nào ảnh-hưởng cũng tai hại, vì như trên kia chúng tôi đã nói, sách giáo-khoa thì đại loại như nhau, không có cuốn này học sinh dùng cuốn khác, nhà xuất-bản khó mà bắt chẹt học sinh được. Nhà xuất-bản có tăng giá 10% thì một mặt phải trả thêm bản quyền cho tác-giả, một mặt phải tăng huê hồng cho nhà phát-hành, rút cục chẳng được hưởng gì trong khi mà giá sinh hoạt cứ lên đều đều.

Tóm lại, nghề bán sách mấy năm nay, tuy cạnh tranh gay go, rất ít nhà làm giàu được, nhưng đại đa-số vẫn sống tạm được. Vốn không cần nhiều : năm, sáu chục ngàn đủ mở một tiệm trung bình ở tỉnh, vợ con có thể thay phiên nhau bán, và lấy công làm lời thì nghề đó tương đối vững hơn nhiều nghề khác. Hễ còn cách sống được thì người ta vẫn còn cạnh tranh, và

http://tieulun.hopto.org

chỉ khi nào bước vào tử lộ thì người ta mới chịu quay lại mà tìm sinh lộ.

Chịu kết quả nặng nhất của tình trạng đó là các nhà xuất-bản đứng đắn và các nhà văn. Nói chung thì các nhà xuất-bản đã giảm hoạt-động tới 50% so với năm ngoái, mà các nhà văn thì ít ai còn đủ hăng hái để soạn sách, tôi chắc không có nhà văn nào chỉ chuyên viết sách mà đủ ăn được trong cái thời này.

Nhưng một khi nhà xuất bản lâm nguy thì ảnh hưởng lây tới các nhà phát hành và các nhà đại lý. Cái gốc vẫn là nhà xuất bản và không in thêm sách thì có sách đâu nữa để mà bán? Tình trạng này mà kéo dài độ một năm nữa thì sẽ tới nước bí.

Nghiệp đoàn các nhà xuất bản, phát hành và bán sách đã thấy trước nước bí đó rồi, cho nên năm ngoái đã họp nhau vài lần để tìm cách dung hòa quyền lợi của mọi giới: giới sản xuất, giới trung gian và giới tiêu thụ.

Kết quả là thất bại vì năm ngoái, người ta còn mạnh, đủ sức để vật nhau vài keo nữa.

Năm nay người ta đuối sức, nên lại tính cách đoàn-kết với nhau. Hồi cuối tháng chín, người ta tìm cách chấm dứt tình trạng cạnh tranh giữa các nhà đại lý, và Nghiệp đoàn ra thông cáo bán y giá để ngoài bìa, không trừ hoa hồng nữa. Một số nhà xuất bản, để nghị đồng thời hạ giá sách và rút huê hồng cho nhà đại lý.

Chủ trương đó hợp lý nhưng một số người không chịu, đưa ra những lý do nầy nọ mà chúng tôi không muốn kể lại vì quá dài dòng mà lại vô bổ. Người ta quên châm ngôn này trong nghề kinh doanh: « *Khách hàng luôn luôn có lý* »; mà khách hàng là độc giả; và quyết định của Nghiệp đoàn đã gây một phản ứng trên báo chí và trong giới học sinh.

Chủ nhân một tiệm sách ở SàiGòn lại tâm sự với tôi:

— Một tuần lễ nay, từ khi thi hành quyết nghị của Nghiệp đoàn, tôi để mặc cho vợ con ở nhà bán sách, tôi trốn đi, để khỏi phải nghe những lời nặng nhẹ của học sinh. Họ mắng vào mặt tôi: « Trước kia, trừ hoa hồng 20% vẫn có nhà để ở, có xe Vespa để đi, bây giờ không trừ nữa, bộ muốn cắt « bin đinh » hả? » Giảng gì thì giảng các em ấy không sao hiểu nổi nỗi khổ tâm trong cái nghề của mình.

Tôi bảo:

— Tại các nhà sách đặt ra cái lệ để hoa hồng rồi tranh nhau tăng hoa hồng thì bây giờ phải chịu chứ. Đừng nói học sinh, đến người lớn mà không có trong nghề thì cũng không sao hiểu nổi hành động của Nghiệp đoàn. Bỏ hoa hồng mà không hạ giá sách thì dù chúng ta có lý cả 100% đi nữa, độc giả cũng cho là chúng ta bắt chẹt họ.

*
* *

Và trong khi tôi viết bài này thì hình như Nghiệp đoàn đã nhận thấy rằng cần phải thay đổi chính sách. Tôi chưa biết Nghiệp đoàn sẽ quyết định ra sao, nhưng theo tôi, chính sách nào muốn cho thành công, cũng phải theo những quy-tắc dưới đây:

http://tieulun.hopto.org

1.— Khách hàng luôn luôn có lý

2.— Đoàn kết với nhau để tìm cái lợi chung ; sống nhưng phải để cho người khác sống.

3.— Trong thời kinh tế không được khả quan thì phải thu hẹp hoạt động lại, tổ chức lại công việc để giảm các phí tổn đi.

Quy tắc thứ nhất, quy-tắc căn bản trong sự kinh doanh Nghiệp đoàn, nhất là các nhà bán sách đã bắt đầu hiểu rồi, nhưng chúng tôi nghĩ cũng nên thêm tí lời bình luận.

Trước hết chúng ta nên hiểu rằng câu đó chỉ có nghĩa là : khách hàng luôn luôn có lý do của họ mà người bán phải tìm hiểu lý do đó để nếu có thể thỏa mãn được thì thỏa mãn, nếu không thì phải làm sao cho họ đừng phật ý. Ai cũng biết rằng có những khách hàng chỉ ưa của rẻ mặc dầu là « của ôi » ; lại có những khách hàng vừa muốn rất rẻ lại vừa muốn rất tốt ; thực ra những khách hàng đó, không hoàn toàn có lý đâu, nhưng người bán phải biết tâm lý đó và nhận rằng sự đòi hỏi của họ tất có một lý do nào đó.

Trong cái ngành văn hóa chúng tôi đương xét có tới năm giới liên-quan mật-thiết với nhau :

1o) Nhà cầm bút.
2o) Nhà xuất-bản
3o) Nhà phát-hành
4o) Nhà đại-lý
5o) Độc-giả.

Giữa hai giới 1 và 2 thì nhà xuất-bản là khách hàng của nhà cầm bút. Giữa hai giới 2 và 3 thì nhà phát-hành là khách hàng của nhà xuất-bản. Rồi nhà đại lý lại là khách hàng của nhà phát-hành ; độc-giả lại là khách hàng của nhà đại lý. Vậy, trừ hai giới 1 và 5, còn ba giới ở giữa vừa là khách hàng, vừa là người bán hàng ; và giới 5 tuy là khách hàng trực tiếp của giới 4 mà thực ra lại còn là khách hàng gián tiếp — qua các trung-gian — của cả ba nhà 3 — 2 và 1.

Thường thường những người nông nổi chỉ nghĩ đến cách làm thỏa mãn khách hàng trực tiếp của mình — chẳng hạn nhà xuất-bản chỉ nghĩ đến cách làm vui lòng nhà phát-hành, nhà phát-hành chỉ nghĩ cách làm vui lòng nhà đại-lý — mà quên hoặc có nhớ thì chỉ nghĩ rất ít đến khách hàng gián tiếp của mình, tức giới độc-giả.

Vì tâm-lý đó mà một phần lớn nhà đã cạnh tranh một cách có hại lẫn cho nhau và cũng vì tâm lý đó mà vừa rồi Nghiệp đoàn đã có một quyết-định làm cho độc giả không hiểu được Nghiệp đoàn.

Nếu cả bốn giới 1o, 2o, 3o, 4o đều nhớ rằng « khách hàng luôn luôn có lý » mà khách hàng thực sự của bất kỳ giới nào cũng là độc-giả cả, thì tôi chắc tình-trạng đã không đến nỗi như ngày nay.

Quy tắc thứ nhì thì ai cũng hiểu đấy, nhưng phải đợi cái lúc người ta kiệt sức rồi mới chịu thực hành, hễ chưa vào sâu tử lộ thì chưa ai chịu tìm sinh lộ. Không rõ lúc này người ta đã vào sâu tử lộ chưa? Nếu vào rồi thì ta có thể hy vọng rằng trong ít

http://tieulun.hopto.org

tháng nữa, Nghiệp Đoàn sẽ thỏa thuận với nhau để :

— định giá sách lại cho độc giả có thiện cảm với Nghiệp Đoàn.

— định một mức hoa hồng vừa phải cho các nhà phát hành và các nhà bán lẻ để cho ai nấy đều đủ sống mà độc giả khỏi bị thiệt.

— nhất quyết đừng cạnh tranh nhau như ngày nay nữa, mà chỉ nên cạnh tranh về giá trị món hàng, về cách tiếp đãi niềm nở khách hàng, về cách trình bày cửa tiệm, về cách giúp đỡ khách hàng trong sự lựa sách...

Về quy tắc thứ ba, nhà xuất bản nào cũng đã lần lần thu hẹp hoạt động từ hai ba năm nay rồi ; chỉ còn vấn đề giảm chi phí trong sự phát hành là chưa thực hiện được. Những nhà xuất bản lớn đều đua nhau đem xe hơi chở sách đi khắp nơi để bán. Ai cũng thấy như vậy là níu nhau nhào xuống hố cả mà chưa chịu thỏa thuận với nhau trở lại phương pháp hồi xưa : gởi xe lửa và xe đò. Trở lại phương pháp hồi xưa thì phí tổn rút được 5% giá sách, giá sách cũng rút được kha khá cho độc giả.

Chúng tôi mong rằng đã tới lúc người ta cần phải đoàn kết để sống, một số nhà xuất bản lớn sẽ thoả thuận với nhau để dẹp các xe chở sách đi, như vậy có lợi cho cả mọi giới : sản xuất, trung gian và tiêu thụ. Mà tôi tin rằng nếu các nhà đó không thoả thuận với nhau được thì thế nào cũng có một nhà đứng ra tổ chức sự phát hành cho đàng hoàng vì cùng lắm thì phải thông, mà cái nghề phát hành nếu có vốn, nếu làm ăn có quy củ, thì là một nghề đủ ăn, ít bấp bênh hơn nghề xuất bản. Đa số các nhà xuất bản hiện nay mong có một nhà phát hành như vậy, mà hết thảy độc giả cũng mong nữa, vì giá sách sẽ hạ được, và muốn tìm mua một cuốn sách thì chỉ cần hỏi một hai nhà phát hành là biết, khỏi phải hỏi từng nhà xuất bản như ngày nay.

Đứng về phương diện độc giả, chúng tôi lại mong Nghiệp đoàn thực hiện được điều này nữa : sự phát hành phải tổ chức làm sao cho mỗi tỉnh nhỏ và mỗi khu ở trong các tỉnh lớn, ít nhất phải có một vài nhà sách bày riêng, trong một chỗ khách hàng dễ thấy, những sách mới xuất bản trong tháng.

Chúng tôi vẫn biết trong cái thời nay, ai cũng lo sống trước hết, còn cái nhiệm vụ phổ biến văn hóa là chuyện phụ ; nhưng đã làm cái nghề bán sách thì mỗi tác phẩm mới ra, mua giùm nhà xuất bản một hai cuốn thôi rồi bày ở cửa tiệm trong một tháng trước khi dẹp nó đi, thì cũng không phải là một sự hy sinh lớn lao gì mà có thể còn có lợi cho mình nữa, vì độc giả có trông thấy mặt sách rồi mới muốn mua, và nhà xuất bản có bán được sách thì mới in thêm mà nhà sách mới có sách để bán. Vả lại như vậy còn làm tăng tín nhiệm nữa : độc giả sẽ thấy ngay rằng mình làm ăn đàng hoàng.

Trong nghề buôn bán tín nhiệm cũng là một số vốn đấy chứ.

Saigon ngày 5-12-1960.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

http://tieulun.hopto.org

PASTILLES: { VANCO MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'O'NG-VĂN-CHOM

Dược-khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

http://tieulun.hopto.org

BANQUE COMMERCIALE ET INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG NGÂN-HÀNG

Số vốn : 50.000.000$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

http://tieulun.hopto.org

NGUYỄN-PHÚC-SA

MƯC SỐNG

MỰC sống là bằng-chứng cụ thể nhứt của trình độ tiến bộ và sự phú cường tại một nước. Mực sống cũng là khái-niệm cơ-sở cho mọi công cuộc phát-triển kinh-tế xã-hội trong một xã-hội tự-do.

Danh-từ mực sống có hai định-nghĩa. Theo phần đông các nhà kinh-tế học từ Thomas Malthus (1766-1834) tới nay, mực sống là tình-trạng thỏa mãn và hưởng-thụ mà một cá-nhân trung-bình trong một từng lớp xã-hội thích giữ hơn là lập gia-đình hoặc chắc chắn phải duy trì được trước khi thành gia thất và chu cấp gia-đình. Trái lại, theo định nghĩa thông thường, mực sống là những phẩm-vật và dịch vụ mà một người, thuộc một từng lớp xã-hội thụ-hưởng tại một nơi và trong một thời-gian định rõ.

Muốn có một ý niệm rõ rệt, người ta phải diễn mực sống ra những số lượng, do đó ta mới có thể so sánh từ thời đại này qua thời đại khác hay từ nước này qua nước khác. Từ thầy Mạnh-Tử nói «người già cả ăn thịt, mặc lụa; người thứ dân không đói không rét» qua vua Henri đệ tứ mong mỗi gia-đình Pháp có thể ăn thịt gà ngày chủ-nhật, đến thống-kê tỉ mỉ ngày nay, ta thấy quan niệm mực sống đã lần lần biến chuyển từ phẩm chất sang phân lượng.

Mỗi người, thuộc một giai cấp xã-hội, có một số lợi tức. Trừ phần đóng thuế và tiết kiệm, lợi tức còn lại được dùng vào việc ăn mặc, nhà ở, giáo-dục, giữ-gìn sức khỏe, giải-trí, thỏa mãn nhu cầu tinh thần, v.v... Những khoản chi tiêu này thể-hiện mực sống. Người chi tiêu nhiều hưởng mực sống cao và người chi tiêu ít hưởng mực sống thấp. Sự so sánh từ nước này qua nước nọ cũng vậy, tuy phức tạp hơn.

http://tieulun.hopto.org

Nhu-cầu có tính cách cấp bách khác nhau. Ăn mặc cần hơn du-lịch, nhà ở cần hơn xe hơi cho nên càng nhiều nhu cầu không thiết-yếu được thỏa mãn, mực sống càng cao.

Những khoản chi-tiêu thường được xếp thành bốn mục chính : thực-phẩm, quần áo, nhà ở, linh tinh. Đâu đâu ba mục trên cũng chiếm phần lớn. Lời tức lên cao thì tỷ-số chi tiêu, dành cho thực-phẩm nói riêng và cho ba mục đầu nói chung, nhỏ đi.

Muốn biết mực sống thỏa đáng hay không, người ta đã ước lượng những mức tiêu thụ tối thiểu những phẩm vật cần thiết nhứt. Như thức ăn mỗi ngày phải cung cấp cho cơ-thể ít nhứt 2.400 độ nhiệt (calories) mới có thể duy trì sức khỏe, hàng năm, mỗi người phải dùng bao nhiêu thước vải mới khỏi rách rưới ; trong nhà mỗi người phải được xử dụng bao nhiêu thước vuông mới đủ vệ sinh. Dưới những mức tối thiểu ấy, đời sống của con người sẽ thiếu phong-thể. Những tiện-nghi và giáo-dục, y-tế, tình-trạng sức khỏe, tuổi thọ trung-bình cũng giúp yếu-tố để xét đoán xem mực sống cao hay thấp. Sau hết phải kể những yếu-tố đời sống tinh-thần như tiêu-khiển, giải trí, cảm-tưởng an-ninh trước những rủi ro của đời sống hàng ngày.

Về phương-diện lượng, bên cạnh sự tiêu-thụ những phẩm-vật không có tính cách trường-cửu như thức ăn, thức mặc, người ta còn phải chú ý đến những phẩm vật có tính cách trường cửu như máy may, máy thu thanh, máy giặt, máy lạnh, tủ lạnh, xe hơi, máy vô tuyến truyền hình v.v... Những thứ này hoặc làm cho công việc hàng ngày đỡ phần cực nhọc, hoặc mang lại những sự thỏa-mãn đầy đủ hơn.

Ngay đối với những yếu-tố có thể đo lường được, phẩm lượng của đồ dùng hay dịch-vụ cũng gây những sự cách biệt về mực sống. Người nghèo ăn cơm rau đậu mỗi ngày cũng đốt ra 2.400 độ nhiệt trong cơ thể như người giầu ăn cao lương mỹ vị. Nhưng ai cũng đồng ý đời sống của hai bên khác xa về phương-diện thực-phẩm. Một người dùng xe buýt và một người dùng xe hơi riêng có tài-xế để đi từ nhà đến bàn giấy đều không tốn sức lực riêng và đi nhanh bằng nhau nhưng phẩm-chất dịch-vụ chuyên-chở mà hai người được hưởng không thể so sánh được Nghe máy phát thanh ở phòng thông-tin khu phố hay tại nhà riêng của mình đều thỏa-mãn sự tò mò vì cũng tin-tức ấy, cũng chương-trình âm nhạc ấy ; tuy vậy ai cũng muốn có một máy thâu-thanh để xử-dụng riêng cho mình hay gia-đình mình. Ở Việt-Nam, vì thiếu nhiều tài-liệu thống-kê, kiến thức về mực sống của các từng lớp dân chúng còn khá mập mờ. Ngay cơ-quan thuế-vụ cũng chưa biết rõ lợi tức của đại đa số công-dân. Những cuộc điều tra ngân-sách gia-đình mới thực-hiện trên một bình-diện nhỏ hẹp. Thống-kê hàng-hóa sản-xuất trong nước còn thiếu sót hẳn hay chưa được xác thực.

http://tieulun.hopto.org

Qua những tài - liệu đã công bố, chúng ta chỉ biết lợi tức trung-bình của mỗi người trong 3 năm 1954, 1955 và 1956 ; nhưng cũng như tại các nước kém mở mang khác, chắc chắn có sự cách biệt lớn lao giữa những giai cấp xã-hội. Luật pháp ấn-định tiền công tối thiểu cho công-nhân không chuyên môn trên toàn thể lãnh-thổ và xuất ăn cho công-nhân các đồn-điền. Tuy nhiên, đối với đại đa số, không ai có thể biết chắc nhu-cầu tối-thiểu đã được thỏa-mãn như thế nào.

Ta có thể dựa vào một số triệu-chứng để kết-luận đại-khái rằng mực - sống của đồng-bào ta khả-quan hơn một số các nước lân-bang. Về thực-phẩm, ta dư gạo để xuất-cảng, dân-chúng không phải thiếu ăn ; số người ăn mặc rách rưới tương đối ít hơn trước kia ; dân số gia - tăng theo một mực khá cao, chứng tỏ sức khỏe đã tiến bộ nhiều ; công cuộc giáo - dục được mở mang, số học trò mỗi năm mỗi tăng.

Lẽ dĩ nhiên, nếu so sánh với các nước tân-tiến Âu, Mỹ, ta sẽ thấy bất lợi nhiều, không những vì lợi-tức và tập-quán sinh sống của dân chúng các nước ấy khác ta nhiều lắm, mà còn vì càng ngày ta càng phỏng theo nếp sống của họ. Dù cho hãnh diện đến mực nào với những giá - trị cổ - truyền, ta cũng phải công nhận các nước ấy vượt ta về phương-diện giáo-dục, bảo-vệ sức khỏe và sinh - mạng, sản xuất báo - chí sách vở, tiêu khiển nhứt là dưới hình thức du - lịch đại - chúng trong mùa nghỉ hè.

Một đặc điểm khác của mực sống tại Việt-Nam là vai trò của viện - trợ ngoại - quốc. Mực sống dính liền với lợi-tức và lợi-tức của mỗi người là một phần lợi tức quốc-gia. Ngoại viện làm tăng lợi-tức quốc-gia, không khác gì tiếp máu thường-xuyên cho một cơ-thể thiếu máu. Như vậy một phần mãi-lực của chúng ta có tính cách giả-tạo. Nếu chúng ta không cố gắng để sớm thay thế ngoại viện bằng sức sản xuất trong nước, mức sống của chúng ta luôn luôn bị đe dọa vì nó tùy thuộc số lượng ngoại viện mà ta không có toàn quyền duy trì. Trong tình trạng ấy, nhất thiết nâng cao mực sống là một thái độ không thực-tế và nguy hiểm. Đây chỉ là chiến thuật giai đoạn vì mục đích cố hữu của công cuộc phát triển kinh tế là nâng cao mực sống của mọi người.

Như trên đã nói, làm việc là nguồn gốc của mực sống. Nhưng bất cứ trong xã hội nào cũng có người chỉ tiêu thụ mà không góp phần vào việc sản xuất ; ấy là trẻ con chưa đến tuổi làm việc và người già không còn sức lực để sản xuất. Như vậy, trừ sống độc thân, người nào hiện có công việc để thâu lợi tức cũng phải chu cấp cho ít nhiều người khác. Sự thất nghiệp hay khiếm dụng sẽ cản trở mực sống lên cao. Những gia đình đông con khó giữ được mực sống phong thể ; và đây ta trở lại định nghĩa thứ nhứt của danh từ mực sống. Trước khi lập gia đình, sinh đẻ thêm mà chưa chắc có phương tiện cấp dưỡng vợ con thì không thể nói rằng có mực sống được. Chính vì dân chúng thiếu ý thức này nên tại

http://tieulun.hopto.org

các nước kém mở mang dân số tăng lên rất mau.

Nhiều người cho rằng ở Việt-Nam có sự chênh lệch giữa mực sống và mực hiệu xuất, hay nói một cách khác tiền công, tiền lương quá cao. Việc dẫn chứng điểm này rất tế nhị, tùy theo quan điểm về tiền công tiền lương. Nhưng tất ai cũng phải đồng-ý rằng chỉ có cách tăng-gia hiệu xuất mới có thể nâng cao mực sống. Tăng-gia hiệu-xuất, người thợ có quyền đòi hỏi số lương cao hơn, trong khi hàng-hóa sản-xuất ra có thể bán với giá hạ hơn. Như vậy người thợ có mãi-lực cao hơn, có thể thỏa mãn nhiều nhu-cầu hơn. Nhưng việc tăng-gia hiệu xuất không phải hoàn toàn ở trong tay người thợ mà thôi. Trong một xí-nghiệp, hiệu-xuất còn tùy thuộc máy móc trang-bị, cách tổ-chức công việc quản-trị xí-nghiệp.

Mực sống liên-hệ mật thiết với giá cả trên thị trường. Nếu lợi tức không thay đổi trong khi giá cả cao hơn, tất nhiên số lượng thỏa mãn sẽ kém đi. Nếu lợi tức và giá cả cùng tăng theo một nhịp, người ta sẽ ở trong vòng luẩn-quẩn. Vậy muốn nâng cao mực sống, trước hết phải nghĩ đến ổn-định giá-cả trên thị trường hay tốt hơn nữa làm cho giá cả hạ đi. Khi so sánh mực sống trong thời gian, cần phải lưu ý đến tình trạng giá cả cũng như sự kiện những nhu cầu mới đã được thỏa mãn. Người ta thường thấy số giờ làm việc để trả một đơn-vị phẩm vật cần thiết như gạo, thịt, vải... đã giảm đi tại hầu hết các nước. Khó khăn chăng là ở chỗ mãi-lực được giải-phóng ấy không thích-ứng với những mong muốn thỏa-mãn mới.

Tác-động của chính-quyền có thể ảnh-hưởng rất nhiều đến mực sống. Một phần lợi-tức của mỗi người, dùng để nộp thuế. Thuế lại còn đánh vào các phẩm-vật tiêu-thụ. Như vậy chính-quyền có thể dùng cách đánh thuế để hạn chế mực sống. Thuế cũng có thể rút ngắn sự chênh-lệch mực sống giữa các từng lớp xã-hội có lợi-tức khác nhau. Khi miễn thuế cho hàng hóa xuất-cảng, người ta thâu hẹp phần sản xuất dành cho thị-trường trong nước ; đó cũng là một cách kiểm-soát mức sống. Sau hết chính-quyền có thể khuyến-khích hay cưỡng-bách tiết-kiệm. Cưỡng-bách tiết-kiệm là chận lại một phần-lợi tức trong ngân-khố hay ngân-hàng. Đây là tình-trạng người hà-tiện mở rộng trên bình diện quốc-gia. Dân tộc Nhật trước đây đã cam nhận một mực sống thấp kém vì chính sách khuyến-khích tiết-kiệm và nâng đỡ xuất-cảng. Nhưng chính-quyền cũng có thể góp phần để nâng cao mực sống quần chúng bằng cách mở rộng những chương trình giáo-dục miễn-phí, đặt bệnh-viện rẻ tiền, tổ-chức giải-trí công-cộng, trợ cấp các công cuộc xã-hội.

Có làm việc mới mong duy-trì và nâng cao mực sống. Nhưng người nào cũng có thể gặp rủi ro như bệnh tật, tai nạn, thất-nghiệp. Để giữ vững mực sống trong trường hợp ấy, người ta cần để dành hay bảo-hiểm. Tiền hơn nữa

http://tieulun.hopto.org

là thiết-lập một hệ-thống bảo-hiểm xã-hội, do sự đóng góp của người lao-động, của chủ-nhân và chính-quyền với những trợ cấp đương-nhiên hay giản-dị. Chế-độ bảo-hiểm cần phù hạp với sức chịu đựng của nền kinh-tế trong nước. Dù sao, đây cũng là phần lợi-tức không dùng ngay vào việc tiêu-thụ, để phòng trường-hợp rủi ro.

Sau hết, vì mực sống là tổng-hợp các sự thỏa-mãn, sự thỏa-mãn có thể do cố gắng cá-nhân hay của cộng-đồng. Hệ-thống kinh-tế tự-do, ít nhất tại các nước tân - tiến, đặt trên sự kích thích nhu-cầu mới. Được thức nọ, con người lại muốn cái kia. Ở nhà rộng, người ta nghĩ đến trang-trí ; có tủ lạnh người ta nghĩ đến mua thêm thức ăn ; bộ quần áo mới đòi hỏi giầy mới ; xe hơi làm nảy ý định du-lịch. Nếu lấy các nước tân tiến làm khuôn thước, dân chúng các nước kém mở mang sẽ luôn luôn bất mãn vì nền kinh-tế các nước này chưa thể cung cấp những phẩm-vật và dịch-vụ phức-tạp như nền kinh-tế các nước trên, vì lợi-tức trung-bình cũng thua kém. Cho nên thay vì đăm đăm vào mực sống, người ta nên nghĩ đến mức thỏa-mãn. Định một mức thỏa-mãn không có nghĩa là lãnh-đạm với những thú vui vật chất như phần đông tôn - giáo Á-đông chủ - trương. Trong cuộc chạy đua với các nước tân-tiến, ta không nên quên rằng họ vẫn chạy và họ được lợi thế nhờ tốc-lực sẵn có.

Một mặt khác, trong khi đại đa số chưa có đủ lợi-tức để mua sắm những phương - tiện thỏa - mãn cá nhân, phương-thức thỏa-mãn cộng-đồng là một giải-pháp có hiệu-lực. Cộng đồng không có nghĩa tập thể như dưới chế-độ công-xã nhân dân. Cộng đồng có thể là khu phố, làng xã, hợp-tác-xã, hiệp-hội nghề-nghiệp .... Cộng đồng vẫn tôn trọng đời sống cá nhân, mà chỉ nhận lãnh thỏa-mãn những nhu cầu nào vượt quá mãi-lực của phần đông, với mục đích nâng cao mực sống. Chắc chắn rằng sự thích thú không hoàn toàn nhưng giữa không thỏa-mãn và thỏa - mãn thiếu sót, chắc ai cũng chọn trường hợp thứ hai, chớ không bó tay nuôi một hy vọng khó bề thực hiện.

NGUYỄN-PHÚC-SA

★ Không thể tin người bề trên khi mình thành công ở chỗ họ thất bại.

★ Người ta đã mất bao nhiêu cơ hội, bao nhiêu sáng kiến thần tốc, chỉ vì một công việc không còn phải là một công việc nữa.

★ Người ta nói về can đảm của một người tử tù đi tới tận chỗ bị hành quyết, nhưng nhiều khi cũng phải có bấy nhiêu can đảm để đón lấy đau khổ thường ngày, với một bộ mặt khả dĩ xứng đáng.

★ Ông chỉ cho tôi một người sung sướng, tôi sẽ chỉ cho ông thấy cái vẻ tự mãn, ích kỷ, hiểm ác của họ, trừ phi họ hoàn toàn vô tri không kể.

http://tieulun.hopto.org

CIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

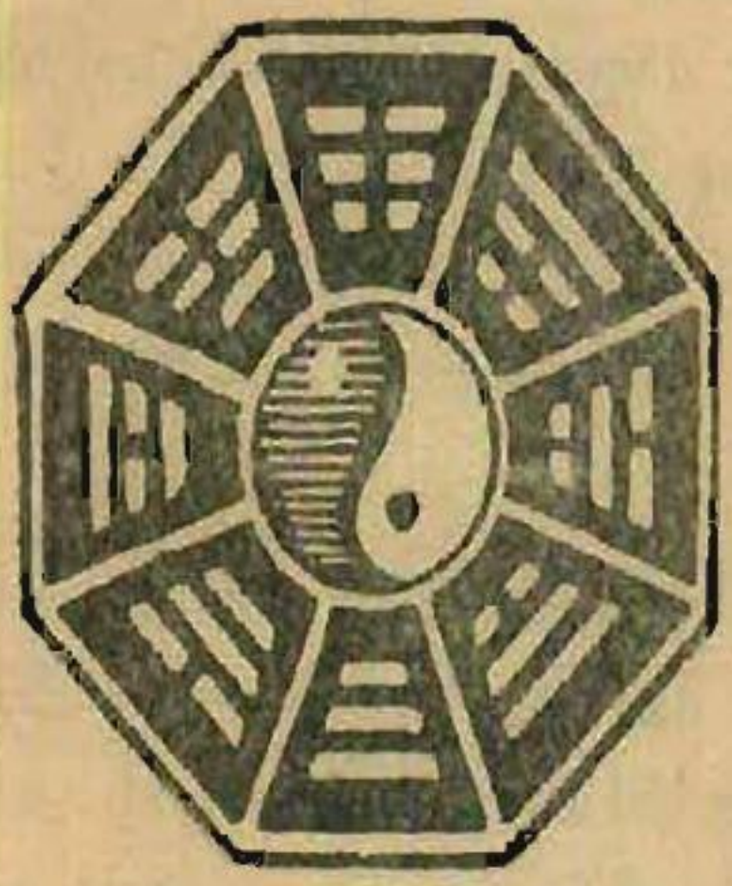
87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87
Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON
158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)
Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

http://tieulun.hopto.org



DỊCH LÝ

VÀ

THIÊN ĐỊA CHI TÂM

« PHỤC, kỳ kiến Thiên Địa chi Tâm hồ »

(Dịch Kinh)

NGUYỄN-VĂN-BA

HÌNH như con người, ai ai cũng sống trong lòng vũ trụ, mà ít ai trông thấy được Tâm của vũ trụ ở đâu. Sống trong lòng vũ trụ, chỉ nhờ sức Sống của vũ trụ mà sống theo ; còn trông thấy được Tâm của vũ trụ mới là hòa đồng được cùng vũ trụ trên một nhịp sống chung, mới tham gia được trong công việc của trời đất, chừng đó làm trước trời, trời cũng bằng lòng, mà làm sau trời, trời cũng ưng thuận, vì rằng một khi đã được sống hoà nhịp với vũ trụ rồi, thì người với trời hành động chỉ trên một định luật mà thôi.

Trong thời buổi văn minh cơ giới rộn rịp nầy, thỉnh thoảng hoặc mới có lúc tâm ta rung động với ánh trăng trong, hay cảm thông mê man khi gió rung bên cạnh lá, còn ngoài ra tâm ta trơ trơ như đá, vững như đồng, không cảm nổi chỗ biến thiên vi diệu của trời đất, không hoà đồng được với chỗ mà Dịch gọi là *Thiên Địa chi Tâm*, nên phần nhiều con người sống một cuộc đời tẻ ngắt, tầm thường, vô vị, rồi sanh ra bóc lột, ác độc, tàn sát lẫn nhau mà cố suy nghĩ cho lắm cũng không biết tại sao.

Tại sao con người cần phải biết ở đâu là Thiên Địa chi Tâm, để hoà đồng tâm mình vào một Cuộc Sống chung của vũ trụ ?

Văn minh Âu-Tây bản gốc là văn minh căn cứ trên quan niệm con người và vũ trụ là hai. Tôi nhìn và biết vũ trụ vạn vật chung quanh trong đó có tất cả các

http://tieulun.hopto.org

người khác nữa ; còn vũ trụ, vạn vật là người chung quanh thì bị tôi nhìn và được tôi biết. Tôi biết là việc ở trong tôi, còn sự vật được tôi biết là việc ở ngoài tôi, bởi vậy tôi và vũ trụ ngoài tôi là hai việc riêng, tương phản nhau, không khi nào hợp làm một được. Vì đó mà có những khẩu ngữ « khai thác vũ trụ », « chinh phục không gian », « tranh đấu thời gian », coi vũ trụ, không gian và thời gian là kẻ nghịch với mình. Cũng có những tiếng ghê tởm thường xuyên được nghe trên đầu lưỡi nhiều người : « chiến tranh » « hình phạt », «bóc lột » đã tả được tâm trạng con người, coi con người là thù tặc. Ngày nay quan niệm Con Người và Vũ Trụ là hai đã lan tràn gần hết trên thế giới, không còn riêng gì người Âu-Tây nữa. Trên quan niệm ấy, thì sự biết Thiên Địa chi Tâm và hòa đồng với vũ trụ là một chuyện không có nghĩa.

Nhưng Dịch-lý có ý nghĩa của nó. Dịch-lý đã sớm nảy nở trong lòng người Á Đông, từ khi người Á Đông còn trong thời kỳ du mục, nghĩa là lúc rày đây mai đó giữa cảnh màn trời chiếu đất. Đất rộng mênh mang, cỏ cây phong phú, núi sông hùng vĩ, con người Á Đông lúc ấy sống rất mật thiết với thiên nhiên và cảm thông với thiên nhiên nhiều lắm. Thủ lĩnh dân tộc Á Đông lúc ấy là Phục Hi, gom được tất cả kinh nghiệm của dân tộc và cùng với các bậc lão thành, vạch bằng nét đứt và nét liền những định luật Âm Dương biến chuyển mật thiết giữa con người và vũ trụ. Đó là Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái, 64 Quẻ có 384 Hào, cộng lại thành một quyển sách rất lạ lùng, giá trị muôn đời, con người càng văn minh thì quyển ấy càng thấy có giá trị, quyển ấy được người đời ca tụng dưới danh hiệu là DỊCH KINH.

Lý Dịch căn cứ trên sự biến chuyển của Quả đất chạy chung quanh mặt trời và của Quả Đất tự quay chung quanh nó. Quả Đất tự quay một vòng là 12 giờ xưa (24 giờ nay) sanh ra ngày và đêm ; còn chạy chung quanh mặt trời trong 365 ngày và một phần tư (nay cũng 365 ngày và 1/4). Nếu trục Tý-Ngọ là trục Nam-Bắc của Quả đất cắm thẳng trên đường Quỹ đạo của quả đất chạy chung quanh mặt trời, thì chỉ có ngày đêm mà không có thời tiết đổi thay, không có mùa Xuân Hạ Thu Đông, mà vạn vật cũng không bao giờ biến chuyển, cứ trơ trơ nghìn năm vẫn một màu sắc thái.

Vì trục Tý-Ngọ của Quả đất cắm xéo trên lằn Quỹ đạo mà hướng về sao Bắc Đẩu, nên trong khi chạy chung quanh mặt trời, có khi bắc bán địa cầu gần mặt trời hơn, có khi nam bán địa cầu gần mặt trời hơn, khiến cho ấm lạnh thay đổi, bốn mùa rõ rệt.

Ngoài những ý thức đúng về thiên văn của đời Phục-Hi, Kinh Dịch lại còn cho ta thấy một điều rất quan trọng trong sự biến chuyển của muôn hình vạn trạng, là bất cứ ta nhìn một điểm nào trên Quả Đất, những sự vật trên điểm ấy vì sự thay đổi của nóng lạnh, âm dương mà luôn luôn biến đổi trên mọi phương-diện không giây phút nào ngừng. Nếu ta được đứng trên cao xa khỏi mặt địa cầu, nhìn xuống mỗi điểm thì hình như thấy mỗi điểm vận biến theo đường tròn ốc, mà khi ráp tất cả các điểm lại cùng nhau, thì thấy vạn vật trên Quả Địa Cầu đang tung nở muôn màu như một cái Hoa to tướng.

Còn nếu Quả đất không tự quay chung quanh trục Tí-Ngọ của nó thì đâu có ngày

http://tieulun.hopto.org

đêm, không có luật Âm-Dương biến chuyển. Vì nó tự quay chung quanh nó, nên phía sáng là ngày, phía tối là đêm; đêm vừa tận thì ngày đã đến, ngày vừa tan thì đêm lại chớm qua. Ngày là căn nguyên của đêm, đêm là nguyên do của ngày. Dương đến chỗ cực độ thì Âm sinh, Âm đến chỗ cực độ thì Dương sinh, đó là lẽ tự nhiên của vũ trụ. Vì đó mà mọi vật cứ biến chuyển luôn luôn ràng buộc liên hệ lẫn nhau, trải qua những cảnh cũng biến đổi của Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông tàng.

Đó là lý Dịch. Dịch nói : « Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo, kế chi giả thiện dã. Nhân giả kiến chi vị chi nhân, trí giả kiến chi vị chi trí, bách tính nhật dụng nhi bất tri », nghĩa là : Đường lối của vũ trụ chỉ là một Âm, một Dương biến chuyển hòa đồng mà thôi, tiếp theo đó biến hóa đều là đúng mực không sai, còn tính là âm dương biến chuyển hòa đồng đúng mực đã thành nên trong sự vật rồi vậy. Kẻ nhân thấy nó gọi nó là nhân, kẻ trí thấy nó gọi nó là trí, còn thường nhơn vì nó lẫn trong người mỗi giây mỗi phút nên quen quá mà không biết nó là gì.

Vì không biết nó là gì, vì không cảm thông nổi mối vi diệu biến chuyển của âm dương, vì không hòa đồng được tâm mình với Tâm của Thiên Địa, nên con người lạc loài, cô độc, buồn bã, chia rẽ, khô héo trước cảnh đại đồng vui tươi muôn ngàn của vũ trụ.

Quan niệm của Dịch là *Con Người và Vũ Trụ là một*. Nhận định « Vạn Vật đồng nhất Thể », « Vạn Vật đồng nhất Lý» Dịch lại còn nhận định « Vạn Vật đồng nhất Tắc » nữa. Vạn vật đồng nhất thể là vạn vật chỉ có một thể chất sanh ra ; vạn vật đồng nhất lý là vạn vật chỉ có một sự Sống chung nhau, và vạn vật đồng nhất tắc là vạn vật chỉ có một định luật chung. Vì con người và vạn vật tức là vũ trụ cùng đồng một thể, một sự sống, một định luật thì làm sao chia con người với vũ trụ làm hai được ? Mặc dầu thế nào đi nữa, con người không thể phân tách mình xa khỏi người khác hay vũ trụ chung quanh mà không tự tổn thương hoặc không tự tiêu diệt.

Vì lẽ trên, con người chỉ có một đường hòa hợp với người và hòa đồng với vũ trụ trong một nhịp Sống chung. Phải sống cùng với vũ trụ tức phải để tâm ta hòa diệu cùng Tâm của vũ trụ. Người xưa có câu :

Nguyệt đáo Thiên Tâm xứ
Phong lai thủy diện thời,
Nhất ban thanh ý vị
Liệu đắc thiểu nhơn tri.

nghĩa là : Khi mặt trăng đến tận lòng trời và khi gió mới vừa chưa chạm nước, thì thật đó là một ý vị rất thanh trong, toan cho ít người cảm biết được vậy.

Lại cũng có câu :

Nguyệt đáo ngô đồng thượng
Phong lai dương liễu biên,
Dạ thâm nhơn phục tĩnh
Thử cảnh cộng thùy ngôn.

nghĩa là ; Mặt trăng vừa chạm ngọn ngô đồng, còn gió thì vừa xen vào cành dương liễu ; đêm đã khuya, còn người tĩnh lặng ; cảnh nầy có biết nói cùng ai ?

Không phải thấy Thiên Địa chỉ Tâm là chỉ cảm những tình thướt tha rung rinh của gió

http://tieulun.hopto.org

trăng, nước lá ; không chỉ là cảm hứng được nỗi biến chuyển thanh cao của vũ trụ trong lòng người thi sĩ mà thôi, mà còn Thiên Địa chi Tâm là chỗ thật tế mà Dịch Lý dạy ta ở quẻ PHỤC.

Quẻ Phục nói về Đông Chí mỗi năm nhằm 22, 23 tháng Chạp d.l. là lúc ngày ngắn nhất, đêm lại dài nhất trong năm, cũng là lúc âm khí đã dầy đặc mịt mù mà trong đó có một điểm Dương sanh, khiến cho Càn Khôn nhờ đấy mà tươi tắn trở lại.

Quẻ Phục trên có 3 Âm vẽ bằng ba vạch đứt (tượng trưng Khôn là đất), dưới có 2 Âm 1 Dương vẽ bằng hai vạch đứt với một vạch liền (tượng trưng cho Chấn là sấm), hình như sau đây :

quẻ PHỤC
— —
— — Khôn (đất)
— —
— ——
— —— Chấn (sấm)
———

Tất cả có 5 Âm trên 1 Dương. Nhờ điểm Dương ấy mà Quả Đất trước khi bị nặng nề bởi âm khí, nay cũng được tiếp bay trên đường quỹ đạo, hăng hái như xưa. Điểm Dương càng phát triển thì ngày càng dài ra, đến Xuân Phân thì ngày bằng đêm, đến Hạ Chí thì ngày hơn đêm và cũng là lúc ngày dài nhất và đêm ngắn nhất trong năm.

Cũng như Âm cực thịnh thì nhất Dương sinh, nay đến Dương cực thịnh thì nhất Âm sinh : phần Âm trở lại lấn phần Dương, đêm trở lại càng dài, ngày thì càng ngắn. Đến Thu Phân thì ngày đêm cân nhau, lần lần đến ngày Đông Chí thì Âm lấn hẳn, dường như Dương cơ hồ không còn nữa. Quả Đất như đã quá nặng, nếu không có Dương phục sinh trở lại thì e trái đất phải lần lần rơi khỏi quỹ đạo mà tan tác một nơi nào trong cõi hư vô. Mỗi năm đến Đông Chí thì Dương phục sinh lại một lần, khiến cho Quả Đất phục lại được toàn lực để tiếp tục bay trên không trung, mỗi năm đều như thế nên Quả Đất mình đây còn tiếp tục bay mãi hàng triệu muôn triệu năm nữa chưa thôi.

Đông Chí là lúc Dương mới bắt đầu phục hồi, nên còn rất yếu, nếu bị mất đi thì tai hại lắm. Nên chi ngày xưa, theo lời Kinh Dịch, « Tiên Vương dĩ Chí Nhật bế quan, thương lữ bất hành, hậu bất tinh phương », nghĩa là : Các Vua xưa, đến ngày Đông Chí, đóng các cửa thành, người buôn bán không qua lại, quan quân không đi tuần hành. Những điều ấy cốt để vua tôi an nghỉ, tĩnh dưỡng lấy chút Dương mới sinh. Y Khoa Đông Phương cũng cấm không cho thổ hoặc hạ bệnh nhân trong ngày Đông Chí, vì nếu phạm điều ấy, bịnh nhơn sẽ chết đi, hoặc bị tổn thọ rất nhiều.

Làm sao biết được có Dương khí mới sinh ? và làm cách nào đo được sức mạnh của khí dương mới sinh ấy ? Người xưa, lúc gần ngày Đông Chí, có cất một cái nhà con, 3 lần vách đều trét kín. Trong nhà có 6 cái bàn nhỏ, trên các bàn có 6 ống quản dài. Đầu dưới ống quản thì gác tựa trên bàn, còn đầu trên của ống quản thì xuyên qua vách mà chọc lên trời. Sáu ống quản thì chĩa theo phương hướng theo dây : 4 ống quản chĩa ra bốn bên, đông tây nam bắc ; Một ống chĩa thẳng lên trời, còn một ống nữa thì chĩa xuống đất. Đâu dấy sắp đặt rồi, người xưa chẻ cọng lau ra, lấy những miếng màng trắng giữa cọng, đem đốt ra

http://tieulun.hopto.org

tro, được một thứ tro rất nhẹ. Người xưa nhét tro ấy vào các đầu dưới của 6 ống quản cho đầy. Rồi đóng hết các cửa và lỗ, chỉ chờ Dương khí đến. Theo quẻ Phục thì Dương khí đến từ dưới đất xông lên, thổi bay tro màng lau lên phía trên đầu các ống quản. Tùy theo tro bay lên cao hay thấp, người xưa định được sức mạnh của Dương khí năm ấy. Nếu ngoài trời có gió hoặc có người thổi vào, thì tro chỉ rơi xuống đất hay xuống bàn mà thôi.

Trong quẻ Phục có câu : « Phục, kỳ kiến Thiên Địa chi Tâm hồ ». (Hiểu lý của quẻ Phục, thì thấy được Tâm của Thiên Địa vậy ôi).

Tâm là trung tim và nguồn gốc của sự sống. Khi Quả Địa Cầu lăn trên đường quỹ đạo chung quanh mặt trời, đến ngày Đông Chí, thì Quả Địa Cầu ở tại điểm quan trọng trên vòng quỹ đạo mà Trình Tử gọi là Thiên Căn. Từ điểm Thiên Căn ấy, nguồn sanh lực trở lại dồi dào trên Quả Đất, nên ta cũng có thể hiểu được Đức Chúa Giáng Sinh nhằm vào đầu tiết Đông Chí là ngày mừng vui của thế-giới.

Tâm là chỗ động tĩnh trong con người như ngoài vũ trụ. Động rồi tĩnh, tĩnh rồi động. Động cực sinh tĩnh, tĩnh cực sinh động. Động là căn nguyên của tĩnh, tĩnh là căn nguyên của động. Dịch Lý gọi là « hỗ tương kỳ căn », nghĩa là cái nầy làm gốc cho cái kia, cái kia làm gốc cho cái nọ, tiếp nối nhau mãi mãi. Ta nằm lặng thinh, thử nghe tiếng động trong người : tâm ta cơ hồ như không nhảy, êm ru. Bỗng dưng một tiếng đập lên làm cho ta biết ta còn đang sống. Từ cái êm đến cái đập, như từ cái lặng đến cái phục sinh, con người mới biết đó là sống, mà sống được cũng chỉ nhờ có một chỗ phục sinh ấy mà thôi. Tâm của Thiên Địa là chỗ phục sinh lại được dương khí trong âm khí. Đúng lúc dương khí suýt đến mà sắp hiện ra trong âm, là lúc đúng giữa giờ Tý (12 giờ khuya), vạn vật cũng chưa thay đổi, chừng điểm dương khởi động thì lòng của vạn vật mới tưng bừng sống dậy, cùng nhau hòa nhịp với thiên nhiên. Thiệu Khang Tiết là người học Dịch giỏi nhất đời nhà Tống, có câu :

Đông Chí Tý chi bán
Thiên Tâm vô cải dị
Nhất dương sơ động xứ
Vạn vật vị sinh thời
Huyền tửu vị phương đạm
Đại âm thanh chinh hy,
Thử ngôn như bất tín
Cánh thỉnh vấn Bao Hy.

nghĩa là : ngày Đông Chí, đúng giữa giờ Tý, thì Thiên Tâm không dời dời; chỗ nhất dương sắp khởi động, thì vạn vật cũng chưa sinh. Rượu Huyền (sức dương huyền diệu) mùi còn lạt (còn non). Âm vang (sức vang to của tiếng dương) tiếng đang mầm (tiếng dương vừa sắp phát sinh). Như không tin lời ấy thì xin hỏi lại Bao Hy (tức là Phục Hi).

Chính cái chỗ dương chưa động là vạn vật yên tĩnh, dương vừa dấy động là vạn vật tưng bừng, là Tâm của Thiên Địa đang gieo sự sống cho muôn sinh.

Sự sống không do hai mâu thuẫn động tĩnh, sáng tối, co duỗi... mà sinh ra, tuy sự động tĩnh, sáng tối, co duỗi là những trạng thái của sự sống. Sự sống có được là do những trạng thái ấy điều hòa phối hợp làm một mà thành. Không phải do sự bất hòa, đối chọi bất cộng đái thiên của những trạng thái ấy mà thành nên sự sống được. Dịch Lý chê sự chia rẽ đối lập trong câu : « Sung

http://tieulun.hopto.org

sung vãng lai, bằng tùng nhĩ tư », nghĩa là lông bông qua lại, bè nào theo tư tưởng lũ nấy. Dịch Lý dạy rằng tuy thấy là hai nhưng vẫn có một. Vì một mà phát động ra hai, nên người tầm thường thấy hai thì cho là hai, hoặc theo bên nầy hoặc theo bên kia mà làm hại đến sự sống duy nhất của mình và của Thiên Địa.

Con sâu đo, co vô rồi để duỗi ra ; con rồng con rắn ẩn mình rồi để một ngày kia sẽ xuất hiện : mặt trời qua mặt trăng lại hợp nhau mới có sự sáng điều hòa ; lạnh qua nóng lại hợp nhau mới thành năm : co rồi duỗi, duỗi rồi co, hiện rồi ẩn, ẩn rồi hiện, hòa hợp nối đuôi nhau mãi, sự hanh thông sẽ thành, sự sống sẽ sinh. Dịch nói : « Tinh nghĩa nhập thần, dĩ trí dụng dã », nghĩa là : hiểu cho thật tinh vi cái nghĩa phối hợp điều hòa của những trạng thái bề ngoài là đối chọi đó, nghĩa lý tinh vi ấy đã nhập thần rồi thì đem dùng thật là tuyệt diệu. Hiểu được lý ấy và dùng được tuyệt diệu ấy, là thấy được Tâm của Thiên Địa và cảm thông được Tâm của Thiên Địa vậy.

Thấy được Tâm của Thiên Địa và cảm thông được Tâm của Thiên Địa thì ra sao ? Một người thi sĩ, một nhạc sĩ, một họa sĩ, một văn sĩ, một nhà chính trị, một khoa học gia, một y học gia, một nông gia, một thương gia... *nhìn* được sức mạnh vô biên của sự Sống tràn ngập vũ tru trên những lằn vận chuyển điều hòa theo định luật của thiên nhiên trong luồng gió lốc, trong giọt mưa phùn, trong tiếng ri rào của lá, trong lòng dạ hồn nhiên đẹp đẽ của nhân dân, trong những tế bào của thân thể cũng như của đại vũ trụ càn khôn. *Nhận* được muôn màu sắc thái của những cảnh đẹp chung quanh, hòa hợp như một bức tranh tuyệt bút, có phải chăng đó là nhận được sức mạnh biểu hiện hùng hồn của sự Sống trên khía cạnh màu sắc ? *Cảm* được sự Sống phát hiện có thăng bằng và điều hòa ở ngoài rồi cảm được sự sống phát hiện thăng bằng và điều hòa trong tâm hồn ta, thì ta thấy tâm ta và Tâm vũ trụ làm một. Khi nhìn được lằn sinh khí vận chuyển theo định luật của thiên nhiên, khi nhận được sự Sống của thiên nhiên biểu hiện hùng hồn ra muôn màu sắc thái, khi cảm được sự thăng bằng và điều hòa trong người và trong vũ trụ, thì tự nhiên *thông* những cảm xúc đó ra bằng những áng văn chương tuyệt bút, những bức tranh tuyệt luân, những phép hóa dân thành tục như Nghiêu Thuấn, những khoa học nhân đạo, những phương pháp sản xuất giao thương đúng mực. Nhìn, nhận, cảm, thông là bốn giai đoạn hữu ích của người thấy được Thiên Địa chi Tâm và đem nó ra mà « trí dụng ».

Khi xử thế, thì « kiến Thiên Địa chi Tâm » cho ta một thái độ hồn nhiên quân tử, hiểu đời, hiểu mình, hiểu người, không ưu tư phiền muộn, muốn tiến thoái tùy mình tùy thời, tâm không trụ vào một vật chi cả.

Để kết luận bài nầy, xin xem ra bốn câu của Thiệu Khang Tiết là người đã sống với « kiến Thiên Địa chi Tâm » :

Vật lý nhân tình tự khả minh
Hà thường thích thích hướng bình sinh,
Quyền thư tại ngã hữu thành toán
Dụng xá tùy thời vô định danh

nghĩa là : lý vật, tình người tự mình rõ cả, bởi vậy đâu còn nghĩ đến bình sinh mình mà đau đáu lo buồn ; cuốn lại hay duỗi ra đều tại lòng ta có định đoạt, dùng hay bỏ, cũng tùy thời không phải cố định một danh từ nào.

Nguyễn-Văn-Ba

http://tieulun.hopto.org

Chận đứng : Mệt mỏi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIEU MÁU

MỆT MỎI

YẾU SỨC

BIẾNG ĂN

GẦY CÒM

LÀM VIỆC

QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : **Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc**

NGUYỄN-CAO-THANG, Dược-Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

http://tieulun.hopto.org

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. O.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpoliella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng *Tél : 20.055*

SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. O.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

http://tieulun.hopto.org

THẾ GIỚI MỘT NĂM QUA

NGUYỄN-CHÂU-PHÙNG



Ngày đầu năm đã có chuyện không hay, cho nên trọn năm, thế-giới chịu những hậu quả nặng-nề. Người ta chuẩn-bị chiến-tranh, tranh chấp, phá rối nhau : 1960 đúng là một năm đầy biến cố. Chúng ta ôn lại những biến cố đó, để hiểu bước đi của thế giới trong năm tới.

ĐẦU NĂM 1960, thế-giới rộn-rã vì Hội-nghị Tối-cao, mà nhân loại chờ đợi để mong chút hòa-bình. Nhưng Hội-Nghị chưa họp mà tan, gây nên tình-trạng gay go chưa từng thấy trong thời hậu-chiến. Không thoả-thuận được với nhau, người ta phải phòng-ngừa nhau. Cuộc chạy đua võ-trang lại tiếp-tục mạnh mẽ, khối Mỹ, khối Nga cùng gấp rút chỉnh bị nội-bộ, trong khối mình cho vững-vàng. Họ cũng lo quấy đảo lẫn nhau để dành giựt ảnh-hưởng trên thế-giới, để có được thêm vị-trí, phòng khi phải ra chiến-trường nói chuyện thì nắm phần thắng chắc hơn. Đó là đại-cương tình-hình thế-giới năm qua.

Bước đầu của trăm ngàn sôi-nổi: Hội-nghị Tối-Cao tan-vỡ.

Chuẩn-bị trong 3 năm, tan-vỡ trong 1 giờ. Người ta không dám hi-vọng rằng Hội-Nghị lần đầu, đặt được ngay những kết-quả cụ-thể, nhưng cũng mong rằng có vài nguyên tắc mơ-hồ sẽ được chấp-thuận. Không ngờ, một tuần-lễ trước khi Hội-Nghị khai-mạc, một chiếc máy-bay U2 của Mỹ bị hạ trên đất Nga. Nga-Sô trưng bằng cớ rằng máy-bay đó đã đi chụp hình ở địa hạt Nga. Kút-Xếp dòi Tổng-thống Mỹ phải xin lỗi và trừng-phạt những kẻ chịu trách-nhiệm. Nhưng Kút-Xếp dùng một giọng nói thiếu nhã-nhặn nên Eisenhower phải bác các đòi-hỏi của Nga. Kút-Xếp đã tới Ba-Lê, nơi

http://tieulun.hopto.org

họp Hội-Nghị, nhưng lại bỏ về. Và Hội-Nghị Tối Cao tan-vỡ.

Thế-giới sửng-sốt.

Thế-giới càng sửng-sốt hơn nữa, khi được nghe những lời đả kích hết sức nặng-nề và thô-bỉ của Kút-Xếp. (Eisenhower là một người vô-tài: Chừng nào ông ta hết làm tổng-thống Mỹ, chúng ta sẽ mời ông qua. Nga để coi-sóc một nhà giữ trẻ). Dân Mỹ sẽ nhớ mãi lời nói ấy.

Từ đây, giai-đoạn hoà-hoãn đã qua. Một giai-đoạn gay-go khó thở, bắt đầu.

Nga-Sô chỉnh-bị lại hàng-ngũ.

Hồi đó, nhiều nhà quan-sát đã bảo rằng nguyên-nhân thái-độ vô-lý của Kút-Xếp là một tình-trạng tranh-chấp gay go trong nội-bộ. Trung-Cộng luôn-luôn nhìn những vận-động tiến đến giao-thiệp bình-thường giữa Nga và Mỹ bằng con mắt hằn - học, vì sợ sẽ bị cô-lập.

Vì thế, Trung-Cộng đã mở phong-trào chống-đối Nga. Đồng-minh của Trung-Cộng là An-ba-Ni, Ba - Lan, và một phần trong chánh-giới Nga. Người ta bảo rằng quân-đội Nga cũng không tán thành Kút - Xếp, nên đã tuyên - truyền rùm beng về việc chiếc U.2 khiến cho Kút-Xếp không thể lùi được nữa. Kút-Xếp do đấy đã phải phá Hội-Nghị Tối-Cao và làm dữ, để lấy đà vượt lên trên các đối-thủ trong nội bộ của mình.

Cái mối đau trong xương-tủy ấy cần phải thanh-toán trước khi đối-phó với bên ngoài. Kút-Xếp, trở về nước, liền bắt tay vào việc và dùng mọi cách để lấy lại uy-thế đã mất.

Cuộc tranh-chấp Nga-Sô — Trung-Cộng đã diễn ra về chánh - sách. Kút - Xếp chủ-trương có thể đánh bại phe Tự - Do bằng những phương-pháp tranh-đấu hòa - bình. Còn Mao-Trạch-Đông thì chỉ tin ở khả-năng một cuộc chiến-tranh toàn-diện để thắng. Nga và Trung-Cộng cùng đồng - lòng ở mục-đích hạ phe Anh-Mỹ, nhưng khác nhau ở phương - pháp để tiến đến mục-đích ấy. Từ tranh-chấp ở chủ-trương, họ tiến sang lãnh-vực chủ-nghĩa, vì cả hai cùng phải nại có chủ-nghĩa để chứng-minh cho chủ-trương của mình. Do đấy, Mao công-kích Nga-Sô thoái-hóa trên đường cách - mạng, và Kút-Xếp cho rằng Trung-Cộng là con nít làm tàng. Những người tinh - ý còn nhận thấy trong cuộc tranh-chấp ấy những cố - gắng của Bắc-kinh để đòi phần điều-khiển khối Cộng và những cố-gắng của Mạc-tư-khoa để đẩy lui những tham-vọng ấy.

Cuộc tranh-chấp đã diễn ra trên báo-chí, trong các Hội-Nghị Nó trở nên dữ - dội khi những biện-pháp chống-đối bằng kinh-tế được thi-hành. Viện-trợ của Nga chậm lại. Các chuyên-viên Nga lục-tục về nước. Nga ra sức chỉnh bị lại tất cả các nước chư-hầu để cố trình-bầy với thế-giới một khối vững-chắc. Cuộc chu-du của Kút-Xếp sang Nữu-Ước để dự Đại-Hội Đồng Liên-hiệp-Quốc vào tháng Chín, cùng với cả nhóm lãnh-tụ chư - hầu cao - cấp nhất, đã có mục-đích chứng-minh rằng khối Nga vẫn bền-chặt và, ngoại-trừ Trung-Cộng, tất cả đã xếp hàng sau lưng lãnh-tụ Nga.

Nhưng, cuối-cùng, họ cũng phải cố giải-quyết vụ chia rẽ. Đại-Hội Cộng-Sản thế-giới có mục-đích ấy. Đại-Hội họp nặng nhọc suốt một tháng ròng, và chấm-dứt vào cuối tháng 11 với một bản thông - cáo làm hài lòng cả hai bên: thông-cáo có ghi một cuộc tranh-đấu trong hòa-bình để chống khối Mỹ, nhưng lại bằng một giọng rất gay - gắt. Giữa hai khuynh - hướng Chiến, Hòa, khuynh-hướng nào thắng? Chúng ta chưa

http://tieulun.hopto.org

biết gì hơn. Nhưng sau đấy, Nga lại cắt mất nguồn dầu-hỏa của Trung-Cộng. Có lẽ là cơn chia rẽ giữa Nga và Trung-Cộng vẫn chưa chấm-dứt chăng ?

Cuộc chạy đua võ-trang.

Trong thời-kỳ sau cuộc tan-vỡ của Hội-nghị tối-cao, một giai-đoạn « đua võ-trang » đã diễn ra. Các nhà cầm-quyền Nga và Mỹ cùng mạnh miệng loan-báo thời-kỳ tận-lực tăng-cường quân-đội, để đối-phó với tình-hình khẩn-trương trên thế giới. Cuộc tăng cường đó còn diễn ra dưới hình-thức một cuộc chạy thi phóng hỏa-tiễn và vệ-tinh.

Nga đã thành-công trong việc phóng vệ-tinh mang 2 con chó, rồi đưa được vệ-tinh trở lại trái đất. Nhưng mấy lần thí nghiệm kế-tiếp đều thất-bại.

Còn Mỹ cũng thí-nghiệm thành-công nhiều lần việc phóng vệ-tinh rồi đưa vệ-tinh trở về trái-đất để thâu-hồi lại. Việc thâu-hồi này rất quan-trọng, vì vệ-tinh có thể là cái máy chụp hình rất tinh-vi để chụp rất kỹ đất địch, rồi người ta thâu hồi nó lại để xem các cuốn phim thì biết hết những bố-trí quân-sự của đối phương. Năm 1960, những thành-công sau đây của Mỹ đều đáng ghi :

— Một vệ-tinh chụp hình do thám : Midas.

— Thứ hỏa-tiễn để phá hỏa-tiễn liên-lục-địa.

— Sắp-đặt xong những hang ngầm trong lòng đất (bất-khả xâm-phạm) để phóng các hỏa-tiễn liên-lục-địa (đặt đúng tầm để tới các tỉnh Nga).

— Các tàu-ngầm nguyên-tử thật-sự hoạt-động, chực sẵn ngoài khơi Âu-Châu sẵn-sàng phóng hỏa-tiễn Polaris (mang bom khinh-khí).

— Ánh sáng giết người : thật ra là thứ bom khinh-khí, đã được chế-ngự, để giết hết các sinh-vật (tiêu-hủy tế-bào động vật và thực vật) trong một đường kính từ 10 đến cả trăm cây-số, mà vẫn giữ nguyên mọi đồ-vật và nhà cửa.

Cuộc chạy đua võ-trang bộc-lộ một sự thật : nếu đại-chiến xảy ra, nó sẽ khủng-khiếp vô-cùng.

Cuộc chuẩn-bị trong nội-bộ Mỹ

Tháng 11, nước Mỹ bầu cử tổng-thống, ông Kennedy, thuộc đảng Dân-Chủ, đã đắc-cử. Những điều đáng ghi trong cuộc bầu :

1.— Nước Mỹ đặt vào tay lớp người trẻ tuổi, cấp-tiến hơn, nghĩa là hăng hái hơn, dám liều hơn.

2.— Chánh-sách mới là chánh sách cấp-tiến. Về chánh-trị, nhằm chống Cộng mạnh hơn và giải-phóng các đất bị Cộng-Sản chế-ngự. Về quân-sự, triệt-để tăng cường võ-trang.

3.— Chánh-phủ mới ở Mỹ : ông Dean Rusk (Dân-Chủ) làm ngoại trưởng là người nổi tiếng chống Cộng. Ông Mc Namara, tổng trưởng quốc-phòng, và ông Dillon, tổng-trưởng Tài-Chánh, đều thuộc đảng Cộng-Hòa : điều ấy chứng-tỏ chánh-sách lưỡng-đảng ở Mỹ, và ý-định không muốn gây xáo-trộn trong những ngành chuyên-môn.

Mấy tháng cuối năm, Mỹ cố giải-quyết tình-trạng tài-chánh, để ngăn-ngừa những tai-hại gây ra cho đồng Mỹ-kim do việc viện-trợ và chi-tiêu ra ngoại-quốc quá nhiều, làm đồng tiền ấy mất giá. Những biện-pháp tiết-

http://tieulun.hopto.org

kiệm lớn lao đã được thi hành: theo đó, những đàn-bà, trẻ con Mỹ ở các nước sẽ phải về Mỹ, người Mỹ ở các nước sẽ dùng nhiều hàng Mỹ hơn, nhân-viên ngoại-giao Mỹ sẽ hạn-chế đi lại, viện-trợ Mỹ sẽ dùng nhiều hàng Mỹ, và những cường-quốc đồng-minh của Mỹ được mời gánh dùm một phần gánh nặng mà Mỹ vẫn thường chịu trong việc viện-trợ các nước nhược-tiểu và nuôi quân trong các khối liên-minh.

Những biện-pháp đó sẽ ảnh-hưởng đến đời sống kinh-tế nhiều nước:

Công cuộc chỉnh bị trong hàng-ngũ thế-giới Tự-Do.

Công-cuộc chỉnh-bị hàng-ngũ nhằm việc thiết-lập một nền-tảng cố-kết giữa Mỹ và các lực-lượng Đồng-Minh.

1.— *Nước Anh.*— Giữa Anh và Mỹ một thời-kỳ hợp-tác mật-thiết và thống-nhất quan-điểm, thống-nhất hành-động trong các vấn-đề thế-giới đã bắt đầu. Người ta thấy quan-điểm Anh đã cứng-rắn hơn trong các vấn-đề phải đối-phó với Cộng-Sản (như công việc Congo, việc Lào).

2.— *Pháp.*— Pháp đã phải cố-gắng để giải-quyết vấn-đề An-giê-ri. Viễn-tượng một cuộc can-thiệp của Cộng-Sản thật ra không cấp-bách bằng những đòi-hỏi của các Đồng-Minh làm cho Pháp phải mau thanh-toán vấn-đề đó, vấn-đề làm suy-yếu khối Minh-ước Đại-Tây-Dương. Nhưng những khó khăn quá nhiều; De Gaulle đã phải chống với khối người Pháp ở Bắc-Phi, nên phải đưa chánh-sách của mình ra trưng-cầu dân-ý. De Gaulle cổ vận-động để lập một Quốc-Gia An-giê-Ri, trong đó những người kháng-chiến có vai-trò của họ. Cuộc điều-đình sẽ gặp nhiều khó-khăn, nhưng các Đồng-Minh đã giúp Pháp mở được con đường, khi vận-động thành-công ở Đại-Hội-Đồng L.H.Q. để Đại-Hội-Đồng gạt bỏ việc trưng-cầu dân-ý thực-hiện quyền tự-quyết tại An-giê-Ri dưới sự kiểm-soát của Liên-Hiệp-Quốc. Việc gạt bỏ này có mục-đích để cho Pháp dễ thở hơn trong việc thi-hành quyền tự-quyết cho An-giê-Ri theo ý Pháp. Tuy được tự-xử, Pháp không thể nhìn gần như xưa, vì nòng cốt của vấn-đề vẫn là phải thật-sự trả quyền tự-quyết cho dân An-giê-Ri, có thể kháng-chiến mới ngừng bắn.

3.— *Nước Đức.*— Hai điều chắc chắn: nước Đức võ-trang mạnh hơn bằng những khí-giới tối-tân (chuẩn-bị cả bom nguyên-tử), và nước Đức sẽ đóng góp nhiều hơn để giúp Mỹ nhẹ gánh.

4.— *Nước Nhật.*— Việc Eisenhower không vào được Nhật mặc dù đã tới cửa ngõ nước Nhật, chứng-tỏ phản-ứng của Cộng-Sản trước một biến-cố quyết-định: việc chuẩn-nhận tân-hiệp-định an-ninh Mỹ-Nhật. Nhưng Cộng-Sản đã cản được Eisenhower vào đất Nhật, mà không cản được hiệp-định Mỹ-Nhật. Rồi cuối năm, Nhật tổng-tuyển-cử: đảng Tự-Do thắng rõ-ràng, ông Ikeda ngồi vững ở ghế thủ-tướng để thi-hành chánh-sách liên-minh với Mỹ.

5.— *Khối Đại-Tây-Dương.*— Khối Liên-phòng đã thấy lại sự thống-nhất thật-sự và trở nên mạnh-mẽ đặc-biệt sau khi được đổi thành lực-lượng nguyên-tử tự-trị vào lúc cuối năm. Những võ khí nguyên-tử được trao hẳn cho Khối Quân-đội Tây-Âu — không còn là của riêng của Mỹ nữa. Biện-pháp này làm tăng khả-

http://tieulun.hopto.org

năng chiến-đấu của khối và làm tăng sự góp sức của mỗi nước.

6 — *Thống-nhất Âu-Châu.*— Âu-Châu chống Cộng đã phân ra hai khối Kinh-tế : Khối Thị-Trường Chung Âu-Châu, một khối do Pháp, Đức làm chủ-chốt, một khối do Anh điều khiển. Tình-trạng chia-rẽ đó không lợi, nên trước cảnh căng-thẳng trên thế-giới, các nhà lãnh-đạo hai khối đã tính đến sự thống-nhất kinh-tế của cả Âu-Châu, mà hòa-hợp hai khối làm một.

7.— *Nam-Mỹ.*— Nhân vụ Fidel Castro đưa Cuba vào chánh-sách thiên Cộng, các nước Nam Mỹ bừng-tỉnh, đã đứng lên chống Cộng và siết chặt hàng ngũ với Mỹ.

Kết-luận :— Cuộc chỉnh-bị hàng-ngũ của khối Mỹ chưa phải hoàn-hảo, nhưng đã tiến-triển được nhiều.

Những cuộc tranh-chấp sôi-nổi.

Một cuộc chỉnh-bị hàng-ngũ thường thực-hiện êm-dịu, hoặc bí-mật, nên ít khi là những biến-cố sôi-nổi. Tuy-nhiên, nó rất quan-trọng, vì mỗi khối đã quan-tâm đến việc tăng-cường sức mạnh quân-sự và chánh-trị của mình hơn, sức mạnh ấy mới thật là yếu-tố để tạo nên hòa-bình (nói theo kiểu các nhà ngoại-giao) hay để quyết thắng trong trường-hợp có đại-chiến thứ ba (nói theo kiểu nhà quân-sự).

Bên những cuộc chỉnh-bị nội-bộ đó, lại có những biến-cố sôi-nổi vì có Nga và Mỹ nhúng tay tranh-chấp, để lại vấn-đề qua những chiều-hướng khác với lúc ban-đầu : vấn-đề Congo, vấn-đề Cuba, vấn-đề Lào quốc.

Việc Congo.

Theo đà tiến-triển chung, nước Bỉ trả quyền độc-lập cho xứ Congo. Nhưng đó chỉ là một quyền nửa chừng : ngoại-giao, quân-đội và kinh-tế vẫn còn trong tay người Bỉ. Mặt khác, người Bỉ dựa vào những chân tay trung-thành đặt ở các khu-vực quan-trọng (như Tsombé ở Katanga), và sẵn-sàng dùng thế chia để trị, hoặc gây ra những tình-trạng khó-khăn cho một nhân-vật nào đó để đẩy người ấy vào một thế bắt-buộc phải liên-kết với Bỉ.

Chính Lumumba, thủ-tướng, là một nhân-vật thân Bỉ và do đảng Xã-Hội Bỉ đưa lên. Kasavubu cũng là một nhân-vật thân Bỉ. Nhưng hai người ấy, lãnh-tụ của hai khối, đã chống-đối lẫn nhau. Lumumba sớm dứt ra khỏi sự che-trở của Bỉ, và gây nên cuộc nổi-dậy của quân-nhân Congo chống lại các sĩ-quan Bỉ. Cuộc nổi-dậy đương đem lại thăng-thế, thì lại đi quá đà : một số kiều-dân Bỉ bị khủng-bố. Bỉ bèn lấy cớ đem binh sang đàn-áp. Chánh-phủ Congo bèn đưa vấn-đề ra Liên-hiệp-Quốc, Lumumba lại có mánh-lới khéo-léo ký-kết với một công-ty ở Mỹ để nhường quyền khai-thác Congo. Theo lẽ công-bằng cũng như để chặt cánh cuộc tuyên-truyền Cộng-Sản, Hội-Đồng Bảo-An đã quyết-định bắt Bỉ rút quân về và L.H.Q. đem quân tới. Nhưng mọi việc đã lung-tung. Quân Congo nổi loạn khắp nơi, chính Lumumba cũng không kiểm-soát nổi. Mỗi nhân-vật địa-phương nắm lấy một phần quân-đội của mình. Xứ Katanga theo Bỉ tách riêng ra. Vì Katanga là tỉnh hầm-mỏ, giầu-thịnh nhất, nên Lumumba lại khởi cuộc tranh-đấu mới. Vậy là thoạt-đầu, người ta đã thấy chớm khởi

http://tieulun.hopto.org

một cuộc tranh-giành quyền-lợi giữa Bỉ và Mỹ. Đứng bên Bỉ, lại có Pháp và khối Thị-trường Chung Âu-Châu. Khi ấy, Nga đã sớm thấy một hồ nước đục, bèn thả câu xuống và đề-nghị viện-trợ cho Lumumba. Lumumba mắc câu, nhận viện-trợ Nga. Bỉ reo mừng đắc-thắng, vì tình-thế đã đổi khác. Từ đây, Lumumba đã thành con người thiên Cộng và ông Tổng-thư-Ký L.H.Q. lo điều-hành công-việc của L.H.Q. ở Congo, không thể nào giúp Lumumba được nữa. Ngoài ra nữa, sự đoàn-kết của Tây-Phương trong Hội-Đồng Bảo-An lại được thấy lại. Vì lý-do căn-bản ấy, Lumumba bị đẩy vào thế bất-lực. Mobutu đoạt lấy quyền-hành nắm quân-đội, và Kasavubu, tổng-thống, được Liệp-hiệp-Quốc chánh-thức công-nhận là quyền-hành hợp-pháp.

Trên thật-tế, hiện nay, Congo đương đứng trên vực thẳm của chiến-tranh và chia-rẽ. Sau khi Lumumba bị phe Mobutu bắt, Đông Congo đã nổi dậy và quân của Mobutu đã tới vây đánh tỉnh này. Tình hình còn nhiều biến chuyển.

Việc Cuba.

Chế-độ Batista, độc-tài, thối-nát, đã xụp đổ. Trong khi cần chống Cộng, người Mỹ cứ biết giúp Batista, mà quên mất cả những vết nứt rạn của một chế-độ. Sự xụp-đổ của Batista dĩ nhiên là một kinh-nghiệm lớn cho những người chống Cộng.

Fidel Castro, người thắng thế ở Cuba, không phải là một người Cộng-Sản. Nhưng Cộng-Sản đã biết lợi-dụng mà đặt người quanh ông. Những phản-ứng của Mỹ, để gây khó khăn cho Castro, càng làm cho Cuba nghiêng về Cộng-Sản hơn. Castro tịch-thu các xí-nghiệp Mỹ, thì Mỹ hết mua đường của Cuba và phong-tỏa kinh-tế đảo này. Nhưng việc Cuba còn nhiều phương-diện khác :

1.— Nga-Sô đã cứu-mạng Cuba, không phải vì chính Cuba, mà vì muốn dùng Cuba để phá Mỹ, để làm bàn đạp tiến vào Nam-Mỹ. Cuba phải thân thiện với Nam-Mỹ thì mới giữ được trách-vụ « bàn đạp » ấy. Nay Cuba đã bị chận đứng ở Nam-Mỹ, thì sự quan-trọng của Cuba đã bị giảm đi trong mắt Nga.

2.— Do đấy, không chắc gì Nga-Sô sẽ cứu-mạng Cuba lâu dài (vì rất tốn kém).

3.— Phe đối-lập nổi dậy ở Cuba, chống lại chế-độ thiên Cộng và độc-tài của Fidel Castro. Nhóm đối-lập thuộc Batista thì không đáng kể, nhưng đây chính là những người từng tranh-đấu chống Batista, từng giúp cho Fidel Castro, đứng ra để chống lại chế-độ. Castro sẽ phải đềm-xỉa đến bọn người có nhiều uy-tín này.

Việc Cuba, cho đến cuối năm, vẫn còn hẹn nhiều chuyển động.

Việc Ai-Lao.

Không-Le là một đại-úy người Kha (dân thiểu-số ở Lào), thiên Cộng. Viên sỹ-quan đó đã thực-hiện một kế-hoạch của Cộng-Sản, khi gây cuộc bạo-động ở Vạn-Tượng. Nhưng một nhân-vật chánh-trị Quốc-Gia ôn-hòa đứng lên hứng lấy kết-quả : hoàng-thân Souvanna Phouma lợi-dụng tình-thế, vận-dụng chánh-trị đứng lên lập Chánh-phủ.

Nhưng hoàng thân Souvanna Phouma có 2 nhược-điểm :

http://tieulun.hopto.org

1.— Ông không chế-ngự nổi Không-Le và luôn-luôn phải để Không-Le lộng-hành, làm ông mất hẳn uy-thế.

2.— Ông theo một chủ-trương trung-lập, và tin ở sự trở về của Pathet Lào, do em ông là hoàng-thân Souphanouvong cầm đầu (câu nói bất-hủ của ông : cuối-cùng, thì đến Cộng-Sản cũng biến thành người Lào). Thế trung-lập của ông, trong mấy tháng, đã được lợi-dụng triệt-để để đưa ông lên vị trọng-tài, đứng giàn-hoà giữa phe Pathet Lào và phe tướng Nosavan.

Chính Pathet Lào đã làm ông Souvanna Phouma thất-bại, bởi họ không nhiệt-thành ủng-hộ chánh-sách đó. Điều này chứng tỏ Cộng-Sản cũng không tin gì ở sự thành-công của hoàng-thân Phouma. Cộng-Sản chỉ tính kéo-dài tình-thế, để chuẩn-bị một cuộc lan-tràn khắp đất Lào bằng chiến-thuật du-kích.

Khối quân-lực Nosavan, với sự ủng-hộ của Mỹ, đã chuẩn-bị ráo-riết trong 3 tháng rồi đại-tấn-công. Trước thế mạnh, trước một chủ-trương quốc-gia hợp-lý, khối quân Nosavan đã mạnh lên nhờ các quân-khu theo về. Chỉ còn một quân-khu Vạn-Tượng do Không Le nắm giữ là còn chống lại. Nhưng trận tấn-công cuối-cùng đã thanh-toán được nhóm quân Không-Le, mặc dù Nga thấy tình-hình soay-chiều bất-lợi nên vội lập-cầu hàng-không giúp Không Le và đẩy hàng sư đoàn quân Việt-Cộng ra biên-giới.

Sau khi Hoàng thân Phouma bỏ trốn ra ngoại-quốc, trên thật-tế, hiện ở Lào chỉ còn hai lực-lượng đối-diện nhau: chánh-phủ Quốc-Gia Boun-Oum Nosavan và Pathet Lào. Tình-hình Lào chưa dứt-khoát, nhưng phe Tự-Do đã được những yếu-tố cần-thiết để thắng-thế sau này:

1.— Đoàn-kết trong khối Quốc-Gia Lào.

2.— Ý-chí chống Cộng-Sản được thuần-nhất.

3.— Chánh-phủ hợp-pháp có chủ-trương thân Tây-Phương và sẵn-sàng kêu-gọi đến khối Liên-phòng Đông-Nam-Á khi cần đến.

Những biến-cố có tính-cách địa-phương.

Năm 1960 còn đầy-rẫy những biến-cố rung-động từng địa-phương, đảo-lộn từng chế-độ. Chế-độ độc-tài ở Hàn-quốc của tổng-thống Lý-Thừa-Vãn đã xụp-đổ vì cuộc nổi-dậy ào-ạt của dân-chúng, nhất là của tầng lớp thanh-niên. Chế-độ thối-nát độc-tài ở Thổ-Nhĩ-Kỳ của thủ-tướng Menderès xụp-đổ vì cuộc khởi-nghĩa của quân-đội. Và đây-đó, trên thế giới, gần chục những cuộc đảo-chánh hụt, chứng tỏ người ta đương sống trong một thế giới đầy chuyển-động.

Để kết-luận.

Những biến-cố sôi-nổi trong một năm, dĩ nhiên dẫn đường đi đến tình-hình năm mới.

Rồi đây, chúng ta sẽ thấy gì? Nga Mỹ sẽ còn cố chỉnh bị hàng ngũ cho vững chặt hơn, họ sẽ tiếp-tục chạy đua võ-trang, và họ sẽ cũng vẫn tiếp-tục tranh-chấp nhau ở các khu-vực như Congo, Lào Quốc... Thế-giới năm tới có thể vẫn sẽ đầy những biến-cố sôi-nổi. Khúc quanh để chấm-dứt cái đà ấy chắc chẳng phải là vào những tháng đầu năm.

NGUYỄN-CHÂU-PHÙNG

http://tieulun.hopto.org

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy
CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ hống-Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).

Nam-Vang Chi Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

http://tieulun.hopto.org

PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC :

nhà văn ANDRÉ MAUROIS tự phê-bình

★ *BÙI-HỮU U-SỦNG*

NHÀ văn người Pháp, André Maurois, rất quen thuộc với độc-giả Việt-Nam. Cách đây vài năm, tại Saigon, cuốn « Un art de vivre » (một nghệ thuật sống) của ông đã được dịch ra Việt-văn và đã được tái-bản. Mới đây tờ nhật báo Pháp-ngữ ở Saigon, Le Journal d'Extrême Orient, loan tin André Maurois được một nhà xuất bản ở Ba-Lê mời viết một bộ sử về nước Hoa-Kỳ, song song với bộ sử về nước Nga do Aragon đảm nhiệm. Tính đến năm nay, A. Maurois đã bảy mươi lăm tuổi mà không mấy kỳ tẩu ở Pháp sang chúng ta lại không đọc thấy những bài bình-luận của ông trên các báo Nouvelles litéraires, La revue de Paris. v v...

Ngoài các bài đăng rải rác trên báo chí, ông đã viết trong khoảng 50 năm, hơn 40 tác-phẩm có giá-trị thuộc đủ loại :

— a/ Tiểu-thuyết như : Les silences du colonel Bramble (1918) ; Ni ange, ni bête (1919) ; Bernard Quesnay (1926) ; Climats (1928) ; Le cercle de famille (1932)... Les roses de Septembre (1956).

— b/ Truyện ngắn như : LePeseur d'âmes ; La Machine à lire les pensées v.v...

— c/ Tiểu-sử (Biographies) : Ariel ou la vie de Shelley ; Byron ; — Voltaire; Chateaubriand ; G. Sand ; Victor Hugo ; Proust v.v...

— d/ Sử : Sử nước Anh ; Sử nước Pháp ; Sử nước Mỹ v.v...

http://tieulun.hopto.org

— c/ Luận-thuyết (Essais): Alain ; Un art de vivre ; La conversation.

— f/ Đối thoại : Dialogues sur le commandement ; Dialogues des vivants.

— g/ Hồi-ký (Mémoires)

— h/ Sách cho nhi-đồng : Chopin ; Franklin ; Washington ; Eisenhower v.v...

— i/ Phê-bình văn-học : Études littéraires (tomes I et II) ; Magiciens et logiciens ; Mon doux plaisir ; Portrait d'un ami qui s'appelait moi (1959).

A. Maurois học-thức uyên-bác, thông thạo về cổ-ngữ Hi-lạp, La-Tinh, và về Anh-văn. Sức « sản xuất » của ông rất phong-phú và xuất sắc về đủ loại (trừ thơ và kịch). Sau khi ông viết hơn 10 cuốn tiểu-sử về văn-nhân, thi-nhân và danh-nhân, ông đã áp-dụng phương pháp ấy để viết tiểu-sử của chính mình và tự phê-bình trong cuốn « Portrait d'un ami qui s'apelait moi ». Cuốn này thuộc vào một loại sách rất mới, ở Pháp, loại nhà văn tự phê-bình văn-phẩm của mình (Collection : Les auteurs juges de leurs œuvres) do các bậc kỳ-cựu trong giới văn-sĩ phụ-trách như Henry Bordeaux, Georges Duhamel v.v. Cuốn của A. Maurois gồm hai phần : Phần II trích những trang sách tiêu-biểu, phần I thuật lại đời làm văn, cách hành văn, điểm lại các văn-phẩm. Ông còn chỉ đường lối (itinéraire) cho người nào muốn đọc sách của ông : Thực là một quyển sách rõ ràng, thực tế và chung đúc nhiều kinh lịch quý giá cho nghề viết văn. Dưới đây, tôi sẽ tóm lược cuốn « Portrait d'un ami qui s'appelait moi » với hai kỳ vọng :

— 1/ Kỳ-vọng một nhà xuất bản Saigon sẽ gắng mời các nhà văn, nhà thơ lão thành làm sách tự phê-bình để truyền những kinh-nghiệm sống cho các nhà văn trẻ tuổi.

— 2/ Kỳ-vọng một nhà văn nước ta có óc phân-tích và tổng-hợp sẽ tìm tài-liệu áp-dụng những phương-pháp của A. Maurois để soạn những tập tiểu-sử về Nguyễn-công-Trứ, Tản-Đà v.v... Thể « tiểu-sử » (Biographie) là một chi-nhánh của nghành phê-bình. Nếu nước ta còn thiếu nghành phê-bình thì nhất-định chúng ta chưa thể vững tiến trên đường văn-học được.

I.— Phần lược thuật (1)

A.— Đời sống.

Nói về mình thực là khó. Mình khen mình ư ? Thiên hạ sẽ mỉm cười chê giễu. Mình tự phê-bình một cách khắt khe ư ? Thế-nhân sẽ cho mình là giả đạo-đức. Thôi thì cũng cứ mạo-hiểm viết về mình một cách giản dị.

Tôi tên là Emile Herzog, bút hiệu là A. Maurois, thuộc về dòng Do-Thái. Tôi sinh ở Pháp, tại tỉnh Elbeuf, miền Normandie Cha mẹ tôi làm kỹ-nghệ dệt dạ, trước ở Alsace, sau cuộc Pháp thất trận, năm 1871, di-cư sang Elbeuf, mang theo một nhà máy với 400 người thợ và hiện đoàn di-cư này vẫn giữ

(1) Lược thuật theo lời tác-giả, A. Maurois, tự giới thiệu mình.

http://tieulun.hopto.org

được những khúc hát và kiểu múa quê-hương. Mẹ tôi, xưa kia theo học ở Ba-Lê và có trình độ văn hóa cao. Hồi thơ-ấu tôi đã cảm động nghe mẹ tôi đọc thơ của Victor Hugo và cũng nhờ thế, tôi sớm biết làm văn và ham đọc sách. Vào khoảng 10 hay 12 tuổi, tôi đã soạn một vở kịch thơ năm màn. Lúc theo học lớp Đệ Lục trường Trung-học Elbeuf, một giáo-sư của tôi đã tiên đoán tôi sẽ thành văn-sĩ và ông làm quà cho tôi một tập truyện của các nhà văn nước Nga như Tolstoi, Tourgneniev. Cácnhà văn ấy đã ảnh hưởng nhiều tới những cuốn tiểu-thuyết sau này của tôi.



Giáo-sư Alain

Biến-cố quyết định đời tinh-thần của tôi là việc thụ-giáo triết-gia Alain. Buổi khai giảng ở lớp triết-học, giáo-sư Alain bước vào lớp, lấy phấn viết một câu bằng chữ Hi-Lạp lên bảng: « Phải mang hết tâm-hồn để đạt tới chân-lý ». Bài giảng của ông cám dỗ trí-tuệ tôi, kích-thích sự tìm hiểu của tôi. Giáo-sư Alain còn khuyên tôi đọc Platon, St. Simon, Stendhal và xa lánh những văn chương thời thượng và nhất là trào-lưu tư-tưởng của A. Gide, hồi đó, đang là một cái « mốt » (mode) trong giới văn-học. Cuối niên học, tôi được phần thưởng toàn quốc về triết-học. Lúc lên lĩnh thưởng, giáo-sư Alain cầm tay tôi giữ lại và hỏi về tương-lai của tôi. Tôi trả lời:

— Thưa thầy con sẽ vào trường Đại-học sư-phạm để sau ra làm giáo-sư và văn-sĩ.

— Anh sẽ thành-công đấy. Nhưng làm giáo-sư, nhỡn-giới sẽ hẹp quá, vì ít súc-tiếp với người đời. Cha anh có nhà máy, anh hãy quay về sống với thợ thuyền, kỹ-nghệ gia Anh nhớ Balzac làm nhà in, Charles Dickens làm báo, hai ông ấy mới gặp được nhiều nhân-vật bằng xương bằng thịt để tạo nên những nhân-vật trong tiểu-thuyết. Anh nên noi gương hai ông ấy và sau khi làm việc ở nhà máy, chiều tối về nhà, anh hãy đọc « Le Rouge et le Noir » của Stendhal và chép lại như các cậu học vẽ sao chép các bức họa danh tiếng.

Tôi đã theo đúng lời chỉ-giáo trên. Sau khi đỗ cử-nhân, tôi trở về nhà máy dạ, học đủ các nghề như rút sợi, dệt dạ. Tối đến tôi đọc Chateaubriand, Ste Beuve, Darwin, Stendhal và ghi chép cẩn thận từng câu, từng trang. Tôi có dịp giao dịch với các thương-gia, đi du-lịch tại Anh, Ý, Tây-Ban-Nha, nhưng vẫn tiếc không

http://tieulun.hopto.org

được về Ba-Lê liên lạc với các văn-sĩ đương thời như A. France, M.Barrès. Có phút, tôi thấy mình bế bộn trong doanh - nghiệp và tuyệt - vọng về sự-



André Maurois và bà Simone, vợ thứ hai.

nghiệp văn-chương. Một lần, sang du-lịch ở Thụy-sĩ tôi gặp một gia-đình Balan, di-cư. Tôi cảm mến con gái của gia - đình ấy, tôi liền « bắt cóc » nàng như trong tiểu - thuyết và đưa nàng đi trọ học ở Oxford, rồi cứ hàng tuần, tôi tới thăm. Ba năm sau, tôi mang việc ấy ra thú với gia-đình, cha mẹ tôi bằng lòng cho tôi cưới nàng làm vợ. Từ đấy, cuộc đời của tôi bắt đầu tươi vui vì như Goethe đã nói « không có gì mê - ly cho bằng nàng ham học và chàng ham dạy ».

Năm 1914, chiến.tranh bùng nổ. Vì biết anh ngữ, tôi làm thông - ngôn trong đoàn quân người Anh. Tôi có dịp nhận xét tâm-lý và viết một cuốn sách về người Anh. Sách ấy nhan-đề là « Les silences du Colonel Bramble » và ký bút-hiệu là André Maurois. Kết-quả bất ngờ : sách bán tới bốn ngàn, năm ngàn, hai chục ngàn cuốn. Sách còn được dịch ra nhiều tiếng ngoại.quốc, các phê-bình gia nhiệt - liệt ngợi khen. Tôi mừng quá, sướng quá tưởng chừng đang sống chuyện « nghìn lẻ một đêm ». Giải ngũ, tôi lại trở về nhà máy, cho xuất-bản tiểu - thuyết « Ni ange Ni bête ». Quyển này không được các phê - bình gia tán - thưởng. Riêng giáo-sư Alain khen tôi : « Được lắm, anh đã lĩnh hội được bài học của Stendhal rồi. »

Tôi thu thập những kỷ - niệm về chiến-tranh, cho xuất bản cuốn « Discours du docteur O'Grady » và kết-quả cũng vang dội ngang với cuốn thứ nhất. Dần dần tôi làm quen với các văn-sĩ trứ.danh đương thời. Tôi viết xong cuốn « Ariel ou la vie de Shelley » và đọc cho A. Gide, Charles du Bos nghe. Các ông đều khen hay. Nhà máy ở Elbeuf qua cuộc khủng-

http://tieulun.hopto.org

hoảng kinh-tế, tôi vượt nổi các khó khăn, rút kinh-nghiệm để soạn cuốn tiểu-thuyết « Bernard Quesnay » và cuốn luận-thuyết « Dialogues sur le commandement ». Năm 1924, vợ tôi chết, tôi mang ba đứa con ra Ba-Lê ở, phó thác nhà máy cho mấy người trong họ quản-lý. Từ đấy tôi làm quen với François Mauriac, Paul Morand. Tôi gặp Simone de Caillavet và cưới nàng làm vợ. Từ đây vợ tôi nguyện làm thư ký cho tôi, chép đi chép lại bản thảo về hai quyển : « Vie de Disraëli » và « Climats». Nàng có quen biết Marcel Proust và tìm tài-liệu để sau này tôi viết được tiểu-sử của nhà văn ấy. Từ năm 1928 đến 1938 đời sống của tôi yên vui. Tôi được mời sang diễn-thuyết ở trường Đại-học Cambridge. Đại-học Princeton. Khi qua nước Anh, tôi đặc biệt chú ý tới kỹ-thuật viết tiểu-sử (Biographie) của các văn-hào Lytton Strachey, Harold Nicolson. Tôi trình bày phương-pháp trong tập « Aspects de la biographie » và viết tiểu-sử về Byron. Cũng trong giai-đoạn này, tôi viết : « Le cercle de famille », « L'Instinct du bonheur », « Le peseur d'âmes », « Lyautey », « Chateaubriand », « Lịch-sử nước Anh » v. v... Năm 1936, tôi được bầu vào Hàn-lâm viện Pháp-quốc.

Thế-chiến thứ hai bùng nổ (1939), tôi lại được làm liên-lạc viên bên cạnh đoàn quân Anh và lại hi vọng viết sách về người Anh. Chẳng may Pháp bị xâm lăng, tôi chạy sang Luân-Đôn, sang Mỹ, gặp vợ tôi đã lánh nạn sang đó và lúc bấy giờ hay vợ chồng chỉ còn vài mỹ-kim trong túi. Tôi bắt đầu đi dạy học và thấy người Mỹ, người Pháp hiểu lầm nhau, tôi soạn hai cuốn sử, một về nước Mỹ, một về nước Pháp.

Năm 1942, Mỹ cho quân đổ bộ lên Bắc-Phi, tôi cùng St. Exupéry xin về ngay. Nhưng trước sự chia rẽ của quân nhân Pháp, tôi lại sang Mỹ cho tới ngày hết chiến-tranh. Tôi được tin mẹ tôi bị quân Đức cầm tù rồi chết. Tôi được tin một thế-hệ văn-sĩ trẻ ra đời, thế-hệ của Sartre, của Camus ; sách của tôi vẫn giữ đều đều một số độc-giả. Về Pháp, tôi viết tiểu-sử về M. Proust, G. Sand, V. Hugo, Dumas, tiểu-thuyết «Les Roses de Septembre» (1956). Năm 1951, giáo-sư Alain chết. Trước khi ông mất, ông đã đọc và ưng ý quyển Alain, trong đó tôi thu gọn tư-tưởng triết-lý của ông rải rác trong các sách báo. Trước mồ của thầy tôi, tôi có đọc điếu tang, nguyện truyền tư-tưởng của thầy cho hậu thế : « Socrate không chết, Socrate còn sống ở nơi Platon ; Platon không chết, Platon còn sống ở nơi Alain ; Alain không chết, thầy còn sống ở nơi chúng con, giờ đây, đang quây quần chung quanh mộ thầy ». Hiện giờ, ngày nào, sáng và chiều, tôi cũng còn đọc lại một trang trong bộ « Propos » của Alain. Những tập « Propos » của ông là sách để đầu giường của tôi. Tuy vậy tôi cũng thích theo dõi phong-trào văn-nghệ mới : Tôi đọc các nhà văn mới, thưởng-thức điện-ảnh, tìm hiểu những phát-minh khoa-học ngày nay, như là viết sách về đời sống của Sir Alexander Fleming, (nhà khoa-học người Anh đã sáng-chế ra chất Penicelline).

http://tieulun.hopto.org

Trước đây 50 năm, giáo-sư Alain có kể cho tôi nghe chuyện Socrate. « Khi Socrate bị cầm tù, có xin phép mời một ông thầy vào học thổi ống quyền, người ta hỏi Socrate.

— Mời làm gì ? vài ngày nữa, nhà thầy sẽ bị buộc phải uống độc-dược để chết cơ mà !

— Ừ chết, nhưng trước giờ từ trần, cũng cần học để biết thêm ». Tôi cũng đã thấy bát thuốc độc để ở cửa sổ tôi rồi, nhưng có lẽ tôi sẽ tìm một giáo.sư chuyên về vật-lý nguyên-tử để biết thêm, trước khi từ biệt cõi đời. »

B.— Văn-phẩm.

Nếu ai đọc hơn 40 văn-phẩm của tôi, cũng sẽ thấy nó tạp-nhạp thiếu sự duy-nhất. Các nhà phê-bình thích sắp xếp các văn-sĩ vào các khuynh-hướng, sẽ thất vọng vì các ông sẽ lúng túng không biết đặt tôi vào văn-phái nào cho ổn : hiện-sinh, tả-chân, hay lãng-mạn ? Là vì tôi bẩm sinh đã tò mò, lại được các giáo-sư như Alain kích-thích, dưỡng-dục tính tò mò ấy. Hơn nữa, mỗi khi khảo-sát về một vấn-đề gì, tôi không bao giờ bằng lòng về các sách, kể cả sách giáo-khoa trình-bày vấn-đề ấy. Óc tôi cứ muốn phô-diễn lại một cách rõ ràng và có hệ-thống hơn. Chính vì thế, tôi viết mấy cuốn sử về Mỹ, Anh, Pháp. Mấy phê-bình gia như Robert Kemp, R.M. Albérès đều đồng ý về điểm này : Tôi là một ông giáo lành nghề (Un excellent instituteur).

Trong khi đi tìm tinh thần duy-nhất (unité) trong các văn-phẩm của tôi, tôi sực nhớ tới tính lãng-mạn bồng bột của tôi từ thời niên-thiếu, và cũng vì thế phụ-nữ và ái-tình chiếm một địa-vị ưu-đãi trong các tiểu-thuyết của tôi cũng như trong luận-thuyết : « Un art de vivre », « Lettres à l'inconnue », « Sept visages de l'amour », cả đến trong các tập tiểu-sử : George Sand, Juliette Drouet v.v... Nhưng ái-tình tôi tả là ái-tình tình-cảm (amour-sentiment) khác với tình-dục (amour physique) trong tiểu-thuyết ngày nay. Như vậy là tôi đi ngược với phong-trào.

Một điều mâu-thuẫn là bên cạnh tính-chất lãng-mạn (romanesque) tôi thích ca ngợi sự hoạt-động. Tôi cảm thấy thú vị trong khi tôi hoạt-động chuyên-nghiệp ở trong nhà máy dệt. Sở thích ấy độc-giả nhận thấy ở trong tiểu-thuyết « Bernard Quesney », trong tiểu-sử Lyautey, Disraëli, A. Fleming.

Một tính chất hằng cửu nữa trong văn-phẩm phức tạp của tôi là sự có mặt một nhà đạo-đức (un moraliste). Giữa thời-đại này, danh giá và thành-công chạy theo những kẻ « phi luân-lý », tôi vẫn trái đời, cứ khuyên nhủ người đời giữ lấy mỹ tục, cư xử cao cả mà không hề mong một phần thưởng gì ở đời này hay đời sau. Hãy tưởng tượng một con tầu gặp bão sóng ở giữa đại-dương. Người thuyền-trưởng cho sóng gió to lớn hơn mình, bắt mình chết, thành ra người ấy chết. Nhưng bọn thủy-thủ không nghĩ thế, họ cho đại-dương là vô-tình, bão-táp cũng chẳng muốn hại ai, vậy cứ cầm cự đấu tranh và cơn bão-táp sẽ qua. Trong các tác-phẩm của tôi cũng vậy,

http://tieulun.hopto.org

tôi gợi can-đảm cho mọi người hoạt-động, đấu tranh để mà sống, Một sinh-viên nước Ý, làm luận-án về tôi đã nhận xét rất đúng : Tôi bi quan về lý-trí và lạc quan về tâm-tình (pessimisme de la raison, optimisme du coeur).

Sự tình cờ đóng vai quan-trọng trong sự thai-nghén tác phẩm của tôi. Tôi có dự định viết về người Anh đấu, nhưng vì chiến tranh tôi sống với họ nên tôi mới nảy ra ý viết cuốn « Les silences du Colonel Bramble ». Tôi viết về Lyautey cũng là do một sự tình cờ gặp gỡ. Nhất là các tiểu-thuyết đều do sự ngẫu nhiên mà ra đời. Thí dụ cuốn « Climats » là do câu chuyện ái-tình của một người bạn, tưởng mình chết, kể lại cuộc đời ba vợ của anh Tôi thay đổi vài chi-tiết, chỉ xây dựng câu chuyện với hai người vợ thôi. Tôi viết về Victor Hugo là vì ngày nhỏ tuổi, mẹ tôi đọc cho tôi nghe bài thơ « Les pauvres gens » và ngay sau đó bộ « Les Misérables » của thi-sĩ làm tôi cảm kích. Vì nhiều sự ngẫu-nhiên như vậy, ai muốn đọc sách hay nghiên cứu về tác-phẩm của tôi, không cần phải theo thứ-tự thời-gian. Cả đến cuốn « Les silences du Colonel Bramble » (1918), cũng đừng nên coi là tác-phẩm đầu tay của tôi, vì thực ra tôi đã tập viết rất nhiều nên tôi có thể bắt đầu cuốn nào trước cũng được.

Về cách hành-văn (style), tôi chịu ảnh-hưởng nhiều của Alain, thầy giáo tôi. Mỗi khi lý-luận, tôi hay dùng những chữ « car », « mais ». Alain dạy tôi càng bỏ được những mối-từ (liaisons) ấy đi, lý luận càng chặt chẽ. Thầy Alain thường phê vào các bài luận của tôi. « Thắt chặt lại, chung đúc lại và kết thúc bằng một cái đấm thực mạnh » (serrez, condensez et terminez en coup de poing). Chính thầy tôi cũng hành văn như vậy trong các bài báo đăng hàng ngày ở tờ Dépêche de Rouen. Tôi cũng theo kỹ-thuật ấy trong nhiều tác-phẩm của tôi. Tôi còn chịu ảnh-hưởng của âm-nhạc, vì tôi cho một bài văn cũng phải bố-cục như một bản nhạc. Một độc-giả chăm chú xem văn tôi, cho biết hai cuốn tiểu-thuyết của tôi cũng đã chấm dứt bằng một điệu nhạc : Câu cuối cùng của tập « Cercle de falmile » là

★ Trong lòng chúng ta có một nhà độc tài tàn nhẫn ngự trị, sẵn sàng tính gieo tai giáng họa xuống cho hàng ngàn người dưng, miễn là tai họa ấy bảo đảm hạnh phúc cho một vài người chúng ta yêu mến.

★ Đối với hai người, thời gian qua rất khác nhau : nó mau hay chậm, tùy theo tình hữu ái họ cảm thấy.

★ Có những kẻ ta vừa gặp đã nhận ra ngay là bạn hữu. Ở với họ, ta thấy khoan khoái dễ chịu vì ta biết không bao giờ, tuyệt đối không bao giờ ta gặp bước nguy hiểm.

http://tieulun.hopto.org

« *Un train siffla* », câu cuối cùng của tập « Roses de Septembre » là « *Un cygne glissa* ».

Điều thiết tha hơn hết của tôi là văn phải thật rõ ràng, minh bạch. Bởi vậy tôi xếp đặt chữ dùng theo giọng điệu tự nhiên của truyền-thống ngôn-ngữ và như thầy Alain, tôi rất sợ những danh-từ khó hiểu về triết-học (le jargon philosophique) : Platon và Descartes đã diễn-tả những điều rất cao siêu với ngôn-ngữ của mọi người.

Bộ óc của tôi lại chia hai lá (lobes du cerveau) đối chọi nhau, hễ lá này nghĩ thế này thì lá kia lại bẻ lại, thành ra tôi tự tách làm hai người đối đáp với nhau và cũng vì vậy, tôi thích viết văn đối-thoại. Trong các tiểu thuyết của tôi, tôi viết dễ dàng hơn hết là những đoạn nhân-vật đối-thoại và cũng chính vì năng-khiếu ấy tôi đã soạn những tập sách đối thoại : « Dialogues sur le commandement », Dialogues des Vivants » (quyển này nói về văn-học)

(Còn tiếp 1 kỳ)

BÙI-HỮU-SỦNG

CÔNG - TY

ĐƯƠNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— *CÁC LOẠI ĐƯỜNG.*
— Đường miếng lọc
— Đường cát trắng ngà
— Đường cát trắng tinh
— Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— *CÁC LOẠI RƯỢU :*
— Rượu đế 90°
— Rượu thơm 90°
— Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :
— *Các tiệm tạp-hóa*
— *Văn-phòng* **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
— *Kho 6 Bến Vân-Đồn* (**Đ.T. số : 21.360**)

http://tieulun.hopto.org

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX

P E G. T. M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

http://tieulun.hopto.org

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ-

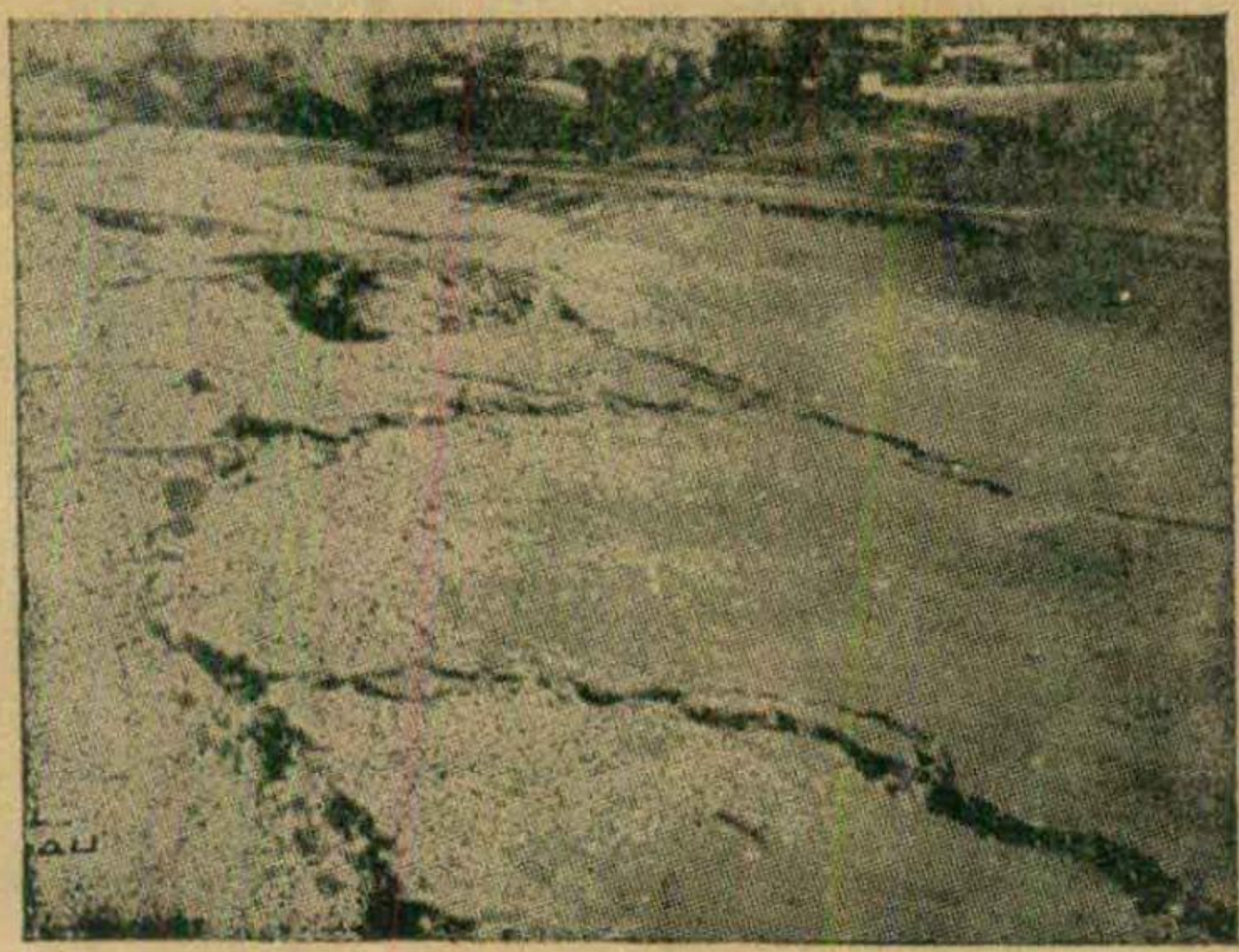
GIÁ BÌNH DÂN

10$

ĐỨC THU CO

http://tieulun.hopto.org

ĐỘNG ĐẤT VÀ NẠN ĐỘNG ĐẤT



✱ *CỎ - LIÊU*

NHỮNG trận động đất trong năm nay liên tiếp xảy ra tại Mélouza (Algérie), Agadir (Maroc), Lar (Iran), Chí-Lợi (Nam Mỹ) đã gây ra nhiều tai họa kinh-khủng về nhân mạng và tài sản. Người ta tự hỏi có phải trái đất đến thời kỳ chuyển động lớn không ?

Tại sao có động đất ?

Trước khi tìm yếu-tố trả lời, chúng ta hãy suy ngẫm về câu nói của một nhà địa chất học Pháp, ông Gignoux : « Nếu có thể quay phim chậm những dãy núi từ xưa đến nay rồi đem chiếu lên màn ảnh thì sẽ thấy núi chuyển động như sông », y như ta xem một phim tài-liệu của Wall Disney chiếu một hạt đậu mọc mầm hay một cái hoa đang nở.

Trái đất của ta cũng vậy, sự chuyển biến vẫn trường diễn dưới mắt ta, chỉ vì góc cạnh nhỡn quan của loài người không thấy những sự thay đổi chậm chạp, phải hàng vạn năm mới thành hình. Đảo Groenland mỗi năm trôi xa Âu-châu 36 thước, mỗi năm khoảng cách từ Hoa-Thịnh-Đốn đến Ba-Lê xa thêm 4 thước, bán đảo

http://tieulun.hopto.org

Scandinavie mỗi năm trồi lên thêm 1 thước cao, thành-phố Marseille lần lần xụt xuống. Theo giáo-sư Dive, thì dưới ảnh-hưởng nguyên-tử lực trong lòng đất đường kính trái đất ở xích đạo đã giãn thêm ra 7 phân trong 10.000 năm, làm cho mỗi trái đất xoay chậm đi 6 giây, to hơn thì quay chậm lại mà ! Ghê chưa ! chúng ta sống trên một cái « pin » nguyên-tử.

Người ta không được hân hạnh khánh thành một trái đất đã hoàn-thành dâu vào đấy. Sự phối cảnh núi sông vẫn đang tiếp diễn dưới mắt phàm trần, mà khả-năng ghi nhận rất kém cỏi nên không thấy.

Dưới chân ta, lòng đất chuyển động

Xin nhắc lại trung tâm trái đất là thứ bụi mù (Nifé) nóng 300.000 độ họp lại bởi kim khí bị nén mạnh quá sức chịu đựng. Ngoài là một lớp Sima bầy nhầy không chắc, gần với thể đặc hơn thể lỏng.

Vỏ ngoài cùng, lớp Sial, chỉ mong manh mỏng hơn cái vỏ táo đối với trái táo. Lớp Sima luôn luôn chuyển động, vì thế cái vỏ ngoài không chắc. Biết được tình-trạng bấp-bênh này hẳn ta mất ăn mất ngủ. Nhưng lại may cho các nhà địa chấn học có chỗ bấu víu đầu tiên để giải thích : động đất thường liên lạc trực tiếp với những chuyển động ở tầng dưới vỏ trái đất. Nhưng ta có quyền nghi ngờ. Vỏ trái đất nào ai dám nói biết rõ hơn cái tổ con chuồn chuồn. Muốn biết rõ chỉ có cách xuống đấy thì biết. Cuộc du hành vào trung-tâm trái đất đến ngày nay mới chỉ có Jules Verne thực-hiện được trong trí tưởng tượng mà thôi. Máy lặn tối tân của Hoa-kỳ mới xuống sâu dưới biển được 11.000 thước.

Cái pin nguyên-tử

Ngày nay người ta từ bỏ thuyết trái đất lạnh dần và co lại làm nhăn cái vỏ ngoài thành núi non như trái táo khô, hình ảnh ấy dễ hiểu quá nhưng lại không đúng. Hóa công xếp đặt rắc rối hơn thế nhiều. Ngày nay người ta lập giả-thuyết rằng tuy ở trên mặt trái đất mất sức nóng đi thật, nhưng phóng-xạ tính của đá ở vỏ trái đất đã tiết ra tinh-lực để bù lại sức nóng bị tỏa đi. Thành thử trái đất giữ được tinh-lực, hơn thế, tinh-lực do các lớp đất ở dưới tiết ra tụ lại ở từng dưới vỏ ngoài (khoảng độ 20 cây số chiều sâu) làm cho nhiệt độ chỗ này khác chỗ kia, vì thế đất chuyển động, co, giãn, gẫy, trồi lên, sụt xuống. Có thể đấy là nguyên-do động đất và núi lửa phun.

Lục-địa bềnh bồng như bè trên mặt nước

Chưa hết đâu, còn chuyện nữa. Lục-địa nằm trên lớp Sima không chắc như vậy tất nhiên cục cựa, mà nó phải cục cựa tương-hợp với những chuyển động trong lòng trái đất, và để . . . chiều ý ông trời ! Thực vậy, trời bắt trái đất xoay như con quay cho nên có sức ly tâm đẩy lục-địa về phía tây và về đường quỹ-đạo. Ngoài ra còn sức hút của mặt trăng và mặt trời. Những chuyển động ấy cũng là nguyên nhân động đất.

Người ta cho rằng vì những chuyển động ấy mà đảo Groenland xa dần lục địa, và Hoa-Thịnh-Đốn xa dần Ba-Lê.

http://tieulun.hopto.org

Động đất là gì ?



Nhưng sau từng ấy biện-thuyết, rút cục động đất là gì?

Câu trả lời có thể dễ dàng hơn, nhưng chưa thật đích sác. Động đất là kết-quả của những sự chuyển động của các lớp đất ở xâu trong lòng đất. Thường thường là tinh lực bị giam hãm dưới những lớp đất có phóng xạ tính cao, nay được dịp thoát ra. Sự thoát tinh lực ấy làm phát-sinh một rung chuyển truyền lan như sóng với tốc độ 6 cây số một giây. Một rung chuyển sơ khởi thường tiếp theo một loạt rung chuyển phụ, lớp đất bị lay chuyển lấy lại quân bình.

Những trận động đất năm 1960.

Với những sự kiện đại cương đó người ta có thể giải thích ổn thỏa những trận động đất năm 1960, với điều kiện là đóng khung sự giải thích và trong một sự giải thích khác.

Nhớ lại câu chuyện của ô. Gignoux, núi chuyển động như sông, ta có thể tìm xem những núi nào chuyển động nhiều. Đó là những núi son trẻ như rặng Montagnes Rocheuses ở Châu Mỹ và rặng Alpes ở Châu-Âu. Chúng vẫn đang chồi lên. Những vụ động đất 1960 đều xảy ra ở những khu vực bao quanh hai rặng núi son trẻ ấy. Chí-Lợi ở Nam Mỹ. Mélouza, Agadir, Lar ở khu vực bao quanh rặng Alpes, những khu vực đất núng.

Khu vực Alpes — Khu vực đất núng này chạy từ đảo Açores đến Nam-Dương, qua Bắc-Phi, Ý-Đại-Lợi, núi Alpes, Iran, Indou-kouch, Hi-mã-Lạp-Sơn và Miến-Điện. Thị trấn Mélouza là nơi chưa từng có động đất quan trọng bao giờ, trên địa-đồ cũng không ghi là nơi hiểm yếu. Nhưng đúng lý thì tất cả những dãy núi ven bờ biển Địa Trung-Hải, thuộc rặng núi Tell, rặng Atlas, đều nằm trong khu vực Alpes. Động đất có thể xảy ra ở điểm nào cũng được Agadir ở trên giải đất chạy từ phía nam núi Atlas đến đồng bằng Souss. Giải đất ấy nằm trên những lớp đá của chân núi Atlas. Chân núi Atlas chuyển động cho nên giải đất nằm trên muốn gẫy ở một vài chỗ.

Trung tâm chấn động ở gần mặt đất. Do nhiều cách tính, người ta ước lượng trung tâm ấy ở cách mặt đất từ 2 đến 3 cây-số.

Tuy rằng sự tàn phá quan trọng nhưng sức mạnh chấn động nhỏ hơn sức mạnh trận Chí-Lợi gấp 13.000 lần.

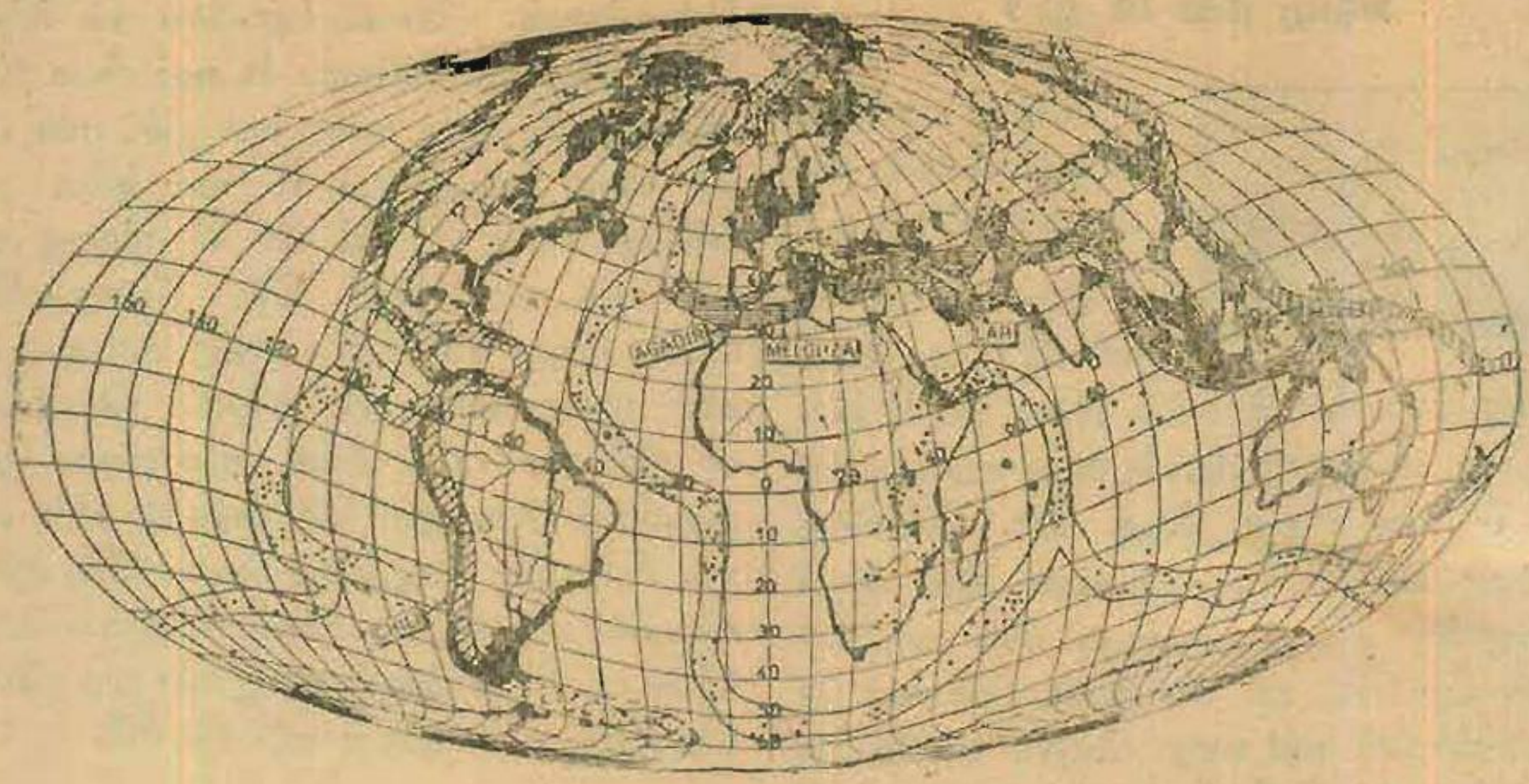
Lar ở chân một cao nguyên lớn tức là Cao Nguyên Iran. Phía nam Cao Nguyên ấy là vịnh Persique. Vịnh này cũng là một vùng đất xụt xuống. Mảnh đất từ Cao Nguyên đến vịnh là những dãy núi mới nhô lên cho nên đó là lò địa chấn. Lar ở kẹt vào những dãy núi ấy. Trước đây đã có nhiều nạn động đất ở các thị-trấn thuộc khu vực ấy.

Sức mạnh chấn động cũng tương-đương với trận Agadir.

Khu-vực Thái-bình-Dương.

Chí-Lợi ở chân núi này, là vùng xảy ra nhiều địa chấn quan trọng và thường xuyên nhất hoàn cầu. Trung tâm địa chấn ở khu này không nhất định, lúc ở chỗ này lúc ở chỗ

http://tieulun.hopto.org



Những khu địa-chấn trên thế-giới

khác không biết đâu mà lường trước. Những rung chuyển xảy ra liên tiếp từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 7. Có 6 lần rung chuyển mạnh nhất, tổng cộng sức mạnh tới 13.000 lần sức mạnh ở Agadir. Máy ghi ba động ở Strasbourg cách Chí-Lợi 12.400 cây-số ghi lại những ba động mạnh gấp bội những ba động ở Agadir chỉ cách có 2500 cây-số.

Suốt ven bờ Thái-Bình-Dương, núi Mỹ Châu vẫn đang nhô cao lên, gặp phải sức cản của lục-địa bằng đá hoa cương (granit) và đáy biển bằng nham thạch (basalte) Đất phải rung chuyển để lấy lại thăng bằng vì bị núi xô đẩy khi núi nhô cao lên. Những rung chuyển ấy vẫn có từ hàng triệu năm nay. Thiên tai 1960 chỉ là một giai đoạn trong cuộc biến chuyển không ngừng của lục-địa Mỹ Châu.

Có thể đề phòng tai nạn động đất được không ?

CÂY NƯỚC Lò địa chấn ở dưới biển thường kèm theo cây nước rất tai hại. Những cây nước ở bờ biển Chí-Lợi xưa nay đã quá nhiều trong khoảng 4 thế kỷ có đến 20 cây nước lớn.

Nguyên do của cây nước là tại động đất xảy ra ở đáy biển, có chỗ bị thụt xuống, nước ở xung quanh ùa đến Nếu chỗ ấy ở gần bờ, nước rút đi một lúc rồi khi lấp đầy hố tràn trở lại bờ thành từng đợt sóng đi rất nhanh và dâng rất cao.

Ở giữa biển thì không có gì đáng kể, nhưng gần bờ, nước dâng lên như một bức trường nước, có khi cao 20 thước tiến nhanh vào lục địa với tốc lực 7 hay 800 cây số một giờ. Bức tường nước ấy gây ra những tai nạn kinh khủng

Khoa địa chấn học không thể chống lại với cây nước, nhưng có thể cứu được nhân mạng. Tốc lực một cây nước tiến vào bờ đủ để cho người ta có thì giờ báo tin cho dân chúng ở những vùng nguy hiểm mỗi khi biết có động đất ở đáy biển gần đấy.

http://tieulun.hopto.org

Ngày mùng 1 tháng 4 năm 1946, một cây nước phát khởi từ đảo Aléoutiennes, mãi 4 giờ sau bức tường nước mới tràn đến đảo Hạ-uy-Y. Sở địa chấn học Hoa-Kỳ đã tổ chức một hệ thống báo tin, dùng máy riêng xác định trung tâm địa chấn, theo dõi cây nước và báo trước những nơi gặp nạn.

Vấn đề hoàn thiện hệ thống thông tin để bảo vệ dân tộc ven bờ Thái-Bình-Dương đã đem ra nghiên cứu tại Đại hội-đồng Địa-Cầu vật lý học quốc tế. Người ta hy vọng sanh mạng dân-cư miền biển sẽ được bảo vệ chu toàn hơn.

Agadir ngày 29 tháng 2-1960.

Theo sự nhận xét của các nhà địa chấn học thì sức mạnh của những trận động đất năm nay, nhất là trận Agadir, còn kém xa những trận động lớn trong lịch sử.

Bảng so sánh dưới đây cho ta một ý niệm về sức mạnh tương đối của những trận động đất khét tiếng trong lịch sử. (Lấy sức mạnh trận Agadir làm đơn vị).

	So sánh với Agadir	Số người chết
Lisbonne (1755)	80.000 lần	30.000
Assam (1950)	20.000 —	20.000
Tokyo (1923)	7.000 —	140.000
San Francisco (1906)	5.000 —	400
Mersine (1908)	450 —	100.000
Orléansville (1954)	33 —	1.400
Agadir (1960)	1 —	10.000

Xem như vậy, vụ Agadir chỉ là một sự rung chuyển lòng đất không mấy quan trọng, một trong những chuyển động thường xuyên từ ngày trái đất là trái đất. Tuy nhiên, những trận động đất trong năm 1960 đã gây ra những tai hại trọng đại, phần lớn những tai hại đó quy về nhà cửa và nền móng không được chắc chắn hay xây cất không đúng cách.

Trung tâm địa chấn khó sác định vì nhà cửa làm không chắc chắn đều nhau. Những địa điểm bại nhiều nhất là Casbah, Founti, Talborjt và Yacbech, nhà sập từ 90 đến 100%. Tựu trung, khu bị hại không rộng quá 5 cây số, so với 35 cây số vụ động đất Orléansville năm 1954. Những nơi đất nứt nẻ là những nơi đất mới đắp lên, nghĩa là không chắc. Tại cảng, những cột bê tông dùng làm đập bị chuyển đi 75 phân, nhiều nơi đất thụt xuống thành từng hố sâu 1 thước.

Nhận xét những sự tàn phá người ta thấy không đều. Nhiều căn nhà sập hoàn toàn, những căn khác còn đứng nguyên, tường hư hao.

Những căn nhà xây tường không có cốt

http://tieulun.hopto.org

sắt nối lại với nhau đều không chịu được sự rung chuyển đều phải nứt toác ra hết

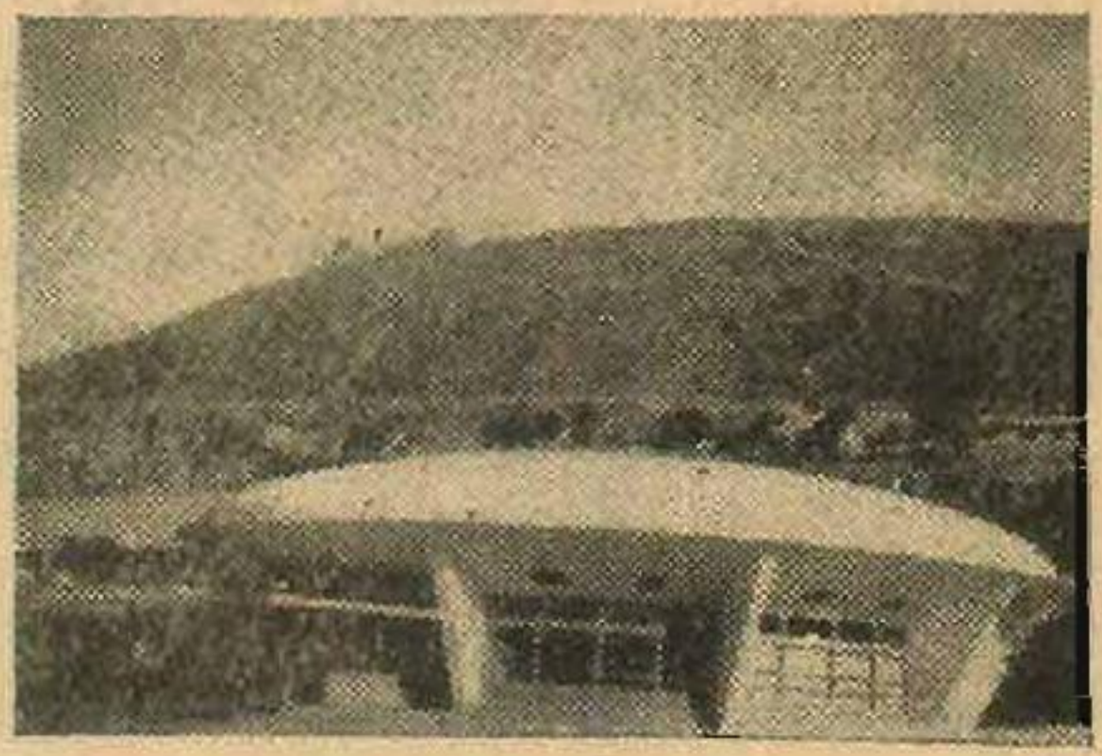
Những nnà có cốt sắt đều chung một khuyết điểm. Vách bưng bằng gạch đều đổ vào phía trong, như vậy tỏ ra các vách nhồi không kỹ.

Có căn chỉ hư những vách ở tầng dưới, lầu thứ ba nguyên vẹn. Cốt sắt đủ chống đỡ hết những lay động cho nên lên trên không còn rung chuyển mạnh nữa

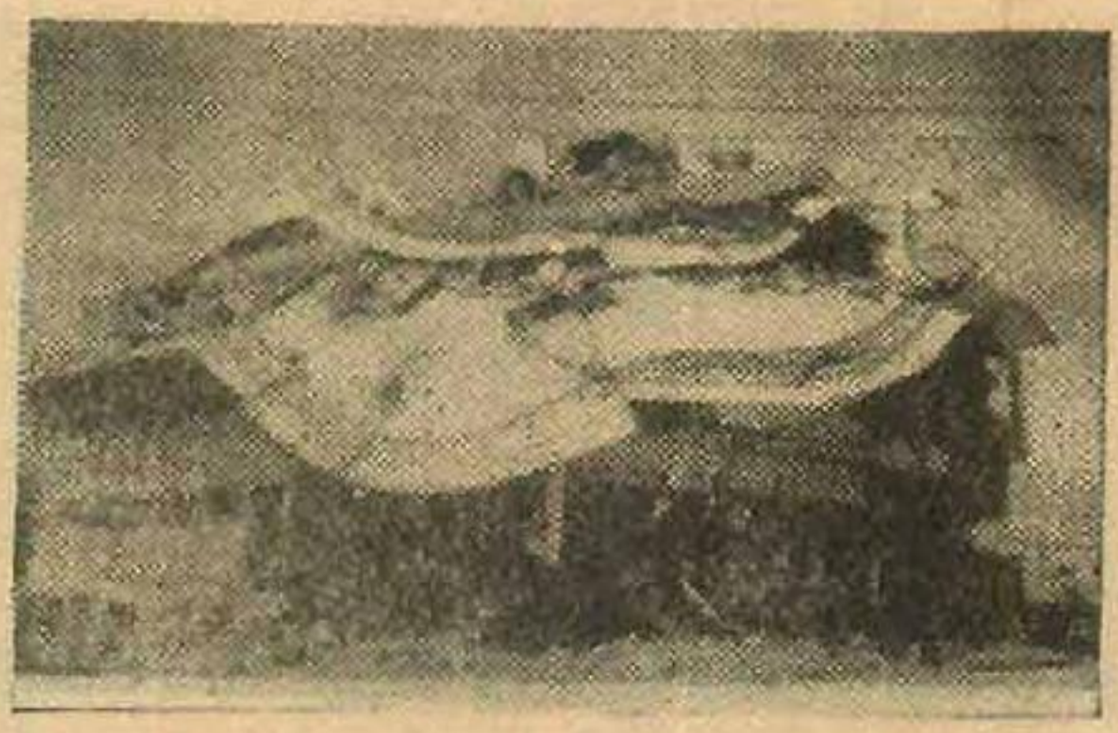
Nhiều nhà bị thun lại theo chiều cao. Sức động thẳng đứng từ dưới lên trên mạnh lắm, cột và tường không chịu nổi những từng lầu ở trên nén xuống cho nên thun lại Đó là trường-hợp những căn nhà lớn.

Có khi chỉ những tầng lầu ở cao bị hư, các tầng dưới yên lành. Những tầng lầu ấy không được nối chắc chắn vào các tầng dưới.

Cùng ở tại Agadir...



Nhà xây dựng tốt, chống được địa chấn.



Nhà xây dựng không cẩn thận bị hư hại.

Tuy nhiên nhiều nhà vẫn đứng vững mặc dầu ở vùng bị động mạnh như trung-tâm y-tế Yachech, sở Bưu - Điện. Những nhà này mới làm, tuy dựng trên đất mới đắp, nhưng nhờ cột bê-tông lớn, chôn sâu từ 8 đến 10 thước, tới lớp đá ở dưới, cho nên chịu đựng được.

Những nhận xét trên đây sẽ giúp ích cho các kiến trúc sư để thực hiện những kiểu nhà chống địa-chấn sau này.

Melouza ngày 21 tháng 2 1960

Đất rung chuyển vào lúc 8 giờ. 13 phút, 32 sao. Số người ngộ nạn là 47 người chết, 88 bị thương phần nhiều là đàn bà con nít ở nhà, đàn ông ở ngoài đồng nên không mắc nạn.

Từ năm 1954. sau khi xảy ra vụ động đất ở Orléansville (Algérie) với kết quả bi thảm 1250 người chết, người ta đã nghĩ đến cách khuyên dân chúng làm kiểu nhà chống động đất. Xứ Algérie chia ra làm ba khu vực, khu vực đồng bằng không nguy hiểm, khu vực A (cao nguyên Oran, phần lớn vùng Atlas saharien rung chuyển nhẹ, sau cùng là khu vực B (vùng Atlas Tellien và 1 phần vùng Atlas Saharien) Mélouza nằm trong vùng B.

Nếu kỹ thuật nhà chống động đất được bắt buộc trong các kiến trúc thành thị thì tai nạn động đất có thể tránh được phần nào, nhưng phần lớn nhà ở của dân chúng vùng thôn quê đều làm bằng gỗ, vách bằng đất, xà nhà thường nặng quá, nóc lợp lá lại đè đá lên trên. Bên Thổ-nhĩ-kỳ đã áp dụng những kiểu nhà có thể đứng vững khi đất

http://tieulun.hopto.org

chuyển động. Tường liên lạc chặt chẽ với nhau, xà, dầm cân đối. Những kiểu nhà bình dân chống động đất ấy có thể làm mẫu cho dân xứ Algérie.

Lar ngày 24 tháng 4-1960

Tại Lar dân chúng lấy đá làm vật liệu chính để làm nhà. Tường là thứ gạch không nung, lấy đất làm hồ, nền cũng bằng lớp đất dầy 40 phân đổ lên cọc bằng cây. Mái cũng là đất bùn ngào, đắp lên xà và đòn tay bằng cành cây thốt nốt. Như vậy máy nhà rất nặng. Đường phố lại rất hẹp, khi động đất, nóc sập, tường đổ người bị chôn sống dưới lớp đất dầy. Không còn một chỗ trống để vào cứu những người sống sót.

Sau tai nạn người ta dùng máy nghe Reichardt để kiếm người sống bị chôn lấp dưới đống nhà đổ nát mà không hiệu quả, trái lại, ở Agadir dùng phương pháp này đã cứu được nhiều người sống sót. Số nạn nhân quan trọng (450 chết, 2.000 bị thương) vì nhằm ngày tết trẻ con, hơn 200 trẻ em theo cô giáo đi trong các ngõ hẻm đều bị tường đổ ra đè bẹp. Các báo quốc-tế có đăng những tên giật gân như rắn và chó sói tràn về thành-phố, núi bửa đôi và bốc khói, suối nước nóng, phát-sinh núi lửa, nhưng bản tường trình chính thức đã cải chính những tin đồn ấy.

Người ta lập thuyết rằng những ba động từ trung-tâm địa-chấn truyền đến cao-nguyên bị dội lại gặp gỡ những ba động khác mới tới làm cho những địa-điểm gần cao-nguyên bị tàn phá nhiều hơn những địa-điểm cách xa. Chỗ nào đất mềm nhà bị phá mạnh hơn. Tuy nhiên, nếu nghiên-cứu tỉ mỉ từng lớp đất có lẽ sẽ biết rõ tùy tính chất và tình thế các lớp đất của mỗi điểm, sự tàn phá sẽ ít hay nhiều.

* * *



Qua những trận động đất trên, người ta có thể rút được kinh-nghiệm để « phòng thủ thụ động » một cách hiệu nghiệm những thiên tai như vậy.

— Kinh-nghiệm Agadir cho biết rằng vùng này yên tịnh đã hơn 200 năm nay. (năm 1731 có động đất). Xác định những vùng gọi là nguy-hiểm trên địa-đồ mà căn cứ vào những tài-liệu của máy ghi địa chấn trong khoảng 50 năm chưa đủ, còn phải suy nghiệm nhiều tài-liệu lịch-sử chắc chắn và nghiên-cứu tính chất và hình thể các lớp đất của mỗi vùng.

— Sức mạnh ba động vào hạng trung-bình mà gây nên những tàn phá lớn về nhân mạng và tài sản, chỉ vì nhà cửa làm không để phòng nạn động đất. Tại những vùng đất thường có nạn ấy nên thi-hành luật-pháp bắt buộc phải dựng những kiểu nhà chống được ba động như đã nói ở trên.

— Điều-kiện địa chất rất quan-bệ trong những tai nạn động đất. Như khi mở rộng thành-phố nên nghiên-cứu kỹ địa chất. Lập lại thành-phố Agadir và Lar nên tránh những khoảng đất yếu đã bị tổn thất nặng, nên để làm những khu vực trồng cây hay làm bãi cỏ.

— Sự cấp cứu tương đối khó khăn và chậm chạp, trừ vụ Mélouza. Nên có một kế-hoạch huy động nhanh chóng máy bay trực thăng, xe hơi, xe ủi đất v.v... dùng vào việc cấp cứu.

CÔ-LIÊU.

(Tài liệu rút trong tạp-chí La Nature tháng 9-1960 và Science et Vie tháng 6-1960).

http://tieulun.hopto.org

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital _1.500.000.000 Frs.

TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BAO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MOI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franc Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 — 23.913

http://tieulun.hopto.org

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO,
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO

TỰ-DO

SAP PHÁT-HÀNH :

VIỆT-NAM DANH-NHÂN TỰ-ĐIỂN

của NGUYỄN HUYỀN-ANH

(DO HỘI VĂN-HÓA BÌNH-DÂN ẤN-HÀNH)

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS-RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: 22.102
SGN. 34

http://tieulun.hopto.org

ĐỂ CHẮC CHẮN VÀO ĐẠI HỌC

- LUẬN TRIẾT HỌC TẬP I (Luận lý)
  của Nguyễn-văn-Trung
- ĐẠO ĐỨC HỌC ĐỆ NHẤT A, B, C, D.
  của Nguyễn-văn-Trung
- LUẬN LÝ HỌC ĐỆ NHẤT A, B, C, D.
  của Nguyễn-văn-Trung
- LUẬN TRIẾT HỌC TẬP I (Luận lý)
  của Trần-Bích-Lan
- LUẬN TRIẾT HỌC TẬP II (Đạo-đức)
  của Trần-Bích-Lan

NAM-SƠN xuất-bản

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT
(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON
Tél : 20.921 — Boîte postale : 276
1, Duong Nguyên-Siêu — SAIGON

★

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

http://tieulun.hopto.org

HOÀNG-CHỦNG;

BẠCH-CHỦNG

PHẠM-TRỌNG-NHÂN

Ba chữ « Họa Hoàng-chủng » không mới mẻ gì. Nhưng qua thời-gian và không-gian, định-nghĩa đã đôi phần thay đổi.

Người Trung-Hoa và Nhật-Bản di-cư sang Tân-thế-giới khoảng thế-kỷ trước không ít. Và năm 1875, tại Californie đã có tới 75.000 thợ da vàng. Dân Californie nhận thấy những người thợ đó thật cần-cù dễ tính : ăn thế nào cũng xong, ngủ như sao cũng được, và lương lãnh bao nhiêu cũng bằng lòng. Họ nhận thấy những người thợ dị-chủng kia thực là một mối nguy, vì sự cạnh-tranh làm họ thiệt hại: đời sống của người thợ Mỹ không thể nào so sánh với đời sống của người thợ Đông-phương. (1)

---

(1) — Trong cuốn Les Etats-unis d'aujourd'hui, giáo-sư Siegfried, một trong những nhà chuyên-môn về vấn-đề Mỹ, đã xác-nhận như sau : nhiều người Nhật khi mới tới Californie chỉ là những phu khuân vác, nhưng sau một thời-kỳ tối-đoàn, họ đã biến thành những thợ chuyên-môn, tiểu thương-gia hay điền-chủ. Rồi sau đó, họ mới mang bầu-đoàn thê-tử, và rủ các thân bằng cố hữu. Rồi tất cả sẽ nỗ-lực làm việc : 14 giờ, 16 giờ, hay 18 giờ một ngày, mà vẫn vui vẻ và dường như không mỏi-mệt.

Giáo-sư P. Gourou cũng thường nhấn mạnh vào nền kinh-tế Nhật : người Nhật đi đến đâu là sinh-cơ lập nghiệp dễ-dàng. Dần dần mà không ai để ý, họ chiếm những địa-vị quan-trọng trong guồng máy kinh-tế địa-phương. Thực là một cuộc chinh-phục rất hòa-bình, chinh-phục không cần quân-đội, chiếm thuộc-địa không cần quốc-kỳ... (invasion pacifique, colonisation sans drapeau).

Năm 1917, nước Mỹ đã ban-hành một đạo luật đặt nguyên-tắc có thể trục-xuất những kiều-dân hoàng-chủng. Năm 1924, một đạo luật khác triệt-để ngăn-cấm dân Hoàng-chủng di-cư sang Mỹ. Tuy-nhiên, sau đó, chính phủ Mỹ cũng chia « phần di-cư », và hàng năm dành cho người Nhật 146 tấm giấy phép di-cư

Theo gương nước Mỹ, nước Gia-nã-đại cũng ban-hành một đạo luật tương-tự, năm 1928. Rồi đến nước Brésil, năm 1930.

Số kiều-dân Nhật trú-ngụ ở Hải-ngoại, tính cho đến năm 1930, chỉ có 634.000 người.

http://tieulun.hopto.org

Ngoài lý-do cạnh-tranh về kinh-tế, còn những lý-do văn-kiến, ngôn-ngữ và tôn-giáo. Và các nhà cầm-quyền Mỹ năm 1882 đã ban-hành một đạo luật : trừ những nhà trí-thức hay thương-mại, còn thì triệt-để ngăn-cấm người Trung-Hoa đặt chân lên « giải đất đầy hứa-hẹn ».

Đi xa hơn nữa, đã có lần Nghị-viện còn dự-định : trừ những nhân-viên ngoại-giao, còn thì người Trung-Hoa không được di-cư sang đất Mỹ.

Đạo luật năm 1882 định tạm áp-dụng trong 10 năm, đến năm 1892 hết hạn, đã được triển hạn...

Tuy nhiên, đạo luật năm 1882 chỉ áp-dụng đối với Trung-Hoa mà không nói đến phong-trào di-dân Nhật. Do đó, trong khoảng hạ bán thế-kỷ thứ XIX, có rất nhiều người Nhật di-cư sang Mỹ. Riêng năm 1900 đã có tới 12.000 người Nhật bế-bồng gồng-gánh sang Cựu-Kim-Sơn làm ăn buôn bán.

Người Mỹ tại Californie, tại Cựu-Kim-Sơn, điều ác-cảm với người Nhật. Cũng như trên, vì lý-do cạnh-tranh, và cũng vì lý-do chủng-tộc.

Tại Cựu-Kim-Sơn, năm 1905, dịp Nga-Nhật chiến-tranh, một « Hội bài Nhật » đã được thành-lập. Và các nhà đương-cục xứ Californie đi xa hơn, còn có ý-định các trẻ em Mỹ khỏi đụng-chạm với các học-sinh thuộc « giống giòng Mông-Cổ ! »

Năm 1906, phong-trào bài Nhật ngày ngày bành-trướng. « Hội bài Nhật » tuyên-bố đã có tới 78.000 hội-viên, và Nha Học-chánh Cựu-Kim-Sơn quyết-định kể từ 15 tháng X, các trẻ em Trung-Hoa và Nhật-Bản sẽ không học cùng trường với các trẻ em Mỹ. Tháng 8 năm 1906, Cựu-Kim-Sơn lâm nạn động đất. Nhiều người Mỹ quá-khích đã thừa cơ hỗn-độn, ám hại một số không ít kiều-dân Nhật !

Viên Lãnh-sự Nhật phản-kháng. Và các báo-chí Nhật cũng đồng-thanh công-kích.

Trong 2 năm 1907 và 1908, « họa Hoàng-chủng » đã làm sôi-nổi dư-luận Mỹ, đến nỗi chính Tổng-Thống Theodore Roosevelt phải tự tay giải-quyết vấn-đề. Tổng-Thống cho thái-độ của những nhà cầm-quyền xứ Californie là sơ-thiển, và trong thư gửi cho con trai, cho bạn thân là ông Nghị Lodge, cũng như trong bản thông-điệp gửi cho Thượng Nghị-viện, Tổng-Thống đã không nề-hà ngần-ngại, kết án những ý-định kia là phi-lý và vô đạo.

Hiến-pháp Hợp-chủng-quốc tuy-nhiên, không cho Tổng-Thống thẩm-quyền can-dự tới công-cuộc giáo-dục của từng xứ : Tổng-Thống đành phải dùng những phương-pháp riêng xử-trí, thực khó-khăn phức-tạp.

Tổng-Thống ủy Quốc-vụ-khanh Metcalf nguyên-quán xứ Californie, về can-ngăn các nhà đương-cục địa-phương, và cho vời các nhân-viên Nha Học-chánh về Bạch-ốc luận-bàn khiển-trách. Báo chí Californie nhao-nhao công-kích Tổng-Thống đã lạm-quyền, nhưng dù sao, công-cuộc cũng lượm được đôi phần kết-quả.

Tháng 2 năm 1907, các nhà đương-cục địa-phương Californie thủ-tiêu đạo nghị định nói trên, với một điều-kiện, là người Nhật sẽ không được di-cư thêm nữa. Và tới tháng 3 năm 1907, một thỏa-hiệp (Gentleman's Agreement) được ký-kết :

http://tieulun.hopto.org

chính-phủ Nhật-Bản sẽ không cấp thêm giấy thông-hành sang Mỹ, trừ những trường-hợp chính-trị, du-lịch, du-học hay thương-mại.

*

Trong trận hoàn-cầu đại-chiến thứ nhất, những hàng-hóa của Âu-châu vắng mặt trên các thị-trường Đông-Á. Nước Nhật đã nhân dịp đó, khuếch-trương về kỹ-nghệ và thương-mại. Công-cuộc tiến-triển mau-lẹ và vững-chắc đến nỗi các cường-quốc Âu-Mỹ sau này lại tỏ vẻ ngại-ngùng. Hàng-hóa Nhật-Bản được đem tiêu-thụ tại Úc-châu và Nam-Mỹ, và đến năm 1918, còn tại ngay ở Bắc Mỹ-châu. Giá tiền hàng-hóa Nhật sản-xuất năm 1913 là 1 ức 300 triệu Yên, thì năm 1919 tăng lên tới 6 ức 300 triệu. Số thợ trong các xưởng máy tăng lên 63%, số than tiêu-thụ tăng 47%. Trong nền kỹ-nghệ dệt vải bông, số khung cửi đã tăng lên 23%. Về ngành kỹ-nghệ kim-khí, số xưởng thợ tăng từ 50 tới 180; số sắt sản-xuất tăng từ 220.000 lên 550.000 tấn.

Chiến-tranh kết liễu, và hàng-hóa Âu-Mỹ trở lại các thị-trường Đông-Á, tất nhiên khỏi đụng-chạm với hàng-hóa Nhật. Mặc dầu bị loại ở một vài nơi, đồ hàng Nhật vẫn được tiêu-thụ tại Trung-Hoa, Nam-Dương và Ấn-Độ. Năm 1929, số hàng Nhật tiêu-thụ tại Trung-Hoa lên tới 20%, so với tổng-số hàng-hóa xuất-cảng.

Dịp kinh-tế khủng-hoảng, sự cố-gắng của Nhật không phải là không đáng kể. Giá hàng xuất-cảng năm 1929 là 2.200 triệu Yên, thì năm 1931 chỉ còn 1.200 triệu. Chính-phủ Nhật bèn phá giá đồng Yên xuống 50%, để có thể tiếp-tục thương-mại với các thị-trường cũ, trong số ta phải kể cả Nam Phi-Châu và bán-đảo Mã-lai.

Nước Anh, sau khi nhận-chân « họa da vàng », đã áp-dụng những chính-sách bế-môn tỏa-cảng tại Anh và các thuộc-quốc. Người Nhật phản-đối chính-sách kia phi-lý: tại sao lại có thể nói đến « họa Nhật-Bản » khi tổng-số ngoại-thương của Nhật chỉ là 1/4 của nước Anh? Và cùng chung lập-luận, bá-tước Sato đại-sứ Nhật tại Paris hồi đó, cũng tuyên-bố như sau, dịp tháng giêng năm 1936:

« Chúng tôi yêu-cầu thế-giới công-nhận quyền sống của chúng tôi. Nếu các nước Âu-châu cứ tiếp-tục thi-hành những chính-sách kia, thì không những đã không có lợi cho đời sống vật-chất chung của nhân-loại, mà đó còn có thể là một nguyên-nhân chiến-tranh, rất phương-hại cho hòa-bình thế-giới ».

Và thời-gian đã chứng-minh cho lời nói của bá-tước Sato (2).

---

(2) Trong cuộc hoàn-cầu đại-chiến thứ hai, với những trận như Pearl Harbour, người Nhật đã khiến Âu-Mỹ lo-âu về « họa da vàng ».

Tháng 9 năm 1951, Hòa-ước Nhật-Bản ký tại Cựu-Kim-Sơn, nước Nhật được bắt đầu sống lại đời quốc-tế, người Nhật do đó lại có dịp khiến Âu-Mỹ nể-vì: thi điền-kinh tại Cựu-Kim-Sơn, tại Phần-Lan và nhất là về vấn-đề thương-mại quốc-tế.

Hàng-hoá Nhật-Bản đã lan-tràn sang tới Nam Phi-châu, khiến báo-chí Anh (thuộc phái hữu) có lần tự hỏi: tại sao Đồng-Minh đã không hướng-dẫn và kiểm chế cho chu-đáo kỹ-nghệ Nhật-Bản trước khi ký Hòa-ước Cựu Kim-Sơn?

Tháng 8 năm 1952, 3 thủy thủ Anh phạm pháp nên bị các nhà đương-cuộc Nhật tống lao. Các bà nội-trợ Nam-Phi đã tổ-chức biểu-tình và tẩy-chay đồ hàng Nhật. Chúng ta có thể đặt nghi-vấn: biết đâu đó chẳng là một dàn-cảnh chính-trị, mà mục-đích cũng như nguyên-nhân chỉ là do sự-kiện kinh-tế mà nên?

http://tieulun.hopto.org

Cũng sau trận hoàn-cầu đại-chiến thứ nhất, nước Trung-Hoa mà người ta cho là thụ-động, cũng đã có dịp góp lời cùng thế-giới. Nước Trung-Hoa, suốt hạ-bán thế-kỷ thứ XIX, đã là một mồi ngon để các cường-quốc thi đua chia-sẻ, thì ngày nay đã thức-tỉnh.

Tại Hội-nghị Hòa-bình năm 1919, phái-đoàn Trung-Hoa lớn tiếng đòi quyền sống. Phái-đoàn yêu-sách thủ-tiêu các bản hiệp-ước bất-bình đẳng đã đặt nền-tảng cho các chế-độ nhượng-địa cùng lãnh sự tài-phán tại Trung-Hoa. Ngày 4 tháng 5 năm 1919, hàng ngàn sinh-viên trường Đại-học Bắc-Kinh biểu-tình phản kháng, vì các nhà ngoại giao Trung-Hoa, mặc dầu yêu-sách, đã không đem lại những kết quả mong chờ.

Tuy nhiên, một điều rõ-rệt là các dân-tộc Á-đông đều thức tỉnh. Các vị đại-diện Trung-Hoa trong Hội-nghị Hòa-bình — ông Wellington Koo (3) đại-sứ tại Hoa-thịnh-đốn, ông Alfred Sze đại-sứ tại Luân-đôn, và ông C. T. Wang, cả ba đều đã du-học bên Mỹ-quốc — vốn đã sáng suốt và có công-tâm, mà cũng không thể làm quốc-dân Trung-Hoa mãn-nguyện. Thật là cách-biệt, so với thời-đại nhà ngoại-giao Lý-Hồng-Chương, trước sự thờ-ơ thụ-động của toàn dân nước, một mình rong-ruổi được toàn quyền hành-động, cứ mỗi lần nhận được tiền của « vi-thành », là lại một lần sẵn-sàng nhượng cho ngoại-bang những lợi-quyền tối-thượng của giang-san !...

*

Nhưng mấy năm gần đây, ba chữ « họa Hoàng-chủng » lại được người ta nhắc tới, luôn luôn với một vẻ gì lo-ngại.

Không kể sau trận Nga-Nhật chiến-tranh hồi đầu thế-kỷ mà nhân đó, năm 1909, chính viên Toàn-quyền KLOBUKOWSKI cũng phải nhận rằng, ngay đến ở các hang cùng ngõ hẻm, người dân Việt-Nam đều chăm-chú phẩm-bình về tin Nhật Hoàng-chủng đã thắng Nga là Bạch-chủng, và các thân-sĩ quốc-gia đều giải-thích tuyên-truyền định gây « mầm phiến-loạn », với một chương-trình tóm tắt trong hai điểm như sau :

« Thủ-tiêu chính-sách bảo-hộ, và nâng địa-vị nước Việt-Nam ngang hàng với Nhật-Bản ».

Cũng không kể đến trận hoàn-cầu đại-chiến thứ nhất, với những đổi thay mà chúng ta vừa biết. Nay hãy xét câu chuyện nhãn-tiền là trận hoàn-cầu đại-chiến thứ hai. Không kể các nước Bỉ, Pháp, Hà-lan đã bị thất-trận dưới trời Âu, mà ngay cả đến các nước Anh-Mỹ, cũng đã hơn một lần, điên-đảo trước quân-đội Nhật. Các nước Âu-Mỹ, do đó, đã có dịp nhận-chân rằng cái thời-đại « thần da trắng, người da vàng », đã hẳn trôi xa về dĩ-vãng.

Thật không gì đau-đớn và tủi-nhục cho bằng, khi đọc lại sử Trung-Hoa dịp hạ-bán thế-kỷ thứ XIX và tiền bán thế-

---

(3).— Người ta thường nhắc lại một thiên giai thoại về đại-sứ Wellington Koo.

Tại một bàn tiệc. Một bà Mỹ ngồi một bên ; một bà Pháp ngồi một bên ; ông Wellington Koo ngồi giữa... Hai bà chìa nhau hỏi ông đại sứ :

— Ông có thích « phó mát » không ?

— Ông có thích thịt gà không ?...

vân vân... vì các bà cho rằng ông đại-sứ Hoàng-chủng, chắc chắn biết luận-bàn về chính-trị...

Sau buổi tiệc, ông Wellington Koo đọc diễn-văn. Xong, ông hỏi hai bà :

« Các bà có thích đọc và nghe diễn-văn chăng ? »...

http://tieulun.hopto.org

kỷ thứ XX, cũng như lịch-sử nhiều nước khác mà người ta thường gán cho danh-từ là « nhược-quốc ».

Than ôi ! người ta cứ tưởng-tượng Auschwitz và Dachau, Ravensbruck và Mauthausen, tất cả qua một thời-gian dài-lâu hơn và trong một phạm-vi rộng-lớn hơn, hàng bao nhiêu thế-kỷ và trên bao nhiêu lục-địa, người ta hãy tưởng-tượng những ung-nhọt tanh-hôi dơ-bẩn nhất, rồi người ta cộng lại, rồi người ta nhân lên gấp ngàn gấp vạn lần, và người ta sẽ hiểu Quốc-xã Đức đã áp-dụng, cho Âu-châu một phần bé nhỏ những cái gì mà Tây-Âu đã áp-dụng từ bao đời kiếp, cho các dị-chủng vụng-về hỗn-xược, vì dám xuất-hiện dưới cùng mặt trời và trên cùng trái-đất !...

Ngày 1 tháng 10 năm 1897, nước Đức gửi quân viễn-chinh sang Trung-Hoa chiếm đóng Giao-châu. Đức-Hoàng Guillaume II khi duyệt-binh đã sốt sắng khích-lệ tướng-sĩ bằng một câu lịch-sử :

« ... Phải làm cho dân Trung-Hoa biết rằng : coi thường quân-đội của Đức-Hoàng là một trọng-tội không thể nào tha thứ... »

Năm 1900, trước trạng-buống giang-san bị chia năm sẻ bảy, Nghĩa-hòa đoàn khởi-cuộc co gây nhiều vụ lưu-huyết bài-ngoại mà trong số nạn-nhân có viên đại-sứ của Đức-Hoàng. Các cường-quốc Âu-châu e-ngại bèn tổ-chức « Bát-quốc liên-minh » do tám nước cùng thỏa-hiệp để đương đầu với cái « họa da vàng » đe dọa !

Chính Đức - Hoàng Guillaume II đã tuyên-bố Âu-châu phải đề-phòng cái « họa da-vàng » đó !

« ... Quân-đội Đức phải phục thù cho Đại-sứ Đức. Phải san Bắc-bình thành bình-địa... »

Và hình như e-ngại quân-đội Đức sẽ không tròn sứ-mệnh, Đức-Hoàng còn ban lệnh như sau :

« ... Không được dung tha... Phải giết cho hết... Phải làm sao để từ đây, không một tên dân Trung-Hoa nào còn dám ngẩng mặt nhìn một người dân Đức... »

Quả như rằng, quân-đội viễn-chinh do Thống-chế Waldersee chỉ-huy đã xứng-đáng với sứ-mệnh của mình. Mặc dầu khi đổ bộ lên đất Bắc-Bình, « loạn Nghĩa-hòa » (Révolte des Boxeurs) đã dẹp yên, nhưng chẳng lẽ từ-Đức-quốc sang Trung-Hoa xa-xôi vất-vả mà không ích lợi-gì, Thống-chế bèn hạ lệnh tuần-tiễu thị-uy, giết tróc và phá-hoại « chu đáo » đến nỗi chính nhiều bạn Thống-chế sau đó cũng tô lòng công-phẫn...

Thế rồi... non một nửa thế-kỷ sau...

Khi chiếm cứ xong một vài hải-cảng và nhượng-địa Trung-Hoa do các cường-quốc Âu-Mỹ kiểm-soát, quân-đội Nhật yết biển : « No dogs nor whitemen » ở cửa một số công-viên và hí-viện (Chó và người da trắng cấm vào). Người da trắng công-phẫn cho thế là hỗn-xược : ba tiếng « họa da vàng » nhân đó, lại thêm một lần, được nêu lên bằng những giòng chữ lớn. Nhưng có bao giờ và có người da trắng nào thành-thực nhớ cho rằng : người Nhật đã yết biển kia ở chính những nơi mà trước đây, người da trắng đã ngạo-mạn và cho là hợp-lý : ở ngay trên đất-đai do người Trung-Hoa cắt-

http://tieulun.hopto.org

nhượng, yết biển : « No dogs nor Chinamen » . . .

*

Xem đó, và cứ vô-tư suy-luận, người ta có thể tự hỏi : thực ra, qua thời - gian và không-gian, có phải chăng Hoàng-chủng đã là cái họa cho Bạch-chủng ?

Có lắm kẻ thiển-cận thường lầm tưởng : đã hẳm-hiu vong-quốc thì các dân-tộc kia sẽ muôn đời cam thân làm nô lệ. Phong - trào quốc - gia bùng nhanh như lửa cháy, đã khiến các vị « thần mẫu - quốc » tự cho là bất khả xâm phạm đó, hiểu rằng người Hoàng-chủng không đến nỗi ươn-hèn như họ tưởng. Lịch-sử quốc - gia nào cũng có lúc thăng trầm hùng bĩ, thì Hoàng-chủng cũng có những quá khứ oai-hùng và những thời-kỳ ảm-đạm. Và người Hoàng-chủng có tạm thời khuất-phục, thì cũng chỉ để đợi một ngày khác sáng tươi hơn. Những kẻ trước đây xâm - lăng thống - trị, đã đành ngậm-ngùi nuốt hận, luyến tiếc thay cho thời đại hoàng-kim, mà lo-âu về « họa da vàng » !

Nhưng sự đe-dọa kia thực không có gì là đe-dọa. Đó là một định-luật thiên-nhiên : cái gì phải tới rồi sẽ tới, và do đó, sự lo-âu quả thực là phi-lý.

Người ta lo rằng mọi quốc-gia Hoàng-chủng rồi đây sẽ ngang hàng với mọi dân-tộc Âu-Tây. Các nước Âu-Tây do đó sẽ mất hết lợi-quyền, và các thị-trường tối-huệ, để đồng thời các quan-niệm cố-hữu về tôn-ti trật-tự giữa các mầu da sẽ không còn nữa...

Trong một cuốn sách nhan-đề : « La pesée des ames » xuất-bản tại Paris, tác-giả là ông Hàn G. Duhamel đã chú-ý đến lực-lượng tương-lai của Á-đông phì-nhiêu đông-đúc. Vì thực ra, Á-châu ngày nay đang dũng-tiến trên con đường độc-lập, và văn-minh khoa-học.

Nói như thế, không phải trước đây người Hoàng-chủng kém văn-minh khoa-học. Nhưng hiềm một nỗi, người Hoàng-chủng thiếu óc thiết-thực lại đa tình-cảm, khiến sự tiến-bộ bị ngừng-trệ rất nhiều.

Người Hoàng-chủng đã phát-minh ra cái diều, nhưng người Âu-Tây đã căn-cứ để phát-minh ra phi cơ. Người Hoàng-chủng đã phát-minh ra chất nổ để làm pháo chơi ngày Tết, người Bạch-chủng đã căn cứ vào đó để phát-minh ra trái-phá thần-công.

Về chính-trị, các nước đế-quốc trước đây, ngày nay suy kém lại thêm phong-trào quốc-gia quá mạnh, thật chẳng thể nào phản-ứng một cách nhanh chóng và hiệu-nghiệm như xưa. Trong khi đo, khoa-học ngày càng phát-triển, cũng không còn là đặc-quyền của Âu-châu. Có những nhà bác-học Hoàng-chủng, mà ta có thể nói là không phải của một nước nào, một thời nào, mà là của mọi dân-tộc, mọi thời-đại, vì đã gom-góp một phần tạm gọi là bé nhỏ vào kho-tàng nhân-loại.

Năm 1946, nhà bác-học Trung-Hoa Tsien-San-Tsiang, sau khi thí-nghiệm tại Collège de France đã khám-phá ra định-lệ về cách nổ của chất uranium. Ông đã cùng phu-nhân — cũng là giáo . sư lý-hóa —, về Trung-Hoa dạy trường Đại-Học.

Một nhà bác-học Trung-Hoa khác, ông Peng, sau khi khảo-cứu tại phòng thí-nghiệm Dublin (Anh), đã khám phá ra một lý-thuyết về loại nguyên-tử mà đã tự lâu, biết

http://tieulun.hopto.org

bao nhiêu nhà bác-học Âu-Mỹ tốn công kiếm tìm ra chưa thấy. Khi qua thăm Ái-nhĩ-lan, các nhà bác-học tiếp-đón Ông, đã tặng ông danh hiệu là « Maxwell tái-sinh ».

Năm 1949, một giáo-sư Nhật-Bản đã chiếm giải-thưởng Nobel. Sau khi qua Stockholm nhận thưởng, Giáo-sư tên là Hideki Yukawa dạy trường Đại-Học Columbia có ghé qua Paris, trước khi lên đường đi Nưu-Ước. Các nhà bác-học ở Paris đã tiếp đón giáo-sư thực long-trọng.

Tên Yukawa có nghĩa là « suối nước nóng ». Và họ của giáo-sư Hideki có nghĩa là « cây tươi tốt ».

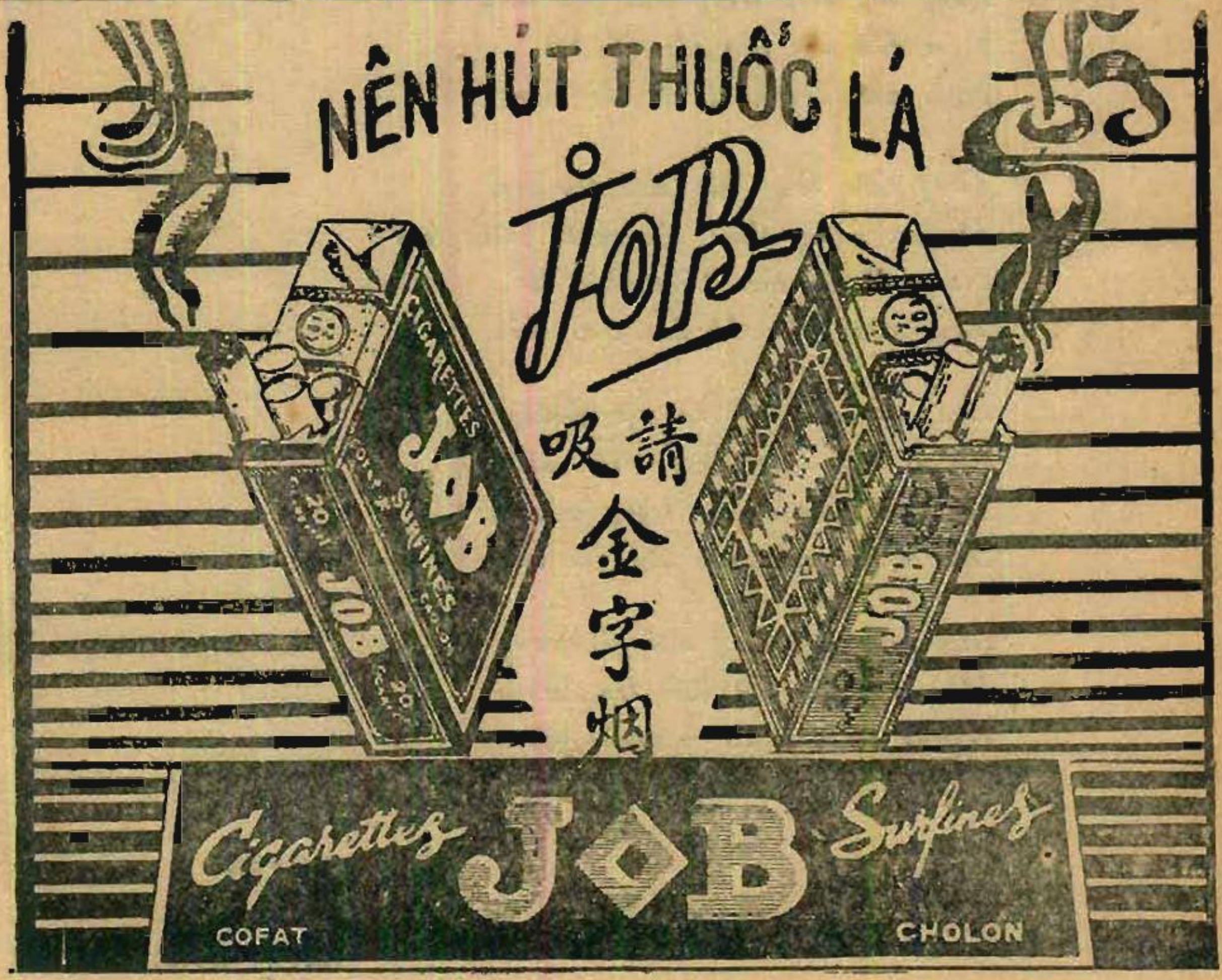
Ta hãy ước-mong các nhà bác-học hoàn-cầu sẽ cùng nhau cộng-tác, để nhân-loại được sống thái-bình dễ chịu như « cây tươi tốt » chớ không đắm-chìm trong can-qua khói lửa, cùng dắt nhau xuống « giòng nước nóng sôi ».

Á-châu sẽ không sợ họa xâm-lăng. Và Âu-châu cũng không sợ họa Hoàng-chủng chống xâm-lăng.

Các quốc-gia sống bình-đẳng, thân-ái, đó là điều-kiện tối cần cho sự tiến-bộ thực-sự và hạnh-phúc của nhân-loại.

Vả chăng, người Hoàng-chủng chuộng Hoà-bình, chỉ mong làm chủ giải đất mà họ có quyền và có lý làm chủ, thì đâu có phải là cái họa cho Bạch-chủng ?

Phạm-Trọng-Nhân



http://tieulun.hopto.org

BÀI CA LY XỨ

Anh bỏ quê nhà từ dạo ấy
Khói rừng đơm kín chuyện xa xôi
Ngày đi tháng lụn năm hờ hết
Mắt mỏi vời trông một khoảng trời

Mưa đã xuối nguồn cây vẫn xanh
Rừng sâu mây trắng trấy yên lành
Đêm đêm đốt lửa lên rồi hát
Ngùi nhớ đèn khơi nẻo thị thành

Từng thôn từng bản nằm trơ trọi
Đường xuống thâm sâu khuất mảnh trời
Nắng đỏ dài theo triền thác đỏ
Từng cơn buồn nhỏ đến chơi vơi

Hoa tìm chia đời ra một khoảng
Lối đi khói lạng đứng triền miên
Áo chàm thắp thoáng trong màu lá :
Mắt ngẩm trời xanh đến dịu hiền

Nửa kiếp đời dâng mãi gió sương
Mỗi cười heo hút buổi lên đường
Người em năm cũ — người yêu cũ
Ôi có buồn theo dõi một phương

TRANG-DUYÊN

http://tieulun.hopto.org

Tình hình Văn-nghệ (1) trong năm 1960

★ Cô PHƯƠNG-THẢO

Quả đất năm nay cựa mình nhiều nơi gieo thêm tang tóc vào cái nhân loại chưa dọn sạch xong tro tàn của trận Đại-chiến thứ nhì. Và nhân loại, trong hai hệ-thống ý-thức đối lập, giằng co ở khắp mặt-trận, quân sự cũng như văn hoá, duy trì lấy sự sinh tồn, phát triển của lực-lượng mình.

Trong cái không khí va chạm toàn diện ấy, chúng ta tạm rời ruộng đồng và rừng núi bao la, nền tảng của sinh hoạt dân tộc, mua vé lên tàu về các Đô-thành, tìm đến những nhà văn nghệ và những tạp-chí văn chương.

Giữa các cù-lao đô-thị, giữa những tường phố cao dày rủ bóng yên lành xuống các vỉa hè, ta gặp những văn-nghệ-sĩ đang đi.

Họ đi về đâu ?

Nhìn chung, về loại truyện ngắn cũng như truyện dài xuất-bản trong năm, số lượng thật là ít ỏi.

Về phần truyện ngắn chỉ có hai người có hai tác phẩm là Doãn Quốc-Sỹ với tập *Gin vàng giữ ngọc* và *Hồ Thủy-Dương*, Nguyễn-mạnh-Côn với *Kỷ-Hoa-Tử* và *Ba người lính nhảy dù lâm nạn*. Bình-Nguyên-Lộc nhiệt-tình là vậy mà chỉ *Ký-thác* một lần. *Chồng con tôi* của Duy-Lam, *Truyện trong Lán* của Nguyễn.triệu-Nam là những tập truyện ngắn đầu lòng. *Men chiều* của Nguyễn-thị-Vinh ghi con số bốn vào những chứng quả của một con đường văn-

(1) Tự xét không đủ phương-tiện theo dõi tất cả các bộ-môn văn-học và nghệ-thuật trong năm nên tiếng *văn-nghệ* trong bài chỉ là biểu hiện sinh hoạt văn chương và những tác-phẩm văn-chương : (tác-giả).

http://tieulun.hopto.org

nghiệp. Ngoài ra, trong cái gia-đình truyện-ngắn lưa thưa vẫn còn đôi kẻ mới sinh nhưng cái vóc dáng yểu mềm chưa đủ điều-kiện để có thể thành sự sống nghệ-thuật.

Về phần truyện dài, bên cạnh *Những vì sao lạc* của Bùi Nhật-Tiến, có cơn *Ác-mộng* của Ngô-Xuân-Phụng, *Giai-nhân và chân-lý* của La-văn-Thu, *Những ngày hoang đại* của Nhất-Lê, *Thử-thách* của Triệu Triệu.

Sự ít ỏi ấy do cái tình hình tiêu-thụ gần như bế-tắc đã khiến nhiều nhà xuất-bản lắc đầu từ chối tác-phẩm. Và nhiều tác-giả, tự lượng sức mình, không dám phiêu-lưu in lấy sáng tác. Đặt qua một bên tất cả nguyên-nhân khách quan quyết-định sâu sắc cho sự tiêu-thụ văn-nghệ, chúng ta tìm xem giá trị nội-dung cũng như kỹ-thuật của hai loại tiểu-thuyết ngắn, dài trong năm có gì gọi là đặc-biệt.

Trước hết, về mặt nội dung một điểm đáng kể là người cầm bút đã *thoát ly khuôn sáo tầm thường* để cố khai thác những đề tài mới mẻ. Nguyễn-Mạnh-Côn bạo dạn phiêu lưu trong một thế-giới hoang-đường . . . khoa học, Duy-Lam ra công phân-tích những cõi u-ẩn của phần tiềm - thức con người. Về phần lập trường, *thái-độ của một số người đã thấy xác-định rõ rệt*. Doãn-Quốc-Sỹ, Nguyễn-mạnh-Côn, Nguyễn-triệu-Nam, Ngô-xuân-Phụng là những cây bút chống Cộng, đã lấy tác phẩm làm một phương-tiện chiến đấu. Về mặt xã-hội, Nhật - Tiến và La-văn-Thu cũng đã nói đến một đôi vấn-đề.

Tuy vậy người ta nhận thấy rất rõ là sự nhận định về các vấn - đề căn bản ở trong xã - hội còn rất thiếu sót. Đã nhiều năm qua, vẫn chưa có một tác phẩm — dù là tuyển - tập truyện ngắn — phản ảnh cho được tình hình thực-tại. Ở đây, chúng ta không tìm nguyên - nhân, chúng ta chỉ xét hiện-tượng. Và *đó là cái hiện-tượng văn-nghệ cố-tình thoát ly thực-tại, giả vờ không biết sự thực*. Những đề tài mới mẻ, tân-kỳ chỉ là lối trốn nhiệm màu — hay là tủi nhục — của người cầm bút. Những cái cảnh trạng hằng ngày, cố gắng cũng như bất lực, hy vọng cũng như đau khổ, không được nói đến cho nên tác phẩm không có giá-trị truyền cảm thực sự mà chỉ là sự phiêu lưu trong cái thế-giới chập chờn nửa mộng nửa thực. Trong khi đứng giữa cuộc đời thực tại người ta luôn luôn đối diện với những vấn-đề quyết liệt day dứt tâm hồn đến mức cao-độ thì trong tác phẩm người ta thấy những bóng ma dĩ vãng hiện về, và sự rung cảm cách bức đến mức nhạt-nhẽo chỉ khiến ngáp dài. Có thể nói rằng hầu hết tác phẩm không có sức nóng ban ngày mà chỉ có hơi lạnh về khuya và ít gió chiều thoang - thoảng. Tác phẩm không có bề sâu, chỉ có bề mặt như một chất dầu đóng váng trên nước, óng a óng ánh nương theo sức chói mặt trời. Tác phẩm không có trọng lượng, chỉ là một mớ nhẹ tênh mà hơi thở phào của người chủ tiệm có thể bắn tung hàng loạt ra các vỉa hè.

Một điểm khác nữa là cái trình độ trí-thức cũng như trình độ cảm xúc trong nhiều tác-phẩm thực là nghèo

http://tieulun.hopto.org

nàn. Trí thức ở đây không phải là những chứng chỉ cấp-bằng mà là trình độ nhận-thức sâu-sắc về các vấn đề chi phối sinh hoạt con người, trước hết phải là con người Việt-Nam ở trong hoàn cảnh xã hội hiện tại.

Trong nền văn-nghệ tự do, người ta có quyền tự do — ở trong luật định — bàn đến rất nhiều vấn-đề và nhà văn có thể chọn lựa tùy theo ý thích, đề tài cho tác phẩm mình. Nhưng không phải vì vậy mà nhà văn chọn lấy những đề tài phản lại một quan niệm tự do chân chính, chẳng hạn như sự hoài nghi khoa học, những sự kêu gọi tình thương một cách lỗi thời, những sự giới thiệu đời sống cá nhân trưởng giả hạ-cấp.

Sự thiếu kiến-thức khoa-học dẫn một số truyện đến mức hoang-đường dễ đưa đến cái tinh thần hoài nghi khoa học vốn là một thứ tình cảm vong ân hết sức nặng nề. Học thuyết của Frend — mà đôi người xem như là xương sống của tác phẩm mình — ngày nay đã được chứng tỏ chứa đựng khá nhiều lầm lẫn quan trọng — và cái giá trị tương đối rất là hạn-chế của học thuyết ấy không đủ bảo-đảm phương tiện cho một nhà văn muốn tìm hiểu rõ con người. Qua những truyện dài và những truyện ngắn — tất cả các bài điểm sách của các tờ báo trong năm cũng đã chứng thực điều này — là người cầm bút không có một cái nhãn quan tương đối tổng quát về các vấn-đề, không có một cái quan điểm tiến bộ về những nhu cầu xã-hội. Hình như họ chỉ bằng lòng với những kiến thức đầu tiên đã thu lượm được và tự thỏa mãn trong cái *chức vị làm văn nghệ-sĩ* để tự cô thủ trong tầm hiểu biết có sẵn và những sách vở nằm dưới tầm tay mà không trau dồi học hỏi không ngừng ở trên thực-tế.

Điều đó còn thấy rõ rệt hơn nữa trong phần kỹ thuật của các tác-phẩm Về những truyện ngắn, trừ Doãn-Quốc-Sỹ có một bút pháp thành thạo, lưu loát, và Bình Nguyên-Lộc tương đối có sự hòa hợp cân xứng trong một số truyện chọn lọc, nhiều người cầm bút chưa quan niệm rõ thế nào là sự thể hiện nhân vật trong một công-trình nghệ-thuật. Đặc biệt là trong truyện dài kỹ thuật diễn tả nằm ở dưới mức trung bình rất xa. Trong một đôi truyện đó là những lỗi mô phỏng, chắp vá các tuồng xi-nê hạ cấp. Trừ Nhật-Tiến có một lối văn giản dị, trong sáng của một ngòi bút đi xong được giai-đoạn đầu, còn hồn truyện dài xuất bản trong năm chỉ là loại truyện giải trí hết sức mệt nhọc cho bất cứ hạng độc giả ở trình độ nào. Gác bỏ một bên những cái thiện-chí ở trong tác phẩm, người ta bỗng thấy đối diện với những tham-vọng hết sức khủng-khiếp về mọi vấn-đề, trước hết là những vấn-đề nghệ-thuật.

* * *

Cũng như mọi năm, so với tiểu thuyết thì những tác phẩm thi ca có phần phong phú hơn nhiều mặc dầu không tác-phẩm nào bán chạy. Bởi vì, từ lâu, người ta đã hết trông đợi ở các nhà thơ và nhiều chủ báo vẫn xem

http://tieulun.hopto.org

đăng thơ cho một tác giả ở trong tờ báo của mình là một ân huệ đặc biệt để khỏi trả tiền nhuận bút.

Tuy vậy, thi ca năm nay có nhiều thay đổi đáng kể. Trước hết, thi ca biểu lộ được nhiều khuynh hướng khác nhau và mỗi người đều có khai thác mảnh đất tâm tình riêng biệt của mình. Bên cạnh tập *Mây* của Vũ-Hoàng-Chương tái bản có nuôi dư vị ngày qua, *Nhạc Dế* của Đoàn-Thêm, tìm tòi những cách biểu hiện mới mẻ nhưng vẫn tôn trọng tinh thần cổ-điển, *Mưa gió sông Tương* của Tương-Phố phảng-phất lệ-nhòa từ mấy mươi năm về trước, *Tổ Ấm* của Anh-Tuyền ôn tồn kể chuyện thành thị, thôn quê, *Đau thương* của Thế-viên rền rĩ tấm lòng bất lực, *Lang thang* của Minh Đức nói lên nỗi niềm đau khổ yêu thương, là những tác phẩm chứng tỏ được một tinh-thần nghệ-thuật, mặc dù trong số những tác-phẩm ấy có những trình-độ cách biệt rất đậm. Người ta còn phải kể thêm công trình biên dịch Đường Thi rất là công phu của hai ông Bùi-khánh-Đản và Đỗ-Bằng-Đoàn. Ngoài ra vẫn còn khá nhiều thi phẩm mà ngay tác giả cũng phải tự thấy là mình đã làm một việc táo bạo trong khi gieo vần, khiến cho người đọc phải lấy giận dỗi pha thêm vào sự thất vọng để bớt nhiều nỗi nặng nề những lúc tìm đọc.

Hiện tượng rõ nhất về thơ năm nay là nhiều «thi-sĩ» đã biết nín bớt — và chỉ bớt thôi — những lời kêu gào than khóc yêu đương ngớ-ngẩn — biểu lộ những sự thèm thuồng không được thỏa mãn — và đành quay về với những tình cảm gia-đình. Trong một số thi phẩm người ta đọc thấy những tiếng kêu *mẹ* ở trong đầu đề, phải chăng những nhà thơ này bắt đầu nhận biết là mình hãy còn trẻ lắm?

Nhìn chung, nội dung của nhiều thi-phẩm vẫn còn cũ-kỹ một cách ảm-đạm. Cũ-kỹ ở đây là cái chứa đựng ở trong tâm-hồn làm nên rung cảm nghệ-thuật. Nhà thơ chỉ có thể truyền lan những gì mình đã xúc động và trước hết họ phải thành thực với mình. Nhưng sự sống quá nghèo nàn, quá bưng bít của họ không tạo cho họ những luồng rung cảm sâu sắc đủ sức lan truyền rộng rãi. Tác-phẩm ra đời chỉ là món quà giữa các bạn hữu, những cái công trình để tự thỏa-mãn và... hết. Chưa có những bài thơ mà người ta truyền đọc cho nhau, chép tặng cho nhau, coi như thi-sĩ đã nói giùm mình những mối tâm tình vương vấn cõi lòng. Cho đến những bài xây dựng công phu cũng chỉ là thứ kiến-trúc hình-thức với những suy tư riêng rẽ đầy những cố-gắng cầu kỳ không làm xao động được ai, ngoại trừ tác-giả. Đây là chưa kể nhan nhản những thơ, xưa không ra xưa, nay không ra nay, lai Tây, lai Tàu, lai Đức, và những bài thơ đầy những sáo ngữ, những ước lệ của những khối óc cần đem tĩnh dưỡng ở tại bệnh-viện Biên-Hòa.

Khuyết-điểm tiêu biểu vẫn là thi ca không có quần-chúng, như loại tiểu-thuyết không có người xem.

http://tieulun.hopto.org

Tầng lớp trí thức đã chẳng có người làm thơ tiêu biểu cho mình, cả đến tuổi trẻ cũng không có người nói hộ. Đấy là chưa kể đông đảo tầng lớp cần lao ở trong xã-hội cũng không có người nói đến, có lẽ nhà thơ không muốn nói đến, hoặc không dám nói hay chăng ?

Mặc dầu có những cố gắng tìm tòi, có những khuynh hướng đổi khác, nhìn chung thi ca trong năm 60 chỉ là một sự ngưng trệ trong cái loay hoay của sự túng quẫn tâm-hồn. Đọc các thi phẩm, người ta không sao tìm được một người đồng điệu, không hái được một cánh hoa, không nghe được tiếng chim hót, cho đến vòm trời cao rộng cũng bị mây mờ che khuất, chân trời xa xôi cũng có thành quách chắn ngang. Chỉ có uể-oải, an nhàn, trụy lạc, đau khổ, bùn lầy của tâm hồn, gai góc của tuyệt vọng, một ít sức nóng của hơi thở người yêu và rất nhiều mơ mộng của một cuộc sống bất lực.

* * *

Về kịch năm nay, vỏn vẹn chỉ hai tác phẩm, *Kim tiền* của Vi-Huyền-Đắc tái bản và *Nhập Đô-thành* của Trương Linh-Tử, một vở kịch thơ. Tác phẩm sau này tuy là công trình mới mẻ nhưng xem nội dung cũng như kỹ thuật còn xưa hơn cả *Kim tiền* ra đời cách đây trên vài mươi năm. Mặc dầu chưa được hoàn thiện, giá trị lâu bền của vở *Kim tiền* xác nhận điều này : con người văn-nghệ, nhất là nhà soạn kịch, muốn có tác phẩm đặc sắc phải nói cho được những vấn-đề lớn của thời đại mình, phải có thái độ tích cực đối với những đòi hỏi chính đáng, những băn khoăn tiêu biểu của xã-hội mình, tóm lại là phải dám nhìn sự thực, dám nói sự thực.

Sự nghèo nàn của ngành kịch không phải là điều làm ta ngạc-nhiên, sau khi đã rõ tình-trạng thi ca cũng như tiểu-thuyết. Trong các bộ môn nghệ-thuật, ngành kịch bao giờ cũng đến sau cùng cũng như ngành thơ thường tới sớm nhất, một khi xã-hội đã có ít nhiều biến đổi. Kịch đòi hỏi giải quyết vấn-đề, thể hiện nhân-vật một cách thật là cụ-thể, do đó muốn khai phóng cho bộ môn này, căn bản phải có được hai điều kiện sau đây : xã-hội

---

Trường sinh, bất tử

Nguyện vọng chung của loài người là muốn trường sinh, bất tử. Song thật ra trường sinh, bất tử vị tất đã là điều đáng nên mong ước. Fénélon nói : « *Ulysse ra đi, khiến Calypso không sao nguôi niềm mong nhớ; trong lúc đau khổ, nàng thấy bất tử chỉ làm cho nàng thêm cay cực* ».

http://tieulun.hopto.org

tương - đối ổn - định để những con người có thể *thành hình* và đủ rộng-rãi đón nhận những cách giải-quyết mà không tiêu diệt ý-chí tự-do sáng-tạo, trong sự chân-thành xây-dựng của văn-nghệ sĩ.

Tóm lại, ngành kịch hầu như là một số không. Vinh dự của quyển *Kim tiền* đã thuộc về thời tiền - chiến, giá-trị *Kim tiền* chưa mất, nhưng là giá-trị lịch-sử. Và một nhà viết kịch mới... *nhập đồ - thành* chưa phải là thấy vấn-đề cần-thiết cho tác-phẩm mình. Vấn-đề đô-thành — huống nữa là một đô thành ngày xưa — chỉ là vấn-đề của một thiểu-số, phải là vấn-đề của cả dân-tộc, của cả xã-hội mới đủ sinh-khí làm cho bừng dậy cặp mắt lim dim của một số đông khán giả.

*

Nhưng nếu tác-phẩm có vẻ lưa thưa trên những ngăn hàng vắng khách thì trái hẳn lại, không-khí của những tạp-chí văn nghệ xem ra có vẻ rộn - ràng. Chưa có năm nào — trong khoảng thời gian 6 năm lại đây — nhiều báo văn - nghệ ra đời như thế. Một tờ *Sáng-tạo* cố gượng ngoi lên sau lần ngã quỵ, đem cái cẩu kỳ và sự lập dị làm nên giá - trị của mình. Ngoài những cuộc mạn-đàm trong nhóm về các vấn-đề văn - nghệ không dẫn đến đâu — trừ dẫn đến cái giả-tạo của sự sáng tạo — tờ báo còn tự tố cáo một sự bế - tắc bằng cách phí công phủ-nhận văn-nghệ tiền chiến và suy tôn quá đáng một nhà thơ trẻ tầm thường thỉnh thoảng mới tỏ xuất - sắc trong một đôi câu, nhưng nhờ cái chết làm cho tự - ái của những người khen không bị thương-tổn và nhờ cái chết mà chóng . . . hiển thánh trong một tôn giáo chưa tìm đâu ra thần tượng.

Tờ *Hiện - Đại*, phân thân của tờ *Sáng-Tạo*, có vẻ là những con người rất nhớ văn-chương là thứ không thể xa lìa cuộc đời. Bởi vậy, trong những khách hàng, tờ này thấy rõ học sinh các trường trung học là số đáng kể. Những bài phần lớn đều viết theo một trọng điểm, không có tham vọng giải quyết vấn đề nhưng có dụng ý khêu gợi vấn đề để dễ tiêu thụ. Tuy vậy, tờ báo vẫn có một sự cố gắng đổi mới ở trên phương thức và vẫn tỏ ra đứng đắn, hữu ích, tuy một thái độ rõ rệt chưa thấy xác định.

Tờ *Thế kỷ 20* phảng phất tinh thần *Sáng tạo* và cái tinh thần *Hiện đại*, có vẻ là một tuyển tập văn - nghệ gồm những nhà văn còn trẻ hoặc ưa sự trẻ. Tinh thần nói chung của tạp-chí này là sự cố gắng làm mới, nhưng sự cố gắng luôn luôn còn ở trong giai đoạn đầu, bởi vì người ta khó lòng cố gắng trong sự uể oải và sự rời rạc.

Tờ *Văn Đàn* điểm một nét lạ vào khối tạp chí văn nghệ trên đây. Nếu các tạp chí này là những chàng trai phiêu lưu, lãng mạn, nông nổi, khinh bạc thì tờ Văn Đàn là một cụ già cẩn thận, chi ly, sốt sắng và ưa tìm tòi kể cả việc lớn lẫn những việc nhỏ. Đó là tờ báo gọi rằng văn chương nhưng qua những sự trình bày cũng như các sáng tác phẩm, tỏ ra không ưa văn nghệ bao nhiêu, có lẽ vì quá bận tâm đến các vấn đề luân lý. Dầu

http://tieulun.hopto.org

sao, cho ra hàng tuần, tờ *Văn Đàn* như tờ *Tiểu thuyết thứ bảy*, có một nỗ lực đáng kể, Người ta nhận thấy trong tờ sau này luôn luôn có sự cải tiến cho hợp cảm quan người đọc nhưng so với tờ *Tiểu thuyết thứ bảy* ngày xưa thì tờ ngày nay về phần kỹ thuật diễn tả ít chăm sóc hơn và phần nội dung còn thiếu sáng tác xã hội mà quá thiên về mô phỏng, dịch thuật những công trình đã cũ. Một phương thức như tờ báo này, nếu có tinh thần quản trị tiến bộ, có lẽ được nhiều người đọc hơn nữa.

Trong số tạp chí văn nghệ xuất hiện trong năm, còn có tờ *Mai*, phương thức khác hẳn các tờ trên đây. Tuy có cái tên hứa hẹn như thế nhưng tờ *Mai* nửa già, nửa trẻ, vừa tích cực mà vừa hoài nghi. Mặc dầu có những cố gắng nghệ thuật và chú trọng đến những vấn đề xã hội, tờ *Mai* vẫn còn khô khan và chưa phát biểu rõ rệt được những khuynh hướng tiến bộ.

Ngoài những tờ báo mới mẻ và có vẻ mới mẻ này, những tờ đã cũ xem ra vẫn còn khang kiện, trừ tờ *Sống* đã sống một cách vội vàng, bập bênh, luôn luôn tỏ ra cần phải cố gắng trở lại. *Văn-hóa Á-Châu* trong những vấn-đề bàn luận có phần sung túc hơn năm vừa qua, *Văn hữu nguyệt san* vẫn chọn được những vấn-đề thích-hợp để làm trọng điểm nhưng chưa bàn giải sâu hơn và thiết thực hơn, *Bách-Khoa* vẫn giữ được sự cố-gắng như cũ tuy trong một đôi vấn-đề hơi nặng tính-cách chuyên-môn, *Chỉ Đạo* ít đều đặn hơn nhưng giữ được vững thể-khối của mình, *Giáo-Dục Phổ-Thông* trải qua nhiều sự khó khăn nhưng vẫn có những cố-gắng về phần nội-dung. Còn Tờ *Sinh-Lực*, vẫn tỏ là nguồn sinh-lực dồi dào trong sự chết đi sống lại nhiều phen như kẻ làm trò ảo-thuật.

Về các tạp-chí và tuần báo thuần túy văn-nghệ, hoặc có tính cách văn-

Hai câu nói của La Bruyère

Luận về danh vọng ở đời, Jean De La Bruyère có câu nói thật sâu sắc: « *Ở đời chỉ có hai cách đạt tới danh vọng, hoặc đạt tới bằng tài trí của mình hoặc đạt tới bằng ngu xuẩn của kẻ khác* ». Luận về đời người, ông cũng có câu nói không kém sâu sắc: *Đời người chỉ có ba biến cố: sinh, sống và chết. Khi sinh ra thì không biết, khi chết đi thì khổ sở, còn khi sống thì lại quên mất* ».

http://tieulun.hopto.org

nghệ đã nêu trên đây tuy có một vẻ phồn thịnh hơn những năm qua nhưng trong những ngày cuối năm nhiều tờ đã có trạng-chứng biến đổi hình thái nếu không khai-tử. Sự sôi nổi tạm-bợ của các loại này chưa làm phấn khởi được ai mà chỉ gieo thêm nhiều nỗi âu-lo, bởi vì cuộc sống ngắn ngủi, bấp bênh của các tờ báo không thể xây-dựng được một khối nào vững chắc có thể tạo nên đường lối, phát-triển tài năng cho có kế-hoạch, mà chỉ gây ra một cái tâm-lý « ăn xổi ở thì » tai hại trong những con người văn-nghệ. Một phần quan-trọng quyết-định vận-mệnh của các tờ báo là những người phụ-trách không hề gấy tạo lấy mối liên-hệ đúng đắn giữa mình và những độc-giả mà phần đông làm báo là nhằm thỏa-mãn sở thích của mình. Trước hết, vấn-đề đã bị đặt ngược — đáng lẽ phải lấy yêu-cầu chính đáng của độc-giả làm một lẽ sống — cho nên cuối cùng người ta phải tự bắt buộc đối thoại với mình. Hình như không tờ báo nào có một thực-lực rõ rệt, cũng không tờ nào có một tổ-chức thích-hợp với những đòi hỏi hiện thời và ngay trong mỗi tờ báo đã không có sự nhất trí. Một phần là bởi các tờ trên đây đã nhắm vào một đối tượng độc-giả rất hẹp — đó là trí-thức — và đối tượng này cũng đã phân hóa quá nhiều để thành những số rất nhỏ không đủ nuôi sống tờ báo của mình. Thêm nữa, trước cái hiện tình xã-hội đòi hỏi một sự nhận-định cụ-thể, sôi nóng hơn nhiều, thì một phần đông ngòi bút chỉ cứ phiêu lưu ở trong cõi sống cá nhân bản chất, *cố tình quên các vấn đề thực tế*, hoặc chỉ nói đến thực tế một cách đại cương để tự dối mình.

*
* *

Tóm lại tình hình văn nghệ trong năm có sự rộn ràng của một phồn thịnh giả tạo vì nhiều tạp chí văn nghệ không có đời sống hứa hẹn dài lâu và các ấn phẩm càng ngày càng bị đưa ra vỉa hè càng thấy đông đảo. Nhiều cơ sở xuất bản tuy vẫn nỗ lực giữ mức phát hành đều đặn nhưng phẩm chất văn nghệ suy sút một cách quá sức rõ rệt. Nhiều cuộc nói chuyện văn nghệ đã được tổ chức cho cái sinh hoạt thêm phần phấn khởi và đã có nhiều cố gắng đáng kể, nhưng đa số thuyết trình viên còn thiếu tinh thần trách nhiệm trong khi chuẩn bị vấn đề — Nhiều cuộc tranh luận đã được xảy ra nhưng không đưa đến những sự tìm hiểu thận trọng mà kẻ chủ động như người bị động đều thiếu thái độ thành thực đối với chính mình. Qua sự tranh luận người ta thấy nhiều cá tính và những dụng tâm, những thứ thật là hữu hiệu để che sự thực, cho nên đối tượng tranh luận không phải là những vấn đề mà chính là những cá nhân của cuộc tranh luận.

Tuy nhiên, suốt qua một năm sáng tác, những mồi băn khoăn của những con người văn nghệ càng thấy rõ rệt hơn lên. Băn khoăn tìm đường cho chính bản thân, băn khoăn suy tưởng về phần nghệ thuật, băn khoăn trên cái

http://tieulun.hopto.org

trách nhiệm của mình. Nhưng đối diện với tâm tư, con người văn nghệ vẫn thấy là những cá nhân lẻ loi, những cái vốn sống ích kỷ và mối tâm tình cô đơn kéo lôi dĩ vãng trở về. Như anh chàng lùn *Antée* ở trong thần thoại Hi-Lạp bị nhấc bổng lên mặt đất nên mất sự sống, những văn nghệ sĩ đã xa cuộc đời tích cực của cả đông đảo nhân dân nên chỉ tạo tác được những công trình văn nghệ không có sinh lực. Cuối cùng, người văn nghệ sĩ *lấy sự cách bức với quần chúng làm cái giá trị tinh thần của mình và chỉ cách ấy mới đem cho họ ít nhiều ảo tưởng về cái bản lĩnh của họ.* Để tự biện hộ cho một thái độ tinh thần như thế, nhiều người cam tâm phủ nhận cả mình như để phủ nhận thực tại xã hội mà họ đang sống, để quay về cái thế giới văn nghệ Tây phương, ôm chân những nhà triết học bất lực, sa đọa, như những thần linh bảo trợ linh hồn. Một sự vong bản mới mẻ lại xuất hiện, một đa thần giáo mới mẻ trong văn nghệ được cấu thành. Và trên bàn thờ, vẫn là cái TA, cái TA có vẻ sặc sỡ hơn xưa trong những sắc áo, nhưng cái hình hài thể chất thật ra tiều tụy lắm rồi.

Giữa các cù lao đô thị, giữa những tường phố cao dày rủ bóng yên lành xuống các vỉa hè, ta gặp nhiều văn nghệ sĩ đang đi.

Và chưa biết rõ là mình sẽ đi về đâu.

Ngọn gió mát lạnh kéo lê sàn sạt từng chiếc lá khô trên các mặt đường.

Năm cũ tàn rồi!

Bất giác, dừng chân, con người văn nghệ chợt thấy bóng mình trong một tấm kính cửa hàng

Sờ lên nếp trán, bàn tay chạm phải vết nhăn, mái đầu lại chực cúi xuống.

Nhưng ở trong gương, loáng thoáng sau mình, rộn ràng xao động bao nhiêu con người đi lại. Niềm vui từ đâu len vào tâm hồn khi người văn nghệ tự quên hẳn mình để nhìn vào sự sinh hoạt rộn ràng trước mắt.

Chỉ có can đảm nhìn vào cuộc sống lớn mạnh mới mong thấy được con đường.

Và con đường ấy không phải riêng cho những văn nghệ sĩ. Không phải riêng cho một cá nhân nào. Đấy là con đường đi lên chung cho dân tộc, trong đó có những người làm văn nghệ.

CÔ PHƯƠNG-THẢO

http://tieulun.hopto.org

TÂM SỰ

Tôi trở về tìm lại ghế công-viên
Chiều thứ bảy — linh-hồn « chiều » phẳng-phất.
Mầu áo tâm-tư
ngày xưa . . .
đã mất !
Âm-hưởng mười năm rộn súng sa-trường.
Tôi là người trai đi giữ quê-hương
Súng thép,
mũ rừng,
đầu xanh,
máu đỏ.
Còn nhớ đêm xưa
Loa vang đầu ngõ
Sóng hờn-căm khua động mõ tre làng
Thân thế mình là cả một giang-san
Trăm buồng phổi cùng thở chung nhịp thở
Thuở đất Mẹ ngùi-ngùi nức-nở :
— Hãy lên đường gấp gấp các con ơi !
Có nghe chăng bom súng chuyển chân trời ?
Còn nhớ
Trên chiếc ghế công-viên chiều thứ bảy
Vây quanh chúng mình :
sương nặng hay mưa ?
Em nhìn tôi
cười
khóc
lạ-lùng chưa !
Áo tim rưng rưng mầu tiễn-biệt.
Trai thời loạn mất, còn — ai biết ?
Một người đi
thêm một kẻ dâng cờ
Những người đi
từ-tạ vạn chiều mơ
Ôm súng tiến lên cười
chiến-đấu !
Lấy xương máu để giữ-gìn xương máu
Đầu ta rơi ?
— có thể,
Nhưng quy-hàng ?
— trăm vạn lần : Không !

http://tieulun.hopto.org

TÂM SỰ

Tôi người lính trong đoàn quân bách thắng
Nhỏ máu sa-trường
Qua trăm thôn làng thân mến
Mỗi chiều
từ giã
một quê hương

Tôi yêu
Những đỉnh núi dù cao dù thấp
Những dòng sông dù cạn dù sâu
Rừng đã nuôi tôi
măng dang, măng nứa
Đời mẹ,
Đời con
vất-vưởng mấy mùa dau!
Tôi giết giặc vì không cho giặc giết
Chiến-đấu vì đời,
vì mẹ,
vì . . . em
Không muốn gót chân thù dẫm ánh trăng nghiêm
Xéo vườn văn-hiến
Như vạn con sông đều tuôn về biển
Năm, tháng, ngày, đêm túc trực dưới cờ.
Người lính Việt lớn lên
Như thiên-thần hiền-hiện
Dù những lần đi lắm kẻ không về
Và riêng tôi . . .
em không còn nữa
Công-viên hoang vắng lạnh hồn!
Áo tim nào dàn thấy giữa hoàng-hôn?

Nhưng hôm nay những gì còn lại
Là những gì không thể mất, em ơi!
Là đồng xanh vang vọng tiếng reo cười
Là núi chim ca,
Là sông cá lượn,
Xe thông-xứ chở Tình đi tàm hường
Lời nào cắt nghĩa Yêu-Thương?

Tôi biệt sa-trường
Áo thơm bụi nắng
Niềm đau gửi trong niềm vui chiến-thắng
Và nghe dưới mộ, em cười
Hoa hồng xưa, giờ nở đẹp em ơi!
Công-viên hoàng hôn nhắc lời đôi lứa
Ghế « chờ đợi » còn đợi chờ ai nữa
Chiều khói hương vây nghĩa-địa sầu!

Ai bây giờ mà tinh chuyện mai sau?

T.L.

http://tieulun.hopto.org

Nhân tham-dự các buổi thảo-luận tại

Đại Nhạc Hội Balê với đề tài « Người diễn viên »

NHẠC-SĨ ĐỐI VỚI ÂM-NHẠC HIỆN ĐẠI

THÁI ĐỘ CỦA NHẠC CÔNG, NHẠC SĨ « TÀI TỬ » VÀ NHÀ NGHỀ ĐỐI VỚI ÂM NHẠC HIỆN ĐẠI

TRẦN-VĂN-KHÊ

VẤN-đề đặt không được rõ-rệt. Muốn tỏ thái-độ của mình đối với nhạc hiện-đại, người nhạc-công, nhạc-sĩ phải biết âm-nhạc hiện-đại là gì. Trong tập Bách-Khoa số 64, chúng tôi có trình-bày một vài xu-hướng trong âm-nhạc hiện-đại. Các lối nhạc do những nhạc-sĩ hiện-đại sáng-tác, đều tùy theo xu-hướng, quan-niệm thẩm-mỹ của từng nhạc-sĩ mà thuộc về phái « tân cổ-nhạc » (néo-classicisme), phái « vô thể » (musique atonale), phái « bộ-môn » (musique sérielle), hay phái « cụ-thể » (musique concrète) (1). Thành ra khi nói đến âm-nhạc hiện-đại, có người nghĩ đến loại nầy, có người nghĩ đến loại khác. Đối với nhạc-sĩ Nga Dimitri Kabalevsky (Đi-mi-tờ-ri Ca-ba-lếp-xơ-ki) thì nhạc của Chostakovitchs (Sô-xơ-ta-cô-vit-sơ) là nhạc hiện-đại, mặc dầu khác hẳn với các lối « nhạc cụ thể » nhạc « điện-tử » (musique électronique) mà còn giữ truyền-thống của lối nhạc thể (musique tonale). Đối với nhiều nhạc-sĩ khác, thì *phương-pháp sáng-tác*, quan-hệ hơn *người sáng-tác* trong việc định-nghĩa danh-từ « âm-nhạc hiện-đại ». Một nhạc-sĩ hiện-đại có thể sáng-tác theo cách của Bach (Ba-khơ) hay Mozart (Mô-txat), nhạc của ông không thể gọi là nhạc hiện-đại mà là một lối nhạc phỏng-tác theo cổ-điển. Trong trí người đưa ra đầu đề để thảo-

(1) Chúng tôi xin lỗi độc-giả vì bắt buộc phải dùng những danh-từ chuyên-môn mà không thể giải thích rành rọt trong phạm-vi một bài báo. Xin quí vị độc-giả chỉ coi đó là những loại khác nhau trong lối nhạc gọi chung là nhạc hiện-đại.

http://tieulun.hopto.org

luận, âm-nhạc hiện-đại có nghĩa là một lối nhạc do những nhạc-sĩ còn đương thời sáng-tác với một nhạc-pháp khác hơn nhạc-pháp của các phái cổ-điển, lãng-mạn (romantique) hay là ấn-tượng (impressionniste).

Âm-nhạc hiện-đại có thể là âm-nhạc do nhạc-sĩ phái «Độc-lập» (Indépendants) hay là phái « bộ môn » (1) (musique sérielle) sáng tác. Số người tham-dự cuộc thảo-luận rất nhiều. Những nhạc-sĩ danh tiếng, đọc bài thuyết trình để nói rõ quan-điểm của một người nhạc-công ca-công nhạc-trưởng, nhạc-sĩ (với nghĩa người soạn nhạc) hạng tài-tử hay hạng nhà nghề đối với nhạc hiện-đại. Nếu dịch lại tất cả các bài thuyết-trình ấy, thì mấy bài báo cũng chưa đủ. Chúng tôi chỉ sắp đặt lại các ý kiến của những người tham-dự cuộc thảo-luận, và đưa ra những ý chánh.

Trước hết, nhìn vào sự sinh-hoạt âm-nhạc bên nầy, chúng ta thấy rằng âm-nhạc hiện đại chưa chiếm được một địa-vị quan-trọng. Thử xem chương trình của đài phát-thanh Pháp quốc trong ngày thứ hai 19 tháng chạp năm 1960. Thời gian dành cho nhạc cổ-điển, lãng-mạn hay ấn tượng, trong cả 4 đài (Pháp quốc số I, số II, số III, số IV) là gần 9 tiếng đồng hồ. Nhạc hiện-đại chỉ chiếm được 2 giờ 22 phút Trong ngày chúa nhựt 18 tháng chạp năm 1960, có những buổi hoà-nhạc lớn. Tại rạp Châtelet (Sa-tơ-lê) ban nhạc Colonne (Cô-lon-nơ) diễn tấu nhạc phẩm của Mozart (Môtxat,) Brahms (Bờ-ram-zơ) và Roussel (Ru-xen) Tại rạp Théâtre des Champs-Elysées, giàn nhạc Âm nhạc viên diễn tấu nhạc-phẩm của Brahms (Bờ-ram-zơ), Prokofiev (Pơ-rô-cô-fi-ếf) Ravel (Ra-ven). Tại điện Chaillot (Sai-ô) giàn nhạc Pasdeloup (Pa-đơ-lu) diễn tấu nhạc phẩm của Berlioz (Bẹc-li-ô-zơ) Dvorak (Vơ-jăc) và Dukas (Đuy-ca) Tại phòng hoà nhạc Pleyel (Pơ-lây-en) giàn nhạc Lamoureux diễn tấu nhạc phẩm của Berlioz (Bẹc-li-ô-zơ) Frank (Fơ-răng-cơ) Debussy (Đê-buýt-xi), Ravel (Raven) Schmitt (Sơ-mít). Theo định nghĩa nói trên của danh từ âm-nhạc hiện đại, thì không có nhạc sĩ nào trong chương trình hòa nhạc ngày chúa nhựt thuộc về phái nhạc hiện đại. Lẽ tất nhiên là âm nhạc hiện đại chỉ là một khía cạnh của âm nhạc thì số người thích âm nhạc hiện đại, so với số người thích các khía cạnh khác của âm nhạc như nhạc cổ điển hay lãng mạn còn rất ít nên người tổ chức các buổi hòa nhạc hay thảo chương trình phát thanh phải tùy theo thị hiếu của đa số thính giả. Mà đa số thính giả, theo lời một người tham dự buổi thảo luận mà chúng tôi không biết tên, sống trong thế kỷ XX, ăn mặc theo thời trang thế kỷ XX, ở trong nhà cất theo kỹ thuật thế kỷ thứ XX, dùng bàn ghế đóng theo kiểu thế kỷ XX, đi coi hát thì thỉnh thoảng mới coi bi kịch của Corneille (Coọc-nây) hoặc hài kịch của Molière (Mô-li-e) (thế kỷ thứ XVII) thường thì thích xem kịch của những nhà viết kịch hiện đại, thích đọc tác phẩm của các nhà văn hiện đại mà khi nghe nhạc lại thích nghe nhạc viết từ mấy thế kỷ ; đó là việc không tự nhiên. Theo ông, thì thính giả thường đi sau nhạc sĩ. Nhận định đó có đúng phần nào, Ai có đọc báo phê bình nhạc phẩm của Beethoven (Bết-ho-fân) cũng đều thấy rằng thời ấy

---

(1) Xin xem lại Bách khoa số 64.

Phái «Độc lập» còn giữ truyền thống cổ điển ở chỗ viết lối nhạc thề (musique tonale) Phái «bộ môn» chuyên về lối nhạc vô thề (atonale) và thập nhị âm (dodécaphonique)

http://tieulun.hopto.org

nhạc Beethoven đối với người đồng thời nghe rất chói tai. Nhưng có điều nên để ý là hội-hoạ và âm-nhạc ngày nay đi lần đến chỗ trừu-tượng. Mà người thưởng thức hội hoạ hay âm nhạc trừu tượng vẫn thiểu số Không những đa-số thính-giả chưa thưởng thức được những lối nhạc hiện-đại, mà phần đông nhạc-sĩ cũng chưa hoàn toàn hưởng-ứng với lối nhạc ấy. Chúng ta hãy xem qua vì sao nhạc hiện-đại chưa được đa số người yêu nhạc thích biểu diễn và thích nghe. Và ta thử đặt lại vấn đề.

Vấn-đề đã được ông Henri Barraud (Hăng-ri Ba-rô) nhạc-sĩ, giám-đốc đài phát thanh Pháp-Quốc số III, đặt lại một cách rõ-rệt. Theo ông, (1) thì việc tranh-đấu cho âm-nhạc hiện-đại được một địa-vị xứng đáng vấp phải những trở ngại trong ba mặt : Kinh-tế khả năng của biểu diễn, và tâm-lý.

1/ Về mặt kinh-tế

Trong tình-trạng xã-hội ngày nay, muốn trình bày một nhạc phẩm hiện-đại, phải có rất nhiều tiền. Các nhạc-công trong một giàn-nhạc cũng phải hưởng quyền được bảo hiểm xã-hội nên thuê nhạc công để tập-luyện rồi biểu-diễn một nhạc phẩm mới đã phải trả tiền công cho nhạc-sĩ, lại còn trả thêm tiền bảo hiểm xã hội, tiền cho quĩ hưu-trí v.v... thành ra ít ai có gan xuất tiền túi ra mà làm một việc chắc chắn sẽ lỗ. Để cho một thí dụ cụ-thể, ông Barraud đưa ra những con số. Muốn trình-bày một chương trình nhạc độ 20 phút, phải tập ít nhứt là 20 lần trước khi ra mắt thính giả. Và người tổ-chức phải bỏ ra ít lắm là 20 triệu quan cũ (tức là 200.000 quan mới, tính theo giá thị trường tự-do là lối hơn 3 triệu đồng bạc V.N. Mà tiền thâu vào thì chưa chắc được một phần mười tiền xuất ra.

Có nhiều khi, đài phát thanh muốn trình-bày một nhạc-phẩm hiện-đại, giao-hẹn với nhạc-trưởng chỉ được phép tập 4 lượt — nhưng nhạc-trưởng nào cũng phản đối việc tập « qua loa » như thế. — Và nếu có người chịu tập 4 lượt thì cũng phải tốn đến 4 triệu rưỡi quan cũ (tức là lối 700.000 đồng bạc Việt-Nam. Hà tiện lắm cũng phải bỏ 3 triệu rưỡi quan (lối 520.000 đồng bạc Việt). Những hội âm nhạc không dám tập những nhạc phẩm cận đại, chỉ dượt qua mấy bài bản xưa, đã ít mất công lại chắc thâu được tiền vì số người thích nghe nhạc cổ điển hay lãng mạn còn đông. Theo nhạc sĩ người Mỹ Virgil Thompson (Vơ-jin Thom-xôn) thì bên Mỹ các hội nhạc sống nhờ người ghi tên nghe nhạc hằng tháng (cũng như mua báo hằng tháng). Trong số người ghi tên từ 20 đến 30 tuổi có 75 phần trăm, 40 đến 50 tuổi có 25 phần trăm. Từ 50 tuổi trở lên gần như không có ai thích nhạc hiện đại cả. Mà chính người đúng tuổi thường có tiền và thì giờ nghe nhạc hơn người trẻ tuổi. Thành ra, việc tổ chức một buổi hòa nhạc hiện đại, trong tình thế nầy phải nhờ những « Mạnh Thường Quân » mà Mạnh Thường Quân đời nầy là Chánh phủ. Theo ông Barraud trong các nước Tây Âu, thì Chánh phủ Đức giúp rất nhiều tiền nhất cho các hội nhạc. Trong các nước xã hội chủ nghĩa thì các giàn nhạc lớn do chánh phủ trợ cấp tiền. Những người soạn nhạc cũng lãnh tiền lương của chánh phủ thành ra tác phẩm của họ được trình diễn dễ dàng hơn tác phẩm của nhạc sĩ hiện đại

(1) Tất cả đại-ý của đoạn nầy là do ý kiến của nhạc sĩ Barraud trong khi ông chủ tọa buổi thảo luận.

http://tieulun.hopto.org

trong các nước Tây Âu. Nhạc hiện đại ít được người thưởng thức vì thiếu phương tiện tài chánh để phổ biến nó.

2°/ Về mặt khả-năng biểu-diễn

Thí dụ như vấn đề tài chánh đã được giải-quyết. Thí dụ như các nhạc trưởng thấy việc sắp một nhạc phẩm hiện đại trong chương trình một buổi hòa nhạc là một sự dĩ nhiên, thí dụ các nhạc công sẵn sàng tập luyện một nhạc phẩm mới, việc trình bày nhạc hiện tại còn vấp phải một trở ngại nữa là mức khó khăn của nó. Nhạc-sĩ tìm tòi, thay đổi phương-pháp diễn tả những ý nhạc, nhưng có điều mà ai cũng phải công nhận là nhạc khúc, tiết điệu càng ngày càng phiền phức đến mức khó hay gần như không thể diễn tả được — Về điểm này nhiều nhạc - công, nhạc-sĩ đồng-ý với ông Barraud. Ông Egon Kraus (Ê-gôn Cờ-rau-xờ) trong bài thuyết-trình về thái-độ người ca sĩ hạng tài-tử đối với âm-nhạc hiện đại có nói rằng âm-nhạc hiện-đại viết cho những ban hợp xướng thường rất khó hát. Người hát lại không có rung động với lối nhạc mới ấy. Theo ông, sáng tác giản-dị không phải là trốn tránh cái khó khăn mà là thành-công trong sự sáng-tác. Lẽ tất nhiên nhạc-phẩm phải vừa giản-dị vừa hay.

Yvonne Loriod (I von-nơ Lô-ri-ô) một nhạc công chuyên độc-tấu dương-cầm nhìn nhận rằng phần đông nhạc-công không chịu tập nhạc hiện-đại vì « làm biếng » — Nhiều nhạc-công đợi người khác trình-diễn một nhạc-phẩm lần đầu rồi... 10 năm sau, nằm nghe dĩa hát thu thanh nhạc-phẩm ấy hằng trăm lượt rồi mới đến lượt mình trình diễn. Có phần tại nhạc công làm biếng mà cũng có phần tại nhạc-sĩ viết nhạc rất khó đàn ; nhạc của họ muốn đàn được phải có 20 ngón tay » ! Nhạc trưởng Manuel Rosenthal (Ma - nuy - en Ro - zơn-tan) cũng nhìn nhận rằng nhạc hiện đại không thể hay khó thể dùng đàn dương cầm để « đọc » các chiết - phần (1) Cô Jeanne Héricard (Ja - nơ Ê - ri - ca) một danh ca, trong bài thuyết trình cũng có nói rằng nhiều nhạc-sĩ hiện-đại viết nhạc khó hát lắm. Hoặc họ dùng những nốt thuộc về cao độ cực đoan của mỗi giọng, hoặc kết thúc một bài hát bằng nốt si trầm hay là fa thăng thấp (fa grave) hoặc viết một nét nhạc mà kèn Clarinette (Cờ-la-ri-nết) thổi rất nhanh mới diễn được, mà đàn vĩ-cầm khó diễn còn một giọng hát thì không tài nào diễn được. Âm - nhạc hiện - đại ít được người biết diễn và thưởng thức vì nhạc-sĩ hiện-đại phần đông muốn làm khác bực tiền bối, viết nhạc càng ngày càng khó diễn.

3°/ Mặt tâm-lý

Nếu nhạc viết khó mà người diễn-viên thấy thích thú khi tập luyện hay trình-diễn thì không nói gì. Jeanne Héricard (Ê-ri-ca) có nói với tôi rằng vì hát mãi những đại ca kịch cổ-điển, nên cô muốn tìm những bài hát thuộc về nhạc hiện-đại để tập. Nhạc viết rất khó, nhưng thú vị cũng ở chỗ khó. Càng khó mình càng thấy thích khi mình thắng được cái khó. Theo ý cô thì nhạc dầu khó diễn nhưng nếu lời thơ hay, dễ hiểu, nếu nét nhạc hạp với lời thơ thì toàn thể là một bài hát hay và nếu đã là một bài hát hay thì chỗ khó khăn trong lúc tập không thành vấn-đề. Ông Barraud cũng

(1) Thường thì người nhạc trưởng trong khi xem tất cả các chiết-phần của một bản nhạc giao hưởng dùng đàn dương-cầm để đờn một lần đầu để nghe các phần cao thấp đàn cùng một lúc — Như thế người ta gọi là « đọc »(lire) lần đầu.

http://tieulun.hopto.org

nhấn mạnh vào tâm-trạng của người diễn-viên. Họ cần nhứt phải có một lòng hăng hái tối thiểu khi tập một bản nhạc mới. Họ yêu nhạc không giống như người soạn nhạc hay là người thính giả. Người nhạc-công thường tìm trong âm-nhạc một phương tiện để diễn tả những xúc cảm thầm kín của mình. Nhạc-sĩ Đan-Mạch ông Johan Bentzon (Yô-hn Ben-txôn) cũng nói như thế. Hơn nữa, người diễn-viên thường tìm trong âm-nhạc « món ăn linh-hồn », những « phương-tiện để giải-quyết các mâu-thuẫn của cuộc đời ». Theo ông Bentzon, nhạc hiện đại, nếu đi đến lối nhạc điện tử hay cụ thể, hết đem hứng thú lại cho người diễn viên. Người diễn viên chỉ để hết tâm hồn vào một lối nhạc nào có thể là phản ánh của những hoài bão, nguyện vọng hoặc ưa thích của mình. Âm nhạc hiện đại nhất là các loại nhạc cụ thể hay điện tử làm cho người diễn viên không còn thấy thú vị lúc nghe hay biểu diễn lối nhạc ấy — mà nhiều khi người sáng tác nhạc không cần đến diễn viên như trong trường hợp nhạc cụ-thể. Ông Bentzon không quên nhắc đến cái vui của người diễn viên khi khắc phục được cái khó. Vui như một thể tháo gia phá được một kỷ lục. Và tương lai của nhạc hiện đại, theo ông, tùy ở chỗ thông cảm giữa người sáng tác và người biểu diễn nhạc. Nhạc hiện đại ít được người biểu diễn và đa số người đàn và người nghe thưởng thức vì về mặt tâm-lý chưa làm thoả mãn. Còn về điểm người sáng tác đối với nhạc hiện-đại thì trong cuộc thảo luận chúng tôi thấy hai thái-độ khác nhau : một nhạc sĩ người Ý mà trong lúc giới thiệu tên, tôi không nghe rõ, cho rằng nhạc hiện đại sẽ có kế quả tốt một khi mà kỹ thuật biểu diễn được nâng cao. Thường thì người đào tạo diễn viên là các giáo-sư âm nhạc viện. Các ông chỉ nên tiếc những cái đẹp các ông thưởng thức trong lúc thiếu thời nên dạy học trò thích những cái hay cái đẹp ấy. Các ông không nhớ rằng đó là «thực tế chết» trong khi bên cạnh các ông có một « thực tế sống » của âm-nhạc là nhạc hiện đại. Diễn giả biết nhiều nhạc công của giàn nhạc đại ca kịch Milan trong giờ nhàn rỗi tập nhạc hiện đại để khắc phục được cái khó trong lối nhạc ấy, và sau một buổi tập luyện như thế, họ thấy sống rất dồi-dào. Theo ông, thì người diễn viên không phủ nhận nhạc cổ điển nhưng nên coi nhạc hiện đại là một loại yêu tinh. Người viết nhạc, theo ông có thể sáng tác rất lạ, rất khó, rất mới. Người diễn viên phải tập luyện sao cho kỹ thuật biểu diễn của mình được tinh vi để theo kịp người sáng tác.

Ngược lại, nhạc sĩ Nga Kabalevsky (Ca-ba-lêb-xơ-ki) cho rằng không nên coi nhạc hiện đại như là thời trang — Theo thời trang, ống quần ngày xưa rộng, ngày nay hẹp — Rồi ông mỉa mai : « Đừng cho ống hẹp quá mà đến lúc muốn cởi rất phiền ». Theo ông, người nhạc sĩ trong khi sáng tác nên để ý coi người nhạc công có thể biểu diễn được không, và thính giả có thể thưởng thức không. Diễn viên là người cộng sự với nhạc-sĩ. Thính giả không thể bị coi là một miếng đất thí nghiệm. Thính giả là những người vì họ mà nhạc sĩ sống và sáng tác. Theo ông, nhạc sĩ trong khi sáng tác, không phải tùy theo ý thích hoặc tánh lập dị của mình mà phải xem diễn viên và thính giả là trọng.

Cuộc thảo luận rất sôi nổi suốt 4 tiếng đồng hồ. Ai cũng nhìn nhận rằng nhạc

http://tieulun.hopto.org

hiện đại là một thực tế âm nhạc. Người nhạc sĩ hạng tài tử hoặc hạng nhà nghề đều khao khát cái mới, cái lạ cái hay trong âm nhạc — Nhưng mới, lạ hay không nhứt định là phải khó. Nếu cái khó mà đi đôi với cái hay thì người mộ điệu không quản cực nhọc, luyện tập lâu ngày để diễn tả được một lối nhạc hay mà kỹ-thuật lại cao hơn. Chúng tôi để ý rằng từ người nhạc trưởng đến người diễn viên độc tấu đều cho rằng nhạc hiện đại khó điều khiển, khó đàn, khó hát. Cũng vì cái khó đó mà một số ít diễn-viên chịu tập nhạc hiện đại. Nếu đã khó cho nhạc công nhà nghề thì đối với nhạc công hạng tài tử càng khó hơn. Người diễn viên rất mong đợi ở nhạc hiện đại rất nhiều nhưng chưa được thỏa mãn với nhạc hiện đại.

Riêng ý chúng tôi, thì nhạc hiện đại nói với trí con người hơn là nói với lòng. Người sáng tác nhạc bộ môn mà không có một tờ giấy để ghi những « môn » (série) chữ nhạc thì không thể tìm những hợp âm, những biến-khúc, không thể thay đổi tiết-điệu mà còn giữ đúng « môn » của mình đã lựa. Người sáng tác nhạc «cụ thể» cũng vậy. Phải có giấy, có viết rồi đem trí não, đem sự hiểu biết về kỹ thuật ra dùng nhiều hơn là nguồn hứng. Tôi đã nhiều lần đi nghe nhạc hiện đại theo phái « bộ môn » và « cụ thể ». Nghe một danh ca hát một bài loại « vô thể » với những quãng bất thường, tôi phục tài người diễn viên có thể làm một việc ít ai làm được như thấy một người nhào lộn ba vòng trên mặt đất mà không mất thăng bằng hay một người đi xe đạp trên dây qua đến bên kia sông mà không té chớ không thấy lòng ngây ngất như lúc mình thưởng thức một điệu cổ nhạc Á-Châu, hay khoan khoái khi nghe một bài nhạc cổ-điển Âu viết mấy thế kỷ trước. Đó chỉ là ý thích riêng của chúng tôi. Chúng tôi tin rằng nếu người sáng tác nhạc hiện đại, chịu nghe sự xúc cảm của lòng mình và nếu nhạc hiện đại nói được những gì người nghe chờ đợi thì sẽ có rất nhiều người ưa thích nó. Ngay bây giờ, thì nhạc hiện đại phải được đem ra phân tách, biểu diễn và giải thích — Biết đâu sự giải thích không đem lại cho nhạc hiện đại thêm nhiều người hâm mộ vì cũng như Romain Rolland (Rô-manh-Rô-lăng) đã viết trong quyển Jean Chistophe (Săng Cơ-ri-xơ-tô-fơ). Phải nhờ cây cung của lời nói để cho mũi tên của âm nhạc vào được trong lòng của mọi người.

TRẦN-VĂN-KHÊ

Cầu hiền

Cách thức « cầu hiền » của các bực quân vương đời xưa nhiều khi tỏ ra hết sức trân trọng. Tựu trung có cách thức « *Trắc tịch cầu hiền* », *ngồi nghiêng cầu hiền*, là đượm nhuần tính chất dân chủ. Ngồi nghiêng cầu hiền có nghĩa là chỉ ngồi một nửa, chờ có người hiền tới cùng mời ngồi một chỗ với mình mà đàm luận.

http://tieulun.hopto.org

ĐOÀN-THÊM

Trăng buổi sáng

Ngày trở lại xua đêm về cõi khác
Nắng tỉnh trời, sao tắt, rộng mây xanh
Trăng bẽn lẽn trơ vầng suông ánh bạc
Giữa tưng bừng, ngẩn tiếc bóng thâu canh

Giờ nhuộm biếc qua rồi, không lưu luyến
Hội cỏ hoa đương mở cánh hồng lan
Mặc tia sáng rung mừng cây múa gió
Buổi nhạt tình, hãy tạm vắng dung-nhan.

Khuất duyên dáng, động lòng khơi thương nhớ
Càng xa xăm càng mỏi mắt trông chờ
Dẫu chảy giọt nến tàn, mong chẳng thấy
Hơn gần nhau, nhìn mãi để tan mơ.

Rồi đợi lúc không-gian chìm sóng tối
Đón heo may, dạ-lý thả hương chiều
Khoảng trầm-mặc trăng xưa lồng lộng ngọc
Nhả tơ vàng, non nước lặng thầm yêu.

Đ.T.

http://tieulun.hopto.org

LÁ THƯ HẢI - NGOẠI

MINH - ĐỨC

Alger ngày 15 tháng 12 năm 1960

Anh Nguyễn,

THƯ này gửi anh trong lúc Alger đang khói lửa. Mới vừa mấy hôm trước đường phố còn nhộn nhịp tưng bừng, phố nào cũng sửa soạn đón Chúa giáng sinh. Tủ kính nào cũng có chưng bày đủ các thứ búp-bê to nhỏ, bao nhiêu là quà cho người ta mua tặng nhau vào dịp lễ sắp đến. Hôm nay không còn nữa, tất cả những tủ kính đều bị đập nát cả ra, trên lề đường bước nào cũng phải dẫm lên những mảnh kính vỡ của hai hàng phố.

Hẳn anh đã biết vì sao. Người Ả-Rập muốn độc lập, dân « Chân đen » (tức là những người Âu sinh trưởng ở Algérie) không muốn. Nhân dịp Tổng-thống De Gaulle qua Alger hai bên đều kéo nhau ra chặn đường sá, đập đồ nhà cửa. Người Chân đen phản kháng chính sách của De Gaulle và người Ả-Rập biểu tình cách hai hôm sau để trả lời người « Chân đen ». Người Âu muốn ở lại, gọi là người Âu vì trong số ấy còn có người Ý, người I-Pha-Nho, người Do-Thái chứ không phải chỉ có nội người Pháp mà thôi. Cố nhiên là họ muốn ở lại với tất cả những điều kiện của họ đã có từ trước, nghĩa là vẫn ở bực trên, vẫn làm caid, và người Ả-Rập vẫn chỉ là dân bản xứ (indigène) họ tiện, chỉ đáng làm tôi mọi.

Rất tiếc là suốt ngày đêm, cả bên cảnh-binh cả bên phái biểu-tình đều ném ra không biết bao nhiêu là lựu đạn lacrymogène làm cho chảy nước mắt. Rất tiếc là tôi không mua kịp một đôi kính của những người đi xe mô-tô : Tất cả người Pháp trong đám biểu-tình và cảnh-binh đều có đôi kính ấy, họ đã chuẩn bị từ trước. Những người không có kính thì

http://tieulun.hopto.org

mắt mũi đỏ hoe vừa đi vừa khóc và rồi thế nào cũng phải lần tránh đi vì khóc nhiều quá. Anh đã được hưởng cái thứ lựu đạn ấy chưa ? Khóc một cách miễn cưỡng, còn gì bực mình hơn. Tuy vậy ngày nào tôi cũng có đi theo đám biểu-tình để xem họ làm những trò gì, cố nhiên là không quên mang theo mấy cái khăn tay và ăn mặc gọn gàng để chạy cho kịp với mọi người.

Ngay từ sáng hôm đầu tiên 9-12, linh cảnh-binh đã súng ống mang đầy với những chiếc xe to tướng đỗ sát đuôi nhau ở hai bên lề đường. Buồn cười nhất là trong lúc ấy có những tấm biển quảng cáo lớn của rạp chiếu bóng ngay cạnh đấy đang quảng cáo phim « La ballade du soldat ». Có những phim nào cho bằng cảnh thật, đi một thước là có mấy người lính gác không kể những con đường lớn như con đường Michelet và những công sở quan-trọng như đài phát-thanh, nhà Đốc-lý v.v... Thôi thì có cả năng trăm hăng nghìn lính. Họ thức suốt đêm nên sáng ngày người nào cũng phờ phạc, có những người đang ngủ gà ngủ gật ở trên xe. Quanh đấy, là những mẩu bánh mì ăn thừa và xác những hộp cá, hộp thịt vứt ngổn ngang hai bên đường. Trên trời, may bay trực thăng quần không ngừng, tình xem chỗ nào có đám đông mà mách cho quân-đội. Những con đường nào không có biểu tình thì vắng ngắt, nhà nào cũng cửa đóng kín mít vì sợ, vì rét. Mấy hôm nay trời lại mưa lầm tầm tã, nhà nào ở ngay vào các con đường có xung đột thì cửa kính bị vỡ toang và hơi ngạt bay cả vào, họ phải lấy giấy bìa đóng tạm và mang kính lại thay thế chờ, vì đường sá bị chặn, tất cả không đi đâu được Khẩu hiệu của phái biểu-tình người Âu là Algérie française *và của người Á-Rập là* Algérie musulmane. *Tất cả xe hơi của người Âu đều bấm còi năm tiếng để phụ họa theo với tiếng khẩu-hiệu « Algérie française » ấy.*

Những người nào không đi theo đám hiểu tình thì ở nhà ôm lấy cái máy vô tuyến điện để nghe tin tức phát ra hằng giờ và huấn lệnh của hết Tướng nầy đến Tướng khác. Hôm đầu, người chết và người bị thương còn ít nên con số được khai thật ; mấy hôm sau người ta phải nói dối cho yên lòng dân chúng. Mới có mấy ngày mà hơn trăm người chết và hơn nghìn người bị thương. Phố xá ngập rác vì có lệnh tổng đình công ; những tòa nhà nào đang làm ở quanh đấy đều bị vào khuân hết cả gỗ đá ra để cản đường làm chướng ngại vật Hôm đầu, người ta lại còn ném đinh ra đầy đường để cho tất cả xe hơi bị xìu bánh. Chỉ có hàng bán thực phẩm và nhà sửa xe là phát tài lớn. Nhìn vào nhà sửa xe nào cũng có đến hàng trăm cái bánh xe đang nằm chờ đợi vá không kể đến những chiếc xe bị xìu cả bốn bánh và những chiếc

http://tieulun.hopto.org

xe bị đốt cháy ra than. Không khí thật là u uất ; người ta không dám lên tiếng nói to, người ta vội vàng, người ta sợ hãi

Tiếc rằng không có anh ở đây để cùng đi xem, nhưng xin bảo trước cho anh biết rằng lính C.R.S. (cảnh binh) ghét nhà báo lắm đấy nhé, dù nhà báo không chuyên nghiệp, có mấy ông nhà báo bị ăn đòn rồi đấy.

Sáng nay 13-12, nhà cầm quyền đã làm đủ mọi cách để bắt phố xá phải mở cửa và dân chúng đi làm việc lại. Quân đội phải dọn các thứ chướng ngại vật trên đường sá, hai chủ phố đang lo sửa chữa lại mặt hàng. Cảnh sát đến từng phố bắt phải buôn bán như cũ, phố nào không mở cửa đều bị ghi phạt.

Nghe tin có sự thông thương là tôi phóng ngay xuống vùng Casbah xem tình thế ra sao. Casbah là khu vực Ả-Rập nhà cửa san sát nhau, đường phố nhỏ hẹp, có rất nhiều đường hẻm chỉ vừa hai người đi. Vùng Casbah hai hôm nay nhộn nhất nên tất cả mọi đường hẻm, đường lớn đều bị dây gai kẽm chận lại, mỗi con đường còn cả chục người lính gác, ai ra vào đều bị mấy chục con mắt kiểm soát. Cố nhiên là không một người Pháp nào dám chui vào đấy, hôm qua ở Casbah người Ả-Rập đã cắt cổ mất đến mười Ả-Rập thân Pháp. Anh nghe có sợ không ? Ở đây chuyện cắt cổ người ta xem như là một chuyện thường, có gì không bằng lòng là cắt cổ nhau ngay. Nói thế nhưng anh đừng lo cho tôi gần... mực thì đen. Khu vực nầy từ xưa vốn đã sẵn vẻ bí mật u uất, bây giờ lại càng u uất bí mật hơn người ta nhìn nhau một cách ngờ vực ; người họp túm năm túm ba lại để bàn cãi. Tuy đã có lệnh cấm hội họp và quân luật bắt đầu thiết từ 8 giờ tối.

Không biết rồi còn sẽ đi đến đâu. Chỉ trong mấy ngày mà sự thiệt hại đã khá nặng và cảm tình giữa hai bên nếu còn được một chút nào thì bây giờ cũng tiêu tan cả. Đã mấy lần xảy ra những vụ lộn xộn, nhưng chưa bao giờ tình thế căng thẳng như lần nầy.

Tuy bảo rằng số phận của người Âu-Châu đen là cái va-li hay cái hòm mà mấy hôm nay trong số hàng trăm người chết chỉ có độ mươi người Âu, còn thì toàn là người Ả-Rập cả (quên bảo cho anh là người Ả-Rập chết không chôn bằng hòm chỉ bọc vải mà thôi).

Tình hình chưa biết rồi sẽ ra sao, nếu yên tôi sẽ đi Sahara và có gì lạ tôi sẽ viết thư về anh.

Thăm anh và hẹn thư sau.

MINH - ĐỨC

http://tieulun.hopto.org

CHIỀU MIỀN ĐẤT ĐỎ

Dòng đời bỗng thét loạn thanh ôm
Sóng lặng còn đây cặn tủi làm
Suối lệ chửa khô cơn mộng dữ
Màn đời chiếu mãi cuốn phim câm.
Tháp ngà hết mửa ngàn trơ trẽn ?
Nghĩa địa giờ mơ một chỗ nằm ?
Ai giữa hết ngày tươi mát cũ
Để trời lộng gió lạnh thâm tâm.

LẠNH THÂM TÂM

Trời cuối đông rồi ! Anh biết không ?
Buổi chiều buổi sáng lướt qua song.
Mịt mờ núi thẳm ôm sương lạnh
Thấp thoáng đường xa nghịch bụi hồng.
Thớ củi reo cười trong ánh lửa
Nỗi buồn tiết kiệm suốt mùa đông.
Trần truồng trang sách không buồn xếp,
Nghe một màu tang nhuộm cõi lòng.

HÀ-HỢP-NGUYỄN

http://tieulun.hopto.org

CHUYỆN LÀNG

★ LƯU-KIẾM

SÚNG nổ lên một chập, rồi bỗng dưng ngừng tiếng. Tôi rất khó chịu về sự câm nín đột ngột của đối phương như vậy, mỗi lúc địch ngừng bắn là có sự mưu toan gì mới, lần trước họ đánh vòng về phía sau lưng, may chúng tôi khám phá kịp thời. Địch thiệt một tiểu đội vừa da đen vừa da trắng. Lần thứ hai, súng cũng im, máy bay địch nhào đến bắn phá trận địa kịch liệt.

Trên khoảng trời xanh, những chấm đen như bầy diều hâu lao xuống, đạn 20 ly sé lụa, đất, đá, sỏi, tung lên. Tiếng máy bay gầm rít, xuống thấp, lồng ngực chúng tôi cũng vẫn giữ vững được vị trí.

Bốn chiếc Aira Cobra bắn phá chán bay đi, không khí trở lại yên tĩnh.

Tôi nhìn đồng hồ, còn bốn tiếng nữa trời mới tối. Điều khó là làm thế nào giữ nổi trong bốn tiếng.

Khói thuốc súng trắng còn động vật vờ trên ngọn cỏ. Qua ống viễn-kính, tôi thấy có sự xê dịch âm thầm trong hàng ngũ địch. Hai khẩu đại liên bắn chéo nhau, ẩn hiện dưới cành lá ngụy trang. Một cột an-ten cao, mảnh dẻ tựa lá lau, đong đưa như người say rượu. Viên chỉ huy của địch chắc ngồi bên máy vô tuyến điện-thoại, tầm súng vào khoảng 500 thước, các tay súng của tôi đều đề biều xích cỡ ấy.

Chúng tôi chống cự như bầy chó sói bị mắc bẫy, vì không còn đường nào tẩu thoát. Mặt trước địch án ngữ, mặt sau là phòng tuyến binh đoàn lê dương số 3 trấn đóng. Mặc dầu lúc này tình hình trận địa đã biến chuyển, nhưng chúng tôi không dám rời bỏ quả đồi đương ẩn nấp, chỉ phá tan được đại-đội chiếm giữ mỏm núi trước mặt mới hy-vọng ra thoát.

Tôi cuốc thêm mấy nhát lấy chỗ tựa đặng nhô mình lên cao hơn quan sát cho dễ.

Bên kia đồi, địch cũng đào công sự, nền đất đỏ nhem nhở giữa đám lá cây xanh nhạt.

http://tieulun.hopto.org

Khẩu súng cối của địch nằm ghếch mõm lên trời sẵn sàng nhả đạn. Một lính da đen từ sườn đồi trèo lên, rồi lại nhanh nhẹn tụt xuống. Viên chỉ huy vẫn không tỏ ý định tiến quân hay chờ binh tiếp viện đến mới công kích.

Nhưng có lẽ viên tư lệnh binh đoàn cho rằng với một đại đội đủ tiêu-diệt nổi toán quân chừng 30 người cố thủ một cách tuyệt vọng trên đỉnh núi 477, nên họ cũng không cần giúp sức.

Đơn vị của tôi là đơn-vị bộ-binh pháo, bị lạc vào lúc trận đánh diễn ra quyết liệt, giữa đường tôi gộp thêm được một tiểu đội súng cối 60 ly của đơn-vị trợ chiến nhưng lúc này đạn đã gần hết. Hai khẩu đại bác không giật mỗi khẩu chỉ còn năm viên đạn. Một trung liên Brenn không có nòng thay đổi, cũng không có nước để làm cho nòng súng nguội. Một đại liên Maxime che đông đỡ tây, nhưng tầm hỏa lực của súng có hạn, so với mấy khẩu đại liên của đối phương thì thua kém quá xa. Không những thế họ còn có « đui sết », mỗi lần bắn đạn réo trên đầu chúng tôi như giông gió bão táp.

Tôi ngửa mặt lên nhìn trời, mây trắng nhẹ nhàng trôi một ngày cuối thu, vòm trời trong sáng như mọi ngày thu khác. Gió nay nhẹ rung ngọn cỏ, dưới thung lũng lúa chín vàng không người gặt. Tôi thoảng như bắt được hương lúa chín theo gió đưa lên. Tôi nheo mũi hít vào mấy cái, mùi thuốc súng lại quyện đưa lên óc, làm tôi thất vọng.

Cách tôi không xa, viên tiểu đội trưởng, một nông dân già ít nói, đương lau lại ổ súng máy. Gã lau với tất cả sự thận trọng của một người đánh bóng đồ đồng vào dịp Tết. Cơ bầm kéo lên, buông xuống, kêu toanh toách, nhưng xem chừng đạn cũng gần hết. Hắn nắm mấy viên đạn trong tay, bóp chặt, vẻ mặt nghĩ ngợi.

Tôi nói vọng sang :

— Cứ kiên nhẫn bác Tư ạ !

— Anh bảo gì ?

— Trời sắp tối mà xem chừng địch không dám tấn công nữa.

Tư lắc đầu, gã biết rằng địch còn tấn công. Đáng lẽ tôi không nên nói phao ngôn như thế.

Tôi cảm thấy nhiệm-vụ của tôi lúc này rất nặng nề. Không những tính mạng mấy chục con người trông mong ở sự khéo léo của tôi, mà còn hai khẩu đại bác là thứ vũ khí mới không được để lọt vào tay địch.

Tôi đã nhận lệnh lúc xuất quân, thà hy sinh người nhưng phải bảo vệ đến cùng hai khẩu súng quí giá đó.

Viên trung đội phó là sinh viên lục quân công-tác tại văn-phòng, mới ra chiến đấu lần thứ nhất, anh em nghe chừng không tin tưởng ở hắn, nhưng đợt xung phong vừa qua, hắn đã tỏ ra không can đảm vì lính da đen đứng trên công sự, hắn còn bình tĩnh bắn, cho tới khi bị thương không thể chiến đấu được nữa. Tôi nhìn hắn nằm, vẻ mặt cố dấu sự đau đớn. Tôi muốn khích lệ ;

— Đừng lo, Dậu ạ, chúng ta sắp thoát hiểm.

Nhưng tôi cảm thấy không thể hời hợt mà nói như vậy. Những câu động viên thường lệ chỉ là giả dối, lúc này một cái nhìn, một cái nắm tay còn ý nghĩa hơn lời nói. Y tá băng cho Dậu lần nữa. Tôi đặt

http://tieulun.hopto.org

tay lên trán hắn, mồ hôi nhớp nháp thấm sang tay tôi lành lạnh khiến tôi nghĩ rằng hắn khó lòng đợi được đến lúc tàn cuộc chiến đấu.

Dậu ngước mắt nhìn, đôi mắt mệt nhọc, hắn nói nhỏ :

— Trong túi tôi còn đạn, cậu lấy mà bắn. Liệu quân ta có đến tiếp viện không ?

Tôi trả lời :

— Máy vô tuyến điện thoại hỏng, nhưng nhất định quân ta phải đến.

Đồng thời tôi nghĩ đến Viết cũng như Dậu và nhiều người lính khác, Viết là bạn đồng ngũ của tôi ngoài ra hắn lại còn là người làng tôi. Hai đứa thân thiết nhau từ nhỏ, từ ngày còn đi học, thường dắu cặp trong bụi để đi trộm trái cây trong vườn ông lý-trưởng.

Ngôi làng của tôi là một ngôi làng đặc biệt, nếu đi xuống máy từ ngoài cửa Rạch Đẳng, tôi đã trông thấy làng tôi rồi. Đất trong làng đất cát, một ít ruộng dưới đầm chiêm khê mùa lụt, người làng phần nhiều ra tỉnh buôn bán, một số làm thầy thông thầy ký, còn có những người đỗ đạt làm kỹ-sư bác sĩ, nhưng ai cũng đều quí mến làng. Chẳng thế mà ngày làng nòi trống tế, dù làm ăn xa họ cũng cố về cho được. Có những ông kỹ-sư rất lấy làm vinh hạnh được dự phần quan viên. Ngày hội họ cũng mặc áo thụng xanh đi đứng một cách trịnh trọng. Trai gái trong làng thầy đều khỏe mạnh, gió biển thổi lộng suốt ngày và rặng thông giữa làng tôi ngày đêm không ngớt reo trong gió.

Viết ở đơn vị xung kích, trong trận đánh tôi đã bắn mở đường cho hắn. Khi lạc nhau tôi tin chắc Viết sẽ quay lại tìm tôi.

Không khí chờ đợi đè lên đầu lên vai chúng tôi như thép nóng bỏng. Anh lính « thông hiệu » đương ra sức chữa lại máy vô tuyến điện thoại. Một đội viên tần mần khắc lên báng súng anh ta hai chữ tắt vết hoa.

Giữa yên lặng của trời đất, chợt tôi nghe tiếng chim hót thanh tú. Một con họa-mi không biết từ phương nào lạc về đậu trên bụi cây óng đã sơ sác vì lửa đạn, cao cổ cất tiếng hót.

Tôi cứ để yên cho nó hót, và những người lính nằm rải rác trong các hố cá-nhân đều nằm im lắng thở, vì sợ động mạnh con vật bay đi mất. Tiếng chim rộn rã, đôi lúc quyện cao vút lên, rồi lại chìm xuống như nước chảy ra biển, một nguồn vui chớm lên trong lòng tôi khiến tôi tạm quên được cảnh hiểm nghèo trước mặt. Nhưng anh lính thông hiệu ngồi nhỏm dậy, làm con vật nhớn nhác.

Tôi nói :

— Đồ ngu !

Anh lính thông hiệu bỡ ngỡ, không hiểu tại sao tôi lại tức giận, tôi vội xí xóa lẳng cách hỏi :

— Gì thế ?

— Máy sắp chữa được rồi. Hỏng bộ phận phát điện.

— Cố lên ! Không liên lạc được với binh đoàn thì khó lòng ra thoát.

Con chim mở to mắt, nó sắp sửa vỗ cánh bay.

Một tiếng nổ rung chuyển. Tôi chợt đoán được âm mưu của địch : Lần này họ tấn công mình bằng bại bác.

Viên đạn lẹt sẹt, rồi nổ cách đó không xa, làm tỏa lên một vùng khói.

http://tieulun.hopto.org

Tôi vội hét lớn :

— Coi chừng, địch tấn công bằng đại bác. Tất cả giữ nguyên vị trí. Đại liên, chuẩn bị bắn.

Tôi biết trong khi đại bác bắn, địch sẽ tiến sang.

Nhưng giây phút sau, thì chúng tôi hầu như tê liệt bởi đại bác địch.

Đoạn nổ đằng trước, đạn nổ đằng sau, những ánh chớp loé lên, kéo nhằng ra, vùng đất chúng tôi nằm lung lay như đưa võng. Không phải một khẩu mà cả chục khẩu đại bác cùng bắn một lúc.

Dậu toan ngóc đầu dậy, tôi vội khom lưng che cho đất cát khỏi bắn vào mặt bắn. Tiếng Dậu rên rỉ :

— Tấn công rồi phải không anh ?

— Ừ tấn công ! nhưng không sao ! Dậu cứ nằm yên, tôi đương gọi quân tiếp viện.

— Tôi mệt lắm ! Có lẽ chết mất.

Gã lính thông hiệu nhảy sổ đến đến tôi :

— Liên lạc được với trung đoàn rồi. Họ hỏi mình ở quả núi nào.

— Đây C1, gọi từ 477 ! quân số địch có một đại đội. Chúng tôi cố thủ...

Máy lại vụt tắt. Trong khi ấy hai trung đội địch tiến sang. Những người lính da đen cao lớn, ôm trung liên ở ngực quét sát mặt đất từng loạt đạn.

Gã tiểu đội trưởng mấp máy cò súng. Tôi cản lại :

— Chờ cho nó đến gần mới bắn.

Lúc này tình hình chúng tôi có phần nguy ngập, một đại bác không giật bị trúng đạn súng văng xuống sườn đồi, viên xạ thủ chết ngay tại chỗ.

Một anh lính khác, tế ống nổ làm giao động nhảy lên miệng hố cá nhân, bị đại bác quét ngã không kêu được một tiếng. Rồi tổ súng trường bảo vệ khẩu Đ.K.Z cũng trúng đạn Khỏi cần nhìn tôi cũng đoán được số phận của họ như thế nào rồi.

Địch vào cách tầm súng còn hai trăm thước, một trăm thước. Tôi hô :

— Bắn !

Khẩu đại liên khạc đạn như một vòi lửa Khẩu trung liên cũng nhảy lên, anh lính bắn súng mắt sáng ngời.

Đạn đại bác vẫn rơi như sấm sét trên đầu.

Địch ngã nhưng vẫn tiến. Tôi bắn hết băng các-bin này lắp đến băng khác.

Viên tiểu đội trưởng thất vọng :

— Súng tắc, thế mới bỏ mẹ.

— Chuẩn bị đánh bằng lựu đạn giữ không nổi thì phá súng đi.

— Tiếc lắm, anh để cho tôi chữa,

— Còn thì giờ đâu mà chữa.

Tôi ra lệnh cho súng cối và đại bác không giật cùng bắn một lúc, hy vọng cản được đường tiến của địch quân phần nào. Khổ cho chúng tôi tuy chống cự mà vẫn bị áp chế dưới hỏa lực của đại bác, nếu nhô hẳn người lên, ắt da đầu khó mà nguyên vẹn.

Viên thông hiệu lại mừng rỡ :

— C1 đây. Nguyễn-Huệ trả lời đi...

Tôi cướp lấy máy. Lần này tôi nghe tiếng Việt :

— D12 trả lời C1 ! Giữ vững 477, Coi chừng địch mở đường máu tháo chạy.

http://tieulun.hopto.org



— Tôi mừng rỡ không nói nên lời.

Khi thấy bóng người lố nhố quả đồi mé phải, tôi mới cúi xuống nói với gã trung đội phó :

— Dậu ơi ! Quân ta đã đến !

Nhưng hắn không đáp. Hắn đã tắt thở. Tôi đưa tay vuốt mắt hắn, người bạn xấu số. Vĩnh biệt chiến hữu !

Dậu can đảm lắm, cũng như tất cả các bạn tôi đều can đảm.

Tiếng Viết qua máy vô tuyến điện :

— Này Hà ! Cậu dẫn quân đi như vậy là liều lắm nhé.

Tôi không có thì giờ cắt nghĩa cho hắn, tôi chỉ đáp :

— Tao biết mày không bỏ tao. Vì tới giờ phút cuối cùng, tao vẫn tin rằng mày sẽ đến.

Đại đội của Viết bắt đầu khởi thế công. Tiếng Viết nói lớn :

— Chiếm lấy cao điểm ! Chiếm lấy cao điểm !

Toán lính tấn công chúng tôi chùn lại. Nhưng họ không bỏ chạy như chúng tôi tưởng. Họ lộn về quả đồi chỉ huy. Khẩu đui-sết lại nhả đạn.

Lúc này đại bác ngừng bắn. Viên chỉ huy gọi đại bác đổi hướng bắn. Đương thế tấn công, họ lâm vào thế bị bao vây. Viết cố gắng tiến lên đỉnh quả đồi cao, nhưng vô hiệu. Khẩu đui-sết làm mưa làm gió. Hắn gọi tôi :

— Làm thế nào bịt được miệng khẩu trọng liên đó đi không ?

Nếu Viết đặt được súng trên quả đồi cao, ắt toán lính ngoại quốc không có đường tháo

http://tieulun.hopto.org

chạy. Cái lối bắn gọi là bắn lướt sườn phàm người ra trận ai ai cũng kiêng kỵ.

Tôi điều động khẩu đại bác không giật tới một vị trí thuận tiện :

— Nhích sang hai độ. Khoảng cách 500 thước. Ngắn hơn chút nữa. Bắn !

Viên đạn vụt đi, đầy lại phía sau một luồng hơi nóng, nhưng không trúng. Tôi lau mồ hôi, tiết thu êm dịu, nhưng mồ hôi tôi thấm ướt đầy trán. Chỉ còn một viên đạn nữa. Hy vọng của chúng tôi đặt cả ở viên đạn cuối cùng, như người đánh bạc đặt đến đồng tiền chót trong túi. Trưởng súng lấy mục tiêu qua ống ngắm, xê dịch cho tới khi ô trọng liên in rõ trong hình chữ thập, đồng thời xạ thủ vặn chặt chân súng lại.

Tôi nói :

— Lạy giời bắn trúng !

Đó là một câu nói quen miệng mà lúc thường có thể bị phê bình là duy tâm. Nhưng giờ phút này không ai nghĩ đến điều đó cả.

Chúng tôi thường bị phê bình về những tội thật ra không phải là tội. Tiểu tư sản, anh hùng chủ nghĩa, hàng chục thứ danh từ khác.

Viên trưởng súng là một đảng viên cũng nói theo tôi :

— Lạy giời bắn trúng !

Ông giời vô hình đã ngự trị trong tâm hồn tôi từ ngày nhỏ, tập quán của con người, không thể một lúc mà thay đổi được.

Tiếng nổ vừa phát ra, khẩu trọng liên đương lồng lộn bỗng im bặt.

Chúng tôi ôm lấy nhau mừng rỡ.

Viết thúc quân tràn tới. Hắn đã đặt được súng máy trên đỉnh quả núi.

Trận đánh dần dần thu hẹp, nhưng tới giờ phút cuối cùng thì tôi được tin Viết đã bị một mảnh đại bác quét ngã.

Viết chỉ bị thương, hắn đã được đưa về bịnh viện ở sau mặt trận. Chúng tôi đóng quân rải rác trong thung lũng.

Phòng tuyến đường số 4 bị cắt đứt nhiều quảng. Đại đội tấn công chúng tôi phần bị giết phần bị bắt làm tù binh, những người lính da trắng uể oải ngồi nhìn đồi núi chạy dài như không bao giờ hết.

Tôi đến thăm Viết. Hắn mất nhiều máu, tình trạng khá nguy ngập. Bác-sĩ đã giải-phẫu lần thứ nhất. Mái nhà bệnh viện là một chiếc hang đá. Đuốc bằng nhựa thông cháy leo lét. Từ nóc hang, nước rỏ xuống, chạm phải củi thông bốc khói. Lối đi vào khuất khúc, có những nhũ đá như chiếc cột nhô ra cản đường đi, hơi lạnh tỏa mờ mờ, dưới chân cũng có nước chảy, trên một khoảng đất trống, giường thương binh treo liền nhau, những cáng tre ở mặt trận đưa về để ngổn ngang, mùi ê-te nồng nặc.

Bác-sĩ là một người khoảng năm mươi tuổi tóc hoa râm, ông có lối nói nhẹ nhàng, mở đầu bằng câu :

— Tôi nghĩ rằng...

Hoặc :

— Tối thiết tưởng chúng ta phải làm...

Một lối nói tiểu tư-sản... Tuy nghĩ thế, nhưng thep thói quen chứ tôi cũng không định lối nói tiểu tư sản là tốt hay là xấu.

Tôi ngồi cạnh Viết trong khi bác-sĩ đương rửa tay bằng rượu 90 độ. Khuôn mặt ông hiện rõ vẻ mệt mỏi, ông làm việc cả đêm qua, đến hôm nay vẫn còn thương binh ở mặt trận đưa về cần giải phẫu, nhưng ông cần phải nghỉ một chút. Bác-sĩ nhìn tôi và nói :

http://tieulun.hopto.org

— Anh này là bạn cùng đơn vị với anh ?

— Thưa bác-sĩ anh ấy ở xung kích, còn tôi ở bộ binh pháo.

— Ờ, ờ anh ta có sức khoẻ,.. vào tuổi các anh thì... không khó khăn là mấy, nếu lấy được hết đạn, chắc anh ta chóng bình phục.

Tôi còn đủ trí minh mẫn để hiểu rằng, đó chỉ là những lời khích lệ cho Viết khỏi thất vọng, còn giải phẫu lần nữa, chưa chắc Viết có qua được cầu mổ xẻ khi mảnh đạn nằm trong lồng ngực.

Lúc này Viết thở nhẹ, nhận thấy bàn tay tôi đặt trên tay của hắn, mở mắt ra, Viết hỏi :

— Quân ta về đầy đủ chứ ?

Tôi gật đầu, Viết lại hỏi :

— Cố đâu ?

Không dám nói dối, tôi đành phải đáp :

— Chết rồi !

— Dĩnh đâu ?

— Dĩnh cũng chết rồi !

— Thế mà cậu bảo . . . về đầy đủ.

Viết nằm im, lòng tôi bồi hồi, tôi đã mất nhiều người, kể cả Cố, cả Dĩnh, cả Dậu, và nhiều người khác nữa, nhưng tôi không muốn mất thêm Viết, giữa hắn với tôi, ngoài tình chiến hữu, còn có tình đồng hương, kể làm sao cho siết những kỷ niệm ngày thơ ấu.

Viết nhẹ nhàng trách :

— Tư tưởng trận địa chiến là bậy lắm đó Hà ạ !

Hắn tưởng tôi án quân trên quả đồi, chặn đường rút của địch, hầu lập chiến công như các đơn vị khác, tôi biết rằng giai đoạn ấy, trận địa chính là một lỗi, mà tư tưởng không thôi cũng là lỗi nữa,

Chúng tôi không có quyền tư tưởng những điều giới lãnh đạo đã cấm đoán. Chúng tôi phải tự kiểm soát lấy chúng tôi ngay cả trong tư tưởng.

Viết và tôi đều bị ảnh hưởng chung, nhận định người khác qua lối nói, kiềm chế những ý nghĩ của mình cho đúng với đường lối của ban lãnh đạo.

Tôi giải thích hoàn cảnh của tôi cho Viết nghe, tôi đi lạc rồi bị chặn đường về chứ không phải chủ trương trận địa chiến.

Bác sĩ thấy tôi nói nhiều vội ra hiệu để Viết nằm nghỉ.

Tôi theo ông ra cửa hang.

Mây mùa thu từng gợn trên đỉnh núi xa.

Tiếng đại bác đường số 4 vẳng lại.

Trên trời mấy chiếc máy bay nhào lượn.

Đó là những chiếc Aira Cobra, có người gọi là King Cobra, người Tàu gọi là « thiên sà », dân chúng gọi là máy bay cồ ngống. Máy bay đương đi tìm mục tiêu để bắn phá hoặc tìm không thấy thì họ cũng bắn.

Đạn rắc bừa bãi trên cánh đồng lúa chín vàng. Lúa mỗi lúc một chíu hạt, nhưng vẫn chưa có người gặt.

Ông bác sĩ móc túi lấy chiếc tẩu thuốc lá. Tôi vội biếu ông hộp thuốc « quả dứa ». Ông hân hoan :

— Đã lâu lắm tôi không được hút thuốc lá ngoại quốc. Chắc thứ này là chiến lợi phẩm.

Tôi gật đầu, nói :

— Thưa bác sĩ, có cả cà phê hộp, bác sĩ uống một chút cho tỉnh táo.

http://tieulun.hopto.org

— Cà phê ! Để tôi bảo y tá lấy vải lọc.

— Cà phê bột không cần vải lọc, Bác sĩ cho nước sôi, rồi thêm đường là uống được ngay.

Ông chưa hết bỡ ngỡ, như ông chưa từng được uống cà phê bột hòa tan trong nước không có cặn bao giờ. Nhiều anh lính thành thị, quen đi giầy, sau mấy năm phải đi đất, rồi tới khi được phát giầy, cũng lúng túng, không biết nên đi hay chỉ nên giữ nó như một đồ « trang sức» xa xỉ.

Ông gợi lại dĩ vãng :

— Ở Hà-nội tôi có một tủ rượu, đủ các thứ rượu tốt. Tôi hay hút Prince Albert. Hôm nổ súng, nhà tôi bị moóc-chê bắn, vỡ mất tủ rượu, cả thuốc lá và mấy chiếc tẩu thuốc lá cũng bay mất, tiếc quá.

— Hồi đó chắc bác-sĩ có dưỡng đường riêng.

Ông gãi gãi chiếc tẩu thuốc lá lên trán

— Một dưỡng đường với đầy đủ dụng-cụ mổ xẻ, chưa bao giờ tôi mổ bằng dao thái thịt, và cũng không bao giờ phải cưa chân bằng cưa thợ mộc.

Ông cười :

— Năm ngoái tôi đã giải phẫu cho anh.

— Cảm ơn bác-sĩ, lần đó bác-sĩ có dao mạ kền, khử trùng cẩn thận

— Cũng may mà họ mới gửi bistouri lên cho tôi. Anh bị thương sớm hơn nữa tháng trước thì tôi đành phải mổ cho anh bằng dao thái thịt.

Ông nhớ mặt những thương binh đã nằm ở bệnh xá của ông, với một trí nhớ kỳ lạ.

Đôi lúc gặp nhau, ông thường hỏi :

— Thế nào anh Mẫn vết thương ở bụng khá chứ ?

Hoặc :

— Anh Y.. bàn tay cử động đã khoẻ chưa ?

Chúng tôi lặng lẽ uống cà-phê, ông suy tính điều gì, chợt hỏi :

— Anh với anh bạn vừa rồi chắc thân nhau lắm ?

— Dạ, gần như là hai anh em.

— Tôi sắp sửa mổ cho anh ấy lần nữa. Một điều này cần-thiết. Anh có thể cho tôi biết rằng, anh ta đã có vợ chưa ?

— Cả hai chúng tôi chưa người nào có vợ !

— Tôi cũng đã nghĩ như thế. Nhưng anh cho phép tôi hỏi thêm. Anh ấy có phải là đảng viên không ?

Tôi hơi lạ lùng vì cách ông hỏi đột ngột, có điều tôi biết chắc, ông không phải là « đồng chí » nói theo lối thông thường để ám chỉ một đảng viên, phân biệt với quần-chúng là người ngoài đảng.

Đoán được thắc mắc của tôi, ông nói ngay :

— Sở dĩ tôi hỏi anh, vì trước khi mổ, bạn anh cần có một sự trợ lực về tâm-lý. Tôi có thể nhắc đến người vợ anh ta ở nhà, hoặc nhiệm-vụ của anh ấy đối với đảng...

Tôi đã hiểu dụng tâm của ông bác-sĩ.

Ông hỏi câu cuối cùng :

— Anh ta cũng không phải công giáo ?

Không ! Viết không phải người công giáo, cũng không phải người cộng sản. ít nhất phải có một cái gì cho hắn tin tưởng.

Tôi trở vào nhìn Viết nằm mệt nhọc. Lúc này máu ra nhiều, y tá sửa soạn dụng cụ để bác sĩ giải phẫu lần thứ hai.

http://tieulun.hopto.org

Người nữ cứu thương nhẹ nhàng nâng tay Viết lên, nhưng Viết ra hiệu cho tôi cúi xuống nghe Viết nói, tiếng :hắn yếu ớt

— Còn mấy bộ quần áo... tôi có làm sao... Hà lấy mà dùng !

Tôi lắc đầu :

— Đừng nói bậy. Nhất định Viết sẽ khỏi. Chúng ta cùng trở về làng.

Tự nhiên tôi lại nghĩ đến làng. Lòng tôi tràn ngập cảm xúc. Ôi ngôi làng ven biển, với một ít ruộng dưới dầm chiêm khê mùa lụt, với lối đi cát trắng, những quả đồi trồng toàn ổi nhãn, và những mảnh vườn nho nhỏ, hoa mận nở trắng về mùa xuân.

Tôi hình dung lại rặng thông giữa làng tôi ngày đêm không ngớt reo trong gió. Tôi hình dung đến ông kỹ sư mặc áo thụng xanh trịnh trọng đi theo nhịp trống tế.

Viết mở to mắt :

— Liệu chúng ta có ngày nào lại được về làng ?

Tôi mỉm cười .

— Nhất định chứ ! Viết tin rằng một năm hai năm, nhưng thế nào chúng ta cũng trở về.

Rồi tôi say sưa kể cho hắn nghe chuyện làng. Và sau tôi cũng không nhớ là tôi đã nói gì nhưng đại khái, tôi nhắc đến giếng nước, mấy cô gái bằng tuổi chúng tôi thường chờ đợi người tình bên giếng nước. Họ không nói với nhau nhiều, gặp nhau cười là đủ rồi.

Tôi cũng nói đến chuyện Viết giữ ruộng dưa, rồi để chúng tôi vào ăn trộm, thằng quỉ, hắn nỡ tay cho bè bạn ăn trộm ngay ruộng dưa nhà hắn.

Tôi nhắc đến mùa gặt trong làng mở hội, sau đó các làng ân cần kế tiếp nhau mở hội. Cho đến nửa khuya tiếng trống chèo còn vang lên qua những rặng nhãn um tùm, lấp lánh trời sao.

Tôi chợt ngừng. vì ngượng nghịu thấy mình đã nói nhiều, nhưng ông bác - sĩ gật đầu một cách kín đáo, như khuyến khích :

— Được lắm !. Cứ nói đi. Tôi cũng muốn nghe chuyện làng của anh.

Tôi lui ra khi người y - tá giơ cao ngọn đèn măng-sông cho bác sĩ mổ.

Bông băng thiếu, thuốc mê thiếu.

Lúc nào người ta cũng nhắc đến sự chịu đựng.

Như ông bác - sĩ bỏ cả dưỡng đường riêng với tủ đựng rượu của ông để lúc nầy vợ ông có được một ngôi hàng bán bún riêu, trong khi mấy cô con gái đi gánh củi như những người sơn cước thực thụ.

Như chúng tôi ăn rừng ngủ bụi, súng hờm sẵn, nhìn ra đường số 4 chờ địch đến.

Một tiếng nói to từ cửa hang vọng vào :

— 57 ly ra trận ! 57 ly ra trận !

57 ly lại ra trận, không biết ai còn ai mất Nhưng tôi biết một điều chắc chắn là Viết sẽ khỏi. Vì còn làng, làng của chúng tôi, những ngôi làng ở từ trung châu đến thượng du, những ngôi làng nhuộm đỏ đất phù sa.

Hàng quân bắt đầu chuyển trên sườn đồi ngoằn ngoèo. Một cơn gió cuốn theo mấy cành lá.

Đại bác lại nổ. Chúng tôi hết sức phá vỡ phòng tuyến đường số 4.

Từ vết rạn nứt đó, chúng tôi mở đường đi về trung châu. Có ai hỏi, tôi vẫn tự hào mà đáp rằng :

— Làng của chúng tôi ở ven biển...

Cuối mưa 1960

LƯU-KIỀM

http://tieulun.hopto.org

THƠ NGUIỄN-NGU-Í

NGOÀI ĐỀ

Đất gì khô quá đá !
Nắng gì đốt điên đầu !
Ba năm dừng bước chân ngang trái,
Mới biết giờ đây phút gãy cầu.

Bờ sông gió thoảng không nghe mát,
Nước chảy nào trôi hận máu đào.
Bao nhiêu đỗ vỡ còn tan tác,
Sực nhớ tình ai, muốn nghẹn ngào.

Hỡi ai đã mệt vì thiên hạ,
(Vốn mệt từ lâu bởi chuyện mình)
Này quạt đơn sơ, lòng khép mở,
Mát chăng, người đã dám làm thinh ?

Quảng-Ngãi, hè 1949
NGU-Í **NGUIỄN-HỮU-NGƯ**
(Có những bài thơ .)

http://tieulun.hopto.org

HUNG-THẦN LA-MÃ

(The Terror of Rome)

ALBERTO MORAVIA
NGUYỄN-CHÂU *(dịch)*

TÔI thiết-tha mong có một đôi giày mới đến nỗi suốt mùa hè năm đó tôi cứ nằm trong căn phòng dưới gầm nhà mà mơ đến nó. Gã gác-dan đã cho tôi thuê chiếc ghế bố trong căn phòng ấy với giá một trăm đồng lire một đêm. Thực ra tôi cũng chửa đến cái độ phải đi đất ; mà đôi giày tôi đang đi lại là của Mỹ cho cẩn thận, nó bóng và mềm, bây giờ thì nó vẹt cả đế, một chiếc thì rách ở chỗ ngón chân út, một chiếc thì gioãng ra quá đến cái độ nó bung dần ra như một chiếc dép cũ. Tôi cố cầm hơi bằng cách bán một ít đồ ở chợ đen, bằng cách khuân đồ và chạy hàng sách ; nhưng chửa có lúc nào tôi đề ra được một món đủ để mua nổi một đôi giày, muốn có tôi còn cần hàng ngàn đồng lire nữa. Đôi giầy ấy đã trở thành một ám ảnh đối với tôi, nó như một bóng đen lừng lơ giữa từng không, theo sát tôi từng bước. Tôi có cảm-tưởng như nếu không có được giầy mới thì tôi không thể nào tiếp tục sống nổi, và đôi lúc, quá nản vì chuyện không giày mà tôi quẫn chí đến cái độ muốn hủy mình. Những lúc đi ở phố tôi chỉ nhìn chân của khách vãng lai ; hoặc đứng trước tủ kính tiệm giày mở lớn mắt mà ngắm những đôi giầy và những đôi bốt, so sánh giá cả, kiểu giày, màu da và lựa chọn thẩm trong trí đôi giày hợp với tôi nhất. Trong căn phòng dưới gầm nhà tôi ở trọ tôi có quen với một anh chàng tên là Lorusso, hắn cũng là một thằng vô gia-cư nghệ nghiệp như tôi. Hắn ta tóc vàng, xoăn, to ngang nhưng không cao bằng tôi. Tôi khám phá ra rằng tôi có ý ghen ghét hắn vì hắn ta, bằng cách này hay cách khác : đã soay sở được một đôi bốt thật là đẹp, da dầy đế kép có đóng đinh, loại bốt các sĩ

http://tieulun.hopto.org

quan Đồng-Minh thường đi. Đôi bốt ấy quá rộng đối với Lorusso, bởi vậy mà sáng sáng hắn cứ phải lấy giấy báo độn vào cho vừa. Chẳng những vậy, đôi giày đối với tôi lại vừa soản vì tôi cao lớn hơn hắn. Bây giờ tôi mới biết rằng chính gã Lorusso cũng đang có một mơ ước lớn ; hắn muốn mua một cái tẩu, kiểu của bọn chăn chiên, một món đồ được việc cho hắn, vì trước khi tới La-mã, hắn sống với bọn chăn chiên ở vùng núi mãi. Hắn bảo rằng, với vóc người nhỏ bé, tóc vàng, mắt xanh như hắn mà lên khung với chiếc áo lạnh khoác ngoài với chiếc quần của quân đội Đồng-Minh nhét trong đôi bốt quân đội Đồng-Minh, kèm với chiếc tẩu thuốc ngậm giữa hai vành môi, thì chắc là hắn có thể đi quanh các quán rượu mà kiếm bộn tiền, bằng cách trình bày những điệu ca mục tử và một vài bài hát khác hắn học lỏm được khi còn làm liên-lạc-viên cho Mỹ. Nhưng giá một chiếc tẩu thuốc lắm tiền lắm, chẳng kém gì giá đôi giày hay có thể còn hơn nữa ; và Lorusso cũng như tôi, xoay xỏa đủ nghề, mà chẳng làm sao có tiền mua cho được. Hắn nghĩ ngợi rất nhiều về cái tẩu thuốc, cũng như tôi nghĩ đến đôi giày ; và mặc dầu chẳng ai bảo ai, chúng tôi đều đi đến một thỏa thuận : trước tiên tôi kể cho hắn nghe về chuyện đôi giày và rồi đến hắn kể cho tôi nghe về cái tẩu thuốc. Nhưng đấy chỉ là lời nói suông thôi, và chúng tôi chẳng bao giờ xoay sở được cho có tẩu thuốc hay giày.

Cuối cùng bởi một thỏa thuận hỗ tương, chúng tôi đi đến một quyết định — hay nói cho đúng hơn tôi đã nảy ra ý nghĩ đó, và tức khắc Lorusso nhắm mắt tán thành ngay, như thể suốt đời chẳng bao giờ hắn bận tâm nghĩ ngợi một cái gì. Chúng tôi sẽ tìm đến một vài nơi vắng vẻ mà các cặp tình nhân thường hò hẹn,—như Vườn hoa Borghese chẳng hạn,—tại đó chúng tôi sẽ mở cuộc tấn công các cặp tình nhân tìm nơi kín đáo để được yên tâm ôm ấp, hôn hít nhau. Đến lúc đó tôi mới ngạc nhiên mà khám phá ra rằng Lorusso là một gã thanh niên khát máu, đó là điều mà tôi không bao giờ ngờ vì cái bề ngoài ngây thơ như một gã chăn chiên của hắn. Vừa được biết ý kiến của tôi hắn đã nói ngay một cách say sưa là hắn cảm thấy khoái được « quật chết » các nạn nhân của chúng tôi, cả đàn bà lẫn đàn ông. Hắn cứ nhắc đi nhắc lại mãi cái thành ngữ « quật chết », mà chẳng hiểu hắn học lỏm được ở đâu, một cách vô cùng khoái trá, như thể hắn đã thấy rõ cái lúc hắn say sưa quật chết họ. Đến nỗi, như để trình bày cho tôi hay hắn sẽ hành động ra sao, hắn lao người vào tôi, túm lấy cổ áo, ra bộ quật vào đầu tôi túi bụi bằng cái lắc-lê sắt nặng nề của hắn. « Tớ sẽ cho hắn một cú thế này... thế này... thế này... cho tới khi tớ quật chết cả hai đứa chúng nó ». Bây giờ thần kinh tôi rất suy nhược, vì đã có lần tôi phải nằm suốt một đêm một ngày ở trong căn hầm bị vùi dưới đống gạch vụn của căn nhà tôi tại làng sau một cuộc oanh tạc, từ hồi đó tôi bị chứng giật gân mặt, nó làm mặt tôi

http://tieulun.hopto.org

nhăn nhó méo mó thường xuyên, cứ hơi một chút gì là tôi cũng bị mất bình tĩnh. Vì vậy tôi đẩy hắn một cái thật mạnh làm hắn ngã quay lơ xuống chân tường và bảo hắn : « Biết điều thì giữ lấy tay... Nếu còn động đến tao, tao thề là tao sẽ lấy cái lắc lê mà nện mấy một cái cho rồi đời ». Đoạn tôi lấy lại được bình tĩnh và nói tiếp : « Mày có biết là mày ngu đến thế nào không ? Mày chẳng biết gì sất cả, đồ ngu như bò ấy... Mày không biết là sở dĩ những cặp tình nhân phải âu yếm ở ngoài trời là vì họ không muốn ai biết à ? Nếu không thì họ đã âu yếm ở nhà.., Vì thế, nếu mày tống tiền chúng



nó chẳng dám hé răng, vì chúng nó sợ một anh chồng hay một bà mẹ biết là chúng nó tằng tịu với nhau... Nhưng nếu mày quật chết chúng nó, báo chí sẽ làm rùm beng lên mọi người đều hay, và cuối cùng cảnh sát sẽ tóm được mày . . . Không ; phải làm như hai nhân viên cảnh-sát mặc thường phục : « Giơ tay lên, các người hôn nhau ở nơi công cộng, các người không biết là tuyệt đối cấm ngặt à ? Các người đã vi-phạm luật . . . » Và, với cái cớ họ phạm luật ấy, chúng ta sẽ lấy tiền của họ và phới. » Gã Lorusso vô cùng đần độn, há hốc mồm ra nhìn tôi không chớp mắt, đôi mắt tròn xanh màu sứ, mở thao láo dưới mái tóc buông xõa trước trán. Cuối cùng hắn nói : « Đúng, nhưng... nhưng người chết hết chuyện. » Hắn nói nhơn nhơn như không, chẳng khác nào lúc hắn nói : « Tớ sẽ quật chết nó », như một con vẹt. Chẳng hiểu hắn nghe thấy câu nói ấy ở đâu. « Đừng có ầm ớ, » tôi đáp. « Tao bảo gì thì làm cái đó và ngậm miệng lại. Hắn không phản-đối gì nữa, và chúng tôi đạt tới một thỏa thuận về chương trình.

Vào ngày đã định, khi trời xâm xẩm tối chúng tôi đi tới vườn hoa Borghese. Lorusso dấu chiếc lắc-lê trong áo lạnh, và tôi một khẩu súng lục kiểu Đức trong túi, khẩu súng này tôi đã đem

http://tieulun.hopto.org

bán, xong chửa tìm được người cần dùng đến nó. Để đề phòng tôi đã tháo đạn ra, vì tôi nghĩ rằng hoặc giả cuộc tấn - công của chúng tôi thành công ngay, hoặc giả nếu đến nước thấy cần phải bắn, thì cũng cầm bằng như bỏ. Chúng tôi bắt đầu đi xuống con đường chạy bên vòng đua ngựa, ở đó ghế nào cũng có một cặp nhân tình, chỉ phải một điều là ở đây có cột đèn điện và có kẻ qua lại chẳng khác nào ở phố xá vậy. Chúng tôi bỏ con đường ấy mà... quẹo vào ngả đường dẫn đến Pincio, một trong những nơi tối tăm nhất của Hoa viên Borghese ; các cặp tình nhân cũng ưa nơi đó vì tiện lối tới Piazza del Lopolo. Ở đây thật là tối, vì bóng cây và đèn thưa thớt ; các cặp tình nhân ngồi trên ghế nhiều không kể xiết.

Có lắm khi có đến 2 cặp ngồi một ghế, cặp nào cặp nấy cứ ôm ấp, hôn hít, không thèm đếm xỉa đến ai hết, gần như chẳng biết xấu hổ dưới những cặp mắt của đôi tình-nhân cũng đang hành động như họ. Lúc ấy Lorusso hình như quên lửng cái lòng ham muốn quật chết người, vì hắn vốn như vậy, hắn rất dễ thay đổi ý-kiến, trông thấy những cặp tình nhân hôn hít nhau, hắn thở dài, mắt long lanh mặt lộ đầy vẻ thèm khát. « Dầu sao, tớ cũng còn trẻ như ai », hắn nói, « tớ nói thật chứ, trông thấy cảnh những cặp tình nhân hôn hít thế kia, nếu không phải là ở La-Mã mà ở nhà quê thì thế nào tớ cũng dọa thằng đàn ông cho nó phải bỏ chạy, và tớ sẽ bảo người con gái : «Lại đây, người đẹp... lại đây, người đẹp, tôi không làm gì em đâu mà sợ . Nào lại đây, em yêu, lại với anh Tommaso của em » Hắn bước xuống đi ở giữa đường, cách tôi một quãng, ngoái cổ nhìn các cặp tình nhân một cách hết sức bần thiu và lè chiếc lưỡi to và đỏ ra mà liếm môi như một con bò đực. Hắn muốn tôi cũng ngắm các cuộc tình nhân đó và để ý xem những gã đàn ông luồn tay dưới áo bọn đàn bà ra sao và bọn đàn bà quần lấy bọn đàn ông và để họ đặt tay lên người mình như thế nào. « Ầm ớ vừa vừa chứ, » tôi đáp. « Thế mày có muốn có hay không muốn có cái tẩu thuốc nào ? « Hắn ngoái cổ nhìn một cái ghế và đáp, « Điếu tớ muốn bây giờ là một đứa con gái .. Đứa nào cũng được, con kia chẳng hạn. « Tôi nói : « Đã vậy thì mày chẳng nên mang cái lắc-lê và đi với tao làm gì. » « Tớ cũng nghĩ là giá tớ không đi với cậu mà lại hơn » hắn đáp như vậy là vì hắn vốn bông lông, thay đổi ý kiến như chong chóng. Trong khi chúng tôi dạo quanh Pincio vài lần, hắn bắt gặp mấy cẳng chân đàn bà để trần cũng như thấy vài cái hôn, vài cái ôm ghì, tất cả những cái đó đủ làm cho hắn cảm thấy rằng hắn ước muốn được làm tình với một cô gái nào đó đến chết đi được. Riêng phần tôi, tôi chẳng dễ gì bị chia trí, khi tôi đã muốn một cái gì, thì chỉ có một cái đó thôi, chứ không có cái nào khác nữa. Tôi muốn có đôi giày và tôi đã quyết chí lấy nó bằng được tối nay với bất cứ giá nào.

Chúng tôi đi dạo ở Pincio một hồi, hết đường nọ tới đường kia, hết ghế nọ sang ghế kia, đi ngang qua suốt dọc những pho tượng đá hoa trắng,

http://tieulun.hopto.org

dựng thành hàng trong bóng cây. Chúng tôi không có thể tìm được chỗ thích hợp nào cả, vì chúng tôi e ngại những cặp tình nhân gần đây thấy chúng tôi ; và Lorusso, như thường lệ, lại để tâm trí đi đâu đâu. Bây giờ hắn không còn nghĩ ngợi về những chuyện yêu đương nữa mà, vì một vài lý do, về những pho tượng đá. « Những pho tượng này là những ai đấy hả ? » hắn đột nhiên hỏi tôi ; « tớ muốn biết họ là ai quá ». Tôi đáp : « Sao mày ngu thế. Họ là những vĩ nhân... Đã là vĩ nhân thì được người ta tạc tượng đem dựng ở đây. » Hắn tiến tới bên một pho tượng, ngắm nghía và nói . « Nhưng pho tượng này là đàn bà ». « Thì bà ta cũng là vĩ nhân chứ gì nữa », tôi đáp. Hắn có vẻ không chịu, và cuối cùng hỏi tôi : « Ờ, thế nếu tớ là vĩ nhân thì họ cũng tạc tượng tớ chứ ? » « Dĩ nhiên họ sẽ tạc tượng mày... nhưng mày — cái hạng mày thì có hết kiếp cũng chẳng thành được vĩ nhân. » « Sao đằng ấy biết ? ... Giả thử tớ trở thành Hung-thần La-Mã... Nếu tớ quật chết thật nhiều người, báo - chí nhắc nhở đến tớ, và họ chịu không làm thế nào bắt được tớ cả — bấy giờ họ sẽ phải tạc tượng tớ nữa chứ. » Dù không muốn, tôi cũng phải phì cười, vì tôi biết cái ý-tưởng trở thành Hung - thần La - Mã của hắn ở đâu mà ra : mấy ngày trước đây chúng tôi có đi xem một phim mang cái tựa là « Hung thần Chicago ». « Không, tôi đáp. mày không thể trở thành vĩ - nhân bằng cách quật chết người được... Sao mày ngu thế... Vĩ nhân là những người không quật chết ai cả. » « Thế họ làm gì nào ? ». « À, họ viết sách. » Nghe thấy vậy hắn có vẻ không vui, hắn gần như vô học; nhưng sau cùng hắn nói : «Thế cũng chẳng sao, tớ thích có một bức tượng... Thật đấy, tớ *thích* có tượng... Như thế mọi người sẽ nhớ đến tớ.» «Mày là thằng thậm ngu chí ngu,» tôi bảo hắn, tao lấy làm xấu hổ vì mày... Nhưng tao chẳng hoài hơi giảng giải cho mày làm gì, làm thế chỉ tổ mất thì giờ vô ích.»

Chúng tôi đi quanh quẩn ở đấy thêm chút nữa rồi đi tới bãi trồng ở Pincio. Có một vài cái xe đậu tại đấy, thiên hạ đã ra xe cả để ngắm toàn cảnh La-Mã. Chúng tôi cũng ra phía rìa bãi : từ đấy ta có thể trông thấy cả thành phố La-Mã trông chẳng khác một cái bánh nhân mứt khổng lồ cháy xém và đen đủi, chi chít những vệt ánh sáng nứt nẻ, mỗi một vết nứt là một đường phố. Đêm không trăng nhưng trời quang, tôi chỉ cho Lorusso xem bóng của nóc thánh-đường St. Pierre, đen xẫm trên nền trời sao. «Cậu thử nghĩ xem», hắn nói « nếu tớ là hung thần La-Mã... tất cả những người ở trong những căn nhà kia sẽ phải nghĩ đến tớ, lúc nào cũng mất ăn mất ngủ vì tớ, và tớ» — nói đến đấy tay hắn phác một cử chỉ như thể hắn muốn đe doạ toàn thể kinh thành La-Mã — « đêm đêm tớ sẽ xuất hiện, quật thết một kẻ nào đó và biến mất không ai tìm thấy tăm hơi. » « Mày điên thật rồi », tôi đáp, « lẽ ra mày không bao giờ được đi xem chớp bóng mới phải... ở Mỹ tụi chúng nó có súng,

http://tieulun.hopto.org

có xe hơi, có tổ chức, tụi chúng nó là những thằng đã làm là phải làm cho ra chuyện... Còn chú mày là cái thá gì ? Chú mày chỉ là một thằng chăn chiên lớn lên nhờ váng bơ, với một cái lắc lê dầu trong áo lạnh ». Sau một vài phút yên lặng vì bị xúc phạm, hắn nói: « Đây là một ý kiến hay, không thể chối cãi được, hay lắm chứ... Nhưng tớ biết rõ có mỗi một điều là tối nay tụi mình không làm được trò trống gì cả ; về nhà ngủ đi cho xong ». «Mày nói sao ? » Tôi hỏi. « Tớ cho là cậu đã rủn, cậu sợ..» Lúc nào nó cũng vậy : nó nghĩ vơ nghĩ vẩn đến những chuyện khác ở tận đâu đâu, rồi nó đổ lỗi lên đầu tôi, buộc tội tôi là hèn nhát. «Nào đi, đồ ngu tôi đáp ; tao sẽ cho mầy thấy tao có sợ hay không. »

Chúng tôi đi xuống một đại lộ tăm tối chạy sát theo vòng bao lơn nhìn xuống đường Muro Torto. Ở đây cũng có rất nhiều ghế và các cặp trai gái, nhưng vì một lý do này hay một lý do khác, tôi thấy rằng không nên làm gì ở đó, nên tôi ra hiệu cho Lorusso cứ tiếp tục đi. Tại một địa điểm chúng tôi thấy một cặp tình nhân trong một chỗ vắng vẻ và tối tăm, tôi đã định ra tay thì có hai người cảnh binh cưỡi ngựa đi ngang qua, làm cặp tình nhân lẩn mất vì sợ bị bắt gặp. Và vì vậy, chúng tôi cứ đi men mãi theo vòng bao lơn đến chỗ từ Pincio nhìn xuống cây cầu Muro Torto. Ở đây có một cái chòi chung quanh có hàng rào cây nguyệt quế (laurel) được cũng cố thêm bằng dây kẽm gai. Tuy vậy ở một mặt có một chiếc cổng gỗ nhỏ luôn luôn bỏ ngỏ. Tôi biết cái chòi này vì tôi đã ngủ đây nhiều lần vào những bữa tôi không có cả đến tiền thuê ghế bồ của gã gác dan. Cái chòi đó là một loại nhà kiếng để ươm cây, có lỗng kiến ở mặt nhìn ra cầu, trong đó họ để dụng cụ làm vườn, các chậu hoa và cả một số tượng bán thân bằng đá hoa bị trẻ con làm mẻ đầu sứt mũi cần được tu sửa Chúng tôi đi tới phía bao lơn, Lorusso ngồi lên đó và đốt một điếu thuốc lá, hắn ngồi đu đa đu đưa và phì phèo hút thuốc một cách hỗn sược; lúc bấy giờ tôi ghét hắn đến nỗi tôi định đẩy hắn một cái cho hắn ngã lộn cổ xuống. Rơi từ 150 bộ xuống, ắt hắn mình mẩy hắn sẽ nát nhừ như tương trên vỉa hè đường Muro Torto, và tôi sẽ chạy xuống, lột lấy đôi giày mà tôi vô cùng thèm muốn kia. Nghĩ vậy tôi phát cuống lên, vì tôi nhận thức thấy rằng, trong một lúc, tôi đã mê hoặc chính tôi, đến cái chỗ căm ghét tên Lorusso dữ dội đến nỗi tôi có thể giết hắn được ; nhưng thực ra thì cái lý do thực, ẩn sau nó, vẫn là đôi giầy đáng nguyền rủa kia, và với tôi thì Lorusso hay kẻ khác cũng thế thôi, miễn là tôi lấy được đôi giầy. Nhưng có lẽ tôi đã đẩy hắn xuống rồi vì đi rạc cẳng mãi thế này tôi ngẩy lắm lại nữa hắn làm tôi điên cả đầu — nếu không có điều may mắn này : bất thình lình, có hai bóng đen lướt qua mặt, có thể nói là gần chạm vào chúng tôi — hai chiếc bóng khăng khít, một cặp nhân-tình. Họ đi ngay qua trước mặt tôi ; gã đàn ông lùn hơn người đàn bà, nhưng vì tối nên tôi không thấy rõ mặt. Đến cổng, người đàn bà có vẻ không muốn vào,

http://tieulun.hopto.org

và tôi thấy gã đàn ông thì thầm : « Vào đây đi ». « Nhưng tôi lắm », nàng trả lời. « Thì đã sao ? » hắn nói. Ấy thế rồi, rốt cuộc nàng nhượng bộ, và họ mở cổng bước vào và khuất dạng sau hàng rào.

Tôi bèn quay về phía Lorusso và bảo : « Đây thật đúng là điều mình mong mỏi... Họ vào nhà ươm cây cho tinh... Điều mà mình phải làm bây giờ là đóng vai nhân-viên cảnh-sát mặc thường phục ; bọn mình giả bộ như bắt họ về tội vi-phạm luật và lấy tiền». Lorusso quẳng điếu thuốc, nhảy xuống và bảo tôi : « Được ; nhưng *tớ* muốn đứa con gái. Tôi sửng sờ hỏi : « Mày nói gì ? » Hắn nhắc lại : « *Tớ* muốn đứa con gái..., cậu hiểu chứ ? Muốn sao mặc lòng, đây là điều mà *tớ* định làm ». Bấy giờ tôi mới hiểu và tôi bảo hắn : « Nhưng mày nghĩ sao, mày không điên chứ ?... Cảnh-sát mặc thường phục đâu có phép làm chuyện đó ». « Mặc chứ, chuyện đó ăn nhậu gì đến tớ ? » Hắn nói bằng một giọng nghẹn ngào, lạ lùng, và dẫu không trông thấy mặt, cứ nghe giọng nói không thôi, tôi cũng biết là hắn không có ý đùa. Tôi quyết liệt trả lời : « Trong trường hợp đó chúng ta sẽ không hành động gì hết ». « Sao lại không ? » « Vì tao bảo không... Tao không thể để đàn bà bị đối đãi như thế ». « Giả thử tớ muốn thế ? » « Trong trường hợp đó tao sẽ đập mày, tao thề là tao sẽ làm thế » Chúng tôi đứng kề bên bao lơn như thế mà cãi lộn mũi gần dí sát vào nhau. Hắn bảo : « Cậu là một thằng hèn ». Và tôi thản nhiên đáp lại. « Và mầy là một thằng khùng. » Thế rồi, trong lúc bực bội vì tôi ngăn không cho lòng thèm khát đàn bà của hắn được thỏa mãn, hắn lên tiếng đột ngột : « Cũng được, tớ không chạm đến người đứa con gái... nhưng còn cái thằng đàn ông, tớ sẽ quật chết. » « Nhưng *sao* ? *Sao* cơ chứ hở cái thằng điên kia ? » « Bắt buộc phải thế — hoặc đứa con gái hoặc gã đàn ông. » Trong lúc đó thì thời gian cứ trôi qua, và tôi đâm ra sốt ruột, vì dễ gì lại có một cơ-hội như thế, nên cuối cùng tôi bảo hắn : « Được rồi... nếu cần... Nhưng phải nhớ là mày chỉ được quật nó nếu tao ra hiệu như thế này » — tôi đưa tay lên vuốt trán. Chả hiểu sao — có lẽ tại hắn ngu quá sức — Lorusso chịu ngay và đáp là hắn đồng ý. Tôi bắt hắn nhắc lại lời hứa là hắn chỉ được ra tay khi tôi ra dấu, rồi chúng tôi mở cổng và theo dấu họ vào phía trong hàng rào. Ở một phía, sát bên bao lơn, là một cái xe nhỏ, ban ngày do lừa kéo, dùng để chở trẻ con trên những con đường ở Pincio. Trong một góc, giữa cái bao lơn và cái cổng, một chiếc cột đèn tỏa ánh sáng qua hàng rào và qua mặt kính vào thẳng nhà ươm cây. Trong nhà ươm cây ta thấy chi chít những dẫy chậu hoa xếp thứ tự theo từng cỡ một, sau những chậu hoa, lô nhô những tượng đá bầy trên sàn. Những tượng này trông hết sức kỳ lạ vì cái màu trắng và sự câm nín của chúng, chúng thật chẳng khác gì người nhô lên khỏi mặt đất, hở từ ngực trở lên. Tôi nhìn một hồi không thấy cặp nhân tình đâu ; thế rồi nhận ra họ ở mãi phía cuối nhà

http://tieulun.hopto.org

ươm cây, ngoài vòng ánh sáng. Họ ở trong góc tối, nhưng người con gái đứng lộ một phần người trong vùng ánh sáng chiếu từ cột đèn xuống, và tôi biết gã đàn ông đứng đâu nhờ bàn tay trắng mà nàng để mặc tình vuốt đờ dẫn, trong lúc hai người hôn nhau, trên nền sẫm của áo nàng. Tôi mở cửa và lên tiếng : « Ai kia ? Các người làm gì ở đây ? » Người đàn ông tiến lên tức khắc, dáng điệu quả quyết, trong khi người đàn bà vẫn đứng trong bóng tối, hy vọng là có lẽ không bị trông thấy. Hắn ta là một thanh niên thấp lùn, đầu lớn cổ rụt, mặt phô pháp, mắt lồi, môi vẩu. Hắn có vẻ hết sức tự tin, như tôi thấy ngay tức khắc, và không hấp dẫn chút nào cả. Tôi hạ tầm mắt một cách tự động xuống chân hắn xem đôi giầy và thấy đó là một đôi giầy mới, đúng là loại tôi ưa, kiểu Mỹ, đế Kếp, đường chỉ khâu theo lối moccasin. Hắn không có vẻ sợ hãi một chút nào, điều đó làm tôi bực bội, vì vậy mặt tôi bị các đường gân giật dữ dội chưa từng thấy « còn anh », hắn hỏi, « *anh* là ai ? »

«Cảnh sát, tôi đáp » «Ông không biết là cấm không được hôn nhau ở chỗ công cộng à ? Ông phạm luật... Và bà kia, bà làm ơn tiến ra đây. Nấp làm gì vô ích.

Cô ta tuân lệnh bước ra đứng cạnh người bạn giai. Cô ta như tôi đã nói, hơi cao hơn anh chàng kia một chút, vóc người nhỏ nhắn, mặc áo bó sát người và chiếc xiêm đen hình chuông phủ xuống lưng chừng đầu gối. Cô ta đẹp, mặt hiền hậu như Đức Mẹ, mở tóc đen dài và đôi mắt huyền mở rộng. Cô ta trông có vẻ là hạng thiếu nữ hết sức đứng đắn, không phấn son, giá chẳng trông thấy họ hôn nhau chắc tôi không thể nào nghĩ rằng cô ta có thể làm một chuyện như thế được. « Signorina không biết là cấm hôn nhau ở nơi công cộng hay sao ? » Tôi nói với cô ta như thể để tăng phần quan trọng cho vai trò cảnh sát của tôi. « Hơn nữa, đối với một thiếu nữ con nhà như cô điều đó thật nhơ nhuốc... Hôn hít trong bóng tối, trong công viên, như một con điếm tầm thường... » Cô ta định phản-đối, nhưng hắn ra dấu ngăn lại, đoạn hắn quay về phía tôi nói một cách hỗn sược : « Được, tôi vi-phạm luật hả ? Thế thì anh xuất trình giấy cho tôi xem »

— Giấy gì ? »

— Chứng-minh-thư chứng thực anh là công-an thực thụ. »

Tôi vụt nghĩ ra rằng chính hắn ta thuộc lực lượng cảnh sát : Số tôi vốn sui so nên điều đó cũng chẳng làm tôi ngạc nhiên. Nhưng tôi sừng sộ : đừng có lắm lời... Anh vi-phạm luật và anh phải nộp phạt.

« Ừ thì nộp phạt ! Hắn nói dõng dạc như một luật sư, và không có vẻ sợ hãi chút nào cả. « Ừ thì cảnh sát ! Cảnh sát mà mặt mũi thế kia ầy à ! Thằng kia với cái áo ầy, anh với đôi giày này !... Có phải các anh cho tôi là thằng ngu hả ?

Trước những lời lẽ nhắc nhở đến đôi giày của tôi — rách và méo mó như thế thì quả thật không thể nào

http://tieulun.hopto.org

là giày của một cảnh sát viên — tôi đùng đùng nổi giận. Tôi rút khẩu súng lục trong túi áo mưa ra, dí vào bụng hắn và nói : « Ừ thì chúng tao không phải là cảnh sát... Nhưng vẫn phải nộp tiền như thường, biết điều thì đừng có lộn xộn. »



Từ này đến giờ Lorusso vẫn đứng bên cạnh tôi, hắn không nói năng gì cả, chỉ há mồm và thộn mặt ra nhìn như một thằng dần. Nhưng khi thấy tôi hết đóng trò, hắn bừng tỉnh. « Hiểu không » miệng nói tay hắn khoa cái lắc-lê dưới mũi gã đàn ông « Muốn sống muốn tốt thì đưa tiền đây, không có ông lấy cái này bổ cho vỡ sọ ra bây giờ ». Sự can thiệp của hắn làm tôi bực bội hơn cả cái vẻ lì lượm của gã đàn ông. Người con gái thấy món khí-giới bằng sắt nặng, khẽ kêu lên ; nhưng tôi nhã nhặn bảo nàng — lúc cần tôi cũng biết lịch sự như ai : «Signorina chớ có để ý đến nó làm gì... nó khùng đấy... Chớ có lo, không ai làm gì cô đâu.. .Cô ra đứng ở góc kia, để mặc chúng tôi tính nốt cho xong... Còn thằng kia, cất cái lắc-lê đi ». Rồi tôi bảo gã đàn ông. : Nào nhanh lên.

Phải nhận rằng hắn ta, mặc dầu không bảnh trai, nhưng can đảm thì có thừa; ngay cả trong lúc này, mà tôi dí sát súng lục vào bụng khi hắn cũng không lộ vẻ sợ sệt gì cả. Hắn thản nhiên thò tay vào ngực áo móc ví ra : « Đây ví đây », hắn nói. Tôi nắn mạnh chiếc ví khi cho nó vào túi và nhận thấy rằng tiền nong chẳng có là bao nhiêu. « Bây giờ đưa cái đồng hồ đây », tôi tiếp tục. Hắn lột chiếc đồng hồ ra khỏi cổ tay và đưa cho tôi « Đây đồng hồ đây », Đây là một cái đồng hồ rẻ tiền, vỏ thép : «Giờ đưa tao cái bút» Hắn rút bút trong túi áo gi lê ra : «Đây bút đây». Đây là một cái bút đắt tiền. Một cái bút của Mỹ, đẹp bền, ngòi đặt lẫn vào thân bút. Giờ thì chẳng còn gì đáng lấy nữa. Chẳng còn gì, nghĩa là, trừ đôi giày đẹp đã làm tôi ngây ngất ngay hồi lúc đầu. Hắn hỏi mỉa : « Anh còn muốn gì nữa nào ». Không chút ngần ngừ tôi đáp : « Có, cởi giầy ra ». Lần này hắn phản kháng : « Giầy tôi — Không » Tôi không chịu được nữa Mấy phút sau này — thực ra từ ngay lúc đầu —

http://tieulun.hopto.org

tôi cảm thấy chỉ muốn tát vào cái mặt phèn phẹt vô duyên của hắn một cái. tôi muốn xem ảnh hưởng của nó đối với tôi cũng như đối với hắn ra sao. Nên tôi bảo : « Cởi giầy ra mau lên... đừng có ầm ớ », và với bàn tay rảnh tôi bồi cho hắn một cú chẳng anh hùng gì lắm. Mặt hắn đỏ bừng và tái nhợt, hắn có vẻ muốn lao vào người tôi đến nơi. Nhưng may mắn thay, người con gái từ trong góc kêu lên « Phải đấy anh Gino, họ muốn gì thì cho họ đi cho xong »; hắn nhìn tôi trừng trừng, bậm môi đến bật máu, đoạn nói : « Đã thề thì được», trong lúc nói mặt hắn cúi gầm. Rồi hắn cúi xuống tháo giầy.Hắn lần lượt cởi từng chiếc một và trước khi đưa cho tôi — nhìn chúng đăm chiêu giây lát với một vẻ luyến tiếc : hắn cũng thích đôi giày. Không giầy trông hắn thật thấp, thấp hơn cả Lorusso nữa, và tôi hiểu tại sao hắn phải mua đôi bốt có đế dầy đến thế. Đúng vào lúc bầy giờ chuyện hiểu lầm xảy ra. Đứng đấy với đôi chân trong vớ, hắn hỏi tôi : « Anh còn muốn gì nữa ? Áo sơ mi của tôi nữa nhé ? » . . . và tôi, tay cầm giầy, vừa định trả lời là đủ rồi, thì cảm thấy có cái gì chạm nhẹ vào trán tôi.

Đấy là một con nhện nhỏ treo mình trên sợi dây tơ buông từ trên trần nhà xuống , tôi nhận ra ngay. Tôi giơ tay lên trán để phủi nó đi ; và Lorusso, vốn là thằng ngu muội dã man, tưởng rằng tôi ra dấu, lập tức giơ cái lắc-lê lên bổi cho gã đàn ông một cái như trời giáng vào gáy. Tôi nghe thấy tiếng đập mạnh và đục, như thể hắn đập mạnh vào một viên gạch. Gã đàn ông ngã gục ngay vào người tôi, ôm choàng lấy tôi chẳng khác nào một gã say rượu ; đoạn ngã khuỵ xuống đất, mặt ngửa, mắt trợn toàn lòng trắng. Người con gái rú lên, từ trong góc chạy ra, phủ phục bên mình gã đàn ông, gọi tên hắn trong lúc hắn nằm bất động trên sàn. Để cho mọi người thấy rằng tên Lorusso ngu xuẩn đến mực nào, tôi chẳng còn biết gì hơn nữa, giữa cái lúc bồi rồi như thế mà hắn lại còn giơ cái lắc-lê để hờm trên đầu người con gái đang phủ phục và nhìn tôi dò hỏi xem liệu hắn có được phép tái diễn cái trò đùa hắn vừa diễn với người bạn của cô ta « Mày điên à ? » Tôi quát hắn. « Ra khỏi đây mau ». Và chúng tôi bỏ chạy.

Vừa ra đến đường, tôi bảo Lorusso : « Bây giờ đi chầm chậm chứ, làm như là mày đi dạo ấy... Trong một ngày hôm nay mày đã gây ra lắm chuyện quá rồi. » Hắn chậm bước lại, còn tôi thì vừa đi vừa đút mỗi chiếc giày vào một túi áo mưa.

Vừa đi tôi vừa bảo Lorusso : « Tao không cần phải bảo cho mày biết là mày ngu đến nước nào... Ma đưa lối quỉ đưa đường sao mày lại đánh vào đầu nó như thế ? Hắn nhìn và trả lời : «Chính cậu ra dấu chứ còn ai nữa. » « Dấu gì ?... Một con nhện bám vào trán tao đấy chứ. » « Tớ biết đâu đấy ? Cậu ra dấu cho tớ». Lúc bấy giờ tôi tức đến nỗi tôi có thể bóp cổ hắn được. Tôi sừng cổ : « Mày ngu quá lắm... Mày có thể đánh chết nó. » Hắn gân cổ cãi lại làm như là tôi vu-

http://tieulun.hopto.org

không hắn. « Không » hắn nói. « Tớ đánh bằng phía lưng lắc-lê, không có mầu nhọn... Nếu tớ định giết nó, tớ phải đánh bằng phía có mầu chứ.» Tôi không nói gì, nhưng giận điên người lên được và gân mặt tôi giật dữ dội đến nỗi tôi phải để tay lên để giữ cho nó yên. «Cậu thấy con bé mới đẹp làm sao chứ, » hắn tiếp ; « Ti nữa thì tớ đã bảo nàng, « Lại đây, người đẹp, lại đây nào, em yêu»... Rất có thể là em thích mê đi...Tớ không thử thật là dại.. Hắn đi nghênh nga nghênh ngang một cách hết sức tự mãn, và cứ nhai nhải kể mãi với tôi là hắn muốn làm gì cô gái và hắn sẽ làm như thế nào ; mãi cho đến khi tôi bảo hắn : « Tao bảo, đóng ngay cái lỗ miệng và câm ngay lập lức... Nếu không chớ có trách... » Hắn thôi không nói nữa và chúng tôi lầm lũi đi ngang qua Piazzale Flaminio, dọc theo bờ sông, qua cầu, và tới Piazza della Libertà. Ở đây có ghế đặt dưới bóng cây và không một bóng người, một làn sương mỏng dãng lên từ giòng sông Tiber. « Ngồi đây một lát đã, » tôi nói, « xem xem tụi mình kiếm được bao nhiêu... Rồi tao mượn thử giầy một cái xem sao. »

Chúng tôi ngồi xuống ghế, thoạt tiên tôi mở ví ra và thấy vốn vẹn có hai ngàn lire, chúng tôi chia đều cho nhau. Đoạn tôi bảo Lorusso : « Mày không đáng được tí gì... nhưng vốn là người công-bình tao sẽ cho mày cái ví và cái đồng hồ... Tao sẽ giữ đôi giầy và cái bút máy... Thế phải chưa ?» Hắn phản đối tức khắc : « Nhất định là như thế *không* phải... Chia kiểu gì mà lạ thế. . Đâu là nửa phần tớ được chia ? » Tôi cáu-kỉnh đáp : « Nhưng mày đã phạm một lỗi lầm ngu xuẩn, mày phải đền bù lỗi ấy ; thế là phải lắm còn kêu ca gì nữa » Thế là chúng tôi đôi co một hồi và rốt cuộc đi đến thỏa thuận là tôi giữ đôi giầy và hắn lấy cái ví, cái bút và đồng hồ.

Dẫu vậy, tôi còn cố hỏi gặng : « Mày định dùng cái bút làm gì ? Đến ngay cái tên mày mà mày viết còn chẳng nên nữa là ». « Nếu cậu thực lòng muốn biết », hắn đáp, « Tớ cho cậu biết tớ cũng *có thể* đọc và viết như ai ; tớ đã học ở trường sơ-học... Và lại, tớ có thể bán một cái bút như thế này ở Piazza Colonna lúc nào chả được ». Tôi chẳng buồn nói nữa, vì lúc bầy giờ tôi chỉ muốn quẳng đôi giầy cũ đi cho rảnh, hơn nữa, tôi chán cãi nhau lắm rồi và sự bực bội của tôi làm tôi đến tức cả bụng. Vì thế tôi cởi giầy ra và xỏ thử vào đôi mới. Nhưng tôi thất vọng mà nhận thấy rằng nó nhỏ quá ; và, ai cũng rõ là, trên cõi đời này chuyện gì cũng có phương giải quyết trừ món giầy chật. Nên tôi bảo Lorusso : « Này, đôi giầy này đối với tớ nhỏ quá, nhưng thật vừa với chân cậu... Chúng mình đổi cho nhau đi. Cậu đưa tớ đôi giầy quá rộng đối với cậu, và tớ đổi cho cậu đôi này, tốt hơn, mới hơn ». Lần này hắn huýt sáo ra chiều khinh bỉ và đáp : « Thôi đi anh khờ... Như cậu vẫn nói, tớ ngu thật đấy, nhưng tớ đâu có ngu đến cái nước ấy ». « Mày có ý nói gì ? » « Tớ có ý nói là đến giờ đi ngủ rồi ». Hắn vênh váo nhìn vào chiếc đồng hồ tay của gã đàn ông và nói thêm : « Đồng hồ *tớ* đã mười một

http://tieulun.hopto.org

giờ rưỡi rồi... Đồng hồ cậu mấy giờ ? » Tôi không nói gì, nhưng cho đôi giấy vào túi áo mưa như cũ và đi theo hắn.

Chúng tôi đi xe điện, và suốt khoảng thời gian ấy tôi lấy làm bực tức cho cái số phận hẩm hiu của mình và nghĩ ngợi sao thằng Lorusso lại ngu xuẩn hết nước đến thế, tôi không hiểu phải làm sao để hắn đổi đôi giấy của hắn lấy đôi của tôi. Khi chúng tôi xuống tàu, tại khu phố của chúng tôi, tôi lại khơi lại cuộc bàn cãi, và, thấy rằng lý luận chẳng đưa đến kết quả nào, tôi phải đến điều xuống nước mà van vì nó. « Lorusso, đôi giấy ấy thật là một vấn-đề sinh tử đối với tớ... Nếu không có nó tớ không thể tiếp tục sống nổi Nếu cậu không bằng lòng làm thế để chiều tớ, thì ít nhất cậu hãy vì lòng lành của Thượng-đế mà làm như vậy ». Chúng tôi đi trên quãng đường vắng, chạy về phía San Giovanni. Hắn dừng lại dưới một cột đèn đường và uốn éo bàn chân một cách huênh hoang, cốt ý chọc tức tôi. « Chà, giấy tớ đẹp đấy chứ, phải không cậu ?... Nó làm cậu thèm rỏ rãi ra hả ?... Nhưng tức giận làm gì cho mệt ; tớ không bằng lòng cho cậu đâu. » Rồi hắn ngâm nga ư ử : « Không, không, không, cậu chưa lấy được nó và cậu chẳng lấy được nó bây giờ đâu». Hắn nhạo báng tôi, thực vậy. Tôi bậm môi và thề rằng, nếu có viên đạn nào trong khẩu súng lục thề nào tôi cũng giết hắn, chẳng phải chỉ vì có đôi giấy mà là vì tôi không thể chịu đựng được hắn nữa. Trong tình trạng ấy chúng tôi về tới căn hầm mà chúng tôi ngủ trọ. Chúng tôi gõ vào cửa sổ ; gã gác dan, lầm bầm như thường lệ, ra mở cửa, và chúng tôi xuống thang vào phòng ngủ. Trong phòng có năm chiếc ghế bố kê thành một hàng ; ba chiếc ghế đầu của gã gác-dan và hai con giai, thanh niên trạc tuổi chúng tôi, và hai chiếc ở trong là của Lorusso và tôi. Gã gác - dan đòi chúng tôi trả tiền trước, rồi hắn tắt đèn và leo lên giường, trong khi chúng tôi dò dẫm trong bóng tối về giường và ngả lưng. Nhưng khi đã nằm dưới lớp chăn mỏng, tôi lại nghĩ đến đôi giấy, và cuối cùng tôi đi đến một quyết định. Khi ngủ Lorusso vẫn mặc quần áo, nhưng tôi biết hắn tháo giấy ra để ở khoảng giữa hai chiếc ghế bố. Trong bóng tối tôi sẽ bỏ dậy, tôi sẽ sỏ chân vào đôi giấy của hắn, để lại đôi giấy của tôi, và rồi tôi sẽ bỏ đi, giả bộ như đi ra cầu tiêu ở ngoài cửa vào hầm. Tôi nghĩ, dù thế nào chăng nữa, tôi làm thế cũng là phải, vì có thể là Lorusso đã giết chết gã đàn ông ở nhà ươm cây thực, tốt hơn hết là chẳng nên cặp kè với hắn nữa. Lorusso không biết họ tôi, hắn chỉ biết tên Thánh của tôi mà thôi, như vậy, nếu lỡ hắn có bị bắt, hắn cũng không có thể khai ra tôi được. Tôi nhỏm dậy, để chân xuống đất, cúi xuống chầm chậm và sỏ chân vào đôi bốt của Lorusso. Tôi vừa mới bắt đầu buộc dây giấy, thì chợt linh-cảm thấy bị đánh một đòn thực mạnh : may mắn thay tôi né tránh và ngón đòn sượt qua tai tôi trật xuống bả vai. Đấy là tên Lorusso, từ trong bóng tối đã đánh tôi bằng cái lắc-lê khốn nạn của hắn. Sự đau đớn làm tôi mất tự chủ, tôi chồm lên lăn xả vào hắn. Hắn túm

http://tieulun.hopto.org

được ngực tôi, và lại định đập tôi bằng cái lắc-lê, chúng tôi vật nhau lăn cù xuống sàn. Tiếng lục đục do chúng tôi gây ra đánh thức gã gác dan và hai thằng con, và họ bật đèn lên. Tôi kêu « Quân giết người », Lorusso gào « Quân ăn trộm !»; và những người kia cũng bắt đầu hò hét cố tìm cách can chúng tôi ra. Thế rồi Lorusso định đập gã gác dan bằng cái lắc lê ; và gã gác dan, vốn là một kẻ bẳn tính hơi một tí gì cũng đủ làm hắn nổi cơn thịnh nọ, vớ lấy một cái ghế và cố tìm cách dáng vào đầu Lorusso. Lorusso thủ thế ở uồi phòng, lưng sát tường, tay khoa cái lắc-lê miệng hét. « Có giỏi thì lại đây ! Tao thì quật chết cả lũ chúng mày. Ta là Hung - thần La-Mã đây !» Trông hắn như một thằng điên, mặt đỏ gay, mắt trợn trừng trợn trạc. Lúc bấy giờ tôi quá giận mất khôn đến nỗi tôi buột miệng kêu lên : « Coi chừng ! Nó vừa giết một người cách đây vài phút đấy... Nó là kẻ giết người!» Để khỏi dài dòng : Trong khi chúng tôi cố giữ chặt lấy Lorusso và hắn gào thét rẫy rụa như một thằng mất trí, thì một người con của lão gác dan chạy ra gọi cảnh sát ; và một phần do nơi tôi một phần do nơi Lorusso, họ phanh phui ra câu chuyện đã xảy ra ở nhà trơm cây và giam giữ cả hai đứa chúng tôi.

Họ giải chúng tôi về quận cảnh sát việc trước tiên của họ là gọi điện thoại và lập tức buộc tội chúng tôi là hai kẻ đã chủ mưu cuộc bạo hành ở vườn Borghese : Tôi khai là tại tên Lorusso và lần này - có lẽ là vì vừa bị đánh — hắn không nói năng gì cả. « Hai chú mày xứng đôi lắm, « nhân viên điều tra nói » thật là xứng đôi.. Cưỡng đoạt bằng võ lực và mưu toan sát nhân». Nhưng, để cho các bạn thấy tên Lorusso đáng tội đến chừng nào, tôi chỉ cần cho các bạn biết là, chừng một lát sau, hắn phần chần trở lại và hỏi : « Mai là ngày thứ mấy ? » Được người ta cho biết là ngày thứ Sáu, hắn xoa tay và nói ; « Chà, tốt lắm, mai khám Regina Coeli có súp đậu » Ấy nhờ vậy tôi mới biết là hắn đã từng nếm mùi tù tội, thế mà hắn cứ xoen xoét thề với tôi rằng hắn chưa vào tù lần nào. Về sau tôi nhìn xuống chân và thấy rằng tôi vẫn còn đi đôi giày của Lorusso. Suy đi ngẫm lại, rốt cuộc tôi đã đoạt được cái mà tôi hằng mong muốn bấy lâu.

NGUYỄN - CHÂU

(Dịch qua bản Anh ngữ « The Terror of Rome » của *ANGUS DAVIDSON*

Xác của kẻ thù chết bao giờ cũng thơm

Thủy sư đô đốc Coligny bị giết trong cuộc tàn sát Saint Barthélemy và bị treo chân trên giảo hình đài. Tương truyền vua Charles IX trông thấy tử thi của kẻ thù, thốt ra câu : « *Le corps d'un ennemi mort sent toujours bon* », *Xác của một kẻ thù chết bao giờ cũng thơm.*

http://tieulun.hopto.org

XUÂN VỀ

vui cho ai ?

Xuân về trên hoa đèn
Xuân về trong tiếng pháo
Xuân không về trong lớp áo màu phai
Xuân về ngày hôm nay
Xuân về ngày hôm mai
Đẹp lòng ai êm ấm
Thẩm đâu lòng trẻ dại u.hoài
Tương lai một khối màu tê tái
Đời biết mơ gì ? Vui với ai ?

Chuyện đời lớp lớp chăng ngang trái
Còn có mong gì ai thương ai ?
Càng đi thêm lạc nẻo
Chiều nay chưa xót đây
Gặp em đời bạc bẽo
Chung bước đỗ về đây.
Hoa lòng ta úa héo
Mộng đời em khó xây
Mắt em rân rấn đôi giòng lệ
Sương gió trùm lên bóng võ gầy

*
* *

http://tieulun.hopto.org

XUÂN VỀ VUI CHO AI ?

Đường xa lăng lắc
Thăm thẳm như đường đời
Ánh chiều luyến lưu chưa tắt
Rám bạc đầu thơ ngây
Năm năm rồi tháng tháng
Lê la kiếp đọa đầy
Em gò lưng mím miệng
Tay lau vạn chiếc giầy
Người vui em không biết
Xuân về em không hay
Ngày qua trong đơn chiếc
Đêm về trong heo may
Áo em rời mấy mảnh
Chán em đá sỏi cày
Giày người em đánh mãi
Đời tàn phai trên mấy lớp chân ai

* * *

Biết sao nhân thế tình sai hưởng
Lạnh lẽo đường sương ta thương em
Xuân chẳng riêng ai mà cách biệt
Người vui nghiêng ngửa sao bi thương

Em định về đâu đêm tàn năm
Đường dài hun hút rét căm căm
Lập lòe ánh lửa nhà ai ấm
Cổng sắt cài then khóa kín rồi

TRÚC-LIÊN

http://tieulun.hopto.org

TRUYỆN 4 KỲ

VÓ - PHIẾN

(từ B. K. số 96)

IV

giặc tư



NHƯNG mà sau trận đó tôi không về được. Cuộc chiến đấu đang chuyển tới giai-đoạn rầm rộ hơn trước. Từ lối đánh núp đánh lén, chúng tôi bắt đầu cố gắng đánh những trận lớn, những trận tiêu diệt đồn. Trong hàng ngũ, từ trên xuống dưới người ta ra sức học tập, thúc đẩy nhau, rào rào thổi vào tai nhau ngày đêm những chuyện đạo đức, tác-phong, dũng-cảm. Thét rồi tôi cũng nói dũng cảm hăng như bất cứ ai. Tôi lẫn lộn trong hàng ngũ, nay đây mai đó, có lúc kéo xuống làng đào hầm đắp đồn giả để tập trận có lúc lại kéo lên Cao-nguyên, theo anh em lao mình vào đồn địch. Những hôm bị sốt rét vì muỗi rừng tôi cuốn mình trong tấm chăn nằm queo lại một đống như cái bao Hai lần bị thương ở chân, tôi được những người dân công bỏ lên võng túm lại khiêng đi tòn ten. Tôi cố hình dung ra trong trí hình dáng một người nữ cứu thương. Trí tôi bất lực không thể hình dung nổi, chỉ có bóng

http://tieulun.hopto.org

dáng một nữ cứu thương không chịu thành hình là cô con gái ông Ba-Thê dầu mó nói :

— ... tưởng em không làm gì được hả ? Em sắp sửa đi đây.

Dù là đang nằm như cái bao một mình trên nhà sàn thượng du, dù đang bị khiêng tòn ten giữa rừng, dưới lưng và hai bên hông quẹt lạt sạt những ngọn lá, dù ở trong hoàn cảnh nào, nhớ tới cái khuôn mặt đầy vẻ khoác lác kiêu kỳ ấy, tôi vẫn cứ thấy nó đẹp, tôi vẫn nhớ nó Khổ quá, không có ai cho tôi thảo-luận thỏa-thuê về sự hèn nhát của « chiến sĩ »

Tới khi ngừng tiếng súng, tôi trở về làng gặp ông Ba Thê : ông Ba-Thê đã hết nói chuyện « đồng thời ». Tôi thăm chào bác tôi : cán bộ đảng theo nhau rút êm không lai vãng nữa, bác tôi cũng hết hiểu nổi đại cuộc rồi sẽ biến chuyển tới đâu. Tôi hỏi cô Loan yêu dấu : nàng đã có một con và bồng con theo chồng tập kết ra Bắc. Tôi chưa kịp liệu đến cái việc để cho một kẻ khác thay thế tôi làm chồng Loan cho nên tôi buồn vô số.

Chúng tôi dọn về Q N. Nhà cũ tôi ở còn lại nguyên vẹn một cái nền. Cây sứ lớn nhất ở góc vườn đã chết rụi, còn một khúc gốc cao chừng một tấc tây. Cây trứng cá trước nhà lớn cao hơn nhiều lắm, những dây thép gai quấn chằng chịt xung quanh thân cây ăn lún sâu vào thịt. Tôi nhìn từng vết thương trên cây cối, từng dấu tích tàn phá sửa đổi trong vườn, cố đoán ra những sự hoạt-động đã xảy ra trong những năm tôi vắng mặt, lòng bùi ngùi. Tôi trở lại nhà cũ của Loan, Nhà Loan cũng còn trơ một cái nền, trên đó ông Ba-Thê dựng lại một lều tranh. Vườn mãng cầu còn lại đúng ba cây, trên đó dính năm mười quả nhỏ, khô queo, đen như trái táo trong tiệm thuốc bắc.

Tôi đau khổ nhìn lên hai chiếc bồ đen trên núi Chóp Vung. Hàng ngày hai con mắt thao láo ấy đã rình mò theo dõi tận ngoài bể khơi, điều khiển mọi chi tiết trong cuộc sinh hoạt của miền quê chúng tôi, nó đã chứng kiến được những gì về sự bội bạc của Loan ? Nói chối phắt. Nó không biết gì ráo Hai con mắt đen thui, ngu ngốc, giữa trời xanh rộng rãi mênh mông, chúng bày ra cái lơ láo của những vật hết công dụng. Chúng chối bẻ về mọi hối hộp, vui buồn, cao thượng và hèn hạ của một thời đã qua.

Phải chi tôi cũng chối được hết như nó ! Đàng này thỉnh thoảng, tôi vẫn còn nhớ tới khuôn mặt rạng rỡ của nàng, nhớ xót xa. Đối với tôi có những khổ người, những khuôn mặt chỉ cần nhìn đến cũng đủ đem lại một niềm vui tin ở cuộc sống, một cảm giác yên ổn hạnh phúc. Loan giống cha nàng ở nước da hơi ngăm ngăm đen, nhưng có cái ngực rộng rãi của mẹ nàng. Về mặt của Loan cũng vừa có cái linh hoạt vui tươi của cha vừa có cái hiền lành của mẹ, về mặt dàu một khả năng hấp dẫn đặc biệt. Có lần tôi thực thà thú với nàng rằng không kể tới kỷ-niệm hồi phong kiến —« xưa rồi » — thì tôi vẫn cứ mê khuôn mặt nàng. « Đang có gì bận rộn buồn bực, được nhìn tới mặt em,

http://tieulun.hopto.org

anh thấy dịu xuống và mát mẻ trong tâm trí ngay.» Loan chê tôi : « Anh chỉ chỉ chú ý tới hình thức ngoại diện. Quan-trọng là sự hòa hợp của hai tâm hồn » Đúng vậy. Nếu tôi chỉ biết chú ý tới những cái mà nàng cho là đáng chú ý : tâm hồn, nhiệm-vụ, đạo-đức, tác-phong v.v... thì hay cho tôi biết mấy. Đạo đức của nàng đã đi đời mấy thuở rồi, nếu chỉ quý có nó thì tôi đã hết buồn khổ. Đàng này tôi cứ lẩn thẩn vì những chuyện mưa chiều ướt át trên mấy cái mả vôi đen như lưng trâu, đến ý nghĩa điêu tàn kín đáo trong dáng bộ lãnh đạm khó tả của một con gà mái, đến một giọng hát, một vẻ mặt, đến những cái rất ít dính líu tới tâm hồn.

Loan có chồng có con và bỏng bẻ ra đi không cần chờ gặp mặt tôi một lần chót. Người ta ít khi tưởng-tượng nổi rằng mình lại ít quan trọng tới bực đó. Những lần ở mặt trận tôi hối hộp vì thấy mạng mình quá quan-trọng, lần này tôi gần bủn rủn chân tay vì bỗng thấy mình chẳng có một nghĩa lý gì cả đối với một người con gái. Từ đó tôi ngượng mồm ngượng miệng không dám nhắc đến tên nàng, bất cứ trước mặt ai.

Toàn tử trận, Phong trộm cướp, bị tù, sau được phóng thích ra thì lại không chịu về sống với cha mẹ mà cùng với người vợ không cưới hỏi mướn nhà ở riêng. Tôi chưa kịp lo lắng cho sự sinh sống của vợ chồng ông Ba Thê thì đã giật mình trước sự xoay trở khôn ngoan của ông ta. Ông ta tìm không biết ở đâu ra một người gọi là cháu họ, một cô gái mồ côi chê chồng, về ở với ông ta. Gia đình hối cư về Q.N., bà Ba Thê cho cô ta khi thì nấu chè, khi thì nấu cháo gà, bún bò, khi thì gấy rượu nếp, gánh đi bán dạo. Vợ chồng Ba Thê yên tâm sống bằng tiền lời do cô cháu gái kiếm ra để bình tĩnh suy ngẫm, tìm kiếm một nghề cho mình.

Tôi không được biết hồi cái tin Toàn bỏ mình ở đèo Mang giang bay về tới gia-đình thì vợ chồng ông Ba-Thê và cô vợ xinh xắn của Toàn đón tiếp nó bằng sự xúc động ra sao. Nhưng khi tôi về thì đã có quá nhiều ngày tháng trôi qua trên một cái tin còn con đó. Nhiều cán bộ đã đến giải-thích cho bà Ba Thê và chị Toàn hiểu rõ họ không nên buồn, chỉ nên căm giận trong vinh-quang. « Đồng thời » ông Ba-Thê cũng giải-thích như thế. Cho nên chừng hơn một năm sau thì chị Toàn đã thôi buồn. Chị liền bắt đầu mến một người hàng binh người nước Ao phục dịch ở một cơ quan đóng gần nhà chị. Người hàng binh trẻ tuổi ấy trước kia là một sinh-viên vừa ở trường ra liền bị động viên đưa đi đánh bên cạnh quân đội Đức quốc. Khi Đồng minh kéo tới giải phóng nước Ao, anh ta bị bắt làm tù binh rồi chẳng biết trải qua những tình cờ như thế nào anh ta bị đưa sang chiến trường Đông-dương. Anh ta vô cùng chán-nản, không muốn hết sự tình cờ này đến sự tình cờ khác cứ thay nhau dọa nạt tính mạng anh mãi, cơ hội đến là anh dơ tay đầu hàng liền để tìm sự yên thân. Ngày ngày người ta sai anh làm những công việc vặt-

http://tieulun.hopto.org

vãnh trong cơ quan ở hậu tuyến, còn thì giờ dư anh phải tham gia sản xuất : anh ta cuốc đất nhanh, chặt cây mạnh, việc gì anh ta cũng khá, chỉ trừ có việc gánh gồng. Anh ta không gánh được, lắc đầu ra dấu để người ta hiểu rằng ở bên xứ anh không có dùng phương pháp chuyển vận như thế. Tuy vậy lần hồi không làm thế nào khác được, anh ta cũng phải gánh, một cách khổ sở : anh cởi áo ra lót trên vai và lấy khăn quấn rất dầy xung quanh cây đòn gánh, đã thế mà mỗi lần đặt gánh lên vai anh vẫn nhăn nhó và khom lưng xuống một cách vụng về ngộ nghĩnh. Một hôm, anh vừa gánh phân đi ra đến đầu đường bỗng nghe có tiếng cười rúc rích. Anh ta đặt gánh xuống ngẩng đầu lên, giọng đàn bà bùng phá lên cười xòa. Anh ta trông thấy bên kia rào người con gái đứng nhìn vào hai đầu gánh của anh ta che miệng cười rũ rượi : giữa vóc người cao lớn của anh ta và lượng phân chút xíu trong gánh có một mâu thuẫn hài hước.

Ban đầu người hàng binh trẻ tuổi ngượng ngùng xấu hổ. Nhưng rồi anh ta hiểu rất nhanh rằng trong sự nghịch ngợm của người đàn bà có một vẻ hồn nhiên không ác ý, anh ta vui vẻ cười theo.

Đêm hôm ấy, ngồi nghĩ lại câu chuyện ngộ nghĩnh trong ngày, anh ta thấy thích, mỉm cười một mình, và mượn cây vĩ-cầm của một nhân viên trong cơ quan anh ta chơi mấy bản nhạc cũ bên xứ anh, nhớ tới một vài kỷ niệm hồi còn đi học. Ở bên kia rào, chị Toàn lắng tai nghe điệu nhạc lạ.

Lại một lần nữa thêm một người đàn ông mê chị ta, bắt đầu bằng sự oán giận... Chẳng qua là ái tình có những sáng kiến trùng điệp. Đã không nỡ bắt tội ái tình thì thôi chứ bắt lỗi chị Toàn làm sao được.

Tôi về Q N. được ít lâu có được chị Toàn giới thiệu với người chồng mới. Họ đã sống công khai với nhau vui thú, chị có cái hồn nhiên cởi mở thích hợp với lối bạo dạn tình cảm của người Tây-phương.

Một đêm tháng tám tôi đến chơi nhà vợ chồng chị, anh Áo (anh chọn một tên Việt-Nam giản dị : Nguyễn-Văn-Áo. Nguyễn - Văn là cái họ thường gặp nhất ở Việt - Nam, và Áo là tên nước anh), anh vui mừng báo cho tôi biết cái tin anh sắp sửa được « trao đổi ». Trao đổi xong, anh tìm cách về nước ngay để thăm người chị mắc bệnh lao xương và một bà cô già đã nuôi anh từ nhỏ đến lớn, vì anh ta mồ côi. Anh nói tiếng Việt rất chậm, nhưng mà rõ (trong việc gì, từ việc « học tập lao-động » cho đến học nói một ngoại-ngữ, anh đều chăm chỉ cần mẫn). Tôi nhìn về phía chị Toàn, ngần ngại. Anh ta hiểu ý :

— Nếu không cùng đi một lần được, thì về tới bên xứ tôi tìm cách rước nhà tôi về ngay. Tôi tin là chúng tôi bên đó sẽ tìm ra đủ tiền bạc...

Anh ta ngó vợ, nở một nụ cười đầy tin tưởng thành-thực. Chị Toàn cũng nhoẻn cười. Cái cười của người đàn bà ngoài sự biết ơn sung sướng, còn

http://tieulun.hopto.org

tỏ một vẻ gì nhạo báng, coi cái việc mình đi qua tận bên nước Áo là một điều ngộ-nghĩnh, khó tưởng tượng.

Hôm ấy anh Áo vui vẻ nói với tôi những cảm-tưởng về cuộc kháng-chiến của Việt-Nam, trước đó anh nhất định lảng tránh những câu nói có tính cách chính-trị. Anh ta khen sự dũng cảm của người lính Việt-Nam mà anh đã mục-kích trên các mặt trận. Rồi anh khoe những kỷ-niệm chiến đấu hồi anh còn ở trong quân-đội Áo-quốc. Chị Toàn nhắc cho anh mỗi khi anh ta tìm chữ một cách khó khăn. Đêm khuya, anh còn giữ tôi lại để đàn cho nghe mấy bản nhạc anh thích. Sau mỗi bản đàn anh bàn về nhạc, giải-thích về đời sống tình cảm của người bên anh, về phong-cảnh bên xứ anh... Trong cái tưng bừng ấy anh ta quên để ý đến sự thay đổi trên vẻ mặt vợ mình. Khi người chồng bị lôi cuốn quá xa về bên quê hương xa lạ, thì người vợ như bị lạc rơi lại giữa một hoang mang

Tôi cáo từ ra về. Anh Áo đưa tôi ra đến ngoài đầu sân rồi trở vào, nhưng chị Toàn tiếp tục theo tôi ra tận ngoài cổng. Người con dâu ông Ba-Thê bước lặng lẽ bên tôi tự nhiên có vẻ hiền thục trong sự ưu tư. Tôi cảm thấy nặng nề vai trò của mình, vì đã trót chứng kiến cái chết của Toàn bên sườn đèo. Tôi tìm nói bâng quơ một câu, gạt tránh cảm giác nặng nề :

— Anh ấy chơi vĩ-cầm hay đấy chứ. Lam lũ vất vả bao nhiêu năm mà cầm đến đàn vẫn...

Người đàn bà lắng nghe tôi nói, không trả lời. Một lúc sau, đi đến cổng, chị gọi tôi :

— Anh.

Tôi dừng lại.

— Anh có cảm tưởng vì về cuộc... về chúng tôi ?

Tôi không kịp trả lời. Mắt chị Toàn chăm chú nhìn thẳng vào mắt tôi, nóng nảy, giục giã. Rồi người đàn bà vụt có sắc giận Chị hỏi nhanh :

— Anh cho là tôi hết nghĩ đến anh Toàn rồi chắc !

Những tiếng sau cùng run run. Hết câu nói chị bật khóc.

Tôi vịn một tay lên rào, chờ một chút thời gian trôi qua, cho dịu sự ầm ức của người đàn bà, rồi nói :

— Chúng ta sống một thời buổi khác thường. Hoàn cảnh tạo ra nhiều cơ hội tình cờ oái oăm hơn là ở một thời phẳng lặng. Có lẽ ít người khu xử được như là những kẻ sống bình an trong một xã-hội an bài, nề nếp.

Chị Toàn không đáp. Có lẽ chị cũng không cần nghe nói và hiểu Chị cần khóc bên cạnh một người có thể làm chứng cho tâm-trạng của chị. Đã có lần tôi được Toàn kể cho nghe chuyện chị khóc về một cái nách áo bị chuột cắn : trước kia cái khóc của chị dễ-dàng hơn biết bao, như của một đứa trẻ con. Người con gái giản dị hồn-nhiên ấy bây giờ đang nén tiếng khóc sau lưng chồng !

Tiếng sóng vỗ buồn bã vào bờ bể trước nhà càng lâu càng làm cho tôi

http://tieulun.hopto.org

thầy bứt rứt. Tôi ngoảnh mặt nhìn ra ngoài bể. Trăng bây giờ lên đã quá cao và bị mây che khuất, mặt bể không còn loang loáng ánh sáng nữa mà tất cả mặt nước rộng bao la xuống một màu xám lạt, chỉ có những con sóng cuộn lên gần bờ mới ánh lên một gợn vàng. Gió bể phất nhẹ vào, mát lạnh.

Một trái trứng chín mùi rụng xuống bàn tay tôi, bắn ra một ít nước. Tôi nắm lấy trái trứng cá mềm mềm, vân vê một lúc trên đầu ngón tay mà không tìm được ý gì để bày tỏ với chị Toàn lúc này. Cuối cùng tôi nói :

— Trong sự hỗn loạn mọi người bị xô đẩy tư bề, gặp nhau, tiếp-xúc nhau, va chạm nhau bất thường. Tình thế làm phát sinh ra lắm tình-cảm bất thường. Đem những thành-kiến thành - hình trong các thời yên lặng mà suy xét chúng ta sao khỏi ..

Tôi chán nản không tiếp tục nữa, vì thấy mình đang lặp lại một ý-kiến đã nói rồi.

Ở trong nhà vừa có tiếng anh Áo đàn bâng quơ vài câu nhạc rời, không thành bài. Tôi giật mình, giục chị Toàn :

— Chị nên trở vào nhà... Hôm nào anh ấy được « trao đổi » chị nhớ cho tôi hay.

Người đàn bà kín đáo liếc nhìn ánh đèn trong nhà rồi cúi đầu xuống, dấu một tình cảm khó đoán. Tôi quay về.

Thành phố bị phá - hoại, gần hết nhà cao đều bị hạ xuống, tự nhiên như rộng thêm ra, nhất là dưới ánh sáng một đêm trăng. Con đường tôi đang đi cũng như dàn rộng thêm. Bước đi giữa sự hoang tàn vắng vẻ, một phần mình thấy bồi hồi, một phần lại thấy chơi vơi một cảm-giác mới lạ, gần như là cái thích thú khó hiểu được tung - hoành tự do hơn là ngày thường.

Tôi nhớ lại buổi chiều anh Toàn trở về Q. N. để đặt mìn và sống trong những giờ ngây ngất đầu tiên. Xung quanh tôi bây giờ dây antigone hãy còn mọc tràn lan trên các khu vườn trồng, tràn ra đến ngoài đường, hãy còn dây thép gai rào chắn ở nhiều ngả đường... quanh cảnh chắc không khác xa ngày đó là bao nhiêu

Tôi ngừng chân trước cổng chùa Tịnh-quang. Cửa chùa mở trống, để cho mình nhìn suốt sự tĩnh mịch từ trước ra sau. Trăng sáng. Tiếng dế kêu ran ran. Một mình đứng bên cái bóng đen đồ sộ của ngôi chùa ngã xuống đất trắng im lặng, đêm khuya không có hơi gió, cây lá đứng im lìm trịnh trọng khó hiểu .. tự nhiên tôi thấy bị uy hiếp bởi cái cảm giác rờn rợn lướt trên sự hoang tàn : « Loan đi rồi. Toàn chết rồi Chị Toàn cũng sắp ra đi có lẽ đến tuyệt tích. Phong thành ra người bỏ. Sau khi cơn lốc hạ xuống lẽ đâu chỉ còn lại mình tôi trơ trọi ở lại với vợ chồng ông Ba-Thê Đồng Thời và ông bác già Đại Cuộc ? những người trẻ tuổi đầy khuyết điểm xấu xa lầm lạc, nhưng mà là một lớp trẻ, đã mang đi tản mác, có kẻ tận bên kia cuộc đời, hết cả sự ồn ào cuồng nhiệt ! »

http://tieulun.hopto.org

Tôi ngoảnh đi ngoảnh lại, lướt mắt trên cái thị xã vắng vẻ, trên đất trắng im lìm trước sau một ngôi chùa.

*
* *

Trong những ngày mà các người cán bộ theo nhau, níu lưng nhau, kẻ trước người sau kéo ra đi rầm rập như trước một đồ vỡ, thì ông bác già của tôi ngơ ngác trước Đại Cuộc. Người ngoảnh sang bên nầy hỏi một câu, ngoảnh sang bên kia hỏi một câu, và được giải thích qua loa. Nhưng chừng nửa năm sau ngày đình chiến thì tôi biết rõ người bác già đã quên hết những lời giải thích.

Lúc bấy giờ người có vẻ tần ngần ngơ ngẩn : người đã bám sát theo Đại Cuộc ngược xuôi hống hộc trong chín mười năm trời rồi, nay theo dõi trận đánh này mai hồi hộp vì trận đánh kia, tháng này học tập một chủ trương, tháng nọ phổ biến một chính sách, lúc kêu gào đoàn kết hy sinh, lúc reo hò tranh đấu... đến nay dừng lại người bỗng thấy mệt nhoài, bao nhiêu gân cốt trong người như giãn cả ra. Người có cảm tưởng như mình đã không tự lượng sức, trót nhảy lên lưng Đại Cuộc như nhảy lên lưng con ngựa bất kham để cho nó lồng lên mà tè mà phi, để nó tung hoành thoả sức. Đến khi tuột xuống khỏi lưng con ngựa Đại Cuộc, người lắc đầu nhìn lại nó với một cái nhìn vô cùng ngao ngán.

Khi ấy, bỏ rơi chính-trị và thời sự, người lần hồi trở về những câu sách thánh hiền, những chuyện khí tiết nhà nho v.v... như kẻ ngao du mệt mỏi quay trở về quê-hương. Ông bác già của tôi rời bỏ cổ nhân mà đua chạy theo thời sự như thể cái dây cao su bị kéo nhằng ra, đến khi buông thả nó nó lại thun về chỗ cũ : bác tôi lại quay về cổ nhân Nếu đức vạn thế sư biểu hiểu rằng bác Đại Cuộc của tôi lần này lắc la lắc lư bước về cửa Khổng sân Trình những bước nặng nề uể oải như thế nào thì chắc ngài cũng dâm phân vân trước vinh-dự của mình.

Dĩ nhiên cũng như năm nào tung hoành vì đại cuộc, lần này phục hưng thánh đạo, bác tôi cũng chỉ hoạt động bằng mồm. Như thế lại cần đến ông Ba-Thê, vì thì giờ để phiếm đàm thì không ai có thừa thãi bằng ông Ba-Thê. Chẳng hạn bác tôi chủ - trương rằng nho học bao giờ cũng hợp thời, nhà nho thời nào cũng có kẻ sáng suốt, để chứng minh người đưa ra ông Nguyễn trường-Tộ :

— Ông Nguyễn-trường-Tộ là một ông thánh, ngài biết hết các thứ tiếng trên thế giới. Giả tỷ ông Trương-vĩnh-Ký giỏi một lần, thì ông Nguyễn-trường-Tộ giỏi mười lần.

Ông Ba-Thê cũng là kẻ học-thức, nhưng ông ta không phải đã học đến những điều như thế. Ông ta tỏ một sự tò mò khuyến khích, và bác tôi giải thêm :

— Những tờ điều trần của ngài, ông đội không biết sao ? Ngài nói một vạn lời thì sau này mở ra coi trúng hết vạn chuyện. Nhưng mà hồi đó không ai nghe theo nên mới mất nước. Lúc ngài chết thì cái bụng cứ chướng lên,

http://tieulun.hopto.org

chướng to lên mãi thành ra tròn vo, không làm sao đậy nắp quan tài được Sau, có một ông bạn đồng liêu tới bên quan tài nói nhỏ rằng đó là thứ máu uất nó dồn lại bởi sinh thời ngài tâu phải mà vua không nghe. Nói xong, trúng ý, cục máu uất tan liền, từ trong bụng xì ra máu ướt lênh láng, rồi bụng xẹp xuống...

Ông Ba-Thê phác một cử chỉ vụ vơ, tỏ một sự kính phục rất có chừng mực điều-độ. Bà Ba-Thê kêu lên :

Tội-nghiệp chưa !

Rồi vội vàng đưa chéo khăn lên chùi nước trầu chảy leo ra ở bên mép, chùi rất kỹ lưỡng.

Bác Đại Cuộc của tôi tưởng cần thêm một chú thích cuối cùng :

— Truyện ông Nguyễn-trường-Tộ có trong sách.

Bà Ba-Thê làm như bắt gặp điều hệ trọng nhất trong câu chuyện.

— Thiệt vậy hả ? Tội-nghiệp !

Kỳ thực đó là sự lễ phép của bà ta. Khi nào sực nhớ tới, bà liền tỏ thái độ vồn vã với kẻ đối thoại mà không kịp chú ý đến câu nói của họ. Sự rủi ro nhiều lần khiến bà Ba-Thê rơi đúng vào những câu lạt lẽo nhất của người khách ; khách tỏ vẻ ngạc-nhiên trước, bà Ba-Thê ngạc nhiên sau, không bao giờ ngờ rằng cái đó là do ở sự lễ phép của mình mà ra.

Nhưng ông bác Đại Cuộc lần này không ngạc - nhiên. Người đang phát-huy cái hay cái giỏi của một đẳng tiền nhân khác :

— Nhật nó tìm mả đức Quang-trung Nguyễn-Huệ ghê lắm.

Ông Ba-Thê hỏi :

— Chi vậy ?

— Hồi năm 1944, nó qua Đông-Dương lần đầu tiên là cốt để tìm mả của Nguyễn - Huệ đó chớ ! Nó biết ơn lắm...

— . . . ?

— Hồi trước, vua Quang-trung có cho quân qua giúp vua Minh-trị. Nếu không có thì Nhật nó bị Tàu lấy mất nước rồi còn đâu.

— Cụ cũng biết rõ chuyện đó nữa sao ?

— Thì chuyện đó có ghi trong một quyển sách mà.

Trong sự hiểu biết mơ hồ của bác tôi « có ghi trong sách » là có ghi chép đâu đó vào một nơi vô định mà chắc chắn, cũng tựa như số mệnh con người được ghi vào quyển sổ của Nam - Tào, không sửa đổi được. Bác tôi chẳng phải là người nho học nhiều chữ nghĩa. Ít nữa cũng là trên nửa thế kỷ người không có duyên hội ngộ với sách vở. Cho nên tất cả những điều người nhân danh sách vở đem ra quảng bá đều nhuốm một tính cách lý kỳ huyền hoặc.

Ông Ba - Thê cũng hâm mộ những chuyện ly-kỳ, bởi cái khiếu ham thích những tuồng tích hát bộ xưa kia còn sót lại. Nhưng ông ta không có một lòng tín - nhiệm mơ hồ nơi sách vở theo kiểu ông bác Đại-Cuộc, ông ta là người của thời thế, những kiến thức của ông ta toàn do ở thời thế cung-

http://tieulun.hopto.org

cập. Ngày nay, thay đổi một thời đại rồi, ông biết lựa chiều để chứng tỏ rằng mình hợp thời, ông tỏ sự hoài-nghi rẻ rúng chế độ trước ra mặt :

— Hôm nọ, nghe tin bảo Hồ-chí-Minh sang Nga họp hội - nghị. Hừm ! Hồ-chí-Minh đâu còn ? Ông ta bỏ mạng lâu rồi, hồi còn kháng chiến ở Việt-Bắc, trúng miếng bom ngang sườn, gãy ba chiếc xương, lủng bao tử một lỗ lớn, bác sĩ ta vá mãi không được. Trung-Hoa có phái sang hai tay danh-y, một bác-sĩ tây học với một y-sĩ Tầu, họ đi tới Vân - nam thì trông thấy vì sao chiều mạng của Hồ.chí-Minh lỡ rụng đi, họ biết là tiêu rồi nhưng cứ đi gấp sang Việt-Bắc, bí mật bày cho vài nhân-vật tín - nhiệm Việt Bắc dấu cái tin dữ đó đi, cứ tuyên bố là Hồ-chí-Minh còn sống, rồi mài xương ông Hồ ra cho một người khác uống. Chẳng bao lâu người này giống hệt ông Hồ, ra mắt dân chúng không ai biết cả. Còn việc lãnh đạo chính-quyền thì đảng họ chia với nhau nắm hết...

Ông Ba-Thê Đồng-Thời thật đã ghép ông Hồ - chí - Minh vào một cái chết khủng-khiếp. May mà đó không phải là trường hợp độc nhất. Cứ theo lời ông Ba-Thê thì trước sau ít ra cũng có tới hai người Việt-nam bị chết mài xương. Người thứ nhất là ông Bảo - đại Hồi còn nhỏ ông ta đi học bên Pháp, thực dân nó thấy rõ người có lòng yêu nước, nó ám hại, rồi mài xương cho một người học trò khác uống để thay thế Bảo-Đại về làm vua.

Ông bác già của tôi nghe qua, không tán thành, không phản đối, người chỉ lắc đầu ngao ngán trước những lộn xộn vô thường của Đại Cuộc. Hết thảy các tay trọng yếu trên sân khấu chính - trị hiện-đại của ta đều do ngoại quốc nó chế tạo một cách xảo trá, giả dối như thế cả thì còn nói làm sao được, còn luận bàn tin tưởng làm sao được ? Muốn tìm ra những người thật, chắc chắn là thật, không giả mạo, chỉ còn có cách quay về các đấng tiền nhân, có ghi rõ ràng trong sách vở.

Ông bác Đại-Cuộc không cần giỏi chữ nghĩa, không cần am hiểu nho giáo, không cần đọc thông sách vở, ông là một người dân Việt-Nam đến già lần mò tìm về thánh-đạo, về cổ nhân, giản dị như là những kẻ lang bạt làm ăn thất thế trở về từ đường, như cọp già về núi để gửi xương.

Bác tôi không còn được bao nhiêu sức lực nữa, người cũng không còn minh mẫn để xoay xở khéo léo như ông Ba-Thê trên công việc sinh sống, cho nên người túng quẫn rõ rệt. Trong những buổi luận đàm viễn vông, nếu là vào buổi sáng, thì người nhấm nháp chén trà của ông Ba-Thê, nếu vào buổi trưa buổi tối người cũng có khi không từ chối một vài món quà vặn của ông Ba-Thê : một tô cháo gà, một bát mì, bát phở v.v.. Người cháu gái ông Ba Thê thỉnh thoảng bắt gặp chuyện như thế, nàng chiếu một cái nhìn đầy uy quyền lên những chén trà và tô cháo mà bác tôi đang dùng. Tuy-nhiên bà Ba - Thê vẫn còn là người trọng khuôn phép gia-đình, cho nên bác tôi khỏi gặp sự nhục nhã nào

http://tieulun.hopto.org

ồn ào làm kinh động đến các đấng tiền nhân trọng câu chuyện. Trong đôi ba năm liền sau ngày ngừng tiếng súng, thỉnh thoảng tôi ghé thăm gia đình ông Ba-Thê, như thăm lại dĩ vãng của mình, thì tôi vẫn an tâm trông thấy có bác tôi ở đó, hai người vẫn được nhàn hạ trong sự thiếu thốn triền miên của họ.

Tôi có lỡ lời nhắc xa xôi đến những kẻ vắng mặt, đến cái chết của người này đến sự lạc loài vất vưởng của người khác, trước kia đều là xuất tự gia đình này mà ra, thì bà đội Ba-Thê thở ra một cách nhẹ nhàng như sợ hơi thở của mình thổi chạm vào thời thế, vì bà biết gia-đình mình đã dính líu quá nhiều vào các biến cố chính-trị phải đăng. Bà nói :

— Những chuyện chúng nó làm, mình biết đâu được. Nhưng thời nào thì mình cũng cứ thương cho số phận chúng nó được chớ cậu ? Không lúc nào là tôi không nghĩ đến chúng nó, tội nghiệp hết sức vậy đó.

Bà Ba-Thê đưa bàn tay áp vào bụng, nơi mà bà ta thương tiếc, tội-nghiệp lũ con dâu đã khuất.

Tôi nhìn lên nét mặt của bà Ba-Thê để trộm ngắm hình dáng sự tiếc thương « hết sức » : nó lại chỉ có vẻ giống như sự bình thản hiền lành dịu dàng vậy thôi.

Gia- đình ông Ba-Thê còn lại chừng đó : một cô cháu gái lãnh phần nuôi sống mọi người, một ông chồng rảnh rỗi dồn tất cả hoạt động vào việc tán gẫu về thời sự, một bà vợ rảnh rỗi

chuyện lòng

Tình yêu không tiếng nói
Người thơ không có nhà
Chuyện lòng e ấp hỏi
Bỗng dưng buồn nói ra...

Phương trời xanh liêu rủ
Thảo lư mờ hoang-liêu
Tiên chập chờn động cũ
Khôi nguyên tinh thương yêu...

Hăm hai và mười tám
Không ngờ đếm tháng ngày
Cát bụi đời chưa bám
Thư tình run đôi tay...

Nhớ thương mòn khóe hạnh
Đăm đăm vọng chân trời
Khi nào mưa gió tạnh
Đêm rằm thả thơ chơi...

Tình yêu lên tiếng nói
Người thơ đi xây nhà
Chuyện lòng ai có hỏi
Biên gì mà nói ra...

HUY-LỰC

http://tieulun.hopto.org

thong thả phát-huy tấm lòng từ ái; thêm một ông bạn già kể những chuyện huyền hoặc vô hại về cổ thời. Thỉnh thoảng tôi ghé qua viếng thăm dĩ vãng của mình và yên lòng thấy nó cứ như thế khệnh khạng tiến về tương-lai.

Nhưng phải chi lúc nào tôi cũng được yên lòng như thế thì mối quan-hệ giữa gia-đình ông Ba-Thê với tôi đã dứt lâu rồi. Đàng này một đôi lần về ngồi trong nhà ông Ba, tình cờ gặp cơn mưa nhẹ, giọt nước rơi không tiếng không tăm trên hàng rào lá bụt dày sum-sê trước nhà, trời không gió, lâu lâu một chiếc lá mãng cầu úa vàng rớt sũng thình lình rụng xuống im lặng và nhanh như một cái xắc tuột khỏi tay một người đàn bà rơi xuống đất, vài con gà trống trên hè cử động e dè chậm rãi... những lần đó tự nhiên tôi thấy ngùi ngùi. Tôi không biết có phải khung cảnh ấy làm cho mình ý thức được cái chật hẹp, tàn tạ, ngắn ngơ của một cuộc sống biếng nhác, lây lất? hay có phải tại khung cảnh ấy đánh thức bóng dáng cô bé ngày xưa từng múa hát trong thuở ấu thời của mình?

Cảm tưởng ngùi ngùi thực là mênh mông mơ hồ, khiến tôi tưởng có thể nghi ngờ, không rõ đó có phải là cảnh sống ở đây tại nó phát sinh ra cái ngùi ngùi như thế? có phải là quá khứ của mình tự nó ngùi ngùi? hay chính là mình đang ngùi ngùi? Tôi nghi ngờ không rõ chính mình đang rưng rưng buồn bã hay là cái buồn bã ấy đã ngấm khắp quá khứ của mình.

Tôi ước được biết rõ ràng chỗ đau của mình để đặt một bàn tay lên xoa qua chỗ đó như bà Ba-Thê đã biết áp bàn tay đúng vào chỗ bụng của bà.

Nhưng khổ cho tôi, những hôm trời mưa mù trời mà nhẹ hột như thế, tôi không biết đặt bàn tay mình vào đâu.

* * *

Ngày tháng trôi qua. Tôi không kịp để ý trong khi cuộc đời hiền lành khệnh-khạng tiến về phía tương lai thì ông bác già của tôi và ông Ba Thê bắt tay chia biệt nhau từ chỗ ngã ba nào. Đến khi tôi ngoảnh lại thì mỗi người đã ra mỗi ngã.

Hồi mùa xuân năm Tuất tôi có việc ghé tới nhà, trông thấy bác tôi đã suy nhược lắm rồi. Người quên lần lần những chuyện cổ thời. Sau trận ốm dài một tháng rưỡi, mắt người trở nên lờ đờ khờ dại, da thịt teo lại, trông người nhỏ hẳn đi. Có điều đáng chú ý là người bắt đầu đổi tánh, không thích nói năng nữa. Người hoàn toàn lãnh đạm với thế cuộc. Ngay đến những chuyện xảy ra trong thành phố, có kẻ kể lại, người cũng dửng dựng ngồi nghe không thiết hỏi han. Người ta cho rằng khi các cụ già bỗng nhiên đổi tánh đi như thế là một điềm gỡ.

Cho tới đầu mùa thu năm ấy thì bác tôi hoàn toàn thành ra một kẻ dớ dẩn. Ngày ngày ăn xong, bác tôi ngồi trầm ngâm gật gù yên lặng ở một góc nhà không mở miệng. Tối đến, khi đèn điện trước Hoàng cung hí viện bật sáng và các ống loa oang oang phát ra vài câu của bài hát mở đầu là bác tôi đứng dậy, xách gậy ra đi. Có một vài tháng hí viện mở đầu đêm vui bằng bài «Gạo trắng trăng thanh», rồi vài tháng sau

http://tieulun.hopto.org

đĩa hát ấy cũ lại thay bài « Chờ em », kế đó đến bài « Tìm nhau », rồi một bài hát Tàu v.v... Đối với ông bác già Đại-Cuộc tất cả những bản hát đó đều có giá trị một tiếng kèn hiệu. Nhạc nổi lên, bác tôi tức thì đứng lên, quơ lấy chiếc mũ dạ đen đã cũ chụp lên đầu, ra đường. Người thường mặc áo sơ mi trắng và quần đen, trông hơi giống một người chệch già, đi lom khom, run rẩy.

Bác tôi đi thẳng đến Hoàng cung hí viện, trèo lên bảy bực cấp, đến ngồi dựa bên một chân cột to tướng, một tay vẫn nắm cây gậy, một tay rờ rẫm sờ nắn vu vơ hai bên túi áo thăm chừng kiểm soát vài thứ vật dụng lặt vặt. Xong, người hếch mặt trông xuống đường cái.

Hoàng-cung hí viện là rạp chiếu bóng của người Tàu. Thành phố chưa có điện, nhưng ở đây có riêng một máy điện 30 KW nên tha hồ dùng ánh sáng làm quảng cáo. Ngay trên đầu ông bác Đại Cuộc một hàng chữ Việt bằng ống nê-ông giăn ngang dài suốt mặt tiền của rạp. Lại một hàng chữ Tàu nằm dọc bằng ống nê-ông, xung quanh viền một mũi tên chỉ ngay vào rạp, hai chữ đỏ và hai chữ xanh thay nhau tắt sáng. Giăng ngang đường cái và ở hai bên hí viện có ba tấm băng vải quảng cáo cuốn phim đang chiếu, xung quanh mép băng vải treo những cái bóng điện ngũ sắc.

Trước mặt hí viện, dựa theo mỗi trụ cột dựng mỗi tấm bảng vẽ những hình quảng cáo to tướng. Như thể có khi ông bác già của tôi ngồi bên cạnh hình vẽ một gã tướng cướp đeo băng đạn ngang hông, quàng ôm ngang cổ con ngựa, tay lăm lăm cây súng lục kê lên vai ông lão Đại Cuộc, có khi bên cạnh người là một hiệp sĩ trung cổ dạng hai chân ra khoa gươm ngang đầu, cũng có khi là một cô gái chỉ còn mảnh vải che vài chỗ kín, ngã ngửa ôm ghì một đầu người đàn ông v.v.. Nhưng bất luận nhân vật bên cạnh mình là hạng thế nào, bác tôi mặc quần đen, áo trắng, đội mũ dạ đen, cầm chiếc gậy mây, vẫn một mực nghiêm chỉnh trong thế ngồi lim dim gật gù.

Xung quanh bác tôi guốc, dép, dày khua lộn xộn, vỏ hạt dưa, vỏ quít giấy kẹo rơi bừa bãi như xác pháo. Trẻ con giỡn loé choé. Những người đàn bà mặc đồ mỏng đi sát qua mặt bác tôi mà không hề bao giờ biết rằng như thể có một làn hương thơm phất vào mũi Đại Cuộc... Trên tất cả cái quang cảnh tưng bừng sặc sỡ ấy tiếng hát cang oang phát ra không ngớt từ hai chiếc loa đặt trên mái hí viện.

Bác tôi không lắng nghe nhạc, không ngắm quần áo chật, cánh tay trần, không hít mùi hương thơm, không nhìn xe hơi loang loáng lướt qua lại dưới ánh đèn. Người ngồi yên trên thềm hí viện, giữa sự tưng bừng ấy, người không hề chú ý đến cái gì. Nhưng tất cả các giác quan đều bỏ ngỏ cho sự xâm nhập tự do. Câu hát của Lâm-Đại, tiếng guốc tiếng dép, mùi nước hoa, ánh đèn chói chang, màu hạt dưa, giấy kẹo... tất cả gặp nhau trong ý thức của ông bác già

http://tieulun.hopto.org

Đại-Cuộc như khách lạ tứ xứ thản nhiên gặp nhau tình cờ ở một ngã tư đông đảo, không ai phải cất mũ ngả nón, không có một lời chào hỏi.

Và như thế ông bác già tìm được sự yên tĩnh.

Vì thực vậy, tôi tôi bác tôi lần mò đến đây chính là để tìm sự yên tĩnh thảnh thơi ! Người đến đây như một ngày mùa đông con mèo đến nằm phơi mình dưới tia nắng ấm, duỗi hết gận cốt, để thân hình mềm oặt như tấm giẻ rách, im lặng hưởng một sự thư thái biếng nhác. Bác tôi tự phơi mình dưới ánh sáng, tiếng động và quang cảnh loạn xạ rộn ràng,, để cho những cái đó làm bốc hơi tan biến khỏi đầu óc mình mọi suy tưởng lẩn quẩn, mọi ký ức vụn vặt, để cho đầu óc rỗng tuếch, bác chỉ còn là cái xác không hồn lơ mơ hưởng thú xuất thần.

Những lúc ấy bác tôi, ông bác già bảy mươi sáu tuổi tựa hồ như đứa trẻ sơ sinh : người không còn có quá khứ nữa.

Ngồi chơi một lát, ông bác già buồn buồn nghẻo đầu dựa vào cây cột, há mồm ra ngủ như đứa trẻ, mấy ngón tay thỉnh thoảng bất giác cựa quậy sờ nắn vu vơ chỗ túi áo, do một thói quen cẩn thận lắm cắm. Tiếng ồn ào không làm trở ngại giấc ngủ ấy, chỉ khi nào một đứa bé chạy giỡn lao đầu vào bác tôi, người mới giật mình thức dậy.

Đến chín giờ tối, khán giả của xuất đầu ào ào kéo về, lớp khán giả của xuất thứ hai trong đêm lần lượt vào hết trong rạp rồi, bác tôi tỉnh giấc, mở mắt ra, thấy trước thềm hí viện vắng vẻ buồn hiu, người đứng dậy ra về.

Thỉnh thoảng có hôm ông bác già để ý đến một tờ giấy đỏ xanh in quảng cáo « điện ảnh cổ sự » mà một khán giả vứt bên cạnh. Người tò mò lượm lên, lật bật xếp bỏ vào túi áo. Những tờ giấy ấy, mỗi lần giặt áo cho ông bác già, người nhà lục túi lấy ra, chọn những tờ còn tốt vuốt cho thẳng thớm, đem dán vào những chỗ hở trên các bức vách ván, và các tấm cửa bằng phên khại. Như thế dần dần khắp bốn phía nhà bác tôi người ta trông thấy toàn những thứ giấy ngũ sắc in hình minh tinh màn bạc với những giòng chữ : « Đoạn trường nhất khúc, biểu tận chân tình — Hữu huyết hữu lệ — Ca từ mỹ diệu — Cảm nhân phế phủ v.v... » Thoạt mới để ý đến sự ra đi đều đặn chuyên cần của bác tôi mỗi tối và đến cách trang trí trong nhà, hẳn có kẻ phải cho rằng người bắt đầu nghiện xi-nê vào lúc tuổi quá thất tuần, tức thị là một ông lão mà năng khiếu về điện-ảnh phát triển có phần chậm trễ muộn màng.

Giữa mùa đông năm Hợi, một độ tôi không thấy ông bác già ở trước hí-viện Hoàng-cung. Hỏi thăm mới hay người lại đau nữa. Tôi bắt đầu ngờ rằng sự đổi tánh đột ngột của người già có thể là điềm gỡ thực chăng. Sức khỏe và tinh-thần của người xuống tới mức quá thấp rồi. Từ một kẻ hăng hái, ham ăn nói, tha thiết với đại cuộc, người bỗng cảm thấy tất cả sức

http://tieulun.hopto.org

nặng của cái quá khứ ngổn ngang vì sự rắc rối của đại cuộc, người lắc đầu nhắm mắt từ chối hết quá khứ của mình. Do một linh tính may mắn xui khiến, người tìm theo tiếng loa của hí-viện Hoàng-cung lánh hưởng vài năm yên tĩnh.

Nhưng một ông già đã sống ngót bảy mươi lăm bảy mươi sáu năm có thể ngồi trên chỗ thềm cao bảy bậc cấp của một hí-viện, rũ sạch dĩ vãng, lơ ngơ nhìn xuống cái hoang vắng không tin tưởng của đời mình mãi sao ?

Ông bác già Đại Cuộc lại đau, tôi e lần này người không qua khỏi. Đề gượng bám nổi vào sự sống, người ta cũng cần đến cái sức khỏe tinh-thần.

* * *

Loại sức khỏe đó, ông Ba Thê Đồng Thời hãy còn thừa.

Hồi tháng bảy năm Tuất chị Toàn từ bên xứ quê chồng trở về được một lần. Chị mừng rỡ quá sức. Người đàn bà đó từ bé tới lớn chưa đi đâu xa bỗng nhiên qua sống bên Âu-châu gần bốn năm trời, chị nhớ quê hương, nhớ nhà cửa, nhớ bà con không biết bao nhiêu mà kể. Nhưng lòng nhớ chồng cũ thì chắc là không hề có tăng thêm. Tuy vậy ngày trở về xứ, trong cái vui mừng ba hoa của kẻ đi xa mới về, chị Toàn đối với vợ chồng ông Ba Thê như một người con dâu hiếu thảo hiếm có. Bà Ba Thê ngó qua đứa con dâu bây giờ sang trọng xinh đẹp quá, bà nhẹ nhàng kéo chị lại gần bên mình một cách thân ái. Bà nắm lấy cánh tay trần của đứa con dâu, bàn tay gầy và lạnh của bà Ba Thê ôm lồng cánh tay mơn mởn của chị Toàn rất lâu, vừa tỏ cái ý « tội-nghiệp » cuộc tình duyên dở dang ngày trước, vừa như thưởng thức một cách vô tình, lơ đãng, cái sinh-lực đẹp đẽ của người con gái.

Không biết chị Toàn xúc động về điểm nào, mà rồi cả hai mẹ con cùng sụt sùi.

Người ta cho rằng trong chuyến về xứ ấy chị Toàn đã giúp đỡ vợ chồng ông Ba-Thê một món tiền lớn. Tôi tin rằng việc đó có thật. Ông Ba - Thê Đồng - Thời còn đủ sức khoẻ tinh-thần để bầy tỏ một hoan hỉ đúng mức.

Chị Toàn lại ra đi. Lần này chị hãnh-diện và nhẹ nhõm. Một lẽ là vì trông thấy chị về đẹp đẽ và sang trọng, dư-luận của người quen kẻ biết xung quanh đã ủng-hộ chị, không còn coi cái việc gả duyên với anh lính lê-dương rồi bỏ xứ ra đi là điều bất hạnh xấu xa nữa. Một lẽ khác là vì chị đã phân phát một món tiền khá lớn, bày tỏ lòng hào hiệp rộng rãi đối với bà con thân thích, và nhất là với vợ chồng ông Ba - Thê, cho nên lương-tâm của chị sau khi mục-kích sự hoan hỉ lộ trên nét mặt những người này thì cũng vui lòng xóa hết mọi bứt rứt ân hận cho chị.

Hôm chị ra đi, ông Ba-Thê có hỏi và ghi cẩn thận địa-chỉ của gia-đình chồng chị bên nước Áo vào một quyển sổ con bằng nửa bàn tay, bìa cứng, có hai sợi dây cao-su giăng chữ

http://tieulun.hopto.org

thập, rồi xếp vào giữa cái cặp giấy cất dưới đầu giường. Chị Toàn xuất ngoại được nửa tháng, bà Ba-Thê nhỏ nhẹ nhắc chồng viết thư thăm chị, kẻo tội nghiệp. Ông Ba-Thê deo gương lên ì ạch viết xong lá thư, lấy sổ, gỡ các sợi dây cao-su ra kêu « tách, tách », để phong-bì gởi đi. Thư gởi đi thì dày mà hồi-âm thi thưa thớt lắm. Cho đến cái lần ông Ba-Thê bạo tay viết một câu yêu cầu giúp đỡ về tiền bạc thì chị Toàn mất lặn.

Rồi sau bà Ba-Thê có nói với tôi về sự bặt tin đó. Bà ta thở dài, ngụ ý trách móc phàn nàn. Tôi cũng thở dài : lại thêm một người nữa trong bọn dứt khoát giã từ quá-khứ. Chị Toàn đã trở về một lần, đã đền ân đáp nghĩa đầy đủ rồi, chị hóa ra nhẹ tênh tênh. Chị đi lần thứ hai như quả bong bóng khinh-khí bay bổng lên cao. Ông Ba-Thê chỉ giữ một sợi giây liên-lạc mong manh như sợi chỉ mành nhỏ xíu, ông trót nóng nảy bạo tay giật mạnh sợi chỉ mành đó : dây đứt, quả bong bóng mất lặn vào trời xanh bát ngát !

Mất một người nữa, nhóm chúng tôi sa sút thêm, còn lại thỏn mỏn quá, quá-khứ của chúng tôi gẫy đi nhiều quá ! Trong tình-trạng thỏn-mỏn gẫy gò ấy, ông Ba-Thê lần hồi gắng gượng, và cuối cùng ông ta tìm ra nguồn hứng-thú trong cuộc sống mới. Ban đầu ông ngại ngùng, mang một mặc-cảm tội-lỗi đối với chính-thể mới, cho rằng mình đã ba-hoa mồm mép quá nhiều trước kia, thì bây giờ tốt hơn là mình nên dè dặt. Ông ta vẫn ham tiếp tục bàn tán về thời-sự như nhiều kẻ ham bàn tán về các cuộc đấu quyền anh, nhu-đạo, đá banh v.v... nhưng đối với các nhân-vật trong chính-quyền mới ông Ba-Thê đặc-biệt cung-kính trong cách xưng hô : « ngài thủ tướng « ngài tổng trưởng » « ngài tỉnh trưởng » « cụ-ty công chánh », « cụ ty công an v.v... » Vướng víu vì sự cung kính đó, các cuộc đàm luận của ông Ba Thê mất đi nhiều hứng thú lắm.

Phải chờ thời gian một đôi năm trôi qua, ông ta mới dám bạo dạn thưởng thức quyền tự do của mình. Vì ngày nào cũng nói đến các nhân vật cao cấp, dần dần ông Ba-Thê cảm thấy mình nhích tới quá gần các ông tổng trưởng lúc nào không ngờ ; bây giờ trong khi luận bàn thời sự ông Ba Thê thân mật kêu các vị tổng-trưởng, giám đốc là « va », là « giã », là « y ». Chẳng hạn ông ta nói :

— A ! giám đốc nha canh nông há ? Ông thân sinh ra « va » hồi trước có làm án sát tỉnh nầy mà. « Va » thông minh có giòng, tôi biết. « Va » lanh lợi lắm. Nhưng « va » có chị vợ ghen quá trời... Ha ha... Ghen « te-rip » !

Hoặc là — Luật trừng trị mạo hóa à ? anh tổng trưởng này muốn « chơi » bọn Hoa-Kiều làm rượu giả đó mà, tôi biết ý « giã » rồi. Nhưng « giã » không làm gì trị nổi gian thương đâu. Để rồi coi. « Giã » thiếu kinh nghiệm.

Cứ nghe ông Ba-Thê nói, người ta tưởng ông ta có thói quen hay bá cổ vít vai các ông tổng trưởng trong chính phủ. Kỳ thực không có như thế : nếu

http://tieulun.hopto.org

những vị ấy là « se-a-mi » của ông ta thực thi việc đầu tiên ông ta làm sẽ là gửi đi một tấm danh thiếp chứ không phải là xưng hô thân mật.

Ông Ba-Thê cứ như vậy, mỗi ngày mỗi bạo dạn và tự do lần lần. Ông ta sổ sàng với các nhân vật cao cấp không thấy có gì trở ngại, ông ta bèn sốt sắng xông đến các chính sách, len lỏi vào các dinh cơ để moi tìm những thâm cung bí ẩn. Đối với mọi chính sách, mọi quyết-định của chính phủ, ông Ba Thê có cái khiếu giỏi tìm ra những chỗ ý ngoại, và lấy làm đắc ý tới nỗi ông ta không sao cầm lòng được, phải chạy đi kiếm người nghe mình trình bày. Theo sự trình bày của ông Ba Thê, phía sau mọi chủ trương mọi quyết định đều có những lý do rất ít khi tốt đẹp và những câu chuyện ly-kỳ. Thường thường người ta hay có dụng ý « chơi » nhau và bao giờ cũng bị ông Ba Thê thấy rõ ý-định của họ như ban ngày. Người ta cũng hay mưu mô thủ lợi, nhưng rồi ông Ba Thê cũng vạch được mưu mô của họ dễ như bỡn. Chẳng hạn chủ trương giảm đi một đoạn đường sắt là có một nhân vật muốn nâng đỡ vài công-ty bán xăng, « va » có ý cho xe hơi chạy thay thế xe lửa để tiêu thụ thêm nhiều xăng. Chẳng hạn ông phó tỉnh trưởng ở tỉnh này đổi đi tỉnh kia, đó là vì bị bên đoàn thể họ « chơi » rồi ! Đầu đuôi nhân một hôm ông phó tỉnh trưởng với ông chủ-tịch đoàn thể cùng đi bắn le le, ông này tỉnh cờ nói thế này, ông kia nói thế kia, rồi trong bữa tiệc nọ, ông này lại nói, ông kia lại nói, v.v...

Cứ thế họ chơi nhau. Và ông Ba-Thê thì biết ý cả. Việc nước trăm sự rắc rối là như thế.

Ông Ba Thê mang vào sự luận đàm thời thế của ông cái đam mê của người theo dõi một ván cờ tướng. Cho nên lắm khi ông ta nhấp nhổm muốn can thiệp vào lắm. Có lần ông tỉnh trưởng quyết định đuổi đi mười mấy cái nhà cất bất hợp pháp để nới rộng bến xe, tức thì ông Ba - Thê tìm ra lý do ngay :

— Anh tỉnh trưởng này khôn thiệt. « Y » mở rộng bến xe « y » có lợi. Phía tây bến xe còn một khu đất trống, « y » định cất lên một căn phố, dưới mở tiệm ăn trên làm phòng ngủ. « Y » đuổi mấy cái nhà phố bất hợp pháp bên này thì khách hàng dồn cả sang phía của « y ».

— Nhưng ông ta đã cất phố đâu ?

— «Y» sẽ cất chớ, « y » dại gì không cất ? Mình tính còn ra, « y » lại không trù tính ra à ?

— Có thể ông ta không sẵn tiền, hoặc ông ta dùng vào chuyện khác, hoặc ông ta sợ mang tiếng.

— Thì « y » để cho vợ đứng tên chớ. Tôi biết mà, thế nào y cũng cất phố chỗ đó. « Y » sẽ cất.

Ông Ba-Thê ghét lối suy tưởng vẩn vơ, ông cho mình cứ tính như thế là phải đúng cái thâm ý của « y », và lấy làm đắc ý.

Rồi kể đến các chủ nhà bị đuổi kêu nài. Ông Ba - Thê chăm chỉ theo dõi thái độ hai bên. Ngày nào ông ta cũng sang các nhà láng giềng bàn luận,

http://tieulun.hopto.org

phân tách lý sự phải trái của bên đuổi đất và bên bị đuổi. Cho đến một hôm ông ta nghe nói mấy người chủ nhà có viết cái đơn nhờ đăng trên nhật báo để xin cứ ở lại chỗ cũ. Ông Ba-Thê đi tìm mượn tờ báo về đọc, tấm tắc khen ngợi, và mang đi cho mọi người xem. Ông Ba-Thê quyết định đứng hẳn về phe chủ nhà. Ông ta đi ra phố, đến tận bến xe, rồi trở về bảo với người này người kia rằng:

— Tôi đã trông thấy anh chủ tiệm vải Hòa-hưng, và cầm đầu hết thảy mười mấy người chủ nhà bị đuổi. Tay nầy cứng. Coi bộ va rành lắm. Nhất định va biết đường kêu. Nghe nói va đã gửi thư bảo đảm tới quốc hội, đồng thời tới bộ nội-vụ, tới thủ tướng. Va còn mướn luật sư. Thằng cha cứng đầu « te-ríp ».

Bà Ba-Thê nghe ông ta tiếp tục bênh vực ông Hòa-hưng, mà công kích phía đuổi đất mạnh quá, bà lo ngại nhắc nhở:

— Ông liệu lời nói cho dè dặt một chút, kẻo động thời thế...

Lúc đầu ông Ba-Thê cũng có phần e-dè, nhưng về sau ông cứ cọ xát mạnh vào thời thế, cứ động chạm bừa vào nó mãi mà vẫn không thấy gì, ông ta bèn say sưa với sự tự do. Ông ta bàn luôn tới cả những sự cải tổ chính phủ, tới tình hình kinh-tế, quân sự v.v...

Vào khoảng một vài tháng ông Ba-Thê lại thi thào báo cho mọi người biết một dự định cải tổ chính phủ. Toàn là những dự định còn giữ kín. Anh giám đốc này sẽ thay anh đồng lý kia, cụ nhân sĩ này sẽ ra đời tham chính, nhà cách mạng lão thành ôn đặt điều-kiện... Những cải-tổ gấp rút ấy lúc thì do Mỹ nó đòi, lúc thì do Pháp nó đề-nghị, lúc thì do « tình thế đặc biệt ». Cứ thế không mấy khi ông Ba-Thê chịu để cho chính-phủ yên thân được ba tháng liền. Lần nào cải tổ gấp quá, đột ngột quá, ông Ba-Thê nóng ruột không thể ngồi nhà chờ bạn bè tới để báo tin, phải đi thăm hết người này tới người khác, hấp tấp vất vả. Trong sự tích cực sốt sắng ấy có một bi quan ghê gớm. Ông Ba-Thê bĩu môi lắc đầu nói về các nhân vật chính-phủ: anh này rung rinh, anh kia lung lay, anh nọ bấp bênh... Và ông ta giơ lên một ngón tay đe dọa. « Chuyến này thì là thay đổi lớn nhé! Thay đổi căn bản đấy nhé! »

Ngừng một lúc lâu ông Ba-Thê chợt chép miệng mơ màng. « Te-rip! te-rip! » Tiếng kêu như dư vang vọng lại của cơn bão tố khủng khiếp đã qua. « Te-rip » là tiếng thông dụng của một thời kỳ mới, chuộng những cái gì giật gân.

Tuy vậy, sau mấy mươi lần ông Ba Thê tiên-tri, căn bản chính-phủ vẫn y nguyên mà ông ta cũng không hay tự ngờ vực mình. Ông Ba Thê cứ tiếp tục tỏ ra vô cùng tinh nhạy trong cảm xúc về thời thế, ông ta cứ đánh hơi đoán trước mọi biến chuyển rất xa xôi, tình hình. Sống gần ông Ba-Thê thỉnh thoảng người ta lại bắt gặp một cơn sốt của thời thế.

Ông Ba Thê như cái lá mỏng mỏi mỗi ngọn gió nhỏ phất qua đều làm cho nó lay động run rẩy. Và điểm quái dị

http://tieulun.hopto.org

là nó tìm thấy khoái trá trong sự run rẩy ấy. Những lúc ông Ba Thê lắc đầu kêu lên : « Chán ôi là chán, rồi còn thay đổi lớn, rồi còn xáo trộn nữa ! » người ta thấy rõ ràng cái bi quan của ông, nhưng đồng thời người ta cũng thấy ông thiết tha với nó hết sức.

Hai mươi năm về trước trong sự nhàn rỗi quanh năm ông Ba Thê chỉ thèm xem hát, thèm chọi gà, và đánh bạc. Cuộc chinh biến và những năm loạn ly đã tập cho ông chú ý đến một khuây khỏa mới : thời thế. Và ông Ba Thê đâm ra nghiện thời thế. Ông Ba Thê Đồng Thời nghiện thời thế giữa lúc ông bác già Đại Cuộc nghiện xi-nê ; trong buổi xế chiều của cuộc đời mỗi người bạn phác lộ rõ một xu hướng tinh thần !

Duy đối với ông Ba Thê, suốt mấy mươi năm, có một điều không thay đổi là « thời buổi bây giờ » kinh-tế vẫn khó khăn. Mặc cho những thay đổi căn bản, vẫn chưa phải là thời buổi ra tay làm ăn được.

Những buổi chiều ở nhà ông Ba Thê, lúc trời chạng vạng tối, bà Ba Thê trăng trắng đứng ở trong cùng gian phòng sờ soạng chậm rải chùi cái bóng đèn, cô cháu gái đi chợ về muộn lom khom bên bếp lửa rang một mớ tép khô bay lên mùi khen khét, trong lúc ấy ông Ba Thê xếp cả hai chân lên võng đưa kẹt kẹt loáng thoáng trong bóng tối nhá nhem, tiếp tục nói hăng về thời thế, về các « giã » các « va », về những biến đổi vô thường rất hấp dẫn kích thích của tình hình... với một vài người khách ngồi trong phòng, trông không còn rõ mặt. (Trong sở cũng có ít nhiều người khách tới lui vì cô cháu gái ông Ba-Thê đang còn chê chồng.) Phía bên ngoài hàng rào dâm bụt thỉnh thoảng một chiếc xe gắn máy đã cũ lướt qua, tiếng nổ gắt gỏng nóng nảy tạt rẻ vào giữa câu chuyện của ông Ba Thê trong phòng.

* * *

Bác tôi chết vào cuối mùa đông năm Kỷ Hợi ấy. Tôi không biết bác tôi chịu rửa tội đi đạo từ lúc nào, mãi đến khi bác chết, trông thấy lễ-nghi tống táng tôi mới hay.

Khi quan-tài bác đưa tới nhà thờ làm phép xác tôi có thầy ông Ba-Thê đến dự, và ông ta cũng tỏ vẻ ngạc nhiên như tôi.

Sáng hôm ấy, vì chủ-chiếc xe vận-tải hạng nặng thuê chở quan - tài có lãnh một mối chở gạo đi Pleiku nội trong ngày nên vội vàng đưa bác tôi đến nhà thờ quá sớm. Mới bảy giờ, quan-tài đã đến trước sân nhà thờ. Người tài-xế lùi xe vào tam cấp hơi quá trớn một chút, tấm ván cửa phía sau xe mở lật xuống, chạm vào bậc cấp xi - măng, kêu lên một tiếng lớn, khô, như tiếng gỗ bị đập vỡ. Người lơ vừa khoa tay ra dấu vừa la lên ; tiếng la to vang lên đột ngột, tự-do, đem cái không-khí hoạt-động vô - tình của chỗ bến xe vào trong khoảng sân rộng và vắng của giáo-đường.

Quan-tài khiêng xuống. Những cây nến cắm trên mặt hòm ngã xuống, tắt cả. Các cây nến tiếp nhau ngã trên mặt

http://tieulun.hopto.org

quan-tài nghe cộp cộp, ghê rợn. Quan-tài xuống khỏi xe rồi, trong chiếc xe « poa lua » rộng lớn chỉ còn lại người vợ bé của bác tôi, già và gầy, mặc tang phục trắng toát, đứng nghẻo đầu, toát mồm ra, khóc ngất không ra tiếng, thành một hình tượng rũ rượi kỳ dị trong xe

Mấy người phu khiêng quan-tài vội vã đi vào nhà thờ. Nhưng một thầy câu chạy ra ngăn lại, lùi quan - tài ra trước cửa, chờ linh-mục ra làm lễ.

Độ năm bảy cậu học trò của trường tiểu-học bên cạnh nhà thờ, đi học sớm, ban đầu rụt rè chụp ắn cái mũ trước ngực, dừng lại dưới tam cấp, tò mò đứng nhìn. Một lát sau, bạo dạn lấn và tụ tới đông lần, xúm nhau giỡn xung quanh chiếc xe.

Gần bảy giờ rưỡi quan - tài mới được đưa vào trong nhà thờ. Cùng với mấy kẻ thân-quyến và một số giáo dân đến đọc kinh mai, tôi quỳ xuống một chiếc ghế, giữa ngôi giáo-đường cao rộng thênh thênh và mát rợi. Những nét mặt yên lành kính cẩn, tiếng đọc kinh rền rền đem đến một cảm-tưởng thanh-thoát, yên ủi, trần tĩnh. Chiếc quan - tài phủ giấy đen choáng một chỗ nhỏ dưới nền, giữa ngôi nhà thờ cao vút ; cái chết như thu nhỏ lại, như tự xóa đi giữa lễ nhạc trang trọng, mực thước, êm đềm. Cái chết lấy lại bình - tĩnh và thản-nhiên.

Tôi ngẩng đầu lên, đưa mắt lần lượt nhìn từ những ngọn nến trên bàn thờ hai bên tượng Đức Mẹ, cho đến cái ánh sáng buổi mai rực rỡ qua những tấm kính cửa màu vàng và xanh, đến hai ba con se sẻ đuổi cắn nhau kêu chách chách dưới vòm nhà thờ... tôi ngẩn ngơ, quên lảng, không nghĩ kịp trong cái chết của bác tôi có gì đáng khóc.

Khi chúng tôi ra khỏi nhà thờ, nắng đã bừng sáng lên khắp các mái ngói của thành phố. Chiếc xe « poa-lua » đi tới nghĩa-địa hơi vội vã. Số thân-quyến theo xe đưa bác tôi ít bớt lắn. Đến huyệt chỉ còn lại năm người.

Lúc trở về, trời đã nắng gắt. Tuy còn là mùa đông mà đã thấy nóng. Tôi dừng lại bên đường, rút khăn lau mồ hôi rơm rớm trên trán, và uống một ly nước chanh. Vừa đưa ly lên môi tôi nghe một giọng nói quen quen sau lưng, ngoảnh lại, và thấy ông Ba-Thê đang hoa tay kể chuyện ông quốc-trưởng mới vừa cho một chiếc máy bay trực thăng ra thẳng Côn lôn rước một chính khách bị lưu đày ngoài đó về gấp để bàn suốt một đêm, chuẩn bị cải tổ quan trọng. (Dẫu sao như thế cũng không có gì hoang đường hơn là việc mài xương ông Bảo-đại).

Tôi mời ông Ba-Thê một ly nước chanh.

Trong khi ông Ba - Thê đứng bên cạnh, đội chiếc mũ cối vành rộng và mỏng, kiểu rất xưa, nhưng đánh phấn trắng toát, trong khi ông ta khuấy cái thìa trong ly nước kêu lanh canh trong trẻo, tôi nheo mắt nhìn ánh sáng nhấp nhánh trên mặt nước biển xanh ngắt.

* * *

http://tieulun.hopto.org

Ông Ba-Thê và tôi, chỉ còn lại chừng ấy. Tất cả cái dĩ vãng kéo từ thuở tôi đứng mấp mé ngoài hè nhìn trộm Loan làm Điêu Thuyền, đến những ngày thấp thỏm theo sự thăng trầm của hai chiếc bố, những ngày nằm rừng và chịu bắn giữa lưng đèo... cho đến ngày nay, mỗi ngày mỗi gầy sút, rốt cuộc chỉ còn lại được vài người không nghĩa lý : ông Ba-Thê vẫn là một... kẻ ăn xin bằng danh thiếp như từ đầu chí cuối, và tôi, từ đầu chí cuối vẫn quẩn quít xung quanh thân thể một kẻ ăn xin. Và đến nay thì tới lượt tôi sắp rời bỏ Q.N. Hai chúng tôi nhờ ông Sáu mà lại có cơ hội gặp nhau trịnh trọng giữa mâm rượu.

Vậy thì chiều hôm ấy chúng tôi cùng đi P.M bằng ghe, có đem theo chú Tư Tái, y như lời ông Sáu.

Ra khỏi bờ chừng nửa cây số, chưa có cá gỏi, chưa có hàu, nhưng ông Sáu đã đề nghị mở rượu ra bắt đầu nhắp từng hớp trong khi chờ đợi. Ông Ba-Thê không phản đối, lại cho rằng có thể cắt thơm ra nhấm với rượu cũng không đến nỗi dở. Chúng tôi có mời Tư Tái thử một hớp. Chú ta dìa cả hai tay về phía chúng tôi, làm dấu xô chén rượu ra. Tôi ép :

— Chú nhấp một chút cho ấm đề rồi chuẩn bị lặn xuống lấy hàu.

Tư Tái giải nghĩa :

— Mời thầy, xin mới thấy dùng trước. Em chưa dám đâu : gỡ hàu phải cho khéo léo, mà có rượu vào thì nó sinh ra dạn tay. Cho nên uống rượu gỡ hàu thường bị đứt tay. Để rồi em gỡ có hàu xong, lên ăn nhậu một thể.

Ông Sáu mau mắn, tán thành :

— Thằng Tư nó nói trúng. Thôi để dành phần nó lại sau... với lại tôi biết tánh nó không uống *ược* mấy *âu*.

Tư Tái quét ngang qua mặt ông Sáu một cái nhìn khinh thị, rồi khoanh tay ngồi ngó lảng ra ngoài khơi, không nói nữa. Thằng bé Thành con ông Sáu, một mình cầm hai mái chèo ngang, chiếc ghe lúc la lúc lắc tiến chậm chạp trên một mặt biển láng gió dọc theo bờ gành bên phía Mũi Đèn. Những lúc dứt câu chuyện, tôi để mắt hững hờ nhìn từ con nha mầu xám tro lông khỏng trên hai chân vàng vàng, đi len lỏi giữa những tảng đá lớn chạy đoi ra mé nước, đến những con cò đen đứng cao nghều nghệu trên đá hoặc bay sà trên mặt nước, đến những đàn cá đối nhảy vượt lên trên sóng, sáng ánh lên dưới nắng chiều chiều xiêng v.v

Ghe ghé vào bờ, Tư Tái nhảy xuống nước gỡ hàu. Cứ một lúc chú ta lại trồi lên thở phì ra một cái mạnh, vung vung cái đầu để rảy nước, ném lên cho chúng tôi một nắm hàu rồi lại hụp xuống. Ông Sáu lăng xăng chăm chỉ như bất cứ lúc nào có món ăn. Thằng bé Thành chạy lên ngọn hải đăng mời ông Tám xuống. Cuộc ăn uống bắt đầu uể oải, hàu thì ít quá không kịp để ăn, chuyện đi chuyện ở lạt lẽo quá không có gì sôi nổi. Rốt cuộc ông Sáu nóng nảy đón một chiếc sõng đang chèo vụt vụt chở cá về Q.N để bán, hỏi cá trống không có, ông đành

http://tieulun.hopto.org

mua một con cá thu, luộc qua cuốn với bánh tráng kẹp rau thơm. Lúc bấy giờ Tư Tái hết sợ đứt tay, cũng trèo lên ghe nhấp rượu.

Tuy nước da chú thợ lặn trẻ tuổi ấy đặc biệt tái ngắt, nhưng chỉ có hai chén rượu nhỏ là đủ làm cho nó đỏ ửng lên. Chú ta bắt đầu nói huênh hoang về tài lặn tám sải nước của mình. Ông Sáu lại tỏ ý ngần ngại, toan bảo Tư-Tái bớt rượu lại. Lần này chú ta cự liền :

— Bác Sáu ! Em giận bác đó. Bác sợ em say sưa, nói nhảm trước mặt mấy thầy đây phải không ? Bác yên trí. Em là người biết phải. Càng uống càng biết phải. Nói vậy cho quý thầy với bác biết chừng.

Ông Sáu bật cười, dễ dãi. Chúng tôi đồng ý cứ để cho Tư-Tái tự do. Đám ăn uống do đó mỗi lúc một huyên náo dưới chân gành, lôi cuốn chúng tôi vào một không khí cởi mở khá thích thú.

Tiệc tàn, ông Sáu, ông Ba-Thê và tôi cùng kéo nhau lên nhà ông Tám tận trên mỏm núi. Đường đi ngoằn nghèo quanh co và dốc ngược quá. Trèo lên đến ngọn núi thì vừa thấm mệt.

Mặt trời đã lặn. Dừng lại trên một quãng đường núi đầy đá dăm lởm chởm, dưới chân ngọn hải đăng, nhìn ra trời nước ngui ngút mịt mù, tôi tự nhiên buồn dịu dàng.

Vài chiếc sõng nhỏ chòng chành trên sóng nhấp nhô ; đó là những chiếc sõng chở cá từ bến Sơn Châu qua Q.N. bán, đang vòng quanh Mũi Đèn để trở về. Một con chó rài đứng trên mỏm đá cao đầu gành sủa văng vẳng xuống bể rộng bốn bề. Tôi có cảm tưởng như là một Tù Thức xa trần thề đã lâu năm, nghe tiếng chó sủa tiếng gà gáy, nhớ về thôn xóm rất xa xôi. Tuy vậy mà Q.N. của tôi chỉ cách có một eo biển hẹp. Tôi có thể nhìn thấy Q.N. với khói chiều tỏa lên xanh mờ mờ. Tôi có thể phất tay vẫy chào Q.N. được, mà Q.N. đối với tôi như đã là dĩ vãng. Phất tay vẫy chào Q.N. như là vẫy chào một dĩ vãng đang lùi xa.

Cũng trong cái ảo-tưởng thoát trần của một lúc đứng cheo leo ngoài đảo hoang, tôi thương hại dịu dàng tất cả những suy mê khổ sở cùng những ngày chán nản của tôi ở Q.N., những hăng hái quờ quạng và sự ngơ ngác thất lạc của bác tôi trong bao nhiêu năm, tôi thương hại số phận của người nầy người khác... Và tôi thương cả ông Ba-Thê với tất cả những bôn chôn rạo rực vô lối về thời thế của ông ta : thời thế chuyển mạnh trên đất nước như giòng nước sông trôi, và những chiếc lá mục bết bùn ở dưới đáy sông cũng cựa quậy ve vẩy. Tôi thấy lòng dịu dàng thương cả sự ve vẩy vô bổ của ông Ba-Thê trước thời cuộc.

Cuối một quyển tình nào đó truyện của Tourgueniev, cô con gái xinh đẹp Zinaïda từ từ cúi xuống đặt môi hôn lên cái dầu roi của một người tình nhân già quắt mạnh còn in rõ trên cánh tay cô ta. Tôi tưởng như mình cũng đang cúi hôn lên cái dĩ vãng gồm toàn những chuyện đau lòng, ngớ ngẩn.

http://tieulun.hopto.org

Vừa hôn vừa ngạc nhiên không hiểu sao mình làm như thế.

Gió chiều thổi mạnh làm cho mọi người nôn nao chơi vơi. Ngọn đèn pha trên đầu chúng tôi đã chiếu phóng ra ngoài khơi tồi đennhững tia ánh sáng



vàng tai tái. Ông Tám lên tiếng mời mọi người bước vào nhà.

Và đến khi chúng tôi cáo từ vợ chồng ông Tám trở lại ghe thì Tư Tái đã uống hết cả rượu trong chai, đã đánh rơi một cái dao xuống nước, đập vỡ mất một cái ly, đang cãi cọ om sòm với thằng Thành. Chúng tôi an ủi « người biết phải » mấy câu, và chèo ghe trở về Q.N.

* * *

Ông cụ Hoa - lan chọn cho tôi một ngày tốt đẹp dưới ảnh hưởng của sao Trương, một ngày nên làm nhiều việc : hội hữu, xuất hành, nạp tài, di cư, nhập thương, an môn, tu trù, tác táo v.v...

Vậy thì một ngày « Trương tinh chi nhật », vào giờ dậu có in bằng chữ đỏ kỹ càng trên quyển lịch Ngũ kinh đường của ông cụ Hoa-lan, chiếc đầu tầu Diesel huýt lên một tiếng ngắn, tôi bắt đầu xuất hành, rời bỏ Q.N đi làm ăn một nơi xa. « Nghi tác táo, nghi an môn », dựng nhà cửa bếp núc như thế không ngấm có nghĩa là có thể lập nên một cuộc đời mới rồi sao ? Tôi sẽ lập lại một cuộc đời khác, tôi mong sẽ sống một giai đoạn mới mà thời cuộc lạnh lùng không vung vẩy làm tan tác lần lượt ở dọc đường, ngay dưới mắt mình, những cuộc sống có liên hệ để làm mủi lòng mình ; tôi mong sẽ tránh được khuất mắt những ve vẩy hèn mọn bất lực trước cuộc đời luôn luôn xao động....

Tôi sẽ... tôi sẽ... tôi sẽ thoát khỏi « thời buổi bây giờ », tôi sẽ không kéo dài mãi hôm nay nữa, tôi trịnh trọng bắt đầu ngày mai.

11 - 60

VÕ - PHIẾN

http://tieulun.hopto.org

HOA và HỒN

Tôi quá yêu bông hoa hường mới nở
Ôm tương lai ấp quá khứ trong lòng
Một chút tim làm thương nhớ mênh mông
Cho hé mở cả một trời tưởng niệm
Và một chút hồng bình minh xao xuyến
Ôi ảnh hình của thế giới mai sau
Hoa và hồn nào có khác chi nhau
Hồn tôi cũng ấp ôm màu vũ trụ
Chút tim thoảng hương chút hồng hé nụ
Đó là màu hiện tại phải chăng em
Tôi nghe trong lòng hiện tại ca lên
Khúc tưởng niệm hợp hòa lời hy vọng
Nét hiện tại còn chăng tơ kết võng
Nối tương lai với quá khứ vô cùng
Màu của hoa hường vô thủy vô chung
Tiếng của hồn tôi bất khai bất tận

TRỤ-VŨ

Linh-sơn tự 60

http://tieulun.hopto.org

PHAN-VĂN-TAO



LÀM VĂN NGHỆ

— « CHÚNG mày ra hết cả ngoài kia đi ».

Văn xua hai tay đuổi lũ con ra phòng ngoài dáng điệu nóng nẩy. Thằng Long, con Bích, nhặt vội nhặt vàng những đồ chơi chúng đang bày la liệt trên mặt đất, vài cái lọ thủy-tinh, mấy cái hình bìa cứng, rồi kéo nhau đi chỗ khác, vừa đi vừa quay lại nhìn bố, nửa ngơ ngác, nửa thất vọng.

Phải có cái gì quan-trọng lắm Văn mới nghiêm nhặt với con như vậy. Ngày thường chúng nó muốn quấy phá thế nào anh cũng mặc. Nhưng hôm nay mà chúng đùa nghịch bên anh thì không xong. Lý do là anh đang sáng-tác văn-nghệ.

Không hiểu tại sao Văn lại nẩy ra ý định viết truyện ngắn. Ý đó lúc đầu lướt qua óc anh như một cơn gió thoảng. Nhưng dù chỉ là đi qua, gió đã để một cái gì ở lại như một thứ phấn hoa được đặt vào nhụy cái. Từ đó cái mầm văn-nghệ thỉnh thoảng lại cựa mình. Câu truyện ngắn mà Văn ủ ấp mỗi ngày một lớn lên, một rõ ra. Văn như một nhà kiến-trúc đứng trước mảnh đất hoang mà đã nhìn thấy các đường

http://tieulun.hopto.org

nét ngôi nhà định xây, cách sắp đặt các căn phòng, lối sinh-hoạt của những người sẽ tới ở. Văn tưởng chừng như sờ mó được những nhân vật trong câu truyện anh đang xây dựng, nghe thấy tiếng họ nói, sống hẳn những cảm giác của họ. Càng ngày những nhân-vật đó càng cồng kềnh, dẫy dọng y như một cái thai đến ngày đến tháng sắp lọt ra khỏi cái bụng ỏ ẻ.

Ý định sáng-tác ám ảnh anh, dằn vặt anh đến một độ không chịu nổi. Anh không ngờ cái nhu cầu tinh-thần đó mà có thể làm anh quằn quại đau đớn đến cả thể chất. Anh phải viết thì nó mới nhẹ đi, anh nhất định viết rồi đấy.

Nhưng mà lạ thế ! Cảm hứng tưởng đã là rồi rào súc tích, thế mà sắp cầm đến bút lại thấy nó mong manh, chơi vơi như sắp bay đi đâu mất hết. Bây giờ chỉ một cái cửa đóng mạnh, một tiếng còi xe hơi cũng đủ làm vụt biến đi cả cái công-trình kiến-trúc trong óc anh chẳng khác gì mấy vòng khói thuốc lá bị loãng tan trong cơn gió.

Anh đã đuổi hết con cái đi rồi mà ngồi vào bàn viết, anh còn phải đưa hai tay lên ôm lấy đầu ghì giữ lại trong óc mấy cái hình ảnh mông lung. Rồi thế vẫn còn chưa đủ, anh lùa mười ngón tay dưới mái tóc, soắn chặt lấy tóc vào ngón tay như muốn níu lại áo một kẻ sắp bỏ ra đi.

Chật vật như vậy anh mới viết được vài giòng. Chị Văn ở dưới bếp đi lên, rón rén qua chỗ anh, khẽ liếc nhìn chồng, con mắt vừa âu yếm vừa khâm phục.

Hơn một tuần nay, đã nhiều lần anh cho chị biết ý định sáng-tác của anh nên về mặt đăm chiêu xa vắng của anh không làm chị ngạc nhiên.

Chị ra phòng ngoài lăng xăng tìm kiếm cái gì không biết rồi lại lẳng lặng xuống bếp. Một lát sau chị mang vào bên anh một đĩa khô mực và một ly rượu bia, bọt sủi chung quanh miệng đá mát lạnh. Anh Văn, mắt vẫn không rời tờ giấy trước mặt, đưa tay ra lấy một miếng khô mực bỏ vào miệng chẳng nói chẳng rằng, hình như việc vợ phải chiều mình như thế là chuyện dĩ nhiên. Anh cầm ly bia lên, ngả người về đằng sau, uống một hơi dài rồi vừa nung đùi vừa đọc lại mấy câu anh vừa viết. Tự nhiên anh thấy giọng văn anh có một âm điệu gì rất êm tai. Anh gọi vợ lại gần :

— Thử nghe đoạn này có được không ?

Anh đọc xong, chị tấm tắc :

— Hay !

Anh nói thêm :

— Được đấy chứ. Còn khô mực cho tôi một đĩa nữa.

Và anh lại cắm cúi viết. Tối đến mới xong có hai trang. Anh đưa vợ coi rồi giảng với một giọng say sưa :

— Nếu viết truyện ngắn mà chỉ là kể một câu chuyện thì dễ quá. Ít nhất mình phải nói lên được một cái gì. Ít nhất mình phải là nhân chứng thời đại mình đang sống. Đối với những thế hệ sắp tới, sáng tác của mình phải chứa đựng một thông điệp.

Anh còn nói nhiều nữa. Chị Văn chỉ hiểu lơ mơ văn nghệ còn là một cái gì khác hơn là viết văn.

Có đêm anh đang ngủ, bỗng nhỏm dậy, bật đèn lên, nắm vội lấy cái bút chì, nguệch ngoạc vài chữ trên xếp giấy đặt sẵn ở đầu giường, rồi lại tắt đèn đi, nằm xuống.

http://tieulun.hopto.org

Âm ạch như thế trong một tuần lễ, anh viết xong truyện ngắn của mình, và lúc bấy giờ mới chợt nhậu thấy anh chưa đặt tên cho nó Chị Văn lại được anh hỏi ý kiến nhiều lần :

— Thế nào « Hiu quạnh » hơn hay là « Một tâm hồn » hơn ?

Anh thấy tên nào cũng hay, bỏ tên nào cũng tiếc, sau cùng anh chọn ghép cả hai tên lại và đặt truyện ngắn mình là : « Một tâm hồn hiu quạnh ».

Anh nắn nót viết tên đó lên khoảng trống anh vẫn chừa ra ở trang nhất rồi chua thêm ở dưới một giòng chữ nắn nót hơn : « truyện ngắn của Hoàng Mai ».

Bút hiệu này anh chọn đã lâu rồi. Ngay từ lúc anh chưa viết lách gì anh đã nghĩ sau này nếu có dịp nào sáng tác nhất định sẽ lấy tên Hoàng Mai làm bút hiệu. Hoàng Mai là tên làng anh. Chỉ có cách đó là trả được món nợ tinh thần của anh đối với làng cũ.

Văn nâng tập truyện ngắn lên ttong hai tay, khẽ lật từng tờ rồi lẩm bẩm :

— Mười lăm trang chứ có ít đâu.

Khó lòng mà tả được sự kiêu hãnh của anh khi đó. Chính Văn cũng không rõ nó như thế nào chỉ biết là nó n.ênh mang tràn ngập. Anh thấy anh đã thoát khỏi con người nhỏ mọn hàng ngày và đã vượt tới một bực mà người thường không dễ đến nơi. Anh cất tiếng gọi, giọng vang lên như một lời ca :

— Mẹ con mày lại cả đây.

Chị Văn, thằng Tùng, thằng Long, con Bích đã từ một tuần nay chịu đựng sự lầm lì của anh, nay thấy anh cởi mở như vậy, chạy ùa lại bâu quanh anh.

— Đọc cho mẹ con mày nghe nhé.

Mấy đứa nhỏ chờ đợi cái gì khác hơn là một sự bình văn nên không tỏ vẻ hào-hứng. Chị Văn một tay ôm lấy con gái, một tay khẽ để lên vai chồng, đứng nghe chăm chú.

Có những đoạn anh dằn từng tiếng một rồi hất hàm hỏi vợ :

— Có nhận thấy dụng ý của mình không ?

Vợ khẽ gật đầu. Văn sung sướng đã gặp được kẻ hiểu mình, lại cúi xuống đọc tiếp. Chưa hết nửa bài, thằng Long, con Bích đã có nhiều dấu hiệu sốt ruột. Thằng Long, không biết nghĩ ngợi thế nào nắm lấy tóc em giựt mạnh và con Bích quay lại đấm ngay vào ngực anh trả thù. Văn lừ mắt nhìn sang hai đứa, chúng đứng im một lát rồi giữa lúc ông bố đang say sưa với chính giọng mình sang sảng, chúng lại chấm choé, đâu trở về đấy. Chị Văn không nhịn được hơn nữa, phát mạnh vào mông hai con. Chúng òa lên khóc và cuộc bình văn gián đoạn.

Từ khi viết xong truyện ngắn, Văn thấy mình giầu hẳn lên và trong tay như có thêm một thứ quyền-hành mới. Anh làm gì mà chẳng được khi anh đã chia xẻ quyền sáng-tác với tạo-vật.

Mấy bữa gần đây, Văn có vẻ nóng nẩy hơn. Anh đi đi lại lại như tính toán một việc gì. Chị Văn đang ngồi khâu ở phòng ngoài bỗng nghe tiếng chồng hỏi vọng ra :

— Này 160 hay 170 nhỉ ?

http://tieulun.hopto.org

Chị dừng kim lại :

— Cái gì mà 160, 170.

— Địa chỉ Tạp chí Thời Mới ấy mà. Có phải 160 Phan-đình-Phùng không.

— Em đâu có biết.

Giọng Văn gay gắt hơn :

— Ngồi đấy thì làm sao mà biết được. Đứng lên xem hộ người ta một chút. Lật sau lưng một số báo cũ là thấy ngay.

Chị Văn mang một số báo vào cho chồng dáng điệu nhẫn nại. Văn nhìn nét mặt vợ, biết là mình vô lý, vừa cầm tờ báo vừa nắm lấy tay vợ :

— Cứ chịu khó chiều rồi bao nhiêu tiền nhuận bút anh biếu mẹ con mày hết.

Vợ vẫn lặng lặng, Văn nói tiếp :

— Này, rồi nữ độc giả họ viết thư khen thì đừng có ghen đấy nhé.

Gửi bài cho tòa báo rồi, Văn càng nóng ruột, ngồi đứng không yên.

Chưa bao giờ Văn thấy báo Thời Mới ra chậm như lần này. Hôm nào anh cũng rảo qua mấy sạp báo, mà hôm nào cũng chỉ thấy mấy số báo cũ bụi bặm, nhạt màu Anh chịu không nổi nữa rồi. Anh phóng xe lại tòa soạn, vừa gặp lúc báo mang từ nhà in về. Anh hỏi mua một số và lúc đưa tiền cho cô thư ký anh nóng ran cả hai tai, tưởng chừng như cô ta nhìn thấu gan ruột mình:

— Đúng rồi, đúng cô ta biết là mình có bài gửi đăng rồi.

Văn nghĩ thầm như vậy và lúc quay trở ra, anh còn thấy cái nhìn tò mò đó đè nặng sau gáy mình. Tự nhiên anh đưa tay về phía sau vuốt mạnh gáy như muốn lau sạch ảnh hưởng ma quái của cái nhìn kia. Ra tới ngoài đường anh lật vội những trang báo, càng vội những trang giấy lại càng dính vào nhau. Bỗng anh dừng lại ở gần cuối tập, ghé sát mắt vào một khung báo, đọc chăm chú một hồi, rồi hai tay khép lại trên tờ báo, anh ngửng đầu lên, mặt đỏ ra, vừa sung sướng, vừa tần ngần, như một anh sáng dậy hút được một điếu thuốc lào ngon.

Anh nhẩy lên xe ra về, dọc đường thỉnh thoảng lại bỏ một tay ra, kẹp tờ báo vào ngực, lần trở tới trang cũ, lách nhìn vào trong, rồi mỉm cười một mình. Không hiểu làm sao đi xe như vậy mà anh không đâm vào ai.

Vừa xuống xe, Văn chạy vào khoe vợ, và chị Văn theo tay chồng trỏ đọc ở mục « Hộp thư Thời-Mới » trong những bài đã nhận được có cả « một tâm hồn hiu quạnh » của Hoàng Mai. Chị Văn ngước mắt nhìn chồng và Văn sung sướng như thuở còn đi học thấy tên mình trong danh sách những người trúng tuyển một kỳ thi.

Dưới mục « Hộp thư », tòa soạn có để câu : « xin trân trọng cảm ơn các bạn » Văn đọc to câu đó lên rồi nói tiếp :

— Muốn cảm ơn hả ? Đã thế sẽ gửi cho bài nữa ! »

Chị Văn hỏi lại chồng :

— Nhưng đây mới là họ nhận được bài chứ đã đăng đâu ?

Văn trả lời với nhiều tự tín :

— Bài của ai kia chứ còn bài mình thì nhất định là họ phải đăng rồi

http://tieulun.hopto.org

Các bạn Văn cũng đã bắt đầu nhận thấy ở nơi anh một cái gì hơi khác thường. Một sự lúng túng có đôi chút tính toán ở trong, một vẻ ngập ngừng như muốn gợi sự tò mò của kẻ đối thoại. Văn đến bực mình về sự chậm hiểu của các bạn. Còn có gì là khó hiểu cho cam. Một người đã sáng tác như anh thì tất nhiên trên mặt phải hiện ra cái phong thái văn nghệ giấu làm sao nổi. Thế mà chưa bạn nào đủ tinh tế để gọi ra là anh đang viết văn. Đã có lần Văn hỏi một anh bạn :

— Thế nào, dạo này cậu giải trí cách nào ?

— À, đại loại xem sách báo, chơi thể thao, coi-xi nè. Thế còn anh ?

Văn mỉm cười một cách thật bí-mật :

— Anh muốn biết tôi giải trí cách nào hả ? Chờ vài ngày nữa rồi anh sẽ biết.

Thật là nói đến nơi rồi mà anh kia vẫn ngơ ngẩn như mới từ cung trăng rơi xuống. Trên đời này không có gì buồn nản bằng gặp những người sừng sững như những bức tường chặn đứng mọi giòng thông cảm.

Văn lại sống những giờ phập phồng mong đợi, chờ ngày báo ra. Anh đã nhìn trước thấy truyện ngắn của anh trong tập báo, ý nhị và duyên dáng bên những bài khảo luận đạo mạo hay những bài thơ uốn éo. Anh đã thở đầy ngực hơi mực in như người mẹ day dụi mũi mình trên da thịt đứa con mới sinh. Anh băn khoăn không biết đăng một kỳ có dài quá không :

— Các ông ấy mà cắt làm hai kỳ là chết mình Mười lăm ngày sau độc giả mới được đọc tiếp mất hết cả hứng thú còn gì nữa.

Văn không ngờ là tim mình có thể đập mạnh đến thế khi nhận được số báo mới. Chưa biết báo có đăng bài mình không mà cả một giòng chữ « Một tâm hồn hiu quạnh của Hoàng - Mai » đã hiện bật ra trong óc anh, rõ rệt ngay từ lúc anh chưa nhìn vào tờ báo. Anh đưa mắt thật nhanh vào bản mục lục, liếc đọc từ trên xuống dưới, chờ đọc ở mỗi giòng chữ « Một tâm hồn hiu quạnh của Hoàng - Mai » y như anh đánh số đặt hết tương lai vào chuyện rủi may đang dò tìm số vé của mình trên bản in lô trúng.

Nhưng đọc đi, đọc lại cũng không thấy. Giở mục « Thời-Mới trong những số tới » cũng không thấy nói đến bài mình, Văn cầm tờ báo vứt ra một bên. Tự nhiên anh thấy báo - chí dạo này kém quá xem không nổi nữa.

Chị Văn nhìn gương mặt chồng mà đọc hết được những ý nghĩ của anh. Chị lại bên chồng đon đả :

— Báo mới đấy hả anh ?

Và chị cúi người xuống vươn tay định cầm lấy tờ báo. Bỗng chị dừng hẳn lại, anh vừa cất tiếng gắt :

— Để đấy cho tôi. Báo mua về chưa kịp xem, vợ con đã định tha đi.

Lúc khác có lẽ chị đã giận chồng. Nhưng sống với chồng lâu năm rồi, không phản ứng nào của chồng là chị không đoán trước được, nên không những không giận chồng mà chị lại còn buồn cười thấy chồng cáu kỉnh đúng như chị đã chờ đợi.

Chiều hôm đó anh vui vẻ hơn. Anh trỏ cho vợ xem ở mục hộp thơ có ghi : « Nếu bài nào qua bốn kỳ Thời - Mới mà vẫn chưa đăng thì xin các bạn coi như là không đăng » và nói thêm :

— Bài mình có đăng thì cũng phải mấy số sau.

http://tieulun.hopto.org

Cả nhà đi ngủ rồi Văn hãy còn thao thức. Bỗng anh khẽ đập lên vai vợ :

— Này, ngủ chưa ? Anh lại vừa nẩy ra ý cho một truyện ngắn mới rồi.

Chị Văn lụm bụm nói gì nghe không rõ, còn Văn tiếp theo ý kiến của mình :

— Cứ lừng thừng viết chỉ một năm là có thể góp vào xuất-bản một cuốn truyện ngắn chọn lọc đấy chứ đừng tưởng đâu.

Và anh ngủ thiếp đi với hình ảnh những cuốn sách của mình bầy la liệt các tiệm sách đã thành.

Mỗi một lần có số báo mới, Văn lại rơi từ hi vọng xuống thất vọng rồi lại tìm được cách an ủi mình, lóp ngóp bò lên từ chỗ buồn nản đến chỗ mong chờ Cứ như vậy được bốn lần báo ra mà vẫn không có bài mình, Văn thấy nhọc thông thượt cả từ tâm trí đến thể xác y như một cái lò xo kéo ra, co lại nhiều lần đến nỗi mất cả sức đàn hồi.

Chị Văn cũng không ngờ chồng lại có thể xúc động đến như vậy. Lần thứ tư, cầm tờ báo dò tìm xong, không thấy gì mới, tay anh run rẩy và mặt anh nhợt đi đến độ tím ngắt. Không phải chỉ là nỗi bực rọc vì người ngoài đã phủ nhận chân tài của anh mà thôi đâu, anh còn thấy đau đớn như một người sùng đạo đã bị ai sức phạm đến tín ngưỡng của mình. Vì anh tin một cách không lay đổi được là sáng tác của anh có một giá trị trác tuyệt, và kẻ nào không thấy hay chỉ là một kẻ không biết thưởng thức đáng cho anh thương hại. Anh luôn mồm giảng giải cho vợ :

— Bọn họ có hiểu gì đâu. Họ quen với một thứ văn nghệ công thức. Có phải mình không làm được như họ đâu. Mình không muốn đi vào con đường mòn. Mình cố tìm tòi đưa văn nghệ thoát ra khỏi một ngõ bí. Thế là họ sợ, họ không dám đăng.

Chồng càng giảng, chị Văn lại càng thấy văn nghệ là bí hiểm. Dầu sao chị cũng rõ là chồng đặt nhiều kỳ vọng vào bài mới gửi đi. Nay nếu có cách gì mà làm cho bài ấy được đăng, chắc chắn anh sẽ vui lòng. Trước mặt vợ con, anh sẽ không còn nỗi hờn tủi của một người xuống giá, anh sẽ lấy lại được sự tự tíu đã từng bị lung lay, anh sẽ viết thêm, và biết đâu đây anh sẽ chẳng thành một nhà văn nổi tiếng.

Những ý nghĩ đó lúc đầu chỉ lởn vởn trong óc chị nhưng càng ngày càng rõ rệt, càng thôi thúc chị phải làm một cái gì. Lòng thương chồng bấylâu nay băn khoăn sáng tác rồi lại phải chịu nhiều dày vò về tự ái đã khiến cho chị muốn chia sẻ những khắc khoải văn-nghệ với chồng. Chị vốn hiền lành ít nói nhưng khi đã quyết định việc gì, chị theo đuổi đến cùng. Đôi khi chính anh cũng phải chịu tính ương bướng của chị. Bây giờ anh đã gần quên hẳn những tấm tức về bài báo không được đăng nhưng lại đến lượt chị nóng nẩy muốn công trình khó nhọc của chồng được đền bù xứng đáng.

* * *

Chị gửi bức thư cho tòa-soạn Thời-Mới rồi mới thấy rằng việc mình làm là vô lý. Chuyện không phải chuyện mình tự nhiên lại xen vào, anh mà biết chắc sẽ không để chị yên. Dầu sao chị cũng nhẹ cả lòng. Chị đã gửi lên trên mặt giấy tất cả những ý nghĩ thành thực nhất của chị. Chị cũng không hiểu làm sao mà chị có thể

http://tieulun.hopto.org

viết dài được đến thế. Tất cả những vật vã của anh khi sáng-tác, lòng người vợ chăm nom chồng lúc viết văn, sự hành diện khi sáng-tác hoàn thành, nỗi thấp thỏm trông chờ bài mình trên mặt báo, sự sụp đổ của hy vọng khi bài báo không được đăng, tất cả những cảm nghĩ đó được chị ghi lại một cách tế nhị đến nỗi người đọc thấy hết được những rung động của người viết. Chị cũng chẳng trông mong gì tòa-soạn trả lời Chị viết vì thấy cần viết, còn lá thư của chị ai muốn nghĩ ra sao thì nghĩ. Hai hôm sau, chị nhận được thư của tòa báo. Chị thầm trách mình không dưng gây chuyện, nhìn quanh quẩn không thấy có ai bên mình, lúc bấy giờ mới dám mở ra đọc :

« Thưa bà,

« Chúng tôi rất cảm kích nhận được thư bà. Anh em trong tòa-soạn đều đã biết ít hay nhiều những dầy vò của người sáng-tác, nên đọc thư bà nhắc lại những nỗi khổ tâm của ông, chúng tôi tưởng như thấy ai nói hộ những điều bứt rứt của chính riêng mình. Tác-giả có bài không được đăng thường cho là tòa - soạn lạnh nhạt, không mấy ai chịu tin rằng tòa-soạn cũng buồn, buồn vì đã phụ lòng người gửi bài, buồn vì mở rộng tay đón bạn mà không ân cần giữ bạn được như lòng kỳ vọng. Giờ phút nào chúng tôi cũng lo sợ không biết rằng tình-cảm bốn phương gửi tới, đón giữ lại được bao nhiêu và gió thổi đi tan tác mất bao nhiêu. Chúng tôi thật rất biết ơn bà đã cho chúng tôi có dịp nói hết được mối ưu-tư hàng ngày.

« Bà có đề-nghị với tòa soạn trong kỳ tới, in thêm cho bà 100 số với bài « Một tâm-hồn hiu quạnh » của ông nhà, còn tất cả các tờ khác đều không có mang bài đó và sẽ do Thời-Mới phát-hành như thường lệ, Như vậy độc-giả vẫn nhận được tờ báo như tòa soạn muốn trình bày, còn riêng với ông nhà và các bạn bè thân thuộc sẽ nhận được 100 số báo có thêm mấy trang kia. Bà lại cho chúng tôi hay bà mới lấy được một bát họ và sẵn sàng chịu hết mọi phụ phí Bà tin rằng lâu ngày rồi ông cũng sẽ biết sự xếp đặt đó, nhưng nếu tòa báo chịu giúp bà lúc này, ông sẽ qua cơn chán nản và sẽ tìm lại được cái thú sáng tác.

« Tất cả anh em trong tòa soạn đều kính phục lòng bà chăm lo cho ông nhưng rất tiếc không thể nhận được đề nghị trên. Theo ý chúng tôi không có giải pháp nào khác hơn là trình bày thẳng thắn cùng ông những lý do nào đã khiến cho chúng tôi không đăng được bài vừa gửi

« Thực ra mới một tác phẩm đầu tay, ông nhà đã tỏ ra có một bút pháp vững chãi. Tiếc rằng trong suốt truyện ngắn ông nhằm tuyên bố một thái độ hơn là gói ghém một tâm tình. Sáng tác hình như chỉ là mượn cớ và vì thế đôi khi thiếu cả chất thực.

« Trái lại khi bà viết thư cho chúng tôi bà đã nói lên những cảm nghĩ thành thực nhất, bà không có phải băn khoăn về một thái độ văn nghệ nào, nên chính lá thư của bà đã là một sáng tác rất đặc sắc. Nếu được bà cho phép, chúng tôi sẽ rất lấy làm sung sướng được đăng lá thư đó trong một số Thời Mới gần đây.

« Chúng tôi kính xin bà trình ông bức thư này. « Có thể có một vài chỗ sẽ không làm ông hài lòng, nhưng ngay trong anh

http://tieulun.hopto.org

em tòa soạn chúng tôi có những anh mà lần đầu gặp nhau đã cãi nhau kịch liệt chỉ vì lòng tự ái không để cho ai chấp nhận được lời phê bình của kẻ khác. Thế mà sau đó biết nhau hơn lại dung nạp được nhau và mỗi ngày một thân thiết với nhau hơn.

« Chúng tôi tin rằng ông bà cũng sẽ khoan lượng cho chúng tôi. Hơn nữa chúng tôi còn tin rằng khi trong gia đình, ông có một người bạn ân cần như bà, rồi đây trong những bạn cộng tác với Thời Mới không những sẽ chỉ có ông Hoàng Mai mà lại còn thêm cả bà Văn nữa.

Kính gửi ông bà lời chào của toàn thể anh em toà soạn. »

Chị Văn đọc xong bức thư ngơ ngác một hồi lâu. Đến bây giờ chị cũng hãy còn phân vân không biết có nên đưa cho anh Văn biệt hiệu Hoàng Mai xem không, và đến bây giờ chị cũng không hiểu nổi làm sao mới viết có một bức thư mà chị đã trở thành một nhà sáng tác văn nghệ.

P.V.T.

*

Quá mau

Qua Ba-Lê để điều chỉnh âm nhạc cho cuốn phim Paris-Blues, Duke Ellington, một nhạc, tuyên bố với nhà phê bình Hugues Panassié :

— Máy bay mới vượt biển mau đến nỗi tôi ở Ba-Lê mà bao tử tôi vẫn còn ở Nữu-Ước.

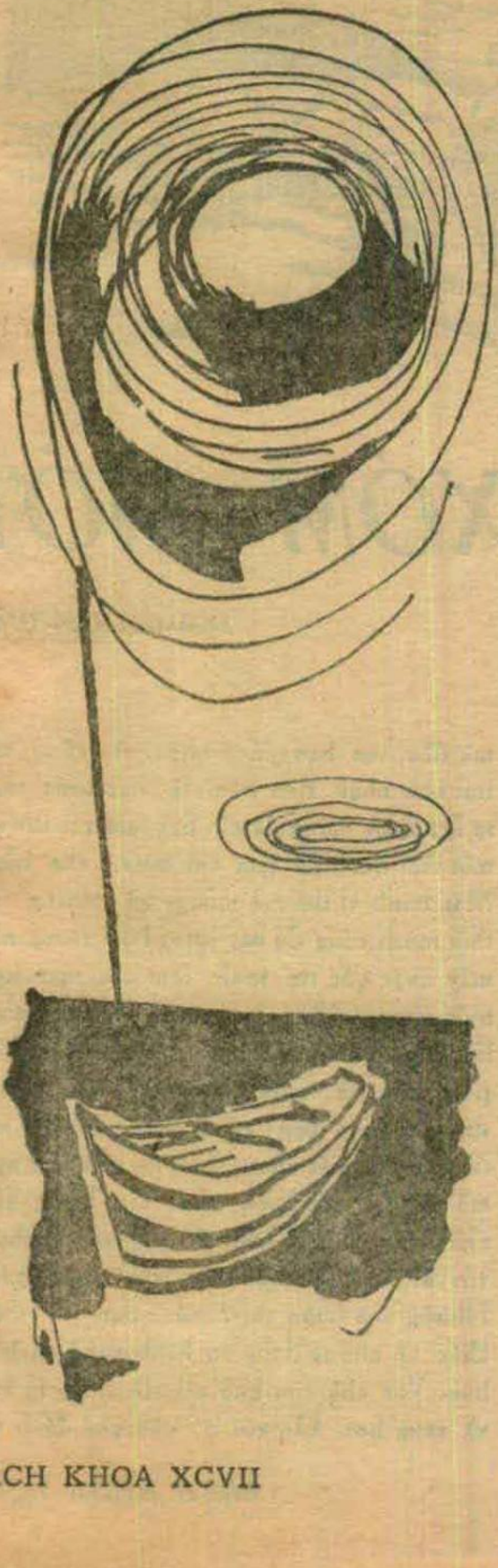
SẼ PHÁT HÀNH

Đêm Xuân Trăng Sáng

của VÕ-PHIẾN

Nguyễn-Đình-Vượng xuất bản.

http://tieulun.hopto.org



chơi bể đông

Rũ đôi hồn trắng nợ
Rong chơi miền bể Đông.
Mở đai áo thất lòng,
Rửa tay bàn thế kỷ.

Nắng thiêu phiền-vô-lý,
Gió phũi bụi-nhất-thời;
Cưỡi sóng vượt ngàn khơi...
Nhặt ít cành hoa giạt.

Tìm non Tiên, nước Nhược,
Uống say khướt men rừng.
Nhìn hoa tạ... bỗng dưng
Khóc thiên hương nhất khắc!

Tỉnh men cười sẵng sặc,
Nhìn nhau không lạc loài.
Trông về dãy non Đoài,
Quê nhà, ôi! lòng lộng....

Trút đai, nghe áo rộng,
Vuốt trán hớt mây sầu.
Vỗ cánh bạt chim âu,
Nhịp trùng dương chới với....

Đây, cười không biên giới,
Lệ chẳng hòa Ba-la.
Đây, không hẹn ăn ngà,
Xiềng không vương gót mộng

Dăm câu mừng Đạo Sống,
Chín khúc cợt phù du.
Kết bè đợi vào Thu,
Chở nguyệt về Nguyên-thủy.

Cửa Hàn,
(Mai sau)
VŨ-HÂN

http://tieulun.hopto.org



XÓM MỚI

NGUYỄN-VĂN XUÂN

CÁT mênh mông.

Một con khe rộng độ bốn thước nương theo một động cát từ từ chảy ra sông. Nước khe trong xanh, soi rõ trời xanh và những đám mây. Bờ khe cao, chỉ mọc những cây cỏ lạ. Ngày kia, canh bờ khe bên lối đi nhỏ bỗng hiện ra một cái xóm. Thôn dân gọi là Xóm Mới. Xóm gồm có vài mươi nóc nhà toàn là của người tứ chánh, do chiến tranh dồn tới. Tuy xóm mới lập chưa bao lâu, nhưng sự tích khởi đầu của nó như thế nào, nhiều người đã quên. Chỉ biết sở dĩ người ta dám « cắm neo » lại đây trên quãng đường mờ mịt, chỉ vì nơi đó có nhiều dương liễu và tre mà lại gần con sông bến nước. Nó có thể thuận tiện cho việc làm ăn mà cũng để tránh máy bay oanh tạc.

Xóm Mới còn nghèo lắm. Mấy chục cái nhà dựng lên tuy thời gian có khác biệt mà đều hao hao giống nhau, vì cũng tranh trụi như nhau. Bên trên là các từng tranh ra *lợp kéo*, nghĩa là cứ hai tấm rui thì kéo một tấm tranh để tạm che mưa, che nắng. Mái tranh vì thế mà mỏng tẹt, tưởng gió thổi mạnh cũng đủ bay tung! Ở trong nhà, mấy chục gốc tre xanh làm cột ngơ ngác nhìn nhau. Chúng cùng có vẻ khẳng khiu, ẻo lả. Chung quanh, người ta buộc từng hàng phên cốt để mưa khỏi tạt vào. Nhờ sự bày biện bên trong mà mỗi nhà mới có vẻ phân biệt nhau. Những nhà làm nghề mò tôm bắt cá, buôn gánh bán bưng khác nhau một chút ở chỗ cái giường cái chiếu, với cái áo, cái quần treo trên phên vách. Những nhà buôn thịt, cá, đan rổ thúng khác về những dụng cụ hành nghề và hàng hoá. Vài nhà vốn khá giả thì trông lạ hẳn, và sang hơn hẳn với bộ bàn ghế đánh véc

http://tieulun.hopto.org

mi đã tróc nước sơn, hoặc cái rương màu xanh, màu đà, cái áo trắng ra trắng, đen ra đen hẳn hoi không lam nhem, luốc nhuốc. Rực rỡ nhất là nhà anh Tú, còn cả một tấm màn vải hoa, treo giữa nhà để phân biệt bên ngoài với phòng ngủ của đôi vợ chồng trẻ.

Anh Tú chuyên bán thuốc Tây, chưa học y tá bao giờ. Nhờ biết tiêm thuốc qua loa, vì có ở với một ông chú vốn làm « Anh phiệt-mê » nên đến đây lạ người lạ cảnh, anh tuyên bố mình làm nghề y tá đúng sáu năm một tháng rưỡi — lúc anh mới mười bảy tuổi — và là một y tá có biệt tài. Anh vừa nói, vừa xách cái xơ ranh ra, bắt một chút nước sôi lên mái nhà là đủ cho thôn dân tín phục. Sẵn tính coi thường người địa phương nên anh dạn tay thí nghiệm nhào với bất cứ người nào. Tiêm mạch máu, anh có thề châm kim vào rút kim ra đủ sáu lần, mồ hôi ướt sơ mi mà không chút hối hận. Anh còn cự con bệnh sao lại có cái « vênh » khó tìm thế, nó hay di dịch thế chứ ! Chẳng bao lâu, do sự bạo tay, anh tiêm thông thạo và thôn dân khỏi lo sợ về nỗi cái « vênh » bất trị của mình. Vợ anh chẳng biết chữ tây nào, thế mà ai hỏi thứ thuốc gì, chị cũng cầm lên cẩn thận, đọc nào là ách bia-rin, đa-rê-nân, ga-ni-dân, kí-na-cờ-rin. Có con bệnh ở thôn xóm ra mua thuốc, chị hay lẫn lộn thuốc này sang thuốc kia mà vẫn quả quyết mình đọc lại đúng ba lần tên vị thuốc. May mắn là người ở vùng cát chỉ có những thứ bệnh nhất định giống nhau : sốt biền, kiết lỵ, đau mắt nên các loại thuốc kia cũng có công hiệu ít nhiều. Lại nhờ và thời-gian cùng sức lực con bệnh còn thừa để vật với vi-trùng và lòng tin tuyệt đối vào thuốc, nên họ cứ lành bệnh rồi bình phục một cách mau chóng nên họ vẫn bảo nhau :

— Chị Tú đọc tiếng tây vanh vách. Rõ là vợ ông Tá.

Từ chức y tá, anh Tú thêm cái bằng tú tài nhờ vào cái tên cúng cơm nên uy-tín tăng thêm. Họ làm ăn mỗi ngày một khá. Những hôm anh Tú về khuya, chị Tú vẫn nấu bát cháo gà để chồng ăn lấy lại sức.

Bên tả anh Tú là nhà bà Quì. Chồng bà chết từ lâu. Bà có ba trai, hai gái. Cũng như hầu hết nông dân gia-đình bà chỉ có nghề làm ruộng, chẳng biết thêm một nghề phụ nào. Bà đến đây gần như với đôi tay không. Mấy người con của bà có sức khoẻ chứ chưa có trí khôn. Ban ngày, họ vẫn vác cuốc qua nồng cát để làm phúc cho các xóm ở cách đó chừng nửa cây số. Họ tưởng công việc làm ở đất cát nhẹ hơn ở đất thịt. Nhưng khi bắt tay vào việc, khi tập làm quen với sức lún, sức nóng của cát, họ thở phì phào ngay. Những dụng cụ của vùng cát cũng khác hẳn của họ. Cái cuốc to bằng ba cuốc thường thấy mà phát ngán. Lên một hàng khoai, rộng bằng cả năm hàng ở quê họ. Mà cái củ khoai cũng to gấp năm lần. Xách chừng năm củ đủ nặng sái cánh. Một chuyện vui xảy ra là sau khi cô Thọ con bà Quì mới vô thôn làm có ba lần mà một lão nhà giàu kia phải lòng ngay. Lão mới có năm mươi lăm, nhưng rụng răng nên tưởng trên sáu mươi. Tuy già mà lão còn sức mạnh. Vẫn thường hát :

Già ăn nồi hai ;
Trai ăn nồi một.
Già vác nồi cột ;
Già ngã già leo ;
Trai ngã trai khóc ;

http://tieulun.hopto.org

Lão dỗ dành cô gái thế nào làm lộ tiếng ra. Cô gái xấu hổ bỏ về. Thằng con trai lão phải hết sức can thiệp; mấy hôm sau cô mới đi làm lại. Bọn trai tráng thấy lão đi qua, liền hát :

Ông già ông ở dưới mương
Ông nghe thấy gái ông trườn ông lên.

Lão cười khì. Hình như lão hết cái tuổi xấu hổ.



Bên mặt nhà anh Tú là nhà ông Tiều. Ông có nghề đan phên nên cứ đôi ba ngày, hai cha con lại dẫn nhau lên các làng trên đồng bằng đất thịt để mua tre. Cô Mính con gái ông vì ở trong mát luôn nên da thịt trong trẻo nhỏ mứt. Hai con mắt sáng long lanh như mắt thỏ. Cô đoan trang, ít cười cả ngày chỉ gõ lóc cóc cái dùi đục vào cái «dộng». Những nhà kế tiếp cũng đều làm những nghề nhỉ nhằng, sống nhỉ nhằng như nhau. Đặc biệt chỉ có ông Hương Là. Ông đã gần bảy mươi, người cằn cỗi không đi nổi mười bước. Sống với một người con gái chồng chết lúc còn trẻ tuổi, rồi ở vậy thủ tiết thờ chồng nuôi con. Người con của chị cũng chỉ nghe nói chứ chưa ai thấy bao giờ. Có người đoán hắn đi bộ đội, làm cán bộ ; có người lại nói hắn can tội phá cầu phá cống gì đó nên bị tù, tù rục xương. Ông suốt ngày chỉ ôm một cái gối nhỏ, lúc thì ho, lúc thì suyễn, lúc thì ôm bụng vì chúng đau bao tử. Cái gối của ông ôm, người ta tưởng là để chẹn các phản ứng của cơ thể trong một tình trạng thiếu hẳn người săn sóc, nhưng có nhiều kẻ nhất định là không phải. Họ bảo đó là tiền. Tất cả vốn liếng bảy mươi năm dành dụm nằm trong đó. Tất nhiên nó đã hư hao, mất mát quá nhiều lần. Không hiểu có ai mách mà họ dám nói chắc chắn là ông Hương Là nhà rất giàu, thường chỉ ăn rau mắm, được chín đồng, nhịn cho đủ mười rồi đem chôn. Mỗi ăn mất một hũ. Còn bốn hũ thì tiền sụt giá. Rồi đến khi có chính biến mới năm 1945, đổi ra tiền mới, sụt một lần nữa. Ông thổ huyết luôn mấy lần khi tính ra một đồng mới không bằng giá một xu cũ. Nhưng ông cứ giữ bạc khư khư, không dám tiêu pha một đồng phí phạm. Mỗi ngày, ông giao một số tiền cho

http://tieulun.hopto.org

con gái để đi chợ, để mua rau mua mắm. Đau suốt đời, ông cũng nhất định cắn răng chịu, không chữa thuốc. Anh Phương có tính ngỗ nghịch, vừa làm thuê, gánh mướn chèo đò... *bá nghệ, bá rí* có lần đến chơi, sờ qua cái gối làm ông kêu rú lên, ôm riết vào lòng, hai mắt trợn trắng như người lên kinh. Không để ý đến sự khủng khiếp của kẻ già nua, anh còn ngang ngạnh hỏi :

— Bác để tiền làm chi ! Đưa cho kẻ thiếu thốn nó tiêu cho. Có để cũng không đem xuống mồ được.

Khi anh Phương về, ông đau luôn ba ngày tưởng chết, dờm kéo lên phì phò chận cổ. Người trong Xóm Mới không hết lời phàn nàn anh Phương tuy họ cũng không ưa gì ông lão keo bần. Qua ba ngày, ông lành. Nhưng cái gối bạc không còn trong tay nữa. Có người hỏi, ông chỉ lắc đầu. Cô con gái thì bảo kẻ trộm lấy mất rồi. Họ đều biết ông chôn dưới cát và chỉ duy ông biết chỗ chôn. Ở vùng cát, mỗi khi đi đâu, nếu không có ai giữ nhà, người ta cứ moi cát lên mà chôn đồ xuống dưới rồi lấp cát lại. Có đào hết cả nhà, hoạ chăng mới tìm thấy của dấu.

*
* *

Người địa phương lúc mới thường đứng trên nống cát cao nhìn xuống dân xóm Mới với đôi mắt tò mò. Về sau, nhờ việc mua bán, đổi chác họ trở nên quen biết. Từ khi những người ở Xóm Mới vào làm giúp cho các thôn thì hai bên càng thân mật hơn. Bên cựu không nhìn bên tân như một bọn vong gia thất thổ ; bên tân không nhìn bên cựu như một lũ mán mọi để mình đến trục lợi. Nhưng dầu muốn dầu không, người Xóm Mới vẫn tháo vát hơn, lanh hơn người địa phương nhiều mặt. Nhờ sức khỏe tốt và hoàn cảnh khó khăn nên họ trì chí, kiên tâm học việc rất mau, chịu khổ rất dễ. Cả những việc chưa quen làm bao giờ như đi mò hôi cá, bắt hôi tôm khi có thuyền chài đánh lưới hay gỡ *chà* họ cũng kiếm được nhiều. Mắt họ trong hơn những con mắt đùng dục của người vùng cát. Buổi trưa họ ra bến tắm mát rồi ngồi luôn dưới sông, vì họ bảo « để chi có dịp tắm sông, tắm bao nhiêu cũng không đã ». Lũ bé con của họ suốt ngày đi quét lá dương liễu với con những người ở địa phương cũng tập bơi cạnh cha chúng. Chúng mới tập mà nhiều đứa đã bơi nhanh. Lặn « cút » một hơi dài ra xa khiến người cha rối rít kêu lên. Nhưng anh chỉ giỏi kêu thôi, chứ lỡ ra đứa con có chết đuối anh cũng đành ngó mà dau xót. Người ở Xóm Mới chỉ là thứ dân sống trên cạn.

Nhờ quen ra tắm sông, người Xóm Mới được ngắm cảnh Trường-giang : sông rộng mênh mông, nước trong leo lẻo mà nhìn càng kỹ, người ta càng không rõ cảnh trời thật chính đang ngự trị trên không hay đang mơ màng nằm dưới đáy sông. Cảnh nào phản chiếu cảnh nào ? Ở bên kia là cát. Cát như kéo đến tận chân trời. Những lùm cây nhô lên đó đây báo hiệu một thôn xóm nào xa xôi ; ngọn cây nhìn qua sóng nước rung rung như phát ra cử chỉ vẫy gọi.

Thú vị nhất là cảnh những ghe cá về trên sông. Những chiếc ghe bằng gỗ dài thườn thượt, chỉ chứa toàn rổ cá tươi. Thuyền và bóng thuyền in trên mặt nước giống hệt hình chữ X, nước chìm đến tận be. Người dân Xóm Mới không bao giờ biết e ngại thuyền sắp đắm vì chỉ cần một cử - động khác

http://tieulun.hopto.org



thường, mất thăng bằng là nước ập vào thuyền ngay. Thế mà buồm vẫn căn phồng trước gió, lao tới như những mũi tên, nhanh nhẹn hùng tráng vượt qua tất cả các loại ghe thuyền khác, với đủ các loại buồm đang chạy trên sông.

Chính trong khi nhìn con thuyền cá, anh Bình bỗng nảy ra ý kiến bảo em rể :

— Dượng có biết ghe cá ghé về không ?

— Không.

— Tôi biết rồi. Nó ghé về một bến cách chỗ mình ở chừng vài cây số. Này dượng Cần !

— Anh kêu tôi ?

— Ừ. Hay là lũ mình đổi nghề ?

— Anh biểu đổi nghề chi.

— Nghề chi thì cũng phải hơn cái nghề thất nghiệp của mình. Sống mà đi mò tôm, mò cá này coi bộ đói hồi nào không hay, chú à. Ta đi buôn cá đi.

Họ đi buôn cá thật. Anh Bình, anh Cần với vợ con đều học nghề chạy cá. Ban đầu họ vừa gánh thuê vừa buôn nhỏ, Chỉ mấy tháng nhờ chạy mau, dai sức nên gia-đình họ rất chóng khá. Vì nghề buôn cá cần nhất là bán cá tươi. Trong một hoàn cảnh không có phương tiện giao - thông nào khác cặp chân thì kẻ nào chạy nhanh nhất sẽ đi được đến chợ xa nhất và « hốt tiền » nhiều nhất. Vốn hai anh em nhà này trước kia đều làm phu xe nên họ chạy giỏi sẵn chứ không thì khó lòng đuổi kịp bọn người chuyên chạy cá suốt đời. Không gì thú vị bằng nhìn bọn họ, một người cất đòn gánh lên vai ; cái đòn gánh cong vút như hình dấu chữ Ă, hai đầu chất nặng những rổ thứ rổ trẹt trẹt đựng đầy những cá. Những con cá to bằng bắp đùi nằm yên trong rổ bộng. ở cuối cùng, chỉ thấy cái đầu nhọn và cái đuôi chè bè phô ra ngoài. Thế là chạy. Chạy nhịp chân đều đều, bước dài ; mỗi bước là hai đầu đòn gánh nhún lên nhún xuống nhịp nhàng, nhịp nhàng y hệt một lực-sĩ chạy Marathon. Bên cạnh chàng lực-sĩ thứ nhất, lại còn một chàng lực-sĩ thứ hai. Anh này cũng chạy nhịp đều bước với anh kia, có hơi lùi về sau một tí. Nhưng dáng lẽ trên vai có

http://tieulun.hopto.org

gánh thì anh chỉ xách nơi tay một cây đèn gương thắp sẵn ngay từ lúc mới còn chạng vạng Cái đèn không phải để soi đường mà là để khi lên đến chợ là kịp có ánh sáng bán hàng ngay. Cá lên giá xuống giá có thể trong vòng năm mười phút. Họ cứ lách nhách chạy như thế chừng vài cây số thì lại thoăn thoắt đổi cho nhau : anh gánh cá xách đèn, còn anh xách đèn thì gánh cá. Khách mua đừng mong họ ghé lại ở giữa đường. Họ trực chỉ thay nhau mà gánh để lên chợ ; khi thấy chợ thứ nhất đã đông, họ vùn vụt chạy luôn lên chợ thứ hai...

Bọn đàn bà không chạy những chợ quá xa. Khi đã có đàn ông gánh thì bọn họ chỉ cắp dòn gánh lạch bạch chạy phía sau xa, mặc anh chồng làm gì cho « nóng hồi » thì làm.

Sau những cuộc chạy dai sức, bọn đàn ông ít thay đổi. Song bọn đàn bà thì khác hẳn, vai họ to ra, mông họ to ra, người tưởng như lùn xuống, lệch đệch như vịt con. Tuy mười bảy tuổi, vốn có đôi mông tròn trịa, dễ nhìn nhất là khi nó bận quần mỏng, bây giờ đã sề ra, và theo lối nói của mấy bà ngoa ngoắt thì « người đi trước một buổi mới thấy mông đuổi theo sau ». Cuộc sống của họ trở nên sung túc hẳn lên. Họ dự định dời nhà ra « *Xóm Rồi* » nơi kế cận bán cá cho tiện. Nhưng cũng vừa định như thế, họ cũng vừa buộc lại vách, mua bộ phản cũ để ngả lưng lúc trưa, che thêm cái buồng mặc dù của cải của họ bao giờ cũng nằm trong một cái « xắc » rút, không lúc nào rời tay. Từ ngày họ buôn cá bao giờ trong xóm cũng phảng phất một chút mùi tanh. Nhưng không ai dám phàn nàn lớn tiếng vì sợ chị Cần sẽ vỗ bạch vào mông, chửi đổng :

— Cha nó, không có mùi tanh, làm sao cho có mùi thơm.

*
* *

Người ở Xóm Mới mỗi ngày làm ăn mỗi ngày mỗi khá. Điều ấy có thể thấy rõ trong sự bận rộn suốt ngày, trên y phục, trên vẻ mặt ít cau có của họ. Việc giao-thiệp cũng mỗi ngày một thêm gắn bó. Lúc mới đến, những người ở nhà này thăng hoặc mới đến chơi những nhà cách mình vài ba gian ; họ chỉ quanh quẩn ở các nhà bà con hoặc kế cận. Nhưng khi đã quen hơi bén tiếng, họ qua lại với nhau bất cứ lúc nào làm sinh-hoạt hoạt-động hẳn lên ; tiếng cười, tiếng nói vui vẻ gieo một niềm vui yên lành trong cuộc sống Dịp thằng con trai chị Cửng đi lính cũng có bà Duật lại cho nó một ve dầu nhị-thiên-đường. Người ta bảo là bà muốn trả ơn khéo vì lúc bà mới đến, thằng con chị Cửng có tới cột giùm mấy nụt lạt ; rồi có người cũng lại bảo sở dĩ cậu này buộc lạt cũng chỉ vì con mắt cô Lanh trong như nước Trường-Giang. Lung tung cả lên ! Nhưng chắc chắn là bà Duật đã cho con một người khác một chai dầu, đó là sự kiện đáng kể để làm cái gây liên lạc giữa các nhà, khiến họ không còn thấy sự tặng quà vặt vạnh là lạ nữa. Dạo ông Hương Là bị chết ngất, không hiểu vì một cơn nộ khí xung thiên nào, anh Tư đang toá mồ hôi để tập chơi một cái đờn banjo ngoại hóa mới mua, cũng bỏ đàn để sang tiệm cho ông lão mấy cây thuốc hồi dương mà mãi hai tuần sau mới lấy được tiền. Anh có bảo để tiệm hộ ông đăm cây thuốc bổ cho nó lại sức và lúc nào ông đưa tiền cũng được. Nhưng ông Hương-Là chỉ trời vạch đất cát mà thề là ông không đào đâu ra tiền ; tiền hôm nay sở dĩ có là nhờ bán một cái áo vải láng

http://tieulun.hopto.org

cũ cho một ông cụ ở trong thôn. Sau cái vụ ông Hương-Là, không ai quên được vụ chị Bưởi Chị Bưởi có thai được bốn năm tháng, không hiểu ngã trên sông thế nào mà bị sẩy. Lúc máu me ra ba ngày chị cũng chưa hiểu mình sắp bị chứng bệnh gì. Cho tới lúc đau cửa mình quá như sắp lâm bồn, chồng chị mới chạy đi gọi một bà mụ. Bà mụ hì hục một buổi mới đưa được cái thai ra và làm tốn thêm của chị không biết bao nhiêu máu nữa. May nhờ anh Tú tiêm cho một số thuốc trụ sinh và thuốc cầm máu nên bệnh chị mới khá. Lại nhờ bà Quì đến giặt giũ áo quần, trong nom con cái với một giá rẻ, thật rẻ nên chị Bưởi cũng đỡ đau khổ. Được mười lăm ngày, khi trả công cho bà Quì, chị có cho thêm một cái quần đen cũ vá hai miếng với một cái áo cụt không hiểu nguyên lai nó vốn màu gì nay đã hoá màu cà phê sữa.

Sau lần « nuôi đẻ » cho chị Bưởi, bà Quì trở nên người tin cậy của cả xóm. Có ai đi đâu vắng, hoặc cần gởi con, họ đều gởi cho bà. Nhờ tính ham công cuộc, bà thấy những cái lôi thôi trong nhà, thường ngứa tay dọn dẹp quét tước, sửa vá lại. Vừa được kẻ trông nhà lại vừa khỏi trả những phụ phí theo kiểu ấy nên ai cũng thích mượn bà. Bà trở thành cái dây nối nhà này sang nhà kia. Có thể nói là bà thông thạo hết lịch sử cả xóm. Nhưng bà rất kín tiếng : một điều kiện thứ hai khiến người ta càng thêm thích bà. Vì thế mà bữa ăn nào của bà cũng thay đổi món ăn luôn : lúc cá thịt, lúc bát mì của chị Củng, lúc chén cháo gà của chị Tú. Nhưng đừng tưởng bà hiền như phật đâu ! Mà Phật cũng có lúc nổi nóng chứ ! Ấy là tại cái thằng cha trọc phú già mê gái ! Gặp bà không úp mở, lão đi ngay vào vấn-đề xin lấy con gái bà. Bà mới làm ra mặt tĩnh, hỏi :

— Ông định cưới tôi thì ông cho tôi bao nhiêu ?

Lão trợn mắt, nói :

— Tôi có cưới bà đâu ! Tôi hỏi con gái bà mà.

Bà Quì cười ngoặc ngoẽo rồi nói :

— Thôi đi. Ông cưới tôi, tôi đã bằng lòng chưa mà định cưới con gái tôi. Như ông định hỏi nó cho thằng con trai ông thì nghe còn « hữu lý ».

Nghe bà xồ cả chữ nho, lão trọc phú sợ, đi thẳng. Bà về kể lại cho cả xóm nghe, ai cũng cười. Có người hát dìa :

— *Ông già, tôi không ưng đâu,*
— *Ông đừng lấy búa cạo râu đau hàm.*

Lại có người hát đáp :

— *Anh đi lo việc sơn-hà,*
— *Râu ria nó mọc, chớ không phải anh già đâu em.*

Rồi họ cười rộ lên với nhau.

* * *

Trên kia có nhắc đến bát mì của chị Củng. Đó là một điều cũng nên chú ý. Nguyên từ khi có Xóm-Mới, thì thuyền dọc cũng nhiều khi ghé lại để bọn khách thương lên xuống buôn bán. Người ta bắt đầu dùng con đường giữa khe với Xóm-Mới để băng qua khu cát, đi lên quan lộ. Về sau bọn buôn lậu cũng thường dùng con đường này. Hóa nên Xóm-Mới có khách qua lại thường xuyên. Có khách tất phải có quán ăn. Chị Củng biết võ vẽ nghề nấu nướng nên mượn người mua bốn cái gốc tre

http://tieulun.hopto.org

đóng xuống nền để làm trụ rồi đặt lên trên một tấm ván.

Thế là có tạm một cái bàn. Còn phải hai cái ghế nữa. Chị đi vào xóm thuê rẻ của một người địa phương với giá chai dầu nhị thiên đường hôm bà Duật cho con chị đi tòng quân mà nó để lại. Chỗ ngồi đã có, chị cưa tre làm một cái ống đựng dũa muống. Để cho hợp thời, chị lấy cái ve rượu cũ rửa sạch đổ nước mắm vào. Món ăn thường nhật để bán cho khách là mì. Mì, chị chỉ dám mua mì khô để sẵn. Khi có khách mới đem nhúng nước sôi rồi đổ nhưn tôm thịt lên. Món ăn không quí gì cả thế mà chỉ khách sang mới ăn no. Còn thì phần lớn họ mua một bát, trộn với gói cơm mang sẵn theo để ăn mà cũng tiện tìm chỗ nghỉ trưa cho qua cơn nắng gắt. Lối xóm, mấy chị nghèo lâu lâu cũng dành dụm ít tiền rồi chờ chồng đi xa là lén sang ăn, úp mặt vào tường mà sùm sụp húp nước, nhai ngấu nhai nghiến con mì để hưởng cho hết cái dư vị « xa xỉ phẩm » của nó. Cái ngày ông Hương Là sai chị con gái tiết hạnh của ông sang mua một bát mì là cả xóm khúc ăm lên với nhau. Họ bảo đó là một chuyện lạ hi hữu ! Có người chắc chắn ông sắp chết đến nơi nên mới trở chứng như thế. Anh Phương vốn là tay hiếu kỳ, không ngần ngại gì không chạy đến đúng ngay từ cửa dòm vào để xem thử có quả ông mua mì để ăn hay để làm gì. Xong công cuộc thị sát ấy, anh dám tuyên bố ầm lên, một cách bất ngờ là ông sắp gả cô con gái tiết hạnh cho anh để làm lễ. Ai cũng bật ra cười. Chỉ có chị Phương không cười mà còn háy anh một cái sắp đứt đuôi con mắt.

Việc anh Phương nói đùa về cô gái tiết hạnh chẳng phải việc lạ. Trai gái trong xóm cũng lân la để ý dòm ngó nhau. Tùng, con chị Bưởi từ lúc mới đến đã chú ý ngay cô Tuy con anh Bình. Cô Tuy cũng liếc trộm cậu và thấy cậu xinh trai hơn hết những người lối xóm. Nhưng từ khi Tuy đi buôn bán cá, Tùng hơi chán. Nghề buôn cá, dù sao cũng khó coi, tuy kiếm ra nhiều tiền, Cái mông Tuy lại mỗi ngày một thêm « *vĩ-đại* » khiến cậu thêm bực vọc. Mẹ cậu thì cứ dỗ. Bảo trong lúc giặc giã khó khăn, cũng nên có vợ làm ăn chắc chắn để gia đình đỡ vất vả. Cậu sắp bùi tai nghe lời mẹ thì cũng vừa lúc cậu khám phá ra một sự mới mẻ ! Tuy đã biết chửi. Việc đó không phải lạ đối với những người « rồi cá ». Trẻ con của họ chửi nhau và nói tục dòn như ăn bắp rang. Nhưng nghe tiếng chửi từ mệng Tuy phát ra, Tùng ngán ngẩm đến tâm can. Mà Tuy nhờ đi xa, quen nhiều, gặp lắm trai tơ khác nên cũng bớt thấy Tùng « đẹp trai nhất » nữa. Tùng và Tuy chỉ nhìn nhau bằng mắt, yêu nhau bằng mắt rồi cũng xa nhau bằng mắt. Hết nhìn là thôi yêu. Nó không ồn ào như vụ « ái tình » xảy ra giữa con trai ông Phiến làm nghề đan phên với con gái bà Sự. Hai cô cậu nhìn nhau mãi cũng chán mới hẹn hò nhau ra ngoài nống cát vào những buổi tối... Ở xóm, vắng nhà ban đêm, cứ nói dối là sang nhà này nhà kia cũng không ai biết đâu. Mà ở Miền Cát, còn có trời hiểu được người ta làm gì ở phía sau các nống cát !... Thế rồi bụng cô Liệu cứ mỗi ngày một to phềnh lên. Cha cô nghi ngờ hỏi. Rồi ông buộc tóc Liệu vào chân giường đánh một trận để truy cho ra thủ-phạm. Khi Cô Liệu đau quá, không chịu nổi phải khai ra thì người cha cũng vừa ngã ngửa. Đúng là con lão Phiến, con mụ mụ Phiến ! Thằng trời đánh ! Thế có chết cha người ta không !

http://tieulun.hopto.org

Mụ Phiến mới đấu khẩu một trận khá kịch liệt với vợ lão. Hai mụ đã dùng những danh-từ đáng lẽ phải giữ kín nhất, bọc hết trong áo, trong quần, lại cứ đem phô trương lớn ra, khiến nhức đầu, nhức óc mọi người. Sở dĩ có vụ cãi cọ kịch liệt này cũng chỉ vì họ nghe phong phanh câu chuyện về lũ con họ. Bà Lựu cũng thừa khôn ngoan để hiểu là con gái lỡ có hư hỏng, nên kín nhẹm nó đi và phải chiều nhà trai một tí. Nhưng trong một lúc « giận mất khôn » làm sao bà khỏi nói đèo thêm một câu cho hả !

— Có đem vàng tới, tao cũng không gả con tao cho thằng đan phên !

Rủi là bà Phiến ngồi ở gần đó. Bà mới ngứa cổ đi sang hỏi :

— Nè bà Lựu, bà nói thằng đan phên là thằng nào ?

Bà Lựu sừng sộ :

— Một vạn thằng đan phên, chớ có phải một thằng nào đâu. Người sao mà ngứa miệng !

Bà Phiến rống lên :

— Mà thằng đan phên thì làm sao ? Đây không ngứa miệng. Đây có một thằng đan phên. Mụ dừng già hàm.

— Nè con mẹ kia, Tao nói con gái tao, không động đến đứa nào. Tao nói tao không bao giờ gả con tao cho thằng đan phên.

— Giỏi ! Con mụ mót khoai ! Giỏi ! Vểnh tai mà nghe tao nói : Con thằng đan phên không đời nào nó thèm đi hỏi con mụ đâu. Con gái mụ có lỡ dại để cho nó làm cho « trung hủng » lên thì đem về mà thờ !

« Trung hủng » là từ ngữ thông dụng chỉ việc chửa hoang. Cuộc xung đột đã tới giai đoạn hết sức bi thảm : nó không còn đe dọa. Nó là lưỡi dao rạch hai mối thâm tình của đôi trẻ. Hai bà mẹ chỉ việc nói cho sướng mồm không biết đến Liệu đang nằm nhoài người trong buồng, nước mắt chảy ướt cánh tay trong khi cái thai vùng vẫy như nện thêm những nhát búa trong cơ thể còn non nớt của người con gái vụng dại.

Nhưng cuộc xung đột thoắt dừng lại vì một tấn hài kịch.

Con gà của anh Phương lên ổ sắp đẻ, anh đến nấp vào phía sau, chờ lúc cái trứng ra đời. Anh mới đau dậy, nghe người ta bảo hút trứng sống tốt, nhất là cái trứng mới từ lòng gà ra. Anh nghĩ thầm : « nó đã ra tất có kém bồ rồi, nó đang ra mới thật là bồ. » Thế là khi con gà đẻ cái trứng mới được nửa chừng, anh lấy hai ngón tay, rút mạnh. Song anh bóp chặt quá trứng vỡ tan, gà kêu thét lên một tiếng oác oác như la làng, la xóm át hẳn tiếng của hai người đàn bà chưởi nhau xeo xéo, trẻ con xúm lại xem gà và truyền cho nhau câu chuyện kỳ quái anh Phương mới kể. Chúng cười rộ cả lên. Nhất là khi thấy cái trứng còn dính trong bộ phận sinh dục của con gà thất sắc cứ kêu the thé, chúng càng bò lăn ra mà cười.

Kể từ đấy, cứ lâu lâu gà lại hoảng lên, đẻ vãi ra một cái trứng chưa có vỏ, còn vàng tươi. Và cũng kể từ đó, câu chuyện tình đau đớn của cặp Nhân-Liệu cứ dang dở, Cô Liệu đã nhảy xuống sông một lần nhưng kịp có người kêu cứu, vớt lên được. Mặt cô đã tái xanh tái xám, tóc đổ xuống che đôi má cóp làm người lạ hẳn đi. Áo quần dán chặt vào người làm cái bụng thêm lộ ra

http://tieulun.hopto.org



một cách thảm thiết. Thế mà hai bà mẹ vẫn không hết học hặc với nhau vì sự tức khí trong một lúc. Không khí yên vui bình nhật của xóm có giảm phần nào.

∴

Ở bên kia khe, đột nhiên cũng lại dựng lên một cái nhà. Một cái nhà trống không, chỉ có phên tre cột buộc sơ xài bốn phía. Tất cả của cải gồm một chiếc giường, của một đôi vợ chồng với đứa con lên ba. Ban ngày, đôi vợ chồng cùng đi bắt ốc, mò cua, làm mướn, gánh thuê. Cũng như những kẻ nghèo ở phía bên này khe. Lúc vắng nhà họ lấy sợ dây, một đầu buộc vào chân giường đầu kia buộc vào bụng đứa trẻ và nhặt những đồ chơi như sạn, sỏi, mảnh giấy lộn, vỏ hộp cho đứa bé chơi. Khi nào đứa bé muốn bò xa, cái dây buộc sẽ hãm lại. Nó biết chừng thế nên lại bò vào.

Người ở bên này khe có dịp xem thằng bé để giải trí. Lâu lâu, cũng có đứa lên tám, lên mười chờ lúc khe cạn, lén sang ném cho nó một miếng bánh, một cây kẹo. Nhưng thằng bé lại phóng uế ngay bên cạnh rồi buồn tay bốc cả phân mà ăn nên từ đó, không đứa bé nào dám lại gần nó. Chỉ có bà Quì lúc nào rảnh tay thì chạy sang rửa ráy hộ bằng nước dưới khe...

Nhà này đã mọc lên, nhà khác; rồi nhà khác nữa... cũng mọc lên người ở xóm bên này rất ngạc nhiên từ khi thấy những cái nhà cứ tiếp tục nhau dàn ra trước mặt họ. Họ ngạc nhiên chỉ vì một định kiến : không thể nào làm nhà ở bên kia khe. Giảng giải tại sao, họ không hiểu. Chỉ có một bữa nọ, ông Hương Là cao hứng thế nào bỗng phát ra một câu phê-bình : « Nhà ở sai địa lý ! Bọn đó có ngày lăn tuốt xuống khe, trôi ra sông hết » thì ra ông Hương Là cũng có tài của Tả Ao ! Không hẹn với nhau, cả xóm bên này cùng có một tâm lý chung : Không ưa người ở xóm bên kia. Lúc có căn nhà thứ nhất, tư tưởng ấy chưa bộc lộ. Song tới khi đã có nhiều nhà, đã thành một xóm nho nhỏ thì nó vô tình hóa thành đồng nhất. Họ đều gọi chung những người đó là bọn bên kia, « Bọn Mới » một cách trịch thượng. Gần đúng hệt thái độ dân cư trong các làng,

http://tieulun.hopto.org

trước cuộc chiến tranh, quen đối với những kẻ ngụ cư. Khi ở bên kia có một kẻ nào làm điều gì sai lầm, họ có cảm tưởng cả dãy nhà, cả « xóm » ấy đều phải chịu chung trách nhiệm trước dư luận. Cái thằng bé bị buộc vào chân giường, ngày trước họ rất thương nó. Nhưng sau này, vì cái tâm lý chung kia, họ cũng đâm ra ít có thiện cảm với nó, và họ cho, « *bọn bên kia như mọi không biết thương con* ». Những người ở bên kia đều nghèo rặt như nhau cả. Mùa nắng lũ trẻ cởi truồng trùng trục. Tóc đứa nào cũng hoe hoe vàng. Mẹ chúng cũng bận những cái yếm cổ lỗ. Những người cha có vẻ vạm vỡ, song thô lỗ cộc cằn. Tất cả đều rất ít nói. Họ đi làm quần quật suốt ngày, trưa về ăn qua loa rồi lại ra đi ngay. Buổi tối, họ chỉ thắp đèn lúc ăn cơm rồi đi ngủ. Khi cần mua bán gì, họ chờ lúc đã chập choạng tối mới sang bên này mua rồi quày quả về liền. Không mấy khi nói chuyện, vì hình như họ vụng về, không quen tiếp xúc. Người bên này khe lặng lẽ nhìn họ từ đầu đến chân như nhìn những kẻ rất xa lạ.

* * *

Xóm-Mới càng ngày càng có vẻ phong quang. Quán ăn của chị Củng đã có hẳn hai bộ bàn ghế, tuy thô thiển, nhưng cũng đủ để khách có chỗ ngồi ăn ; họ có thể nghỉ chân trên một cái giường mới bằng tre. Tiếng đàn trong nhà anh Tú đêm nào cũng nghe « cà rịch cà tang » như lời anh Phương vẫn phê-bình. Chị Tú có mang con so, cái bụng tròn vo nên ai cũng đoán sẽ đẻ con trai. Những người muốn chị bán thuốc rẻ một tí, và đừng nhầm ít nào, còn dám đoán đứa con này mặt mũi khôi-ngô mà sinh ra rất dễ. Bà Quì vẫn sang nhà này, sang nhà kia để giúp việc này việc nọ. Lâu lâu, bà lại vui miệng kể câu chuyện của lão trọc phú ở Vùng Cát rất mê con bà Lão vẫn mượn người này, người kia đến khẩn cầu bà, nếu bà bằng lòng, lão sẽ làm riêng một ngôi nhà cho mẹ con bà ở và giao cho mấy đám ruộng tự-do làm ăn. Nhiều người bảo bà cứ vờ nhận bừa, để lấy tiền của lão mà tiêu cho sướng. Việc đó cũng lương-thiện như việc bà đi giúp người khác kiếm đồng tiền tiêu. Nhưng bà bảo bà không muốn, sợ mang tiếng với thế-gian. Câu chuyện tình giữa cặp Nhân Liệu chỉ càng ngày càng thêm trắc trở. Bà Lữ không đánh con gái nữa. Bà bảo bà sẽ nuôi cho cô Liệu tươi tốt, hồng hào. Đến ngày ở cữ, bà sẽ rước mụ tây về đẻ và mướn bà Quì trông nom cho cô luôn nửa tháng. Rồi khi đầy tháng đứa con không cha đó, bà sẽ làm cho cả nhà ông Phiến biết tay bà ! Cho chúng nó hết tưởng hễ lấy được con bà, làm cho nó « bụng mang dạ chửa » là khôn ngoan, là thắng thế. Người ta hỏi bà sẽ làm gì, bà chỉ lắc đầu yên lặng. Người ta xôn xao bàn tán. Có người dám bảo bà sẽ... bà sẽ... Ghê gớm quá ! Có lẽ nào người đàn bà ấy nhẫn tâm đến thế ? Nhưng có kẻ lại bảo người ta có thể làm hết những việc tàn bạo khi căm hờn, khi cần trả thù. Có người hỏi vặn : « Nhưng thù ai ? chẳng lẽ thù cháu bà ? Bà càng hành hạ nó, bà chỉ càng đau xót mà thôi. Mà sự nhẫn tâm đến bực ấy, đâu bà có thể chịu-đựng nổi ? » Thành ra sự trả thù của bà Lữ hoàn toàn ở trong vòng bí mật, một mình bà biết, bà hay.

Bọn Bính, Cần thì mỗi ngày buôn cá mỗi khá thêm. Trước họ định dời nhà, nhưng cứ dụ dự mãi. Rồi họ lại sắm đồ dùng, sửa lại nhà cửa cho chắc chắn. Có

http://tieulun.hopto.org

lần họ bảo sẽ dọn đi hẳn vì nhà đã bán cho kẻ khác rồi. Tiền đã nhận xong, chỉ còn làm giấy. Chị Bính phủi phạch phạch bộ mông to và nói lẫy : « Đi để cho khỏi làm hôi tanh xóm Mới. » Cô Tuy cũng bắt chước mẹ, giọng đanh đá : « Đi cho thiên hạ rảnh mắt ». Ý cô muốn nói : « Đi cho rảnh, khỏi vướng mắt mình nữa » để ám chỉ việc Tùng, con chị Bưởi tình phụ cô ta để mê cái cô Mính, con gái ông Phiến—, cô con gái rất nghiêm trang ít cười ít nói, cả ngày chỉ gõ lóc cóc cái dùi đục vào cái « *động* ». Người anh, Thân, hết sức mang tiếng, còn cô em thì chẳng ai phàn nàn được điều gì. Cô vừa sinh đẹp, vừa lành, vừa siêng. Bà mẹ nào cũng mong có người con dâu như thế.

Xóm Mới còn biết bao nhiêu chuyện buồn vui. Thiên sử của nó còn khá dài và chưa biết sẽ tỏ nên thế nào. Không ai đoán trước cuộc đời của những người tha phương, chịu thương chịu khó, hay làm hay làm này. Không ai đoán trước những mối mâu thuẫn xảy ra giữa họ rồi còn dẫn tới những biến chuyển nào. Xóm Mới sắp thành một khu vực riêng biệt, có những màu sắc riêng biệt và muốn sống, muốn trường cửu để ghi dấu vết của mình trong cảnh loạn ly.

Nhưng có một điều những người đến ở Xóm Mới đều không ngờ.

Cũng như tất cả những ai đến Xứ Cát cũng đều không ngờ như thế.

Việc đó xảy ra vào một mùa mưa.

Mưa !

Mưa !

Mưa ! Xóm-Mới trở nên tiêu điều. Khách xa không đến. Những mái nhà, những bức vách đã nhuộm qua một màu mốc mêu xám xám. Gió rít qua bờ tre. Gió rít qua dương liễu. Tất cả lá cây đều phát ra những tiếng reo trầm trầm như tiếng của tất cả không gian thê lương xa vắng dồn về đây. Ngoài kia, mặt nước ông Trường-Giang càng ngày càng dâng cao khiến cảnh càng thêm bát ngát.

Mưa mãi mưa hoài.

Nước mưa đọng trên động cát mỗi ngày một dồn ứ lại rồi đổ xuống khe. Cả ngày cứ nghe rả rích rả rích... rồi ồ ồ...ồ ồ... rồi ầm ầm... ầm ầm... khe rộng mà cũng không chứa hết nước ; nước chảy suốt ngày suốt đêm mà chỉ càng ngày càng dầy thêm. Bờ khe cao những ba bốn thước mà nước chỉ dọa ngập. Ở xóm bên kia, mọi hoạt động dừng hẳn. Họ ở nhà nấu khoai, rang bắp mà ăn. Những ngày đầu, còn thấy thổi lửa hai lần ; các ngày sau chỉ còn một lần. Lũ trẻ co ro trong mấy chiếc áo quần tả tơi, môi miệng tím thâm, da mặt xám xịt, đã bắt đầu run dưới cơn gió lạnh. Ở Xóm bên này, Bà Qui không đi trông hộ nhà ai nữa, nên cái bữa ăn chỉ gồm một thứ cơm mà chín phần mười là khoai khô, sắn khô, chấm với nước muối pha chút đường xin bên chị Tú. Anh Tú không còn chạy Đông, chạy Đoài, chỉ ở nhà hết đờn banjo lại cù nách cho chị vợ trẻ cười ; nhưng vì bụng chị đã lớn quá nên anh chỉ cù sơ sẽ, chẳng thú vị gì. Anh Phương không sang chọc ông Hương-Là được, chỉ còn môn giải trí độc nhất là ném hạt bắp lên cao rồi há miệng chờ khi bắp rơi xuống là đớp lấy. Anh đớp mười hột trúng mười khiến chị Phương vốn ít cười cũng phải hé mép. Anh Bình, anh Cần thì nằm nói tuồng. Nói tuồng hay, vì đã từng có lúc là kép hát trong ban hát làng

http://tieulun.hopto.org

anh. Song lúc này cũng chẳng gọi được đứa trẻ nào chạy đến.

Sinh hoạt của xóm thu gọn trong nhà, trong bếp và trên giường. Không ai buồn đi đâu, không ai nói chuyện với nhau. Cũng không ai chịu khó ra ngoài để xem nước khe cao đến độ nào.

Không khí yên lành cho mãi đến khuya hôm thứ mười một, kể từ ngày bắt đầu mưa, những gia-đình bên kia khe giật mình thức dậy vì một cơn động đất. Nhưng họ vẫn nằm yên vì liền đó không có sự biến chuyển nào đáng kể.

Ở xóm bên này, anh Phương đang ngủ, bỗng giật mình quay lại cự vợ :

— Sao lại xô người ta ?

— Tôi có xô đâu !

— Lại còn không xô. Kìa kìa cái giường gãy !

Anh nhảy phóc xuống đất. Trong đêm tối thăm thẳm anh có cảm tưởng... không, anh thấy rõ có nhiều sự di dịch chung quanh anh. Cát cứ tràn dần lên chân. Có một vật leo qua bàn chân. Anh cúi xuống nhặt : thì ra một cái lon. Anh kêu to lên :

— Ối ! Ối !

Anh cũng chẳng hiểu trong trường hợp đó, cần phải làm gì. Chị vợ anh run lập cập quẹt luôn bảy lần mà lửa không đỏ.

— Bớ làng !

Đáp tiếng kêu thảng thốt của anh, ở các nhà lân cận cũng có những tiếng kêu ai ái nổi lên. Chưa ai nhận thức rõ điều gì. Chỉ một điều chắc chắn là cát cứ tràn qua chân họ rất nhanh. Và bên ngoài, tiếng nước đổ ầm ầm . . . Ở nhà chị Củng, khi chị đánh được quẹt lên thì chị cũng vừa nhận ra một điều lạ : Cái cối xay bột chị mới mua, định để làm mì tươi tự nhiên cứ lún dần, lún dần xuống. Rồi con heo lớn của chị chạy vùng lên hoảng hốt. Hễ nó đứng lại là bị chôn chân trong cát lập tức. Chị cũng có cảm-tưởng rõ rệt cái giường của chị nằm đang cọ vào cát. Hoảng hốt, chị ẵm hai đứa con nhỏ trên hai tay và chạy ra cửa trước. Cát đổ nhào nhào lên chân chị càng lúc càng gấp. Linh tính báo chị biết là không thể ra cửa trước. Chị chạy lùi lại cửa sau. Chị vừa chạy được mấy bước thì gặp ngay cái cửa phía sau : *hình như cái cửa ấy và cả cái nhà cũng đang chạy tới !* Chị không dám nghĩ gì nữa khi, trong ánh đèn phơ phất, chị thấy rõ ràng cái cối bằng đá đột nhiên biến khỏi mặt đất. Hoảng hốt, chị kêu thất thanh rồi cứ nhằm phía động cát cao mà chạy lên, hai tay ẵm chặt hai đứa con thơ.

Tiếng kêu càng lúc càng dùng dùng nổi dậy. Kẻ kêu cát lún, người kêu nhà sập ; kẻ kêu bờ khe vỡ, người kêu nước sông dâng ; có người kêu động đất, ruộng đất lở đâu gần đây. Dọc theo con đường lên động cát, lố nhố những bóng đen hì hục lúc ngã, lúc đứng theo đuổi nhau ngược đường cát đổ chạy lên. Tất cả mọi người đều cố gắng để thoát thân trước một biến cố vô cùng kỳ dị mà đến bây giờ họ chẳng hiểu đầu đuôi ra sao.

Những người chạy thoát được vòng biến của cát họp nhau lại một chỗ và lên tiếng kêu cứu. Cốc cốc ! có tiếng mõ trong thôn đáp lại. Rồi phất phơ đó đây những ánh đuốc. Tiếng mõ, ánh sáng càng lúc càng tiến lại gần. Tiếng hỏi dồn-dập, xôn xao. Trả lời vẫn vơ. Không ai hiểu sự việc gì rõ ràng đang xảy ra bên dưới. Mà bên dưới, trong cảnh tối tăm mù

http://tieulun.hopto.org

mịt của đêm trường, những tiếng kêu cứu léo nhéo dậy vang. Phần nhiều là tiếng của đàn bà trẻ con. Những ai còn bị lâm nạn dưới kia ?

Đuốc họp lại một nơi. Vô tình diềm mặt. Đây ! Rõ ràng những kẻ đã thoát vòng biến. Còn chừng năm gia đình nữa và khoảng sáu bảy người vừa đàn bà, vừa con nít vừa ông già. Người ta nghe tiếng anh Bình kêu lên :

— Thôi chết rồi ! Tôi bỏ quên xắc rút lại rồi.

Tất cả *gia tài* anh nằm trong đó. Giọng anh đầy nước mắt. Anh định lao mình xuống nơi hang sâu vực thẳm kia, khi vợ con anh vừa nắm kịp chéo áo anh giữ rịt lại. Người ta cũng nghe một tiếng khóc ai oán nổi lên : « Cha ơi là cha ơi ! » không cần soi tỏ đuốc cũng biết là cô con gái tiết hạnh của ông Hương-Là đang khóc người cha biệt tích. Người ta cũng nghe những tiếng kêu hỏi thảm thiết : — Có ai thấy gia đình ông Lữ không ? Liệu ơi ! Liệu ơi ! » Người ta biết ngay là tiếng Thân. Bà hương Lữ khóc oà lên nắm lấy tay Thân ! Nó mắc ở dưới kia rồi, con ơi ! Chắc nó chết rồi »! Vụt bà nghe tay trống rỗng : Thân đã rút tay khỏi tay bà. Một bóng đen lao xuống trong đêm tối, trong hang thăm thẳm. Nhiều người thất thanh kêu :

— Bớ Thân ! Đừng xuống ! Cát lấp lại chừ.

— Bớ Thân ! Con ơi !

Đó là tiếng của bà Phiến. Bà kêu rú lên, hai tay đơ lên trời tuyệt vọng.

Ở phía dưới, nhà cửa trong bóng đêm thấy rung rinh xao động. Có nhiều tiếng lõm bõm, lõm bõm thì biết nước đã ngập vào xóm. Những chỗ nhà cửa trống thì biết nó đã sập, đã bị nước cuốn đi. Lâu lâu, có một bóng người ướt lướt thướt chạy lên là tất cả dồn lại để hỏi han ầm ĩ như người ở dưới âm ti thăm thẳm hiện về. Mà đúng là âm-ti địa-ngục ! Chỉ nghe tiếng kêu la léo nhéo, rất khó phân biệt rồi chìm lịm trong tiếng nước chảy rào rào với những hình cuồn cuộn, luân lưu, mập mờ...

Thốt nhiên những tiếng reo :

— Ghe !

Ghe cứu-tinh từ sông chèo vào. Một chiếc, hai chiếc. Những ánh đuốc hoa lên. Đuốc trên ghe, đuốc dưới nước. Họ đi chậm như rùa. Nhưng ánh sáng của họ tới đâu, như hào-quang chiếu ra tới đó. Ngay từ bờ tre thứ nhất, họ đã phải dừng lại : nhiều người bị trôi dạt xuống đây, đang bám vào những cành nhỏ đầy gai góc. Ghe lại từ từ tiến lên. Mỗi lần những người chèo ghe dừng lại là có tiếng trên cao hỏi vọng xuống :

— Nhà ai đó ?

— Có phải con Liệu không ?

— Có phải anh Toản không ?

— Bớ Tư !

Nhưng ở phía dưới xôn xao không nghe rõ, hoặc vì bận quá không ai hơi sức đâu mà trả lời. Nhờ ánh đuốc trên ghe, những người trên động có thể đoán được tình-trạng ở dưới phần nào. Nhà cửa đã đổ hoặc ngả nghiêng, không còn cái nào nên hình thù gì nữa. Nước đã cuốn hết cả Xóm, ngập vào đến chân động cát bọn họ đang đứng. Chưa biết ai còn ai mất dưới kia !

Cuộc tiếp cứu giòng giã suốt giờ mới xong. Những hình người từ ghe đi lên đều mệt lả không lê bước nổi trong bộ áo quần, tóc, tai nước chảy ròng ròng. Dưới ánh sáng ngọn đuốc, bọn người hiện về rất khó phân biệt. Có người ngồi bệt ngay khi gặp cát khô dưới

http://tieulun.hopto.org

chân rồi nằm ngả ra như chết giả. Có người bụng ông ọc những nước, phải vác lên vai để cứu. Theo phép cấp cứu nhân tạo. Người bày ra phép này là anh Tú. Chính anh cũng kê vai vác chạy mấy người. Anh phàn nàn mãi là chẳng còn một ống thuốc nào, một cái xơ-ranh nào để tiêm hộ — tiêm không lấy tiền — cho các nạn nhân. Chị vợ anh Tú cứ thứt thít khóc và hỏi mãi : « Ngày mai ra sao ? » Bà Qui ngồi thoa chỗ bụng chị cho có hơi ấm và đáp : « Khéo lo ! Có thiên hạ cùng mình, hơi sức đâu mà tính cho xa ». Nhiều gia đình như anh Tửu, chị Cáo, anh Thiệt đều được cứu sống. Những người mới tối nay còn ghê lạnh nhau, bây giờ đã sa nước mắt khi gặp nhau. Chị vợ anh Phương ngồi xít vào cô con gái tiết hạnh của ông Hương-Là, nhè nhẹ vuốt lên bàn tay run rẩy của cô ta. Những mối hi vọng chập chờn của cô, mỗi khi bọn người sống lại đi qua, bừng lện rồi tắt ngấm khiến cho người khác thêm động lòng. Anh Phương đang đỡ cứu mấy người dở chết, dở sống bỗng reo lên !

— A ! Chú Thân đây rồi !

Tiếng nhiều người hỏi dồn dập :

— Có con Liệu không ?

— Có

— Chết, sống ?

— Chưa biết.

Tức thì nhiều người cùng đổ xô về phía đám người mới bước ra khỏi ghe. Thân và một người nữa đang hì hục khuân một cái xác người. Bà Lứ đến sờ cái xác, kêu rú lên :

— Ôi ! con ơi !

Nhưng anh Tú cũng vừa kịp đến. Anh đề tai lên ngực nghe, và bình tĩnh tuyên bố :

— Còn cứu được.

Người ta đốt một đống củi do dân địa-phương mới tiếp tế. Ngọn lửa sáng lòa lên hơ ấm cho những cái xác còn lạnh lẽo...

Dưới kia, nhà cửa tiếp tục ngã gục xuống, trôi lềnh bềnh trong giòng nước chảy xiết ..

Xóm Mới với dãy nhà ở bên này khe đang đau đớn vẹt những trang sử cuối cùng.

*
* *

Sáng hôm sau.

Trên mặt cát bên này khe, nước đã rút một phần. Nhưng tất cả dãy cát lập nền nhà đã trụt lở đi đâu mất. Bờ khe bên kia cao lên và tiến thêm một quãng sang phía bên này. Khe đã đổi lòng, và mở rộng thêm. Nước vẫn chảy xiết, cuốn cuộn, ào ào.

Không còn chút dấu viết nào của một dãy nhà mới hôm qua còn đứng hiên ngang, che chở cả trăm người đầy hy-vọng, tin yêu...

Những người ở bên kia khe nhìn mãi cảnh đang diễn ra trước mặt. Họ bàng-hoàng như đang sống trong một sự thật rất phi-lý và rùng rợn. Họ nghe run rẩy dưới chân vì cảnh đó đâu có phải chẳng là của họ ! Đêm qua họ đã thoát ... Những ngày mai ? Sang năm ? Sang năm nữa ? Ai còn biết trước Cát sẽ biến dổi, tan hợp ra sao !

Đoàn người cũ đã vào nấp dưới những mái tranh che chở của thôn dân. Họ cũng lần lượt từ giã địa-phương này để tìm kế mưu-sinh. Ở đâu ? Họ chưa biết trước. Mỗi người khi sắp ra đi, vẫn dẫn nhau trở lại động cát để nhìn về Xóm cũ. Không ai dám quả quyết nền nhà mình vốn ở chỗ nào nhất định. Anh Phương có ra đào thử cái cối đá của chị Củng. Anh hì hục đào một buổi mà chẳng thấy dấu vết đâu cả. Anh không cười như thường lệ, chỉ thốt ra những tiếng ngạc nhiên :

— Lạ ! thật đúng lời người xưa bảo : Thương hải tang điền ! Như thế này mà ông Hương-Là quyết ở lại để đào cho ra cái gối bạc của ông sao cho được ! Rõ thật ông già lẩn thẩn ..

Anh nhìn ra phía sông, như theo dõi một linh-hồn mà anh không bao giờ hiểu được.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

http://tieulun.hopto.org

THƠ ĐỖ-TẤN



MỘT NGƯỜI

Chúng giết một ông già
Bằng không cho lương thực
Ông già ấy chết rồi
Ốm đau mà không thuốc.

Ông già ấy chết khô
Đầu kê tay làm gối
Muỗi từng đàn vo ve
Hoàng-hôn buồn không nói.

Chúng hối-hả giục đưa
— Tang ma mà làm quái !
Một cỗ quan đơn sơ
Lăn đi trong bóng tối.

http://tieulun.hopto.org

Những người em hôm qua cúi đầu
Những người bạn tự do im lặng nhìn nhau
Vì mất « chúng » không trang bị
Nhưng mà sắc hơn dao.

Tại sao chúng không giết bằng nòng thép
Tại sao chúng không giết bằng lưỡi gươm
Sao lại phải bày trò vu bịa
Sao lại phải tìm đường triệt lương.

Vì tin không có cơm có thuốc
Ông già ấy đầu hàng ?
Vì tin những hồn ma đói khát
Không tìm về được thiên đàng ?

Nhưng rồi mùa xuân... mùa hạ...
Nhưng rồi mùa thu... mùa đông...
Phan-Khôi, người xứ Quảng
Vẫn là tim, là hồn.

Khi Ông vừa nhắm mắt
Lịch-sử liền ghi tên
Bia thời gian liền khắc
Chữ TỰ-DO lên mình.

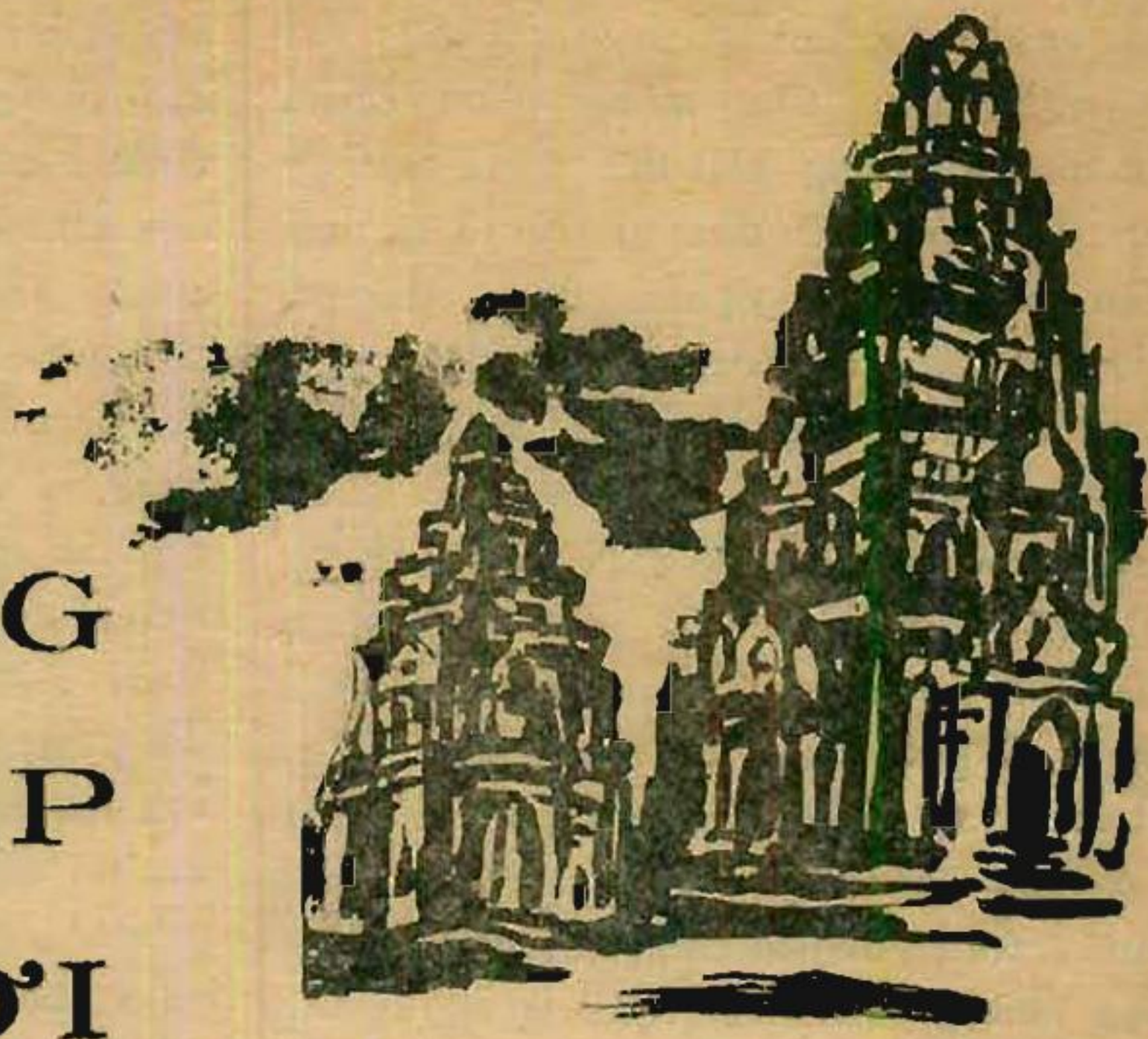
Người chết không tội lỗi
Người sống vững niềm tin
Vì đời có thêm lửa cháy
Và đường có thêm màu xanh.

ĐỖ-TẤN

http://tieulun.hopto.org

VŨ-HẠNH

VÀNG THÁP HỜI



CÂU chuyện này xảy ra cách đây khá lâu, khi làng Đồng-Dương còn nguyên hai ngọn Tháp Mẹ, Tháp Con.

Hai Tháp nằm cách con đường quốc-lộ khoảng mười cây số, giữa vùng đồi núi miền thượng quận Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, thuộc trong khu-vực của một kinh-đô Chiêm Thành (1) ngày xưa.

Phía Bắc hai tháp, cách một cây số, có sông Ly Ly nước chảy uốn khúc, quanh năm rù-rì tuôn qua các ghềnh đá nhấp nhô rồi thu hẹp dòng len lỏi giữa những bãi cát vàng hau để tìm ra bể. Phía Nam là những ruộng đồng xen lẫn núi đồi và phía Tây dẫn đến Việt-An, một chợ miền nguồn, quanh năm có những trái cây vàng ngọt và những cô gái giỏi nghề bán buôn với nụ cười luôn thắm, đôi má luôn hồng. Phía Đông, cách vài cây số, bên phải con đàng cái-quan nối từ miền biển lên nguồn có một cái ao rộng lớn, vuông-vắn — tục gọi Ao Vuông — bốn mùa không cạn, có lẽ là nơi vua chúa Chiêm Thành lấy đất xây đắp đền đài và biến thành chỗ hằng năm tổ-chức những lễ đua thuyền trong ngày hội lớn. Trước khi chuyện này xảy ra, nhiều người bảo rằng Ao Vuông vẫn được thông thương với ngôi giếng cổ nằm trong khu vực Hai Tháp bằng một mạch nước chảy ngầm, và bỏ quả bưởi xuống giếng thì nửa buổi sau có thể thấy nó bồng bềnh nổi trên mặt ao. Gần chung quanh Tháp là ruộng gò và đồi cây cằn cỗi, dân cư thưa thớt. Chỉ có gia-đình ông Cửu Dật ở trong một vườn tre bọc kín là gần Tháp nhất. Ông Dật, họ Trà, vốn là dòng dõi người Hời đã được Việt-Hóa trải qua nhiều đời, nhưng vì sống mãi bên những ngôi tháp luôn luôn nhắc nhở nguồn gốc của mình nên ông vẫn giữ cốt dáng

---

(1) Kinh-đô *Indrapura*.

http://tieulun.hopto.org

thể chất, tinh thần dễ thấy trong những mẫu người Chiêm-Thành chính thống còn lại ngày nay. Ông ít nói, đăm chiêu, thu hình lại trong một thế tự vệ thường trực đối với cuộc đời và có vẻ lạc loài giữa những lớp người đồng thời và những tượng đá rêu phong đứng ngồi trầm mặc trong một khu rừng hoang vắng. Không hiểu ở nơi lòng ông nỗi niềm vong quốc có khuấy động gì chăng nhưng một mối băn khoăn đã giày vò ông từ thời còn trẻ là sự khám phá những món ngọc vàng ẩn-tàng ở trong Cổ Tháp. Thực ra sự khát thèm của quí vẫn nung nấu bao đời tiền bối ông Cửu Dật nhưng trước di-tích cổ-đại được thêu dệt bằng những chuyện ma quái hoang đường mọi người đều phải đặt lòng tham vàng dưới sự tôn kính. Nhưng đến ông Cửu, con người đã từng theo hầu quan trên xông pha trận mạc thì tượng đá mất nhiều tính-chất linh-thiêng. Ông đã bỏ nhiều năm trong thời còn trẻ để đào xới tìm tòi và nhiều pho tượng như thần Ga-nơ-xa đã bị ông chém cụt chiếc vòi voi và bẻ gãy bốn tay để đòi chất ngọc, tượng thần Xi-va bị ông bửa nát đế chân to lớn để hỏi chất vàng và những nàng vũ nữ Áp-xa-ra duyên dáng cũng bị ông khoét bụng để tìm châu báu

Những cuộc tìm kiếm lâu dài ấy không đem lại gì cho ông Cửu Dật nhưng mang đi gần hết sinh lực của buổi xuân thời. Mãi khi về già, liệu thấy sức mình đã kiệt, ông mới tiết lộ cho nhiều trai trẻ họ hàng biết rằng, theo những di-chúc khẩu truyền, thì còn có món vàng ngọc quí nhất dấu trong miệng con rắn đá chôn sâu dưới gốc một cây duối trắng. Cây duối trắng trở thành mối ám ảnh giàu sang cho nhiều trai trẻ nhưng bất kỳ đâu họ cũng tìm gặp những cụm duối xanh chĩa những cành lá tươi tốt ở trên lớp đất sỏi cằn. Đến khi người Pháp đem những chiếc xe to đến chở những pho tượng lớn nhất — những pho tượng mà ông Cửu Dật không có đủ sức phá hủy— mang về Bảo tàng viện Đà-Nẵng và Hà-Nội thì ông Cửu Dật gần như tuyệt vọng hẳn rồi. Họa-hoằn, chiều đến, ông mới bước chân vào rừng, ngước mắt nhìn ngôi Tháp Mẹ cao vút sừng sững che rợp bóng lớn lên ngọn Tháp Con kiên nhẫn đứng kề, rồi ông đảo mắt một vòng lướt qua rất mau trên các tượng đá, như không dám nhìn thật kỹ những cái hình thù long lở vì đôi bàn tay sục sạo của ông.

*
* *

Một chiều cuối thu năm Dậu, hai người ăn mày rách rưới, đen đủi, đến Tháp Đồng-Dương.

Họ đến đúng lúc vào lúc nào, ban đầu không ai được biết. Mấy hôm liền, hai đứa cháu trai của ông Cửu Dật chăn bò thấy hai bóng người lò rò ở chung quanh Tháp, rủ nhau lên đến rình xem mới rõ một già một trẻ suốt ngày cặm cụi tìm đọc các bia đá cũ ngổn-ngang trong các lùm cây, bờ thành long lở. Khi chúng kể lại thì bà Cửu Dật vỗ đui cái độp, sực nhớ ra rằng cách đấy năm hôm, đi mua mắm muối ở Chợ Được về, bà gặp trên đường hai người ăn xin — đúng hệt hình dạng như bọn trẻ nói — lơ lớ hỏi bà con đường về Tháp. Ông Cửu nghe xong, có vẻ suy nghĩ nhiều lắm, vê mãi mấy sợi râu cằm lưa thưa và giương cập mắt già nua trừng

http://tieulun.hopto.org

trừng nhìn vào bát nước chè đen quên uống đã nguội từ lâu, dần dần tan đi những lớp bọt vàng.

Đêm ấy, trái với lệ thường, ông Cửu hối bảo trong nhà ngủ sớm và ông đi nằm trước cả mọi người. Rất khuya, ông vẫn nằm yên, đếm từng giấc ngủ của những người nhà và đợi tiếng ngáy của họ trở nên đều đặn. Ở ngoài, trăng mười tám lên cao, chiếu lọt qua các kẽ hở phên tre những vệt sáng dài. Biết chắc mọi người ngủ say, ông mới rón rén trở dậy, rút lấy chiếc dáo để săn thú rừng luôn luôn đặt dưới gầm phản và mở cửa mạch, nhẹ nhàng lách mình ra ngoài.

Nép mình dưới những bóng cây, ông đi lần mò vào Tháp. Đến bức thành ngoài của ngôi Tháp Mẹ ông dừng bước lại để tai nghe ngóng giây lâu. Không một bóng người, không một tiếng động, chỉ nghe tiếng than bất tận của loài côn trùng râm ran trong các lùm cây bụi cỏ và thỉnh thoảng tiếng gáy của loài rắn độc ẩn mình trong các chân thành. Ông vẫn nín thở đứng yên, dồn hết tinh lực lên đôi mắt già, soi mói nhìn từng tượng đá bụi cây cố tìm lấy một bóng người. Có lẽ họ đã ngủ yên trong Tháp, hoặc đã đi rồi. Một bầy dơi quạ từ đâu bên mạn Quế Sơn bay về, sà xuống trên các ngọn cốc um-tùm, kêu lên chí chóe để tìm chỗ đậu gây nên đôi phút rộn ràng ở tận trên cao rồi cái màn đêm bao la khuấy đục sữa trăng lấy lại không khí âm thầm bí mật. Và hai cửa Tháp tối đen im lìm như hai hang sâu thăm thẳm dẫn về quá khứ ngàn đời.

Ông Cửu nghĩ rằng ban chiều hai người còn lần mò tìm các bia đá thì chắc họ chưa khám phá được gì và đêm nay còn ở nơi đây để đến ngày mai tiếp tục, ông sẽ có dịp theo dõi kỹ hơn, thế nào trong tuần trăng này ông cũng tính chuyện gặp gỡ với họ.

Vừa toan quay về ông bỗng nghe một tiếng động kỳ lạ ở đâu trên cao. Không phải là một nhánh cây khô gãy hay một cánh dơi vỗ mạnh trong đêm, tiếng động như sự va chạm của loài gạch đá hay sự tuôn đụng bất thần của hai vật nặng. Ông nghển tai, nghe ngóng. Im lìm. Rồi một hơi gió, hay tiếng thở dài như từ chót đỉnh chảy lan xuống đến chân thềm. — Kinh ngạc, ông nhìn thấy một vệt sáng thẳng đứng trong lòng Tháp Mẹ từ trên rọi xuống dưới nền một khoảnh rất tròn. Vầng trăng lên đến đỉnh đầu như có sức mạnh dị thường chọc thủng đỉnh tháp để trồng một cột ánh sáng lạ lùng. Ông Cửu đang phân vân tự hỏi vì đâu mà có hiện tượng kỳ quái thế này thì bỗng nghe trên đỉnh cao có những hơi thở gấp rút nặng nề mỗi lúc mỗi thêm mệt nhọc, hổn hển. Rồi một tiếng rú vang lên kịp thời ghìm lại và hai khối nặng sàn sạt rọc các bụi cây giáng mạnh xuống mặt đất chứa đầy gạch đá đổ nát. Ông Cửu vội vã leo qua bờ gạch chạy ra sau Tháp, đến nơi phát xuất tiếng động. Dưới ánh trăng sáng ông thấy một người quần quại nằm trên vũng máu. Kẻ bị nạn cố nén tiếng kêu từ trong lòng ngực phát ra, vặn người, giẫy giụa, hầu mong giảm bớt những nỗi đau đớn đang xéo giày mình. Tất cả sự việc xảy ra một cách đột ngột, bi thảm giữa lúc đêm khuya, trong chốn hoang vắng mà lúc ban ngày cũng ít bóng người lui tới khiến ông Cửu Dật đứng sững rất lâu, không biết xử liệu thế nào. Đến khi người kia nằm yên trong máu và

http://tieulun.hopto.org

rên khe khẽ từng chặp từng hồi theo cơn nhức nhối của các vết thương thì ông mới định thần lại, bước tới gần kề, nhìn thấy một người già nua gầy ốm nằm giương cặp mắt lờ đờ, nét mặt co lại trong vẻ đau đớn tột cùng.

Ông Cửu hỏi khẽ :

— Làm gì ở đây ? Sao đến nỗi này ?

Người kia có vẻ kinh sợ, chăm chăm nhìn ông không nói tiếng nào, như phải đối diện với một hồn ma thình lình xuất hiện.

Ông Cửu đặt tay lên người bị nạn nói, rất ôn tồn :

— Tôi ở gần đây, đừng có ngại gì. Tôi vốn họ Trà.

Nét mặt người kia dịu lại, có vẻ trầm ngâm. Một lát, người ấy cất giọng khàn khàn :

— Khát quá. Tôi phải chết thôi.

Ông Cửu vỗ nhè nhẹ lên cánh tay khẳng khiu quờ quạng liên hồi ở trên lồng ngực gầy gò, an ủi :

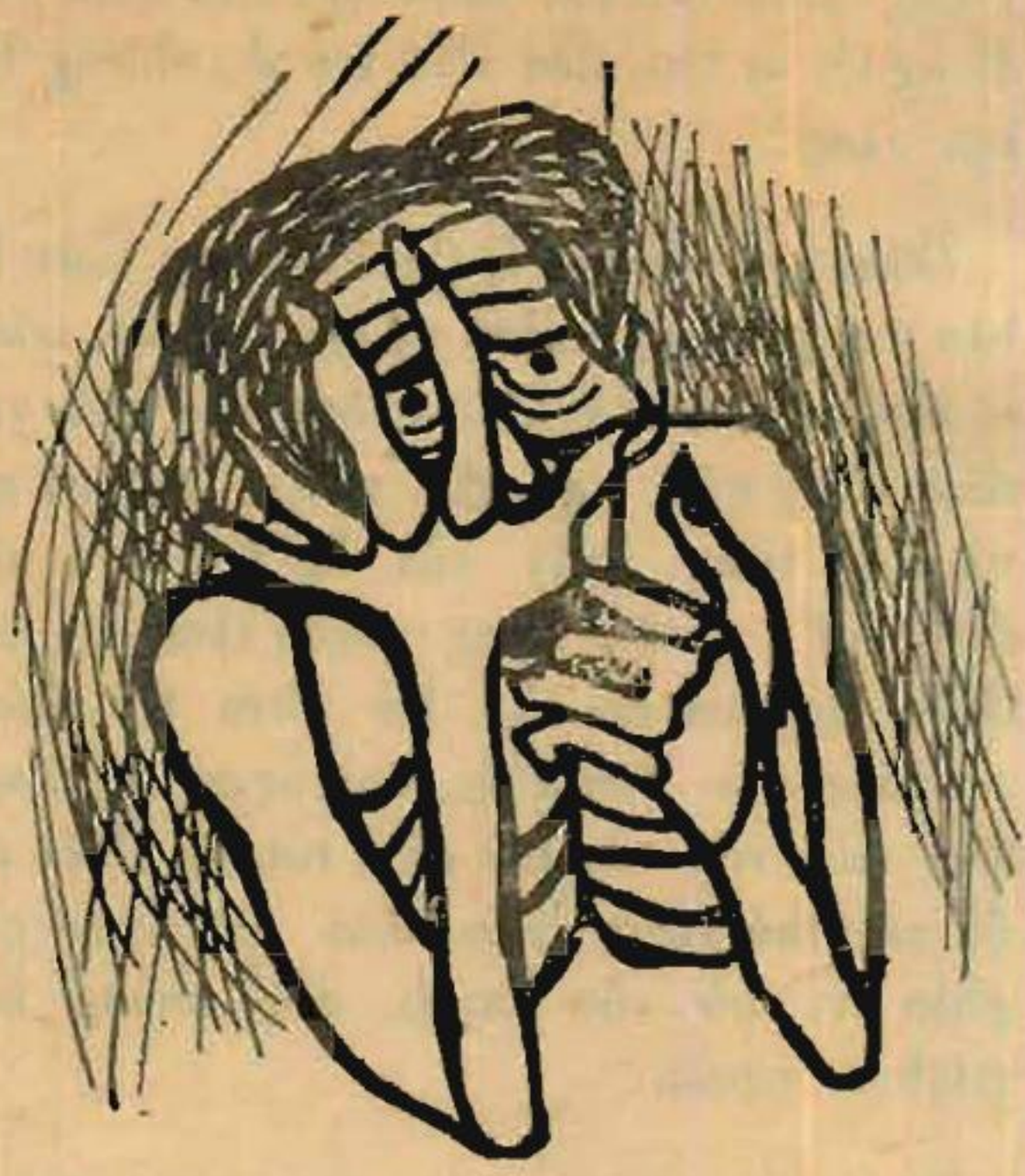
— Nằm yên, tôi đi lấy nước. Ở đây có ngôi giếng cổ...

Người kia bỗng kêu thét lên :

— Thôi đi ! thôi đi !

Ông Cửu nhíu mày nhìn vào cặp mắt trợn trừng hốt hoảng lồ lộ trên khuôn mặt già nua soi tỏ ánh trăng, tưởng chừng chứng kiến những cơn thác loạn trước phút lìa trần.

Người kia quờ quạng nắm cánh tay ông nói bằng một giọng van lơn :



— Ngồi đây, tôi không còn khát nữa đâu. Đã hết khát rồi.

Ngừng một chút, người ấy khàn khàn nói tiếp :

— Còn giếng nước nào nữa không ? Chao ôi ! có vũng nước nào đây....

Ông Cửu không trả lời, nhìn vào trong những lùm cây ủ đầy bóng tối. Sau một lát trầm ngâm, ông hỏi :

— Một người nữa đâu ?

Người kia nhắm mắt lại, không đáp. Ông Cửu nhớ lúc vừa rồi như có hai người từ cao rớt xuống. Ông vội đứng dậy, nhưng người này đã mở đôi mắt thao láo nhìn ông :

— Đi đâu ?

Ông Cửu đáp :

— Tìm một người nữa.

Người bị nạn bỗng nhiên nở một nụ cười nham nhở rồi giơ bàn tay gầy guộc ra dấu cản ngăn :

http://tieulun.hopto.org

— Không bao giờ tìm thấy bắn đâu. Đừng tìm vô ích Ta cùng rơi xuống với mô đá chạm ở trên chót đỉnh. Tìm giùm vị tấy cho ta.

Ông Cửu đoán rằng mô đá không thể rơi xa chỗ người bị nạn nhưng ông đảo mắt nhìn quanh mà chẳng tìm thấy. Bấy giờ mặt trăng đã bị một đám mây dày bao phủ và cả khu rừng chìm trong ánh sáng âm u. Ông Cửu ngồi xuống bậc thềm cạnh tháp để chờ và người bị nạn khó nhọc chống tay ngồi dậy ngước đầu nhìn lại phía ông, ra dáng ngóng đợi.

Khi trăng ra khỏi đám mây, ông Cửu sục sạo trong các bụi rậm cạnh đấy và cuối cùng tìm được mô đá nằm giữa một khóm sim dày. Mô đá khá nặng và khi mang đến chỗ người bị nạn cách đấy chừng năm sau bước, ông Cửu đã thở hào hển.

Trông thấy vật này, người kia gần như quên hết đau đớn, ngồi thẳng dậy được và ôm nó trong lòng, hai tay khẳng khiu cố ghì chặt lấy như ghì một người yêu dấu, mái đầu cúi xuống rất gần, phơi dưới ánh trăng lớp tóc thưa thớt, quăn queo đã bạc, phía dưới bê bết những máu và cả vạt áo sau lưng thấm máu đen sì.

Ông Cửu đứng yên, nhìn từng cử điệu của người ấy, cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của bao nhiêu việc vừa qua. Ông nghĩ đáng lẽ ông phải đưa kẻ bị nạn về nhà cứu chữa nhưng không hiểu sao người ấy cũng chẳng nói gì và cả ông nữa cũng không nhắc đến trước khi rõ hết những điều bí ẩn. Cuối cùng, chừng đã qua rồi cái phút đê mê của sự hội ngộ với mô đá ấy, người kia ngẩng lên, giương mắt trừng trừng nhìn vào trong đêm rất lâu như ngóng tìm ai rồi buông tay khỏi mô đá, quay về phía ông Cửu Dật, nói bằng một giọng khô khan :

— Hãy ngồi xuống đây. ngồi lại gần đây

Ông Cửu ngoan ngoãn nghe theo và ngồi xuống lớp gạch vụn, đối diện với người bị nạn. Người này lại nhìn chăm chăm vào ông rồi cất tiếng hỏi :

— Ông đến nơi đây làm gì, vào khoảng giờ này ?

Ông Cửu tưởng nghe những tiếng rít lên trong giọng căm hờn từ một cổ họng sắp tắt nhưng cố giữ vẻ bình tĩnh đáp lại :

— Tôi có việc đi xa, về khuya, tình cờ mà tạt ngang đây để cho ngắn bớt đoạn đường.

Người kia trầm ngâm giây lâu rồi nói :

— Thời vận của ngươi đã đến và thần Xi-Va dun rủi cho ngươi gặp ta vào đúng lúc này. Những gì mà ta ao ước suốt đời, theo đuổi trọn kiếp bây giờ ta đã gặp rồi nhưng ta lại không thể hưởng.

Ngừng lại để thở, người ấy cố nén mệt nhọc nói tiếp :

— Ta như nhìn thấy trong đêm bóng gã chèo đò đưa người về dưới cõi âm hối hả giục ta... Trước khi lìa đời ta phải kể hết cho ngươi tất cả sự tình. Ngươi là thừa kế của ta, ngươi phải lo liệu cho ta một khoảnh mộ phần, ngươi phải giải oan cho vong hồn ta.,..

Giọng nói càng ngày càng thu nhỏ lại, nhiều khi nghe như những tiếng thì thầm. Ông Cửu ngồi yên, đôi lúc dán tai xuống gần vành miệng người ấy nhưng hai con mắt vẫn dán chặt vào mô đá trước mặt, tưởng như nghe chuyển vọng về từ một cõi nào huyền bí xa xôi ..

* * *

http://tieulun.hopto.org

Ta-Khốt và Kha-Lai là hai anh em ruột thịt. Ta-Khốt lớn lên, cha mẹ còn sống và được theo học nhiều năm ở trường. Kha-Lai ra đời vài năm thì cha rồi mẹ lần lượt lìa trần. Trước khi nhắm mắt, người cha nhận thấy bản chất Ta-Khốt đam-mê, nên gọi con lại bên giường. Bắt chước nhân-vật trong một cổ-tích Ấn-Độ, ông dặn con rằng :

— Con phải quản-trị gia-tài, nuôi em khôn lớn. Đời sống còn dài, con hãy gắng giữ lấy mình. Có ba điều đáng sợ hơn cả ma-quỷ : một là cờ bạc, hai là rượu chè, ba là phụ-nữ. Tránh được cả ba điều ấy thì con có thể cùng lạy thần-linh mà không xấu hổ.

Nhưng biết con mình không phải sinh ra để mà duy trì đạo-đức, ông bèn nối tiếp theo câu chuyện xưa :

— Nếu liệu không thể giữ mình trước những cám dỗ thì hãy nghe đây : Con hãy đánh bạc nhưng đánh thế nào cho tròng mắt của con hóa đỏ như thể lửa than. Con hãy uống rượu nhưng uống thế nào cho đến mê man bất-tỉnh. Và đàn bà, con hãy tìm đến với họ trước khi họ dậy độ một canh gà.

Người cha noi gương cổ-tích ý muốn cho con thấy rõ tất cả ý nghĩa chán chường của những thú vui khi đã vào sâu cực độ. Người ta thường bị đam mê là vì không được toại nguyện. Kẻ đói mới phải thèm-thuồng, người no tỏ vẻ lơ-đãng. Cờ bạc thức cho đỏ mắt, rượu chè uống cho mê man, còn gì mà nói mê say ? Và người đàn bà, trước khi thức giấc, phấn son lợt lạt, điệu-bộ buồng tuồng, còn gì mà nói quyến rũ ?

Dứt câu cha dạy, Ta-Khốt hứa quyết giữ lời và người cha yên lòng nhắm mắt. Ta-Khốt nuôi em, nhưng khi Kha-Lai đến tuổi đi học, Ta-Khốt bảo rằng :

— Bao nhiêu chữ nghĩa ở trường ta đã học giúp cho mày cả rồi. Bây giờ chỉ có đàn bò ở nhà là không ai giữ.

Và Kha-Lai phải đi giữ bò.

Đến khi Kha-Lai đã lớn, Ta-Khốt cưới cho Kha-Lai một người đàn bà hiền lành trong xóm, chia cho Kha-Lai vài khoảnh ruộng vườn và chiếm gia-tài. Ta-Khốt nói :

— Đấng Bà-La dạy rằng chỉ người hiểu biết mới được giữ nhiều của cải. Mày không đi học, không phải là người hiểu biết.

Và Kha-Lai phải chịu cảnh nghèo.

Ban đầu, Ta-Khốt có theo những lời cha dạy chống lại ba thứ cám dỗ. Nhưng càng chống lại càng phải nghĩ ngợi đến luôn nên thành một mối ám ảnh và hóa mê say. Anh tự nghĩ rằng, đối với thần-linh, dù có xấu hổ trong khi cúng

http://tieulun.hopto.org

lạy cũng chẳng thua thiệt điều gì cho nên cương quyết thực hiện những phần thứ hai của lời cha dạy. Anh bắt đầu đánh bạc cho đến đỏ mắt, bắt đầu uống rượu cho đến mê man, anh lại tìm đến đàn bà trước khi đàn bà thức giấc độ một canh gà. Nhưng khi cặp mắt hết đỏ thì anh hăm hở gỡ-gạc và thua càng nhiều. Sau khi cơn mê đã tỉnh thì anh quen mồi lại uống càng mạnh. Và người đàn bà, trước khi thức giấc, có vẻ khêu-gợi hơn bao giờ hết. Thành thử Ta-Khốt càng tỏ ra chí hiếu nghe lời cha dạy bao nhiêu thì càng bệ rạc, càng cùng tùng và cuối cùng như người rối loạn trí não.

Ta-Khốt bỏ nhà ra đi nhiều năm để tránh công nợ và một ngày kia anh ta về lại quê cũ. Bây giờ tóc anh đã bạc và những chủ nợ đã chết cả rồi. Những người thừa kế của họ không ai còn nhớ mặt anh và anh thì nhất định không quen biết họ. Ta-Khốt tìm đến Kha-Lai, ngủ lại một đêm và giữa canh khuya bên ngọn đèn dầu, bảo với em rằng :

— Anh đã học nhiều, đã biết nhiều lắm. Trong những cổ-tháp của ông bà ta để lại, vẫn còn bao nhiêu của quí ẩn-tàng. Tổ-tiên chúng ta không muốn chúng ta khổ-sở. Phải tìm mà hưởng.

Kha-Lai thật thà hỏi lại :

— Thế ra từ trước đến giờ không ai tìm lấy cả sao ?

Ta-Khốt trả lời :

— Có chứ. Người ta đã lấy nhiều rồi, người ta sung sướng vô kể. Anh sẽ đưa em đi xem bao nhiêu ruộng đồng tươi tốt, bao nhiêu nhà cửa cao sang người ta tạo được bằng đồ vàng ngọc của tiên-tổ chúng ta. Nhưng kho tàng chưa hết, kho tàng vẫn còn... Tội gì mà em chịu khổ cả đời ? Chỉ cần một tí, một nắm tay thôi là em sung sướng trọn kiếp, em chẳng phải làm gì nữa.

Và để Kha-Lai thêm phần tin tưởng, Ta-Khốt với tay lấy cái khăn gói dùng làm chiếc gối, lôi từ trong ra một quyển sách cũ, trịnh trọng bảo rằng :

— Ngày xưa anh ăn chơi nhiều là vì anh biết tổ-tiên chúng mình vẫn còn lưu lại vô-vàn châu báu. Anh phải mất đi nhiều năm mới tìm ra quyển sách này ở trong hang sâu do bầy rắn thần canh giữ. Tất cả những điều bí mật thầy đều ghi chép trong đây. Nhìn xem...

Ta-Khốt chìa quyển sách ra dưới ánh đèn dầu. Kha-Lai cúi nhìn với vẻ tò mò ngơ ngác bao nhiêu chấm đen chi-chít ngòng-ngoèo và nghĩ đó là bùa chú. Từ bé đến giờ Kha-Lai chưa hề đối-diện với chữ một cách quan-trọng thế này cho nên không ngăn được lòng cảm-động.

Ta-Khốt lật qua lật lại quyển sách rồi ấp lên ngực, lim dim đôi mắt, khấn cầu. Giây phút trở nên thiêng-liêng và Kha-Lai cũng cúi đầu xuống.

http://tieulun.hopto.org



Vài hôm sau, hai người lên đường. Bao nhiêu của tiền dành-dụm Kha-Lai vét hết đem theo. Đến ngôi tháp nào họ cũng ghé vào tìm kiếm. Ta-Khốt đọc hết các bia, xem hết các tượng nhưng qua nhiều nơi Ta-Khốt đều bảo mình đến quá chậm, và kho tàng bị lấy từ lâu hoặc lấy vừa xong. Họ lại tiếp tục lên đường, mỗi ngày mỗi thêm mệt mỏi. Trong ba mối cám dỗ của thời trẻ trung, bây giờ Ta-Khốt về già còn giữ được món rượu-chè và càng tỏ ra chí-hiếu trên phương-diện đó cho nên Kha-Lai phải héo cả ruột khi thấy số tiền mỗi ngày càng vợi mau đi. Một điều làm cho Kha-Lai ngạc nhiên là không hề thấy người anh giở đến quyển sách thiêng-liêng mỗi khi vào tháp. Một hôm ghé vào quán rượu, trong lúc say sưa, Ta-Khốt làm rơi quyển sách ra ngoài. Một khách ngồi gần trông thấy cúi nhặt rồi chìa cho các người cùng bàn và đồng cười lên. Ta-Khốt giận lắm, giật lấy, rồi săn lò bếp bên cạnh đang cháy ngùn ngụt, ném vào. Kha-Lai hoảng-hốt muốn kéo lại ra nhưng thấy thái-độ cương-quyết của anh đành phải dừng lại.

Khi bước ra đường, Kha-Lai bèn hỏi :

— Sao anh lại đốt sách đi ?

Ta-Khốt cười đáp :

— Ta thuộc hết rồi. Quyển sách bây giờ đã nằm trong ruột của ta. Giữ nó ích gì, lỡ làm rơi rớt kẻ nào nhặt được rẽ chiếm hết cả kho vàng.

Một chiều cuối thu, họ tìm đến Tháp-Đồng Dương...

Sau mấy ngày tìm kiếm, một hôm Ta-Khốt kêu lên một tiếng vui mừng. Kha-Lai đang ngồi rầu rĩ trên một bậc thềm vội ngẩng đầu lên. Ta-Khốt đang

http://tieulun.hopto.org

đập hai tay vào nhau để làm tiếng trống, uốnẹo cái thân già nua, gầy gò, nhảy-nhót quanh một tấm bia xiêu-đổ do nhiều mảnh vụn ghép thành. Một lát, Ta-Khốt dừng lại, nghiêm trang nói với Kha-Lai :

— Chúng ta đã thành công rồi. Từ nay, mày sẽ sung sướng cho đến trọn đời. Mày phải nhớ ơn của ta, Kha-Lai. Bao nhiêu công phu học hỏi, tìm kiếm của ta là cũng vì mầy. Tiếc quá, ở đây cách xa hàng quán không thì phải uống thật nhiều để mừng cho kết-quả này. Hãy nhìn tấm bia mà xem. Nắng mưa sương gió đã làm mòn nát cả rồi nhưng ta vẫn còn đọc được. Ha ! ha ! ta còn đọc được..

Kha-Lai cúi xuống trên những dòng chữ ngoằn ngoèo lờ mờ in trên thớ đá rêu phong như từng cúi xuống trên sách đêm nào, với niềm ngơ ngác chứa chan hi-vọng.

Ta-Khốt ngồi xuống cạnh bia, đưa mắt nhìn quanh như sợ có người nhìn thấy, rồi chĩa ngón tay gầy gò điểm trên nét chữ :

— Đây, tấm bia dạy rằng : Những gì quí nhất để trên chót đỉnh, và chôn dưới giếng sâu. *Chót đỉnh không thể leo lên trong lúc ban ngày. Nhưng còn giếng nước... chúng ta cùng đến xem nào.*

Hai anh em tìm đến ngôi giếng rêu phong, trơ mấy thành đá vuông vắn sứt mẻ nhiều nơi. Ta-Khốt bảo em :

— Cái vinh-dự tiếp-xúc đầu tiên với kho tàng của tiền-tổ giấu dưới đáy sâu, anh nhường cho em.

Rồi giọng Ta-Khốt càng thêm ngọt ngào :

— Tương-lai của em ở đáy, hãy gắng mà tìm. Mò sâu dưới đáy, nhớ nhé.

Kha-Lai ngoan ngoãn vâng lời, trút lớp quần áo. Từ nhỏ sống với trâu bò, quen nghề bơi lội mò cua bắt cá Kha-Lai không hề biết sợ những vực nước sâu. Nhưng khi nhúng mình xuống mặt giếng lạnh chung quanh đủ thứ rêu dài tua tủa đâm ra như muôn ngàn rắn độc và lúc lộn người trong nước thấy trước mặt mình chỉ một màu đen dày đặc, Kha-Lai bỗng nhiên khiếp sợ lạ-lùng. Nhưng nghĩ đến bao nhiêu vàng ngọc ủ trong đất bùn dưới đáy, Kha-Lai quẫy mạnh, nhoai người trở xuống...

Ta-Khốt ngồi trên thành giếng, đăm đăm chờ đợi. Từng tăm bọt sủi và giây lần những quầng nước xao động đục ngầu. Cuối cùng, Kha-Lai ngoi lên, nghếch khuôn mặt tái mét trên nước để thở.

Ta-Khốt cúi thòng người xuống hỏi vội :

— Thế nào ?

http://tieulun.hopto.org

Kha-Lai hốn hển trả lời :

— Không thấy gì hết !

— Không thấy gì hết ? Kho vàng còn chôn dưới đấy. Hãy cố mà tìm. Chịu khó đi nghe, không có sự sung sướng nào mà mình khỏi phải nhọc lòng.

Kha-Lai hít một hơi dài rồi nhoài người, lặn xuống.

Rất lâu, Ta-Khốt mới thấy Kha-Lai trồi lên, mái đầu còn đính bê bết chất bùn.

— Thế nào ? Có thấy gì không ?

Kha-Lai không trả lời, hai tay bám vào một nhánh si già đâm ra từ một vách giếng để thở. Ta-Khốt hỏi lại :

— Thế nào ? Gặp rồi đấy chứ ?

Kha-Lai vẫn cúi gục đầu, đáp trong hơi thở dồn dập :

— Không có kho vàng nào hết.

— Chẳng sờ chạm phải vật gì cả sao ?

— Chỉ có lá cây bùn mục và bùn đen chất đống lâu đời.

— Vàng ở dưới đấy, vàng dưới bùn đấy. Hãy vục xuống bùn mà lấy được vàng.

Kha-Lai ngẩng đầu, giương mắt lờ đờ đầm-đìa những nước, nói bằng một giọng chán nản :

— Bùn đóng dày lắm không sao xuống nổi. Hãy lấy vàng trên đỉnh tháp cũng đủ cho ta sung sướng một đời.

Và anh bám vào thành giếng cố gắng trèo lên. Nhưng Ta-Khốt thét to :

— Mày thực là đứa biếng lười, hãy gắng lần nữa xem sao !

Kha-Lai lắc đầu :

— Chịu thôi. Lặn xuống thì phải vùi xác trong bùn.

Bỗng nhiên Kha-Lai nghe một tiếng cười ghê rợn ở trên đầu mình. Đang hì hục trèo lên, Kha-Lai vội vã ngước nhìn và kinh-ngạc thấy cặp mắt người anh đỏ ngầu sắc máu.

Ta-Khốt nói bằng một giọng giận dữ lạ thường :

— Đồ bất-lương ! Mày đã tìm thấy kho vàng dưới ấy và mày nhất định giấu tao ! Mày biết là tao không thể lặn xuống đáy giếng và mày còn muốn đoạt luôn cả vàng ở trên đỉnh tháp nữa sao ?

http://tieulun.hopto.org

Kha-Lai há miệng trong sự ngạc nhiên xen lẫn kinh hãi và anh chưa kịp trả lời thì Ta-Khốt đã vội rời khỏi miệng giếng. Anh cố hết sức nhoài lên và vừa trườn mình bấu lấy mặt thành đã thấy Ta-Khốt chạy đến với một khúc cây rất lớn và một vẻ mặt đanh ác lạ thường. Vẻ mặt ấy, Kha-Lai chưa hề bắt gặp ở trong đời mình. Hình như tất cả những gì nham-hiểm, tàn nhẫn ở trong đáy hồn đều thành sắc diện khiến cho con người có vẻ gớm ghiếc như loài ác quỷ. Kha-Lai chỉ kịp nhìn thấy khúc cây đưa cao và anh bị đánh vang nhào xuống nước. Nhiều lần anh cố trồi lên, trồi lên, nhưng sự đau nhói từ đầu lan khắp cơ thể như sức giày vò cấu xé vô cùng thảm khốc khiến anh buông xuôi... Trong lúc giẫy giụa tuyệt vọng anh nghe mơ hồ như có những tiếng dội mạnh liên tiếp, dập dồn, nhận chìm anh xuống một vùng mát lạnh nhầy nhụa khác thường.

Ta-Khốt, sau khi bày tung những lớp gạch đá bờ thành chờ ngày đổ nát xuống lòng giếng thảm để vùi kín xác Kha-Lai, cúi nhìn rất lâu chờ xem đứa em mà gã ngờ vực mạnh tâm đối trá có còn cố gắng ngoi lên mặt nước hay không. Đến lúc chắc rằng Kha-Lai đã bị chìm sâu dưới lớp bùn dày và cái bí mật kho tàng ở trên nóc tháp thuộc về sở hữu riêng cho mình gã, Ta-Khốt mới thực yên lòng. Gã chõ miệng xuống lòng giếng, nói như rít lên :

— Kho vàng dưới đấy là phần của mày, giữ lấy, Kha-Lai ! Ta đã chia xẻ công bằng rồi đó, mày đừng oán-hận nỗi gì. Trọn kiếp mày sống nghèo nàn, bây giờ về cõi bên kia mày được thụ hồ mà hưởng cuộc đời phú-quí.

* * *

Giọng nói của Tà-Khốt nhỏ dần và ông Cửu Dật nghe rõ sương khuya lộp độp rơi xuống lá cành. Vài cánh dơi về chậm chí-chóe giành nơi yên nghỉ trên những ngọn cốc đen ngòm. Xa xa trong các xóm thôn khuất vắng tiếng chó mơ hồ vẳng lại. Và dòng sông Ly Ly, qua các ghềnh đá, gieo vào lòng đêm một giọng rù rì bất tận, như kể lể nỗi niềm tâm sự không nguôi. Tà-Khốt dừng lời, lịm đi trong sự giày vò cực độ rồi lại phều phào :

— Trọn đời ta đã hy-sinh cho nó thế mà nó chẳng nghĩ đến ơn ta. Nó muốn đoạt lấy kho vàng dưới giếng và cả vàng trên đỉnh Tháp. Đồ bất lương ! Thần linh đã hại nó đấy, xui cho đá giếng đè lên xác nó...

Ông Cửu ngồi yên có vẻ không tin những lời Tà-Khốt. Qua sắc diện, lời nói cử chỉ của y, ông Cửu liên tưởng đến những con người suốt đời chỉ sống bằng sự liều lĩnh bằng sự nham-hiểm khôn-lường. Cuối cùng ông hỏi :

— Tấm bia chỉ chỗ kho vàng nằm ở nơi nào ?

Tà-Khốt lừ mắt nhìn chăm vào mặt ông Cửu rồi tự nhiên nhắm lại, giây lâu mới chợt mở ra, đưa tay chỉ về một hướng :

— Đó là những mảnh đá nát mà ta đã nhặt dồn lại ở dưới chân thành phía Nam, cạnh ngôi Tháp nhỏ.

Rồi giọng nói trở nên thống thiết khác thường :

— Ta khát nước lắm... Chịu không được rồi... Cho ta một gáo nước lạnh hay một chén rượu, may ta còn sống thêm được ngày nào...

http://tieulun.hopto.org

Câu nói sau cùng làm cho ông Cửu nổi giận. Và ông cảm thấy ghê tởm lạ lùng cho kẻ tàn nhẫn mà ông đoán chắc đã giết người em để đoạt lấy vàng. Ông gầm lên :

— Im đi ! Mày chỉ có uống máu người mới sống được thôi ! Đồ bất nhân !

Và ông nhào đến, ghì lấy cái cổ già nua của Tà-Khốt trong hai bàn tay xương xẩu của mình. Ông thấy lão già vùng vẫy yếu ớt và chỉ giây lát đã nằm co quắp ở trên vũng máu. Lúc rời khỏi lớp da cổ lạnh ngắt, những đốt ngón tay ông Cửu như tê dại hẳn và ông tự hỏi sao mình không dùng chiếc dáo đem theo để kết thúc mau chóng đời tên ác-nghiệt ? Ông cảm thấy sự bất bình của mình đối với Tà-Khốt có vẻ gắp rút quá sức, đột ngột quá sức và hình như không phải là ông thật sự oán-hận một kẻ làm anh tàn nhẫn. Chính cái ý-nghĩ Tà-Khốt có thể sống sót khiến ông xử sự quyết liệt, chính những tiếng gà xao-xác gáy mau đã thúc giục ông thu xếp vội vàng trước khi mặt trời trở lại.

Ông Cửu khệ nệ bưng cái tảng đá mà Tà-Khốt ôm ghì lúc nãy đem giấu vào một bụi kín rồi kéo xác chết đi về phía giếng và xô mạnh xuống. Một tiếng vang dội nặng nề làm bắn tung lên vài giọt nước nhỏ trên bàn tay ông. Ông Cửu tự nghĩ đã báo thù giúp người em xấu số và ông đã làm một việc hết sức công bằng. Nhưng để yên lòng hơn nữa, ông tìm khúc cây còn bỏ trên đất và bẩy rơi luôn xuống nước mảnh thành còn lại ở trên miệng giếng. Từng đống gạch lớn lần lượt lần xuống, đem sự điêu tàn vùi trong lòng nước sâu đen và ngôi giếng cổ với cái công trình kiến trúc khác lạ bây giờ chỉ là lỗ huyệt chôn vùi hai kẻ tìm vàng.

Ông Cửu quay lại chỗ cũ lấy đất phủ lên vũng máu rồi lại chỗ đầu tảng đá. Ông phải hết sức mệt nhọc để đưa nó qua mấy bức tường gạch bao bọc quanh tháp và mặc dầu viễn ảnh giàu sang bùng dậy sáng lòa qua cái kho tàng chiếm hữu đột-ngột ông cũng không sao có đủ gân sức để mang một mạch tảng đá về nhà. Lúc đầu cứ độ ba bốn chục bước ông phải dừng lại để thở và sau chỉ một quãng ngắn là ông đã ngồi khuỵu xuống rất lâu, hơi thở hào hển, mồ hôi tuôn ra dầm dề, mặc dầu sương đêm rơi xuống càng nhiều. Dần dần ông Cửu thấy mình cứ mỗi lúc nghỉ càng ngồi lâu hơn và nếu không thiết tảng đá chôn dấu bao nhiêu vàng ngọc, có lẽ ông không thế nào gượng đứng dậy được. Đến khi ra gần ven rừng ông thấy chân trời hừng sáng, tay chân rã rời, cơ thể nhức nhối mệt mỏi lạ-lùng. Biết mình khó lòng tránh được cặp mắt tò mò của những lũ trẻ chăn bò hoặc những nông dân dậy sớm quanh vùng, ông bèn cố lê tảng đá giấu kín vào một bụi rậm. Nhưng vừa quay đi, ông Cửu vẫn thấy thắc mắc không yên và ông trở lại chỗ giấu, hì hụi cố khiêng tảng đá đến một nơi khác. Phải ba bốn lần như thế ông Cửu mới đặt nó vào trong bụi gai mây chằng chịt mà người đứng ngoài tình mất bao nhiêu cũng không biết được. Lúc chun ra khỏi lùm gai và đi được một quãng đường ông Cửu mới kịp thấy quần áo mình bị rách nhiều chỗ và trên da thịt dấu gai sướt máu đen bầm. Ông phải lủi thủi tìm ngõ vắng nhất về nhà, tưởng chừng chung quanh lối đi vẫn có những kẻ theo dõi. Ngọn lửa thổi cơm buổi sáng cháy bùng dưới bếp khiến ông ngần ngại. Nhưng cuối cùng thấy ánh hừng đông mỗi lúc càng tỏ rạng mau, ông phải hấp tấp đi

http://tieulun.hopto.org

vào, lách mình vội vàng qua cánh cửa mạch khép hờ từ lúc ra đi.

May thay, những người trên nhà chưa ai thức giấc. Thay vội quần áo và đem giấu kín một nơi, ông Cửu lên giường nằm ngủ và thiếp mê đi rất chóng. Trong giấc ngủ, ông thấy bao nhiêu ác - mộng hãi hùng đầy những xác chết, những bàn tay máu, những cái sọ dừa lủng lẳng điểm những đôi mắt lõm sâu sáng quắc và những hàm răng trắng nhởn nhe ra, đuổi theo bén gót của ông. Ông Cửu rú lên, quờ quạng đôi tay trên không như muốn bấu vào một sự cứu đỡ. Đến lúc ông bị lay mạnh và hai tay ông ôm chặt lấy một thân người ông mới choàng tỉnh, ngơ ngác nhìn thấy khuôn mặt hốt hoảng của người vợ già cúi xuống bên mình. Nhớ lại sự việc vừa qua ông Cửu không sao phân biệt được mộng và thực, nhiều khi ông cứ chập chờn nghĩ rằng Tà - Khốt, Kha Lai và cả kho vàng ở trên đỉnh tháp chỉ là sự việc trong cơn mơ ngủ mà thôi. Chỉ một lát sau, ông Cửu lại thiếp mê đi và lạc vào những giấc mộng lạ lùng quái đản hơn nữa. Thỉnh thoảng xen vào những cảnh rùng rợn, ông Cửu thấy mình trở nên sang trọng, quyền quí như bậc vua chúa với những châu ngọc lụa là che phủ quanh mình và ông cười lên the thé.

Gần trưa, ông Cửu mới tỉnh dậy được. Bà Cửu đã đặt một chén thuốc cẩm trên chiếc ghế gỗ cạnh giường và ngồi im lặng gần đấy canh chừng giấc ngủ cho ông. Cố gượng ngồi lên, ông Cửu thấy mình vẫn còn ê ẩm toàn thân và hai cánh tay như không tự chủ được nữa. Dần dần trí não trở về thực tại, ông Cửu run run bưng lấy chén thuốc và tự nhủ rằng một ngày gần đây ông sẽ uống toàn những thứ sâm nhung đắt giá để cho tuổi già của ông trở lại tươi nhuận như được hồi xuân. Và những người hầu hạ cho ông sẽ là những nàng tì thiếp xinh đẹp hơn cả tranh vẽ chứ không hom hem già nua, như người đàn bà đang ngồi trước mặt ông đây, giương cặp mắt yếu lo lắng nhìn ông như sợ ông sẽ đánh rơi chén thuốc xuống giường.

Trong người hơi tỉnh, ông Cửu đã thấy băn khoăn, những muốn ra ngay ngoài tháp. Ông lo ngại rằng dấu máu ban đêm còn dính trên các cành cây bụi cỏ sẽ dẫn đôi kẻ lạc lối trong rừng tò mò tìm ra chỗ cất tảng đá, hoặc là một đôi kẻ nào hái củi, bứt mây sẽ khám phá được chỗ giấu của ông thì cái tương lai sang giàu sẽ tan biến mất. Ông Cửu khệnh khạng đội nón chống gậy ra đi, mặc dầu bà Cửu nhăn nhó kéo ông trở lại :

— Trời nắng thế này, đau ốm là vậy mà ông đi đâu kia chứ ?

Ông Cửu cười gượng, trả lời :

— Đừng hỏi gì cả. Đi có việc cần rồi lại về ngay.

Rồi ông lảo đảo bước đi không quay nhìn lại dáng điệu của người vợ già ngẩng mặt nhìn theo lẫn lộn lo âu cùng với kinh ngạc.

Tới rừng, ông Cửu cẩn thận quay nhìn quanh mình, đến khi chắc rằng không có một ai theo dõi, ông mới tiến sâu vào trong, cố tình đi theo nhiều lối quanh co trước khi tìm đến chỗ giấu tảng đá. Giữa bụi gai mây rậm rạp, tảng đá vẫn còn nằm yên, ngoan ngoãn, hiền lành, nhưng có một vẻ cao quí khác thường khiến ông Cửu Dật nhìn mãi không thấy chán mắt. Lâu lắm ông mới trở về chỗ tháp lấy thêm đá gạch, sỏi cát phủ

http://tieulun.hopto.org

lên một đôi dấu máu quánh đen, khô đặc còn dính rải rác ở trên mặt đất và cẩn thận bẻ những lá cành mà khi kéo lê xác chết, ông đã vô tình để lưu vết máu. Ông ném tất cả lá cành xuống giếng nhưng không dám đứng gần lại cúi nhìn, tưởng như sẽ thấy những cặp mắt trợn ngược lồm trong hai lỗ hốc sâu dăm đăm nhìn mình. Xong, ông Cửu tìm đến chân thành phía nam và thấy những mảnh đá nhỏ đổn lại thành một tấm bia khá lớn. Ông Cửu đem những mảnh nào còn lưu nét chữ nhiều nhất ném luôn xuống giếng, cốt để riêng mình giữ lấy bí mật kho tàng. Và ông lảng vảng trong rừng suốt buổi để ý canh chừng xem có kẻ nào bén mảng lại gần nơi giấu tảng đá hay không. Ông không thấy đói, cũng không thấy khát, quên cả mệt mỏi, hình như từ nơi tảng đá có một sức mạnh kỳ lạ nâng đỡ người ông, ban thêm sức sống cho ông một cách huyền bí lạ thường. Ông vừa thơ thẩn đi lại trong rừng, vừa tìm kế hoạch lấy chất vàng ngọc dấu trong tảng đá. Phá vỡ một khối đá cũng như thế không phải là công việc làm trong một khoảnh khắc, nếu ông đem đồ dụng cụ vào rừng, nửa chừng hi hục có kẻ bắt gặp thì biết làm sao ? Gợi sự chú ý của những người ngoài là điều nguy hiểm đối với kho tàng vô giá mà ông làm chủ từ nay. Nếu đem về nhà ông sẽ làm sao phá vỡ tảng đá mà không gợi sự chú ý của vợ con ông. Ông Cửu là người đa nghi, là người dè-dặt. Cũng như hầu hết những người đàn ông thời trước, ông Cửu không tin nơi sự kín đáo của những miệng lưỡi đàn bà, nên ông không muốn vợ con vì quá hứng chí loan báo kho vàng của ông cho thiên hạ biết để rước lấy những tai họa sau này. Trong số con trai và cả con rể ở gởi trong nhà, bây giờ ông Cửu xem ra không còn tin cậy được ai. Ông tự nhủ thầm : « Chúng nó không chịu khổ sở bao nhiêu tâm lực như mình, chúng không thể hưởng ngang nhiên ngọc vàng như thế. Tuổi trẻ sớm được giàu sang thì chóng hư hỏng vì không hiểu được giá trị của những nỗ lực kiếm tìm. Phải cho chúng hưởng dần dần, từng giọt, từng giọt, để khỏi biến chúng thành lũ phá-hoại, vong-ân ».

Cuối cùng, ông Cửu quyết định tìm cách đưa tảng đá quí về nhà.

Tối hôm ấy, ông Cửu đi nằm ngủ sớm, nhưng vẫn trằn trọc không yên, tuy một chừng nào ông đã vững lòng hơn trước. Mỗi lần mở mắt, ông vẫn nhìn thấy vợ ông lảng vảng chung quanh nhìn ông với vẻ lo ngại rõ rệt như lúc ban chiều đã ra ngoài ngõ đợi chờ. Ông nghĩ vợ ông đã quá già nua sinh ra lắm cảm và người đàn bà bao giờ cũng lấy nỗi lo hẹp hòi ở trong lòng mình gán cho thiên-hạ. Nhiều lần ông phải gắt gỏng bảo vợ đi nằm, nhưng đến giữa khuya, khi vừa choàng dậy, ông vẫn thấy người đàn bà thấp thoáng nơi cửa. Ông không muốn ai khuấy rộn những sự suy định của mình, phá rối những điều mà ông dự định tương-lai, nên ông ngồi dậy hẳn học nhìn người vợ già rồi đấm mạnh xuống mặt giường quát lớn :

— Hãy để cho tôi yên thân một chút !

Ông ngồi im lặng rất lâu để xem người ta có thực để ông yên thân hay không rồi mới nằm xuống, hơi thấy ngạc-nhiên về cái thái-độ hùng-hổ không giống mọi ngày của mình khi nói với vợ. Trong bữa cơm sáng hôm sau, ông đặt đôi đũa xuống mâm, nói giữa mọi người đông-đủ trong nhà một cách vô cùng thành-kính :

http://tieulun.hopto.org

— Đã lâu nay rồi những khi nằm ngủ ta bị tà-ma theo đuổi bắt hoài. Nhưng lúc nguy-kịch bao giờ ta cũng thấy một vị thần đầu voi cưỡi chuột đến phù-trợ ta, xua đuổi những loài ác-quỉ. Ta muốn kiếm một tảng đá thật tốt trong rừng đem về chọn ngày tháng tốt thuê người tạc tượng để thờ.

Xế chiều, sau khi vào rừng trở về, ông Cửu gọi người con lớn và bảo :

— Đã kiếm được một tảng đá tốt lắm, ta giấu trong bụi gai mây ngoài rừng. Theo ta khiêng giúp về nhà kẻo trời tối mất !

Người con tuy chẳng thiết tha đến chuyện thánh thần phù trợ nhưng không muốn phật lòng cha cho nên yên lặng vâng lời.

Ông Cửu cho đặt tảng đá dưới giường mình nằm và chưa đêm nào ông ngủ ngon lành như thế, vui vẻ như thế và chưa bao giờ ông có những mối khoái-cảm lạ lùng đến thế.

Thức dậy, ông bèn tìm cách sắp đặt công việc để cho hôm sau mọi người có thể rời khỏi gia đình. Những người con lớn ra đồng, bà Cửu dẫn cháu về bên quê ngoại. Ông cũng cẩn thận chuẩn bị những đồ đồ dụng cụ cần thiết để phá vỡ xong tảng đá trước khi mọi người trở về.

Đến lúc biết rõ chỉ còn có mình đối diện vật quí nằm trong lòng đá, ông Cửu không ngăn được sự hồi hộp lạ thường. Ông gài ngõ, đóng cửa, vào buồng bắt đầu khai thác kho tàng.

Chất đá rất cứng và ông thầm phục cho cái kỹ-thuật cất giấu tài tình của tổ tiên mình. Những giọt mồ hôi rịn chảy toàn thân, trong vùng ánh sáng lờ mờ của gian buồng nhỏ hẹp ông Cửu loay hoay, hì hục cố sức bửa đôi tảng đá. Ông đã giáng xuống mũi đục những nhát mạnh mẽ mà gần sức về già của ông có thể cho phép và phải mở to đôi mắt yếu đuối cúi sát bàn tay giữ chặt mũi đục để khỏi đập xuống trên da thịt mình. Trong phút nỗ-lực say mê ấy, ông Cửu không còn nghĩ ngợi gì hết, không còn nghe thấy gì hết, chỉ có hình ảnh chói lòa của những vàng ngọc chấp chới trước mắt qua lớp sương mờ mồ hôi tuôn xuống mỗi lúc một dày. Một lát, quá đuối, ông Cửu dừng lại, định phải nghỉ ngơi giây phút và uống chén nước giải lao nhưng nỗi lo ngại có người trở về bất chợt khiến ông hấp tấp nắm lấy mũi đục, chiếc búa tiếp tục công việc. Từng mảnh đá vụn tung tóe rơi ra vung vãi ở trên nền đất và ông hồi hộp nhìn thấy mũi đục đã khoét sâu vào trong đá. Cuối cùng, một nhát búa lớn bổ xuống, tảng đá bể đôi, và ông Cửu lau vội mồ hôi tuôn xuống cặp mắt, cúi nhìn.

Chỉ là chất đá xám ngắt, phẳng lì.

Ông Cửu cúi xuống, cúi gần thêm nữa cho mũi mình cọ vào chất đá sù sì và bàn tay run rẩy của ông sờ soạng mặt đá một cách tuyệt vọng như sờ vào khuôn mặt người yêu đã biệt cõi đời.

Một lát, ông Cửu ngồi lên và tưởng như trời đất tan tành sụp đổ. Ông lật từng mảnh đá lại để xem có một kẽ nào đánh tráo, nhưng không, chính đây là tảng đá chạm đêm nào...

Biết đâu những chất ngọc quí còn nằm trong cái thớ đá ? Ông Cửu cầm vội mũi đục, chiếc búa và ông dồn dập đập phá cho vỡ tan ra. Cuối cùng nửa mảnh vỡ đôi, vỡ tư, nát từng mảnh nhỏ, và chỉ là chất đá xám ngắt, phẳng lì, lạnh lùng trơ tráo. Một sự phẫn nộ ghê gớm xâm chiếm tâm hồn và ông Cửu Dật quên

http://tieulun.hopto.org

cả những sự mệt nhọc chi phối cơ thể, ông bửa tới tấp vào các mảnh đá, giáng xuống quyết liệt nhiều nhát búa lớn để cho hả-hê một nỗi tức bực khôn cùng. Ông Cửu trợn mắt, nghiến răng, co quắp người lại trong sự giận dữ và cùng với bao nhiêu mảnh vụn bắn ra tung tóe ông thấy hi-vọng cuối cùng của đời ông cũng tan nát phũ phàng.

Nhưng, một nhát búa hùng hổ vừa hạ mạnh xuống, ông Cửu bỗng kêu rú lên.

Và ông quăng búa, đưa cả hai tay ôm lấy mắt mình.

Một giòng máu xối xả tuôn ra, nhuộm đỏ khuôn mặt, chảy dài xuống ngực.

Đến khi người con gái lớn ở ngoài ruộng về chỉ thấy ông Cửu nằm vật trên đất, mê man, bất tỉnh, con mắt bên trái đã bị một mảnh đá nhọn ghim sâu.

Ông Cửu kéo lê những năm rầu rĩ về sau với một con mắt còn lại càng ngày càng yếu suy dần. Vợ con không nghe nhắc tới vị thần phò-trợ và không còn thấy ông lang thang suốt buổi ngoài rừng. Ông hay ngồi yên hàng giờ, lờ đờ nhìn vào khoảng không như cố hình dung giấc mơ giàu sang trong sự hồi tưởng, vẻ mặt càng teo tóp thêm, càng buồn bã thêm. Ông vẫn không hiểu vì sao lời bia đã dặn lại không đúng với sự thực, cuối cùng ông phỏng đoán rằng từ lâu đã có kẻ nào đánh tráo tảng đá trên đỉnh để chiếm kho vàng. Nhưng còn những gì chôn giấu dưới đáy giếng kia, chắc là chưa mất. Kho tàng dưới ấy, nếu còn, đã có hai cái thây ma kia giữ và ông Cửu Dật không còn mong gì tìm đến được nữa. Đôi lúc ông muốn bảo cho con cháu biết rõ để chúng thử gắng tìm kiếm xem sao, nhưng ông ngần ngại phải nói sự thực và không dám chắc con cháu có thể tin lời.

Một hôm, người con trai lớn ông Cửu nhân đi qua rừng, trở về bảo rằng có gặp một người du-khách đi vào viếng Tháp. Ông Cửu không hề chú ý mảy may đến sự kiện này nhưng ba hôm sau người con lại bảo vẫn thấy kẻ ấy đang còn sục sạo kiếm tìm trong Tháp. Tự nhiên nỗi lòng thèm muốn từ xưa tưởng đã nguội lạnh bỗng chợt lóe sáng và ông Cửu-Dật chống gậy khập khểnh đi vội ra rừng.

Lúc ấy trời đã gần trưa, ánh nắng xuyên qua lá cành rọi xuống lưa thưa trên các lối đi như những giọt vắng lắm-tắm. Ông Cửu vừa lê bước chân mệt mỏi trên lớp lá khô vừa nghĩ đến những ngày xưa, khi còn trai trẻ, ông đã đi lại bao nhiêu lần rồi trên quãng đường này và gần như chưa bao giờ ông nghe được tiếng chim hót, thấy sắc lá xanh hay màu hoa nở. Bây giờ tai ông đã gần câm lặng, mắt ông đã gần điếc mờ, chân ông lại đi trên những lối cũ mà óc nhớ về ánh trăng nhợt nhạt và dong máu chảy đêm nào... Ông biết mình không hoàn toàn yên lòng chờ ngày nhắm mắt nếu chưa rõ được châu báu ngọc vàng chôn vùi đáy giếng ra sao, nếu chưa an lòng về một nghi vấn nhiều năm ám ảnh tâm hồn.

Ông vào trong Tháp và thấy một người đứng tuổi, ăn-vận âu phục màu tro nằm dài ở ngay cửa ngôi Tháp lớn trên một mặt đá đã quét sạch-sẽ. Người ấy xếp hai tay lại để vòng dưới đầu và mắt lim dim chăm chắm nhìn lên đỉnh Tháp khoét trống nhìn thấy trời xa. Ông Cửu đến sát gần bên mà người kia vẫn yên lặng

http://tieulun.hopto.org

hình như bị thâu hút trong một sự suy tưởng hết sức thâm trầm. Đến lúc ông Cửu thấy mỏi, ngồi xuống gần bên thì kẻ ấy mới rời đỉnh Tháp để quay nhìn ông, không lộ vẻ gì khác đổi khác, và ngồi ngay dậy với một chỉ chào hỏi nhã nhặn :



— Thưa cụ, chắc là cụ ở vùng này ?

Ông Cửu giới thiệu tên họ, nói rõ chỗ ở rồi hỏi lại khách :

— Tôi nghe ông đến xem Tháp đã mấy ngày rồi mà hình như vẫn tìm kiếm chưa xong nên mới ra thăm. Đã được gì chưa ?

Người kia gật gù trả lời :

— Cũng được ít nhiều, cụ ạ.

Ông Cửu cố mở con mắt độc nhất trợn trừng nhìn người đối diện, hỏi rất vội vàng :

— Thật à ? Tìm ở đâu thế ?

Người kia đưa tay phác họa một nét vòng quanh chỗ ngồi :

— Ở khắp quanh đây.

Ông Cửu làm thinh soi mói nhìn khách bằng một dáng điệu ngờ vực. Ông đoán là khách dấu mình vì biết lỡ lời. Nhưng không nén được tò mò, ông hỏi :

— Ngọc hay là vàng ?

Người kia có vẻ ngơ ngác ;

— Cụ nói gì đấy ?

— Tôi hỏi cho biết vậy thôi, để mừng cho ông. Tìm ra vàng ngọc ở đây không phải là chuyện dễ-dàng.

Người khách lắc đầu :

— Không, không, tôi không hề nghĩ đến tìm vàng ngọc.

— Thế ông tìm những thứ gì ?

Người khách mỉm một nụ cười khiêm tốn, trả lời :

— Tìm những sự thực về ngôi tháp này, về cái công trình kiến trúc, về các đặc tính nghệ thuật và cái đời sống tinh thần cũng như vật chất của người dân Chàm qua những...

Nhưng khách dừng lại khi nhìn về mặt của ông Cửu Dật. Hai người lặng thinh, có vẻ lúng túng như vừa nhận biết là họ không hề gặp nhau bao giờ trong sự đối-diện. Một lát, ông Cửu mới nói ngập ngừng :

http://tieulun.hopto.org

— Nhưng nếu gặp phải kho tàng có thể khai thác, ông đủ phương tiện hay không ?

Người kia trả lời :

— Chúng tôi đủ sức khai quật những di tích xưa, nếu xét thấy cần. Tôi ở trong ban Khảo-cổ...

— Ồ ! quí hóa không biết chừng nào !

Và ông Cửu sán lại gần bên người khách, con mắt yêu đuối độc nhất vụt sáng một cách khác thường.

Khi ông Cửu kể xong sự tích tấm bia và những giòng chữ ghi lại chỗ dấu kho tàng thì khách vội hỏi :

— Tấm bia đâu rồi ?

Ông Cửu mỉm một nụ cười bí mật, trả lời :

— Đâu dám để lại cho người ta thấy. Nhưng mà tôi biết chắc chắn lắm đó. Rồi chè tươi và hãy nói chuyện dông dài...

* * *

Nàng Phô-Mai ở với mẹ già trong một xóm thôn hẻo lánh, cách xa kinh đô chừng bốn dặm đường. Năm mười lăm tuổi, nàng mới biết nhìn khá lâu bóng mình dưới nước rồi bỗng thẹn thùng quay đi, kéo tóc rũ xuống vành môi để dấu nụ cười. Một hôm, đi mua lá dâu trong núi trở về, nàng theo lìm hoa bông biếc ở dọc chân đồi để về rớp xôi và lạc đến một vườn cây vắng vẻ có một ngôi nhà cô độc bốn bề cửa ngõ mở tung như đón chờ ai.

Phô Mai đứng ở đầu sân lễ phép gọi người trong nhà để xin nước uống. Ba lần, tiếng gọi của nàng chỉ có khoảng không đội lại. Đã toan quay đi, chẳng rõ vì đâu nàng lại quay vào. Thoáng nhìn bên trong, nàng thấy có những sắc màu lớp lánh, xôn xao bóng dáng nhiều người nín lặng ven tường. Phô Mai tưởng mình lạc vào thế-giới hoang đường của chuyện cổ tích có những yêu ma dựng cảnh bên đường để chọc ghẹo người. Nhưng không, la liệt quanh nàng là những bức tranh linh động khác thường và những lọ mực, nghiên sơn, giá bút, bình hoa. Phô Mai nhìn không chán mắt sự sống phong phú phơi bày trong một quang cảnh nghèo nàn. Hình như trong ngôi nhà tranh đơn giản đã tụ hội lại bao nhiêu con người bao nhiêu cảnh sắc, nào voi nào ngựa ở chốn kinh kỳ, nào chim nào cỏ ở

— Ông biếu rồi sao ? không ! không ! tôi bảo cho ông đấy chứ ? chẳng phải tôi vừa mới bảo cho ông đấy sao ? chỉ tôi mới biết, chỉ có mình tôi...

Ông Cửu tưởng như có thể uất nghẹn không nói ra lời. Nhưng khách ôn tồn :

— Cụ đừng thắc-mắc. Nhà cụ có gần đây không ? Chúng ta tìm một bát nước

Người khách trầm ngâm giây lâu, ra dáng nghĩ ngợi xa xôi. Một lát, mới nói một giọng chầm rãi nhưng nghe thoáng được vẻ buồn :

— Có lẽ tôi hiểu được rồi.

Ông Cửu nắm tay người khách giật lịa :

ông sẽ xem, có cả hai bộ xương người giữ của ở trong đáy giếng nữa kia !

http://tieulun.hopto.org

miền hoang dã. Có những vị tướng hiên ngang vung kiếm ngoài chốn chiến trường, có cô thôn nữ hiền lành — như nàng Phô Mai — hái dâu bên suối khi ánh vừng đông vừa mọc.

Giữa phút nàng đang ngơ ngẩn thì có tiếng động bên ngoài.

Chủ nhân đã về.

Phô Mai luống cuống không dám ngước nhìn, ấp úng một lời xin lỗi về sự đường đột của mình. Nhưng vẳng bên tai, nàng nghe một giọng ôn tồn :

— Cầu mong có những lầm lỗi của nàng để ngôi nhà này thêm một niềm vui mới mẻ, Tưởng nàng là người trong tranh do một phép lạ hiện xuống cõi trần nhưng may mắn thay, nàng chính là người sống thực. Cứ nghĩ trọn đời tranh vẽ của ta phải đem cho hạng quyền quí ở chốn kinh thành thưởng thức bằng những cái nhìn nửa mắt để mua cơm áo hàng ngày nuôi lấy sự sống nghèo nàn, ai ngờ còn có một người... Xin nàng tự nhiên ngồi xuống tấm chiếu lát này, xin nàng cứ nói những điều nàng nghĩ. Ở đây chỉ có mỗi một mình nàng thay mặt cuộc đời, còn ta đã thuộc về phần tranh vẽ.

Phô Mai không dám ngồi xuống tấm chiếu, cũng không dám nói những điều nàng nghĩ. Đôi má ửng đỏ như màu dâu chín, nàng nghiêng bờ tai đón lấy những lời chuyển về từ một cuộc sống xa lạ với nàng Nhưng nàng cảm thấy có một niềm vui rất nhẹ, một nỗi an ủi mơ hồ, từ nhiều bâng khuâng mà nàng không sao hiểu được căn nguyên. Nàng đứng nhìn xuống mấy ngón chân mình ép trong quai dép da trâu sờn mòn và muốn thoát khỏi rất mau một nơi mà nàng bắt đầu nhận thấy có sự âm thầm lưu luyến.

Giây lâu, nàng nghe giọng nói chầm rãi càng đến gần nàng :

— Tôi lại có lỗi với nàng vì nói những lời đường đột. Cỏ non đầu xuân không thể chịu được gió Bắc trái mùa. Đã lâu, sau cơn địa chấn gieo nhiều tang tóc cho nước Chiêm Thành yêu dấu thì không bóng người lui tới vùng này. Ngày nay, nàng lại đến đây, phải chăng là để báo hiệu cho cơn địa chấn thứ hai ? Mong rằng dù cho rung chuyển đất trời, hãy để mình tôi chịu thiệt còn nàng thì nên sống mãi để nuôi mẹ già.

Bấy giờ, Phô Mai mới ngẩng đầu lên và nàng nhìn thấy rõ người đứng trước mặt nàng. Những gì bình dị mà kiêu hãnh, mãnh liệt mà xót xa như trộn vào nhau để tạo nên chàng. Và nàng bàn hỏi :

— Sao biết được tôi còn có mẹ già ?

Chàng mỉm nụ cười dè dặt, đáp bằng giọng nói ôn tồn quen thuộc của chàng :

— Nếu đoán không lầm, có lẽ nàng ở thôn Đóng cách đây năm sáu dặm đường. Nhà nàng bên ngôi giếng đá, có khóm ngọc lan rủ bóng bên sân.

http://tieulun.hopto.org

Ta đã gặp nàng khá lâu, trên mấy năm rồi, khi nàng còn nhỏ nô đùa bên giếng với hoa ngọc lan gài trên mái tóc buông dài. Nàng đừng ngạc nhiên gì hết, ta quen nhìn ngắm mặt người thế thôi. Chắc ta có thể ngồi đây hồi tưởng để ghi lại trên màu giấy bao nhiêu khuôn mặt, dáng người đặc biệt ở khắp vùng này. Đó là thói quen nghề nghiệp như nàng quen nhớ lứa tằm và những màu dâu.. Ban đầu, chưa nhận ra nàng, vì tuổi thanh xuân đã biến đổi nàng nhiều quá nhưng trong giây lát ta thấy cô gái ngày xưa thấp thoáng trong nàng. Những cô thiếu nữ đều lớn vội vàng và đuổi kịp những đàn ông lớp trước. Chắc rằng bao nhiêu bạn trai nô đùa bên giếng với nàng thuở ấy ngày nay đã đứng rất xa để ngắm nhìn nàng hoặc đang còn kết những lá bồ đề làm mão đề đuổi bắt nhau trong mấy nương dâu.

Phô Mai chớp mắt và nhoẻn miệng cười :

— Tôi không biết nói những gì vì ông đã nói hết rồi. Trời xế rồi kia, tôi phải đi về kẻo mẹ chờ mong.

Chàng trông ra ngoài rồi bảo :

— Trời vừa nghiêng bóng về non nhưng tại cây vườn khuất nắng cho nên dáng xế tiêu điều. Dầu sao, đường vắng, nhà xa, nàng phải vội về kẻo muộn.

Bỗng chàng nhìn xuống đôi bàn chân nhỏ của nàng rồi nói :

— Hãy khoan, quai dép của nàng có chiếc sờn mòn sắp đứt, để ta khâu lại cho nàng. Sỏi đá dọc đường khúc khuỷu không hề thương đến chân ai.

Nàng muốn đón lấy kim chỉ ở trong tay chàng nhưng chàng yên lặng, lắc đầu, cúi xuống trên chiếc dép da đã mỏi mòn rồi. Phô Mai luống cuống tháo dép vội vàng đưa đến tay chàng. Hình như bàn tay của chàng có dủ khéo léo để làm bất cứ việc gì và nàng Phô Mai chỉ biết ngồi im, rưng rưng cảm động trong lòng.

Khi đưa tiễn nàng ra một quãng xa và chỉ con đường gần nhất cho nàng về nhà, chàng nói :

— Mong cho lứa tằm của nàng chóng lớn để nàng sớm đi vào núi tìm dâu. Những khi nắng ngả về trưa có dịp mỏi chân nàng chớ quên ngôi nhà cũ.

* * *

Sau đấy, trong chuyến tìm dâu, Phô-Mai trở lại con đàng tìm hoa bông biếc hôm nào. Nàng mong chóng đến nhà chàng nhưng khi nhìn thấy ngôi vườn quen biết nàng vội rẽ theo lối khác. Khi nhìn trở lại đã khuất xa rồi, lòng nàng trở nên buồn bã và nàng ngồi xuống mò lá ven

http://tieulun.hopto.org

đường, mình giận cho mình không biết bao nhiêu. Chuyến sau, Phô Mai lại nhớ màu hoa bông biếc ven đồi. Vừa thấy ngôi vườn, nàng toan rẽ theo lối khác — để mà giận mình thêm nữa, về sau — nhưng thoáng thấy chàng thơ thẩn đợi chờ, tim nàng rộn rã niềm vui khó tả. Chuyến viếng thăm này Phô Mai nói chuyện nhiều hơn lần trước. Và lần sau đấy, Phô Mai càng nói nhiều hơn, cho đến một lúc A-Doan, người họa sĩ kia, nhận thấy giọng nàng hay hơn bất cứ một âm nhạc nào trên cõi trần gian.

Nàng đến kể lại cho chàng nghe chuyện của nàng thuở nhỏ, nói đến mẹ nàng già yếu và điều mơ ước của nàng. Nàng vừa pha mực, mài son, nàng vừa kể lể y như tiếng chim riu rít đón mùa xuân đẹp trở về. Nhiều lần chàng ngừng tay vẽ, bảo nàng :

— Giọng nàng êm dịu làm sao, tưởng như suối mật lưng trời tuôn xuống từng dòng bất tận. Tiếng hát là sự cố gắng công phu không sao gợi niềm xúc động thâm trầm bằng lời ngọt ngào tự-nhiên của người yêu dấu.

Và như tất cả những người nghệ sĩ chân chính trên cõi đời này, chàng vẫn cảm thấy xót xa cho sự bất lực của phương tiện mình diễn đạt trong khi khao khát vô biên :

— Tiếc thay, tiếng nói là cái sắc diện tinh thần của mỗi con người, ta không có tài về nhạc để ghi giữ lại lời nàng.

Nàng bảo :

— Chàng ghi giữ lại làm gì ? Em còn gần được bên chàng thì không thể cơn gió nào thổi tắt được lời em nói.

Lòng chàng cảm thấy niềm vui tràn ngập. Chàng tìm lại nỗi tự hào rơi lạc của mình :

— Bàn tay của ta không ngừng tạo tác và ta nhờ nàng mà thêm những mối nhiệt tình. Những lời nàng nói thấm vào da thịt của ta chuyển ra nét bút nhiều màu phơi bày sức sống cho đến vô biên. Trong các công trình mà ta thành đạt có nàng chung sức góp phần. Chúng ta vẽ niềm hy vọng, vẽ lòng thương yêu, và đời hạnh phúc và cảnh thái hòa, ta phải ghi cho đậm nét đẹp màu.

Hai người ngồi tựa bên nhau, cảm thấy ngày mai tươi tốt, sáng ngời. Nàng ngước đôi mắt long lanh âu yếm hỏi chàng :

— Bao giờ chúng ta mới sống bên nhau mãi mãi ?

Và chàng trả lời, áp tay lên má của nàng :

— Một thời gian nữa, khi những bức tranh mà ta phác họa với nàng đã được hoàn thành.

Nhưng một sớm kia, bụi mờ bốc lên ngoài cõi biên thùy. Vó ngựa quân

http://tieulun.hopto.org

thù ở ạt xéo giày đồng lúa tươi xanh. Người dân Chiêm thành vội vàng xếp bộ lễ phục dài tay quen dùng nơi chốn đền đài để choàng nhưng y ra nơi trận mạc.

A-Doan tìm về thôn Đông, khi ánh mặt trời sắp tắt. Nàng thấy mặt chàng tái nhạt hẳn đi nhưng vành môi chàng mím lại. Chàng bảo với nàng :

— Ngày mai ta đã đi rồi. Chúc nàng bình yên để lo nghĩ đến mẹ già trong ngày xế bóng.

Nàng cố nén lòng nhưng suối nước mắt tuôn tràn trên má. Giây lâu nàng mới ngập ngừng :

— Tại sao chàng quá vội vàng ?

Chàng đáp :

— Đã trễ lắm rồi. Đáng lẽ phải đi từ lâu nhưng ta nghĩ ngợi đến nàng và ta trì hoãn. Bây giờ ta thấy rằng ta không xứng với nàng nếu ta cứ sống lẩn lút như loài sâu bọ.

Nàng gượng nói lên một câu cầu trở cuối cùng :

— Nhưng chàng phải giữ tài hoa của nét bút chàng. Chiến đấu là phần kẻ khác.

Chàng vội lắc đầu :

— Quân thù tàn bạo không hề biết đến tài hoa. Chiến địa là chỗ đứng chung của tất cả người yêu nước. Thêm nữa, tài hoa của ta chỉ là màu lan thanh quí ủ hương trong xó đền đài nếu không thấm nhuần đau khổ lớn lao trăm họ, nếu không chia xẻ hi sinh bừng dậy muôn dân. Ta muốn nét vẽ của ta thuộc về đông đảo cuộc đời và mang sức mạnh giống nòi bất khuất. Ta đi chiến đấu là để bảo toàn nét vẽ của ta. Nàng cứ yên lòng chờ đợi. Bao giờ ta cũng tưởng nhớ đến nàng, cũng thấy nàng trong giấc ngủ.

Mặt trời lặn xuống, xóa nhoà hình ảnh A-Doan sau rặng cây đời. Phố-Mai nhìn theo đến khi bóng tối tràn lan và lớp sương đêm thấm lạnh áo nàng.

Những ngày chờ đợi, Phố Mai thỉnh thoảng tìm đến vườn xưa. Dĩa mực nghiên son, vẫn còn tươi thắm ý tình ngày cũ. Nhưng mấy tranh vẽ dở dang, với những con người chưa được hoàn-tất, chim muông chưa được điểm tô, cây cỏ chưa được sửa đổi bày ra ở trước mắt nàng hình ảnh của sự điêu tàn, đổ vỡ, của những tang tóc đau thương.

Và mỗi ngày qua, gió bụi tanh mùi từ khi băng qua làng mạc ruộng đồng. Bờ tre, hốc núi, xao xác vó ngựa quân thù tàn bạo. Khói lửa loạn ly, ngùn ngụt dâng cao như bốc cằm hờn lên thấu chín từng xanh thẳm.

Rồi lửa tàn, gió lặng, những lớp bụi mờ lần lượt tan mau. Thái bình nhợt nhạt phục hồi và trên các nẻo đường vẻ thất thểu bóng người trở lại.

http://tieulun.hopto.org

A-Doan về đến vườn xưa mà bao công trình dang dở đợi chờ. Nhưng, cánh tay tài hoa, chàng đã gởi lại chiến trường. Và người họa sĩ cụt tay, một sớm, tìm về cô gái thôn Đông. Đến nơi, chỉ là tro than mấy đống, vườn cây xơ xác tiêu điều. Riêng khóm ngọc lan vẫn nở lớp hoa cuối mùa thơm ngát một vùng tàn phá. Chàng đứng tần ngần, đau nhói tim can, thấy cả đất trời mờ tối. Bỗng Phố-Mai từ một túp lều rách nát, hiện ra.

Chàng muốn chạy lại phía nàng, ôm chặt lấy nàng. Nhưng sực nhớ mình tàn tật, chàng đứng lặng yên, chua xót ngậm ngùi.

Và nàng tiến lại trước chàng, những muốn kêu lên mừng rỡ. Nhưng nàng không sao thốt được lời nào.

Phố Mai đã mất tiếng nói, đã hóa thành câm, từ khi uất hận nghẹn ngào trước cảnh quân thù hành hạ người mẹ già nua đến chết mà nàng phải đành bất lực.

Cánh tay tài hoa mà nàng yêu quí ngày xưa, giọng nói êm đềm mà chàng cảm mến thuở nào, chiến tranh đã cướp mất rồi.

Hai kẻ tật nguyền nhìn nhau giây lâu cùng cúi gục đầu để che những giọt nước mắt đau thương.

Cuối cùng A-Doan ngẩng lên, và bằng giọng nói ôn tồn quen thuộc chàng bảo với nàng :

— Ta sẽ hoàn thành tất cả công trình dang dở đang đợi chờ ta bằng cánh tay còn sót lại. Chiến tranh không sao thắng nổi sức người, ta sẽ luyện lấy tay ta và đôi nghề ta thành nghề xây dựng sau những điêu tàn. Nàng chớ buồn phiền. Phố Mai yêu dấu của ta, nàng dù đã mất tiếng nói ngọt ngào thuở trước nhưng ánh mắt nàng còn đấy, và tấm lòng nàng còn đấy, chúng ta không thể xa nhau.

Nhưng trước sự im lặng của người đau bà, A-Doan lại nhớ cánh tay đã mất và người họa sĩ kiêu hãnh tưởng gặp nỗi lòng lạnh nhạt. Và trước lời an ủi của người đàn ông, Phố Mai nghĩ đến giọng nói ngọt ngào đã mất và nàng tưởng nghe một sự xót xa. Mỗi người tưởng rằng họ chỉ gặp gỡ được lòng thương hại và họ không sao tìm lại tình yêu.

Do đó, gần nhau mà vẫn xa nhau, tấm lòng tự ái như một chất phèn làm cho tê dại chồi cây ái tình vươn mọc.

*
* *

Một hôm, nhà vua Sạ Khả tuần du quanh vùng ngoại thành để xem những nơi đã bị tàn phá trong cuộc đao binh.

Kiệu rồng kéo qua thôn Đông, vua thấy một nàng thôn nữ xinh đẹp bên đường.

http://tieulun.hopto.org

Vua truyền dừng lại hỏi thăm nhưng nàng không tâu lên được lời nào. Mối nàng duyên dáng mấp máy nghẹn ngào, mắt nàng trong xanh sáng ngời lấp lánh, và đôi má nàng chín đỏ như quả hồng đào khi thấy nhà vua đam đăm nhìn mình.

Cho hỏi sự tình, biết cảnh ngộ nàng, nhà vua hết sức xúc động, truyền đem lụa là tiền bạc cho nàng.

Khi vua đi rồi, nàng đem những thứ vua cho tìm đến A-Doan.

Chàng đang vẽ bằng tay trái của mình, đôi mày nhíu lại làm cho vừng trán ưu tư thêm những vết nhăn sáng tỏ những giọt mồ hôi lấm tấm.

Nàng đặt lên trên lòng chàng tiền bạc, lụa là rồi nàng cầm lấy cây bút của chàng nàng vẽ lên giấy, mấp máy đôi môi mà nói cùng chàng.

Cúi nhìn tặng vật, A-Doan chợt hiểu. Và chàng đưa cái bàn tay độc nhất còn lại ném tung tặng vật ra trước mặt nàng. Vừng trán ngẩng cao, cặp môi cong lại theo cùng cặp mắt quắc lên, chàng nói bằng giọng hàn học khác thường :

— Ta đã ra ngoài chiến địa cho nên biết rõ quá nhiều sự thực. Chết cho giống nòi được sống tự do thực là đẹp đẽ nhưng chết để bọn quyền quí thêm sự cao sang, thực là tủi nhục muôn phần. Lụa là, tiền bạc nhà vua ban phát cho nàng là vì sắc đẹp của nàng hay vì tiếng nói của nàng đã tắt ? Bao cảnh đói khổ, điêu linh nhan nhản trước mắt chắc không có chút bù đền ! Ta không muốn được an ủi cánh tay đã mất bằng những lụa là, tiền bạc, vốn là xương máu muôn dân.

Nhưng khi thấy nàng gục đầu xuống khóc, A-Doan tiến lại, quì xuống bên nàng :

— Ta thực có lỗi với nàng, xin nàng lượng thứ. Nhưng nàng đừng bắt lòng ta phải tự khinh ta bằng những vật này.

Rồi chàng nhặt hết lụa là tiền bạc, đặt lên tay nàng, ân yếm sửa lại vành tóc cho nàng.

*
* *

Nhà vua, sau lần gặp gỡ Phô Mai trở về, nửa đêm gặp nàng ở trong giấc ngủ. Nhà vua tỉnh dậy và quá ngạc nhiên khi thấy lòng mình bỗng nhiên thương nhớ một người con gái nghèo nàn, mắc phải tật nguyền. Mấy ngày hôm sau, thỉnh thoảng nhà vua vẫn thấy hình ảnh của nàng như một cánh bướm nhẹ nhẹ bay vào trong vườn hoa cõi tâm tư rồi khuất chìm theo gió bụi của lưỡng kỳ niệm chập chờn.

Một sáng, nhà vua về lại thôn Đông. Bảo toán lính hầu chực ở đầu thôn, nhà vua một mình lội qua mấy cánh vườn hoang.

Phô Mai, đang ngồi dệt vải dưới gốc ngọc lan chợt thấy bóng vị quân vương, vội vã quì xuống dưới nền đất cũ còn lưu dấu vết điêu tàn.

http://tieulun.hopto.org

Nhà vua mỉm cười, ra lệnh cho nàng đứng dậy.

Và vua bảo nàng :

— Hãy nhìn ta đây và đừng sợ hãi nỗi gì. Ta muốn thay khung cửi dệt của nàng bằng chiếc giường hoa thơm ngát xạ hương, đổi chiếc lều tranh rách nát của nàng bằng một lâu đài giát ngọc, xóa tan cô độc của nàng bằng những niềm vui ở chốn kinh thành. Hãy đi theo ta.

Nhưng người thôn nữ cúi mặt, lắc đầu. Nhà vua chưa hề gặp người đàn bà từ chối trong đời, lấy làm phật ý. Và vua quắc mắt bảo nàng :

— Ta không muốn đem mệnh lệnh để khiến sai nàng. Hãy nghe lời ta về chốn lâu son gác tía đang đợi chờ nàng.

Nhưng nàng vẫn cứ cúi mặt, lắc đầu.

Và dòng nước mắt long lanh tuôn dài trên má.

Nhà vua, biết không thể nói cho nàng đổi ý, nhưng trước một kẻ nghèo hèn cô độc, yếu đuối, lặng câm, đành phải giận dỗi quay đi.

Trên bước đường về, nhà vua thấy nỗi băn khoăn xâm chiếm tâm hồn.

Và trong giấc ngủ, nhà vua lại gặp gỡ nàng. Sắc đẹp của nàng không phải che bằng son phấn như lớp phi tần chỉ có bề ngoài mỹ lệ, sắc đẹp của nàng là những hương sắc thiên nhiên tươi tốt giữa sự đói nghèo và giữa chiến tranh. Tâm hồn của nàng không phải thêu dệt bằng lời hoa gấm như lớp phi tần tháng ngày đồng thanh những lời tán tụng, tôn xưng, nhất loạt như nhau, tâm hồn của nàng là sự lặng yên, là ý chân thành, tựa chất ngọc quí không cần trau chuốt.

Một sáng, nhà vua lại đến tìm nàng.

Nhưng nàng chỉ biết lắc đầu.

Phô Mai càng chối từ vua, nhà vua càng quyến luyến nàng. Tâm hồn kiêu hãnh chỉ chuộng tình ái khó khăn, nhà vua chắt quyết không thể rời nàng.

— Hỡi nàng Phô Mai, tu đặt tên nàng lên trên tinh danh của đám phi tần. Vừa ý nàng chăng ?

Phô Mai chỉ biết lắc đầu.

— Ta đem châu báu trăm muôn của chốn kho tàng vương giả trao tặng cho nàng. Vừa ý nàng chăng ?

Phô Mai chỉ biết lắc đầu.

— Và cả ta đây, bách tinh tôn thờ, vời vợi trên ngôi cửu ngũ, quyền uy trải khắp sơn hà, ta đem đời ta giao trọn cho nàng, vừa ý nàng chăng ?

Phô Mai lặng thinh, cúi thấp mái đầu.

http://tieulun.hopto.org

Nhà vua thấy lòng xúc động, tiến đến bên nàng.

Nhưng nàng ngẩng lên, giương đôi mắt biếc lạnh lùng nhìn vua và nàng lắc đầu.

Nhà vua nén giận, kêu lên :

— Nàng muốn những gì ?

Nàng chỉ khung dệt, chỉ bóng ngọc lan, chỉ tấp lều tranh rách nát và chỉ vào nơi lồng ngực của nàng. Nơi đấy, nàng đã mang sâu hình ảnh A-Doan.

Nhà vua không còn tự chủ, tiến lên, muốn giữ lấy nàng vĩnh viễn trong cánh tay mình. Nhưng nàng đã vội lùi lại, nhanh tay ngắt lấy một cành ngọc lan đặt trước mặt mình, rồi nàng quì xuống.

Nhà vua đừng bước, không dám dẫm lên trên cánh ngọc lan.

Vì hoa ngọc lan tượng trưng linh hồn tổ quốc Chiêm-Thành.

Vua bỗng thấy nàng đưa vạt áo cũ rách sờn lau dòng nước mắt chan hòa. Nước mắt như niềm oán trách, như nỗi phẫn trần, như một lời than thống thiết.

Cuối cùng, vua bảo với nàng :

— Thôi đi, ta xin trả lại sự sống bình thường giản dị cho nàng. Dù nàng không muốn chung sống cùng ta nhưng nàng chính thực là người đàn bà mà ta khao khát trong đời. Sắc đẹp của nàng không cần phỉnh phờ bằng vẻ phấn son, và sự cần lặng của nàng phong phú bao nhiêu tình ý. Ta đã gần nhiều phi tần trang điểm công phu, ta tưởng say mê những con người giả. Ta đã nghe lời phi tần kể lể yêu đương và ta chán ngán những trò đối trá. Phỉnh lừa, đối trá, đó là bản chất của sự cao sang mãi mãi giam hãm ta đó. Ta không đến được với nàng vì nàng nhìn quen sự thực và nàng khiếp sợ bao nhiêu sự thực nơi ta. Nhưng dù không được ôm nàng ở giữa vòng tay trói chặt, hồn ta mãi mãi bên nàng.

Về đến kinh thành, nhà vua ra lệnh cho tìm một nhà kiến trúc tài hoa. Nhiều người tiến cử A-Doan đến trước bệ rồng.

Nhà vua truyền lệnh :

— Trên những điều tàn đổ vỡ của chốn kinh thành sau nạn đao binh, ta muốn xây hai ngôi tháp, một ngôi tháp nhỏ nương kề một ngôi tháp lớn. Trên đầu ta có niềm tin, nơi lòng ta có tình yêu. Hai tháp thờ phụng thần linh che chở cho ta và nói những gì mà ta khát vọng trọn đời. Ta muốn bảo vệ tình yêu, nhưng trong điều kiện của ta, tình yêu không bảo vệ được. Ngươi hãy vì ta xây dựng nên những công trình toàn hảo nói lên cho được sự bảo vệ này. Không thể tìm thấy ngoài đời ít nhất cũng tìm thấy trong nghệ thuật. Ta cho ngươi đủ phương tiện dưới tay và gắp hoàn thành trước khi ta về, sau chuyến tuần du.

http://tieulun.hopto.org

A-Doan cúi đầu tuân lệnh, đem cái tài hoa rèn luyện nhiều năm gian khổ của mình biểu hiện tình vua. Phấn khởi của niềm sáng tạo làm chàng quên cả bao nhiêu mệt mỏi và chàng ngày đêm chỉ huy xây đắp công trình bằng cái cánh tay duy nhất của mình.

Chỉ một thời gian rất ngắn, hai tháp công phu đã được hoàn thành : một ngôi tháp nhỏ hiền lành đứng trước một ngôi tháp lớn uy nghi, nhìn về bể Đông, chung quanh có những tường thành bao bọc như sự gắn bó đời đời.

Và tiếng nhạc ngựa tuần du trở lại cũng vắng nghe gần.

Từ xa, thấy đỉnh ngôi tháp sáng ngời trong nắng, nhà vua vui sướng mỉm cười, buông lỏng dây cương, giục ngựa bôn về.

Nhưng đến cổng tháp, một nỗi phẫn nộ khác thường xâm chiếm hồn người.

Lập tức, A-Doan được truyền gọi đến công thành.

Vua hét to lên :

— Nhà ngươi là tên họa sĩ tật nguyền đốt nát đã làm xúc phạm đến ta, xúc phạm đến cả thánh thần tối thượng. Tại sao ngươi dám đặt ngôi tháp nhỏ trước ngôi tháp lớn, đem sự yếu hèn đặt trước quyền uy, đem sự lệ thuộc bày nơi chính diện ?

A-Doan vội ngẩng cao đầu, mắt chàng sáng quắc long lên một nỗi bất bình tột độ cố ghìm nén lại. Giọng nói ôn tồn ngày xưa đã mất, và chàng khinh bạc trả lời :

— Muôn tâu hoàng thượng, ngài đã lầm rồi. Tất cả công trình sáng tạo đều phải phù hợp với hai sự thực : sự thực của bàn thân nó, sự thực của hoàn cảnh nó. Bảo vệ là gì, nếu không là nghĩa đùm bọc, chở che ? Phải ôm nơi lòng, phải ấp nơi ngực, phải đem sự việc đời hỏi cậy dựa đặt trước chân mình. Tinh thần bảo vệ chân chính bao hàm ý nghĩa hy sinh. Không thể là trò lệ thuộc, là sự phục tòng, là một hình ảnh đáng thương của kẻ tôi đòi chỉ biết theo sau một người chủ lớn.

Huống nữa, đất nước chúng ta ngước mặt nhìn về Đông-Hải, hàng năm bão lớn thổi cuồng gieo sự phẫn-nộ vào trong núi non, những công-trình lớn, kiến-trúc công phu cũng không chịu nổi sức gió qua bao thời gian phá hoại lâu dài. Những gì cao lớn càng dễ tan tành, vì phỏng ngọn tháp qui mô đặt trước gió cuồng ngày kia sụp đổ thì ngọn tháp nhỏ làm sao thoát được điêu tàn ? Ý nghĩa của sự bảo vệ không phải là để kẻ nhỏ cùng bị vùi chôn bởi chính kẻ lớn. Đành rành kẻ yếu hèn này phải chịu tật nguyền để mà bảo vệ ngai vàng Hoàng-Thượng, nhưng trên con đường nghệ thuật không phải có đủ hai tay mới hết ngu si.

http://tieulun.hopto.org

Vừng trán kiêu hãnh càng cao, nụ cười khinh bạc càng đậm và chàng hoạ sĩ A-Doan hiên ngang đứng trước nhà vua bênh vực cho sự xây dựng của mình.

Nhưng một vị vua bao giờ cũng tin mình chẳng sai lầm. Và thấy rõ được sai lầm của đấng quân vương là kẻ có tội.

Những kẻ có tội đều đáng bêu đầu.

Lập tức, A-Doan bị đem ra trước cửa thành.

Máu chàng thắm tươi chảy xuống chan hòa mặt đất khiến kẻ qua đường ôm mặt nghẹn ngào.

Nhưng bên xác chàng, một người đã đến.

Lạnh lùng cúi xuống, Phò-Mai rút lấy thanh gươm mà chàng A-Doan vẫn giắt bên mình.

Thanh gươm còn dính máu thù mang về từ chốn chiến trường để làm kỷ niệm.

Thanh gươm của kẻ suốt đời chỉ biết chiến đấu bênh vực lẽ phải, bảo toàn sự thực.

Và nàng quì xuống bên chàng như ngày xưa kia, chàng thường quì xuống để sửa mái tóc cho nàng.

Nàng áp bàn tay lên má lạnh ngắt của chàng rất lâu và đưa gươm lên.

Xác nàng ngã gục bên chàng như đôi vợ chồng âu yếm, máu nàng hòa lẫn máu chàng như một niềm son thắm thiết muôn đời. . . .

*
* *

Người khách của ông Cửu-Dật — vị giáo-sư khảo-cổ — đặt bát nước chè tươi đã cạn xuống tấm phản gỗ rồi nói :

— Sau khi biết nàng Phò-Mai đã chết ở dưới chân thành nhà vua đã làm một bài thơ dài cho khắc lên tấm bia lớn đặt giữa hai Tháp. Rất tiếc, tôi không nhớ trọn, chỉ còn mang máng mấy câu :

Có những thần-tình cho đến trọn
đời ta không được thấy
Có những con người dẫu đến trọn
đời ta không được yêu
Như con sông kia chảy mãi về
Đông ngọn nước xuôi chiều
Thấy những sườn non tươi tốt
nhưng không bao giờ gần gũi
Hạnh-phúc mơ hồ như trong đôi
tay chới với.
Với xuống lòng sông ôm lấy trời
xa.
Mối tình vô biên chôn sâu dưới
đáy *lòng ta.*
Và niềm tin tưởng cao siêu đặt
trên chót đỉnh.

http://tieulun.hopto.org

Những gì qui nhất *của muôn đời yêu kính.*
Ta gởi trong ta cho đến bao giờ?..

Vị giáo sư cúi nhìn trong lòng bát nước chỉ còn chắt cặn, giọng nói trở nên chán nản :

— Có lẽ cụ đã đọc thấy giòng chữ «*những gì qui nhất để trên chót đỉnh và chôn dưới đáy sâu*» là do những mảnh bia vụn ghép lại tình cờ đôi ý trong mấy câu thơ cuối cùng. Từ lâu tôi theo cổ-sử lưu truyền những muốn tìm tấm bia ấy, nhưng bao nhiêu công trình trong các tháp xưa đã bị phá hủy bằng những bàn tay đói vàng. Ở đâu người ta cũng chỉ nhìn thấy tấm lòng trục lợi của mình. Hết cả nghệ thuật, hết cả sinh hoạt tinh thần, hết cả ý nghĩa lịch sử, mà chỉ toàn là lòng tham, toàn là thèm muốn, chỉ là giày xéo cho đổ vỡ, phá hoại cho tiêu điều Cụ xem, cả đến ngôi tháp lạ lùng, vĩ đại ngày nay cũng mất nóc rồi ! Tảng đá thiêng-liêng đặt ở trên cao chẳng có nữa rồi ! Có lẽ người ta nghĩ nó chứa toàn vàng ngọc ! Lòng tin không thể nạm vàng ! Mất tảng đá ấy, ngôi tháp làm sao chịu đựng gió mưa công phá tháng ngày ? Những khối óc mờ ám vì điều tư lợi không thấy xa hơn tầm ruột của mình, nói gì đến cái cao siêu !

Và không nén được hắn học, vị giáo-sư đứng dậy, lật bật giày ra sân, đôi tay chống lên cạnh sườn, nhíu mắt nhìn về ngõ tháp.

Riêng ông Cửu Dật gần như không còn nghĩ ngợi gì nữa. Ông ngồi lặng yên, đầu óc trống rỗng, con mắt duy nhất lơ đờ nhìn vào khoảng trống trước mặt như thấy một màu hoàng hôn chìm xuống dần dần, xóa đen cả cuộc đời mình.

* * *



Mùa đông năm Bính Thìn, một trận bão lớn ngoài khơi Đông hải tràn vào bờ bể miền Trung, lồng lộc quay cuồng suốt mấy ngày liền. Ngọn gió đem mưa thổi về mạn núi tới tấp, cả miền Thăng-Bình chìm sâu trong sự vùi dập tơi bời.

Dòng sông Ly Ly mực nước tràn dâng cuồn cuộn lôi theo muôn lớp rác rều và cầu ông Triệu, ở dưới Ao-vuông, ồ-ạt trôi đi với dòng thác lũ. Gió chuyển từng luồng

http://tieulun.hopto.org

mãnh-liệt bẻ cong rừng cốc Vinh-Huy, quạt mạnh từng cơn, xô rạt cây rừng Đồng-Dương, xoáy vào lòng ngôi Tháp Mẹ, hú lên những tiếng rất dài như sự khiếp hãi bốc dậy từ trong ruột Tháp.

Suốt mấy ngày mưa, ông Cửu nằm ôm lì bì. Ông nghe tiếng gió gầm thét ngoài rừng, rít lên trên mái tranh nhà và qua những giọng hú dài vẳng lại, tưởng như có những hồn oan chồi dậy gọi mình. Ông chìm trong cơn mê sảng đầy bao ác mộng bãi hùng và co quắp lại như một cành khô sắp mục.

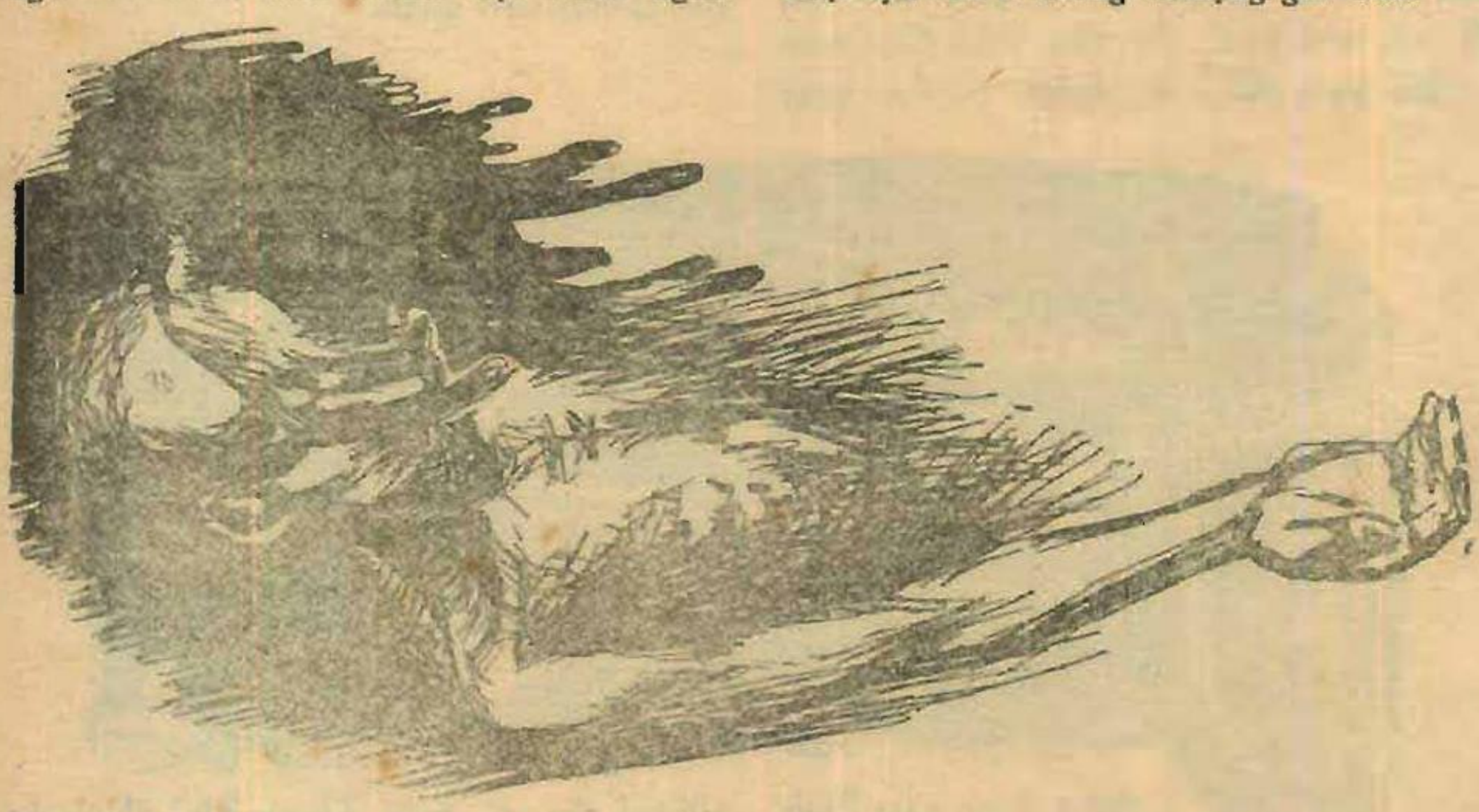
Ngọn gió thổi nhanh vào lúc nửa đêm, lồng lộn trên khắp núi rừng miền Thượng Thăng-Bình và bắt thình lình xoáy sâu vào lòng Tháp Mẹ, vụt bốc lên cao. Tiếng hú ghê hồn bốc dậy và một tiếng ầm dữ dội, chấn-động cả một vùng xa: Tháp Mẹ sụp ngã tan tành, biến thành một khối ngổn ngang, vung vãi đá gạch bốn bề phủ che mấy lớp bờ thành vây bọc.

Nhiều cụ già ở chợ Việt-An, cách xa chỗ tháp trên mười cây số, mất ngủ trong đêm mưa gió, bỗng ngồi choàng dậy, một tay che lấy ngọn đèn chực tắt, một tay hứng lấy bờ tai ngơ ngác khi nghe tiếng động lạ lùng theo gió dội về.

Giữa phút mê man, ông Cửu bỗng kêu rú lên, hai tay gẫy guộc quờ quạng trên không, ú ớ vài lời mê sảng rồi ông giẫy giụa yếu ớt như đêm khuya nào Tà Khốt đã cỡ vẫy vùng tuyệt vọng để nuối cõi đời...

Bên ngoài, gió vẫn kêu rú liên hồi, lồng lộn điên cuồng trên các rừng cây.

Bà Cửu đưa tay vuốt lấy mắt chồng rồi bưng mặt khóc, tiếng khóc khô khan mệt nhọc lịm dần ở trong cổ họng già nua.



Ngày nay, du khách đến miền Đồng-Dương, chỉ thấy trơ lại một ngôi tháp nhỏ tiêu điều. Về ngôi tháp lớn, chỉ là gạch vụn hoang tàn. Về ngôi giếng cổ, chỉ là hố sâu chen chúc những loài cỏ dại. Ngôi giếng bắt đầu cạn nước và khô kiệt dần, từ lâu, khi những người dân quanh vùng lặn xuống mò cua cá bắt ở dưới Ao Vuông bỗng nghe mùi tanh khủng khiếp của những thịt người vữa nát.

1960

VŨ-HẠNH

http://tieulun.hopto.org

Cùng các bạn yêu thơ và nhạc

Năm rồi, các bạn có viết thư về hỏi chúng tôi về việc in rônêô lại một sô thơ tiêu biểu thời tiền chiến cùng việc đặt mua trước luận án tiến sĩ về cổ nhạc của bạn Trần-Văn-Khê.

Chẳng biết nay các bạn còn giữ ý định xưa không? Xin các bạn cho chúng tôi được rõ, hai chúng tôi tiếp xúc thẳng với các bạn để bàn về hai việc trên đây.

Nhân tiện những bạn nào có (hoặc biết bạn nào, nơi đâu có) thơ của: Thụy-An, Việt nữ Hoàng-Hương-Bình, Mộng-Sơn, Huy-Tân, Huy-Chức, Tường-Đông, Hoàng-Diệp... xin vui lòng liên lạc với chúng tôi. Xin đa tạ trớc

Thay mặt một nhóm người yêu văn-nghệ ở Thủ-đô

NGUIỄN-NGU-Í

do Bách-Khoa

160, Phan-Đình-Phùng — Sàigòn

BẠN ĐỌC ĐÓN COI

BÁCH-KHOA

SỐ TẾT TÂN-SỬU

- Những bài biên-khảo công phu, những sáng tác văn-nghệ đặc-sắc hướng về Xuân và Tết, đem lại tươi vui cho bạn đọc trong những ngày chuẩn bị đón Xuân về.
- Một quà Tết trang nhã trong dịp đầu năm Tân-Sửu.

http://tieulun.hopto.org

HẬU TIỆC

XUÂN-HIẾN

Vừa Tết hôm nào, nay lại Xuân
Thấy người vui tết Hiến băn khoăn
Vì bài thơ Tết lo chưa kịp
Ôi, đề bài thơ thật khó khăn !

Giấc mộng năm xưa hẹn tiếp theo
Nhà thơ lo báo vận đâm nghèo
Tháng năm mòn với từng khuôn chữ
Mảnh đất vườn thơ để mốc meo

Vui tính mà đâm ít nói cười
Góc nhà xó bếp thẫn thơ ngồi
Vợ đâm ngờ vực rằng : « Nghi lắm
Hẳn nhớ ai đây, lại giấu tôi !... »

Yểu điệu nàng Thơ sắp sửa về
Nghe người ngọc quát vội quay đi
...Và rồi dỗ mãi nàng không tới
Nàng chẳng về cho biết viết chi ?

http://tieulun.hopto.org

Ngày tháng trôi nhanh, xuân «lớn» dần
Mộng xưa tỉnh giấc thấy phân vân
Bạn bè thường giễu, rằng : « Quan bác
lo lắng sao mà vẫn béo lăn ? »

Đại tiệc mừng xuân ngỡ mới tàn
Dư âm thân mến tưởng còn vang
Bà con nhắc nhở : « Đầu năm Sửu
Hẳn ngả trâu to để thết làng »

Các bạn năm qua được Hiến xông,
Tiệc vờ món hão cả năm rông
Thư về rủa mát : thằng cha láo,
Bẻm mép đầu năm đã thết ngông ! ...

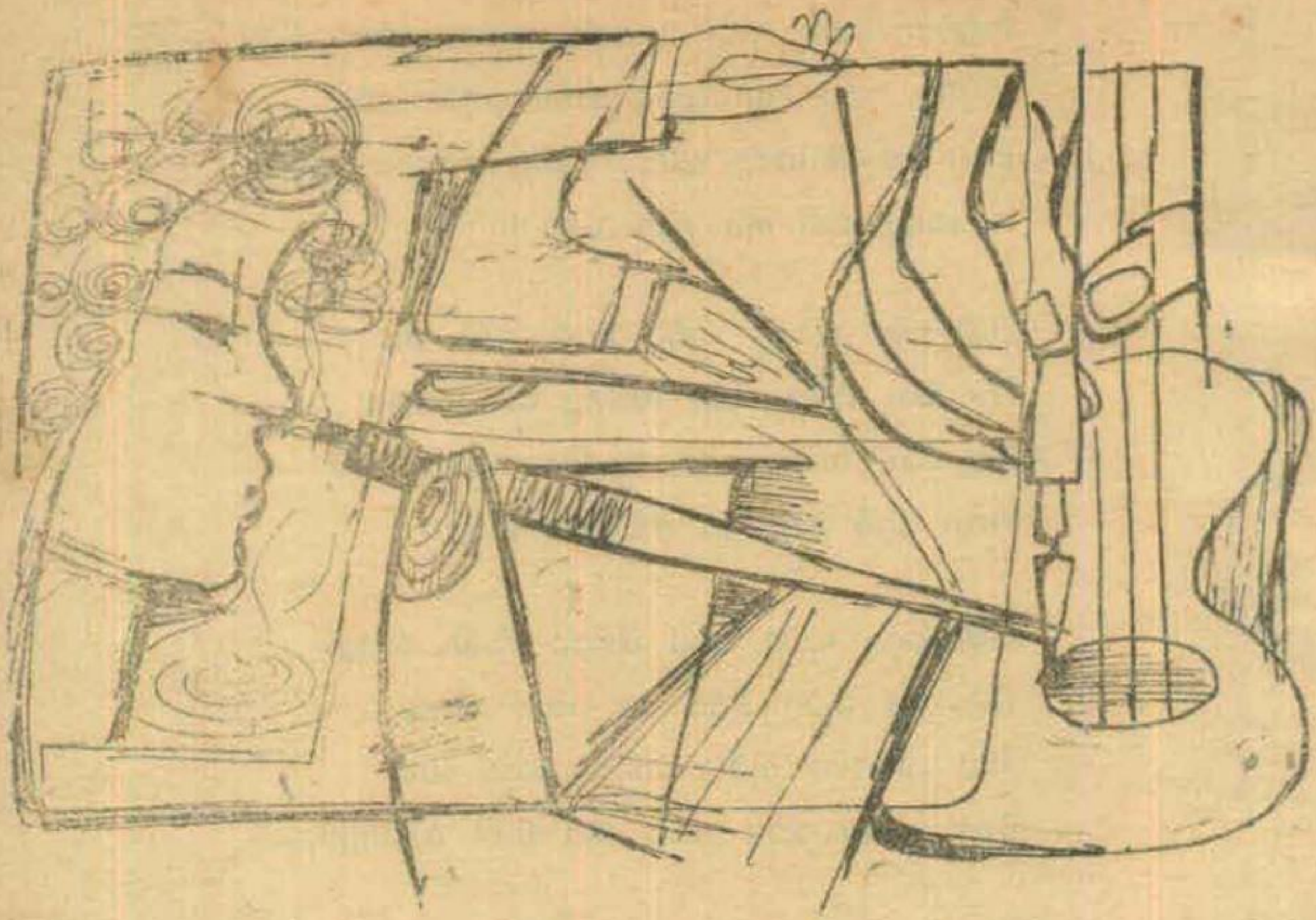
Men rượu ngày xuân chếnh choáng say
Món ăn kinh tế sắp cho đầy
Có nhiều người đẹp vô tình hỏi :
— Đại tiệc sao toàn những vị cay ?

Nghe bốn phương dồn, « đầu bếp » lo
Cỗ bàn chẳng lẽ lại... *nguyên trò* ?
Hỡi ơi ! toàn món ăn tâm huyết
Thực khách ai người hiểu biết cho ?

Vì thế năm nay tiệc BÁCH KHOA
linh đình mà chẳng dám phô ra
Hẹn cùng trăm họ : sang năm tới
Tiệc đón xuân về... lớn gấp ba ! ...

XUÂN-HIẾN

http://tieulun.hopto.org



SINH-HOẠT VĂN-NGHỆ

THƯ CẬY ĐĂNG

• ĐẶNG-TRẦN HÀN HUÂN •

Thư ngỏ gởi Tạp-chí Phổ-Thông,

SAU những báo thiên về văn-nghệ, giải-trí, lâu nay, thị-trường báo-giới Việt-Nam đã thấy xuất-hiện những tờ tạp-chí khổ nhỏ có mục-đích mở-mang kiến-thức độc-giả, trong số đó có bán nguyệt-san Phổ-Thông.

Phổ-Thông do ông Nguyễn-Vỹ chủ-trương, ngoài những bài khảo-cứu còn thường xuyên có mục « Đáp bạn bốn phương » để giải đáp những thắc-mắc do độc-giả viết thư tới hỏi.

Độc-giả tin-tưởng vào lời giải đáp của báo và coi tờ báo như một giáo-sư hàm-thụ của mình.

http://tieulun.hopto.org

Tiếc thay tại mục này, đã có khá nhiều câu trả lời sai một cách quá ngô-nghê.

Chúng tôi xin dẫn chứng một vài ví dụ :

1.— Trong Phổ-Thông số 17 trang 23 bạn NTB Huế hỏi nghĩa của 2 chữ C và F ghi trên hàn thử biểu đã được trả lời như sau : « Chữ C ghi trê nhàn thử biểu nghĩa là Chaud (nóng) Ftức Froid (lạnh) ».

Thực ra thì C là Centigrade và F là Fahreinheit. Điều này các học-sinh lớp Đệ ngũ đều có học qua

2.— Trong Phổ-Thông số 27, trang 245, ông Nguyễn-An-Trinh đã được tòa báo trả lời như sau :

— Hai quyển « Les mendiants des miracles » của C. V. Gheorghiu và « La P. Respectueuse » của Jean Paul Sartre là 2 tiểu-thuyết mô tả những cảnh trái ngược của xã-hội Âu-châu.

— Các giải-thưởng văn-chương hiện có ở Âu-châu là giải Nobel, Concourt, Pulitzer v.v...

Thực ra 2 cuốn sách nói trên chỉ có một cuốn là tiểu-thuyết, còn một cuốn là kịch (Sartre) và cả hai cuốn đều nói về vấn-đề kỳ-thị chủng-tộc ở Mỹ chứ không cảnh trái ngược của xã-hội Âu châu. Còn giải thưởng văn-chương Pulitzer là 1 giải thưởng phát tại Hoa-kỳ chứ không phảitại Âu-châu.

3.— Trong Phổ-Thông số 47, trang 125, báo này trả lời ông Đoàn-Trọng-Ký Qui-Nhơn « Tổng-kê dân-số 1 nước chỉ tính số công dân nam, nữ từ 21 đến 65 tuổi. Dưới 21 tuổi không kể ».

Người ta lấy làm ngạc nhiên không hiểu báo Phổ-Thông đã căn-cứ vào tài-liệu nào và tự hỏi những công-dân Việt-Nam 18, 19, 20 tuổi có quyền bầu-cử cũng như các em bé đã có bộ đời tại sao lại bị gạt ra ngoài thành phần dân-số một quốc-gia như sự giải đáp của Phổ-Thông.

*
* *

Trên đây chúng tôi chỉ đan-cử 3 ví-dụ. Tạp chí Phổ-Thông còn mắc nhiều khuyết-điểm khác không thể kể hết như khi nói rằng : *Larousse du XXe siècle* không có bán ở Việt-Nam (P.T. số 39 trang 126) SEATO là South East Asia Territorial Organisation, NATO là North Atlantic Organisation (P.T. số 45 trang 129), từ năm 1953 đến nay giải thưởng Nobel về vật-lý, hóa-học, y-học, hòa-bình thế-giới không nghe nói đến (P.T. số 47 trang 108) v.v...

Có thể một, hai trong những điểm sai lầm trên đây đã được cải-chính. Nhưng chắc-chắn đa số khuyết-điểm không được cải-chính kịp thời. Trong khi đó độc-giả tin-tưởng vào nhà báo đã bị đánh lừa một cách chua cay và thay vì mong được mở-mang kiến-thức qua tờ báo đã thu được 1 kết-quả trái ngược.

Chúng tôi tự hỏi tại sao tạp-chí Phổ-Thông đã vấp phải những khuyết-điểm sơ đẳng như vậy.

Có lẽ vì bộ biên-tập đã quá cẩu thả không xem xét lại bài vở trước khi đăng tải chăng ? Hoặc bộ biên-tập Phổ-Thông đã tin vào những tài-liệu ngoại-quốc để trả lời mà không biết rằng nhiều tài-liệu ngoại-quốc trước khi sử-dụng ta cũng cần xét lại.

Chẳng hạn trường-hợp cuốn tự điển danh tiếng của Pháp phát-hành năm nay đã cho rằng nước Việt-Nam bị phân chia tại vĩ-tuyến thứ 37 & Đại-Hàn thì chúng

http://tieulun.hopto.org

ta bẫn không nhắm mắt tin theo (Petit Larousse, trang 1774).

Nhưng dù vì lý-do nào chăng nữa, độc-giả cũng tha-thiết mong bộ biên-tập Phổ-Thông thận trọng hơn nữa trong việc hướng dẫn độc-giả.

Một lời nói sai chỉ có hại cho một số người, nhưng nếu lời nói ấy được in trên một tờ báo sẽ có tác-dụng tai-hại gấp trăm ngàn lần vì sự tổn hại của chữ viết và sự phổ-biến rộng-rãi của báo-chí.

Chúng tôi mong mỏi bộ biên-tập Phổ-Thông chỉ trả lời những câu hỏi của độc-giả khi mình biết đúng và biết rõ. Trong trường-hợp chưa tham-khảo được tài-liệu nên tránh sự trả lời mập-mờ sai lạc vì hành-động này có thể gây cho độc-giả những hiểu lầm đáng tiếc về bộ biên-tập tạp-chí Phổ-Thông.

ĐẶNG-TRẦN-HUÂN

★

TIỂU THUYẾT PHÁP ĐI VỀ ĐÂU ?

THU-THỦY

HỒI đầu năm 1960, Bernard de Fallois kiểm-điểm tình-hình văn-học Pháp các năm qua, nói về bộ-môn tiểu-thuyết có nêu lên ba điều lệch-lạc, mà thứ nhất là cái giọng hài-hước. Vì cái hài hước đó, chuyện không còn là một nỗ-lực hiện-thực cuộc đời một cách nghiêm-chỉnh thấu đáo nữa, mà chỉ là một lối trào-phúng chế giễu hoặc cá-nhân hoặc xã-hội.

Cho đến những bài điểm sách vào khoảng tháng 9 tháng 10 năm 1960, R.M. Albérès vẫn còn lưu ý đến cái đặc-điểm thịnh-hành đó trong tiểu-thuyết Pháp. Các tác giả lấy cốt truyện ở những mẩu tin vặt hàng ngày, nội dung không có gì, trình bầy lớt phớt một số nhân-vật nào đó, tránh mọi chủ định giảng giải, lý luận, mọi luận đề triết-lý, xã-hội, chính-trị. Chủ định như chỉ là đưa ra những cảnh sinh-hoạt hàng ngày thực tầm thường, tiểu thuyết gia làm như một phóng viên. Trong *Echec et mat* của Renée Ballet chẳng hạn kể một người đàn bà tên Ki từ biệt một người đàn bà khác tên Hélène, đi sang Ý, được một người đàn ông tên Raca để ý. Nửa đường người đàn bà chết bên đường. Người ta lao xao điều-tra, tìm hiểu nguyên-nhân... Trong *Le Violon* của Louise de Vilmorin, một thanh-niên đi đón cô bạn gái của anh mình ở xa mới đến Paris, đưa cô ta đi xem thành phố, cô ta tò mò muốn biết: một hộp đêm, cậu đưa vào ; trong tiếng nhạc du dương cô cậu mến nhau ; ra khỏi hộp đêm, lại hết ! Chỉ có thế.

R.M. Albérès nghĩ đến Zola trước kia giới-thiệu nhân vật của mình kỹ lưỡng từ tính-tình, giòng họ, tổ tiên, nghĩ đến Balzac tả nhân vật chu đáo từ chỗ ở, hàng xóm láng giềng, cách ăn mặc đi đứng, từ những nết xấu nhỏ đến những bệnh tật lặt vặt v.v.. và ông ta gọi lối tiểu thuyết thịnh-hành bây giờ là « roman de p énoms » : về các nhân-vật độc giả chỉ được biết có cái tên tục (Ki, Hélène...) chứ không được biết tới cái họ gia-đình !

http://tieulun.hopto.org

Cái gì quan-trọng trong những quyển truyện như thế không còn phải là *chất-liệu*, mà là cái giọng dí dỏm, thông minh, khinh-khoái, hài-hước, những sáng-kiến cao hứng bất ngờ của tác giả. Tác giả cần làm bật nổi cái thông-minh của mình, nên thường tạo ra những nhân vật lố lăng để nhạo báng bỡn cợt cho thỏa thích. Giá trị của quyển truyện chỉ ở chỗ đó (Rien d'autre à admirer dans le roman que la verve du romancier), cho nên lối tiểu-thuyết ấy cũng gọi là « roman de verve ». Hình như khi người ta không còn tin gì ở cuộc đời nữa, người ta không muốn nhọc công xây-dựng những truyện nghiêm-chỉnh, những luận đề ý nghĩa, người ta không để cho nhân-vật mình được phép có một say mê tình cảm nào, có một lý-tưởng đứng đắn, có thái độ triết-lý nào (En 1960, les personnages de Sabatier n'ont pas droit à avoir des idées, à représenter une attitude morale, philosophique, sociale... Les héros de Jean d'Ormesson ne peuvent pas avoir de passion...)

Nhưng đến tháng 12 năm nay, trong những tác-phẩm được các hội-đồng giải-thưởng văn-chương chú ý, R.M. Albérès nhận thấy các tiểu-thuyết-gia đã có ý từ bỏ cái lối ghi tốc-ký những hoạt động của đời sống hàng ngày, cái lối dùa cợt ấy, để trở về thái-độ suy tư. Những quyển tiểu-thuyết như *L'été des solitudes* của Camille Bourniquel, *La route des Flandres* của Claude Simon, không còn lướt phớt qua trên bề mặt hời hợt của cuộc sống, mà làm cho độc-giả có cảm-tưởng về cái bề sâu phong-phú của nó. Trong truyện *La route des Flandres* ba người lính trong một tiểu-đội tan rã năm 1940, bị địch bắt giam, ngồi rồi hồi tưởng lại và kể với nhau về gia-đình vị đại-úy của họ. Những con ngựa đua của ông ta, người vợ lạ lùng của ông ta, cái chết bí mật của tổ phụ ông ta... những chuyện ấy do người này góp một ít, người kia góp một ít, dần dà dựng lên thành cuộc đời kỳ-dị của dòng họ Reixach. Cuộc đời dựng lên theo kiểu ấy, qua ký-ức của nhiều người khác nhau, chắp nối nhau, nhìn qua những khía cạnh khác nhau, tự dựng thành ra phức tạp, khó hiểu, chứa đầy bí-ẩn thi-vị.

Ngay đến cái kỹ-thuật để thể-hiện sự phong phú bí hiểm ấy cũng là một kỹ-thuật khó khăn. Nhà phê-bình Mathieu Galey thoạt đọc qua quyển truyện không thể nào hiểu nổi: lối viết thực là lộn xộn, có những câu dài hàng mấy trang không dứt, những câu thơ tự-do đột nhiên xen vào, những lời đối-thoại không dùng trong dấu ngoặc kép.. Nhưng khi thử lên tiếng đọc to cho rõ ràng thì M. Galey mới chợt hiểu rõ ý nghĩa và thấy là hay. Không những thế, ông lại nghiệm ra rằng nội-dung ấy phải có hình thức này mới xứng-đáng! Cái lối viết khó khăn bí hiểm ấy, làm cho người ta vừa nghĩ đến kỹ-thuật phái Robbe Grillet gần đây, vừa nghĩ tới sự tìm tòi tỉ-công-phu của Marcel Proust trước kia để dựng lại bộ mặt thời-gian đã mất.

Rồi đến những quyển truyện *L'Olympien* của Jacques de Bourbon-Busset hay *Dieu est né en Exil* của Vintila Horia, chúng ta lại càng xa cái không khí nhẹ nhàng của những câu chuyện phiếm có tính cách tin vặt hàng ngày. Nhân vật tiểu-thuyết ở đây lại là... Périclès và Ovide, những nhân-vật lịch-sử cổ Hi-Lạp, La-Mã. Trong tác phẩm được giải Goncourt, tác-giả hình dung sự diễn biến tư tưởng của thi-sĩ Ovide trong những năm bị hoàng-đế Auguste

http://tieulun.hopto.org

lưu đầy ở Dacie. Thi-sĩ hồi tưởng lại tất cả đoạn đời đầy vinh-quang mà giả dối ở La-Mã, suy-tưởng dần dần đưa đến sự khám phá một triết-lý sống giản dị, hiền đức. Quyển tiểu-thuyết có cái giọng gần như một quyển nhật ký, hay hồi ký, trong đó nhân-vật tự phân tích cuộc đời mình, nghiền ngẫm, suy tư,..

Nhân năm mười tác phẩm nào đó mà kết luận rằng tiểu-thuyết Pháp chuyển hướng về phía này phía kia thì có lẽ vội vàng. Nhưng trong khi nhiều vị trong các hội-đồng giải-thưởng Fémina, Goncourt, Renaudot, Interallié phân vân trả lời mập mờ rằng tiểu-thuyết Pháp không có gì mới, (1) trong khi đó mấy nhận xét báo hiệu của R.M. Albérès trên đây tưởng cũng nên đem ra để đối chiếu.

THU-THỦY

(1) Xin xem lại bài « Các giải thưởng văn chương năm 1960 ở Pháp » trong Bách khoa số 96.

★

SÁCH VỈA HÈ

« Văn-chương hạ giới. . »

NGUIỄN-NGU-Í



Gần nhau mà lại bằng mười... nhau.

Từ một tòa soạn đến một vỉa hè

Người ấy gặp tôi là hỏi ngay, như đợi đã lâu ngày.

— Anh cho tôi mượn quyển « Thần tháp Rùa » để đọc xem nói gì trong đó.

— Anh chưa đọc « Thần tháp Rùa » sao?

— Chưa. Mà cũng mới biết tên nó sáng nay. Nhờ xém các giải thưởng văn chương của Văn-hóa vụ đăng trên báo hằng ngày.

— Như thế thì tôi không cho mượn. Anh phải mua mà đọc lấy. Một cách phạt anh đã vô tình đối với một tập truyện ngắn khác thường : đem xáo trộn cổ kim. Vả lại anh cũng cần có quyển ấy trong tủ sách gia đình. Trong bốn cuốn truyện dài, truyện ngắn được Văn-hóa vụ thưởng, anh có ba, chỉ thiếu có « Thần tháp Rùa ». Thì mua luôn cho đủ số.

http://tieulun.hopto.org



— Mua thì mua. Nhưng tìm nó ở hiệu nào ? Vì nó xuất bản đã lâu rồi thì phải. E hết cũng nên.

— Hiệu sách thì chưa biết hiệu nào có. Nhưng anh lại đường Lê-Văn-Duyệt, cạnh rạp Nam-Quang, có nó nằm ở vỉa hè, giá chỉ còn phân nửa. Rõ ràng hơn là 20$. Bìa dơ, rách, anh trả 15$.

— Thế thì dịp may hiếm có, bỏ qua rất uổng. Sách vỉa hè muôn năm vậy ! Tôi đi ngay.

Anh bạn văn tôi đi mua sách ngay, thì anh Thư-ký tòa soạn cũng chụp ngay cơ hội, mà rằng :

— Coi bộ anh khá rành về sách vỉa hè, thì anh cho một đôi bài về loại sách có số phận đặc biệt này trong số kỷ-niệm năm nay.

Tôi cao hứng gật đầu ngay. Gật đầu rồi mới sực nhớ mình quả đúng như anh Thư-ký tòa soạn đoán : coi bộ khá rành, chớ thật sự chẳng rành chi cho lắm.

Cái đầu làm tội cái chân. Tôi nhảy lên xe, đánh một vòng đến nơi « hội ngộ của sách cũ, báo xưa, nhạc mới. »

Đây, vỉa hè Lê-Lợi

Nơi đây, có thể gọi là trung-tâm của sách, báo, nhạc bán xôn.

Từ đầu đường Pasteur lên tới đầu đường Công-lý, khoảng vỉa hè bên hông sở Trường-tiền biến thành nơi triển-lãm thường-trực của những món ăn tinh-thần bị số phận hẩm-hiu.

Có năm chỗ bán bài hát, và hai mươi chỗ bán sách báo cũ. Vài nhà dù bán sách mới, vài hàng bán tranh ảnh lồng gương... xen vào cho sách báo cũ nằm dài trên lề hay nhạc treo đứng dựa tường khỏi mang tiếng quá tham lam : độc chiếm mảnh giang san này mà cái cầu tiểu công cộng nằm đoạn giữa cũng không đủ sức cắt đứt nó ra làm hai được.

Tôi ghé vào cái thế-giới này lúc vầng ô bóng đã xế tà... Nhưng với cái chợ sách lộ thiên ni, thì cái cảnh vào lúc xế chiều lại nhộn nhịp hơn cả lúc nào. Trường học vừa tan : có những giáo-sư đạo mạo, có những sinh viên trầm ngâm, có những nữ sinh nhí nhảnh, có những khách qua đường dừng bước ; rồi các sở tan : cái chợ chữ nghĩa này lại thêm các công tư-chức chưa vội về nhà, mà cũng chưa muốn la cà ở quán giải-khát ngọt ngọt hay nồng nồng. Người ngồi chồm hổm lật lật, người đứng lom khom chỉ chỉ, kẻ đi qua chầm chậm, đưa mắt.

1— Rẻ lắm, 2 đồng thôi !

Tôi bắt đầu làm rộn cái « đại lục âm thanh » trước. Tôi ngồi xuống, dở một tập bài hát tí hon, in công phu, trình-bày mĩ thuật. Tôi gợi chuyện :

— Thứ này bao nhiêu, em ?

Chủ hàng là một cậu bé 13. Cậu lanh lẹ lại gần, ngồi xuống, đối diện.

— Dạ, thưa thầy, rẻ lắm, hai đồng thôi.

— Hai đồng thôi ? Thật là rẻ. Mà sao chỉ có ba thứ thôi em ?

— Dạ, họ đưa có ba thứ này thôi. Thầy đi đâu cũng không có thứ gì thêm đâu. Thầy mua giùm em một tập.

Tôi mua giùm em cả ba tập.

— Bài hát dạo này bán khá không em ?

http://tieulun.hopto.org

Cậu bé đứng dậy, chỉ vào xấp bài hát sắp dựa tường sở Công chánh, còn mới tinh và khoe nụ cười, khóe mắt, mái tóc, đường môi các nữ danh ca của Sài-gòn hoa lệ một cách quá đài các.

— Năm đồng một bản ! Thứ này thì không rẻ rồi !

— Sao không rẻ, thầy. Bớt 30% còn gì nữa ! Mới « cất chỉ » thầy thấy không ?

— Mới là một việc, giá không rẻ là một việc. Thứ này cũng còn mới mà 2 đồng một bản, lại còn thứ này. Có một đồng.

Cậu bé bỗng « lên mặt » một cách vừa đáng ghét vừa đáng yêu.

— Hai thứ này cũ xì. In từ năm xửa năm xưa (tôi liếc mắt, bắt gặp trong đám nhạc 15 bày trên lề phố *Lửa rừng đêm...* » của Nguyễn-hữu Ba bớt sắc lửa hồng và *Hòn Vọng-phu* I của Lê-Thương dường như mỏi sức trông chờ ai ngoài nắng, bụi). Lại hình vẽ con nít, người lớn. Còn thứ này « mới ra lò » năm nay, hình con gái đẹp, mà hình chụp nữa. (Tôi nhìn vào lớp nhạc được để một vị trí tương đối cao và dễ nhìn, chạm phải mái tóc đang cố níu chút ngây thơ còn lại của một Thanh-Thúy, đôi môi còn đủ sức mời mọc của một Khánh-Ngọc và cặp mắt thừa sống lắng lơ của một Bạch-Yến.) Mua nghe thầy !

Tôi giật mình, trả lời một cách máy móc :

— Mua thì mua.

Nói mà chưa biết mình mua cái gì. Lời ca ? Nốt nhạc ! Hay mái tóc tơ, đôi môi mọng, cặp mắt nghiêng... tường ?

— Bài nào thầy ? *Bernadine*, *Bambino*, hay *Que sera sera*? À ra chỗ đứng này dành riêng cho những « đứa con ngoại-quốc, những đứa con lai » đây. Nhạc Mĩ, Nhạc Pháp, Nhạc Anh... mà lời Việt. Được màn ảnh « lăng xê », được thanh nam, thanh nữ hâm mộ ồ ạt. người ta vội đặt lời ca tiếng... mẹ đẻ, rồi lấy nhạc người, in ra. Hèn chi bán chẳng chạy. Đó là chưa nói cách trình bày, mới mẻ hơn, hấp dẫn hơn, mà cũng .. thiết thực hơn. Cậu bé lại kéo tôi về với việc bán, mua :

— Bài nào, thầy ?

— Bài nào cũng được.

— *Que sera, sera*, thầy ưng không ?

— Ừ, thì *Que sera, sera*.

Tôi cố ý lấy tiền chậm để còn hỏi « ông chủ » này một câu chót : khách chắp tay sau đít lom khom nhìn đã có năm, bảy người.

— Mỗi ngày em bán được bao nhiêu ?

— Ế lắm, thầy. Người ta coi nhiều hơn mua.

— Ế, chớ mỗi ngày cũng được tệ lắm là trăm bạc chớ ?

— Trăm bạc là nhiều nhứt.

— Thế lời bao nhiêu, em.

— Có thứ lời năm cắc, có thứ lời một đồng.

— Đỗ đồng bán được một trăm, em lời được ba chục ?

— Đâu lối đó.

Em đang quên tôi để lo tiếp vài cô tay ôm cặp và tóc thề còn xoã ngang lưng đang chỉ chỏ vào những bài hát có những cái tên từ bốn phương trời góp lại.

Tôi lại lang thang.

http://tieulun.hopto.org



Văn Thơ Nhạc... thượng vỉa hè !...

II.— Cạnh... bốp lửa

— 5 đồng một cuốn, rẻ lắm thầy cô. Đủ loại mà, sách học, tiểu thuyết, Tây, Tàu, Anh, Mĩ gì có cả.

Cái ông này già mồm. Tôi ngồi soát thử chồng sách giá « đồng hạng » : sách học có, tiểu thuyết có, sách Tây có; còn Tàu, còn Anh, còn Mĩ, là ông ta nói thêm cho rơm đám. Tôi bỏ ra 5 đồng để mà có một « *Bếp lửa* » của Thanh-Tâm-Tuyền, và cũng để thay thế miếng trầu...

— Hàng chú nhiều sách quá. Lại đắt khách. Chắc ngày bán rồi kiếm vài trăm dư sức ?

Người vừa lấy tiền tôi, nhìn tôi một cách có phần vừa ngạc nhiên, vừa bất bình. Chẳng rõ ông ta có cho tôi muốn ngạo ông hay không mà ông đáp, giọng khinh khỉnh, quên rằng nửa phút trước, tôi đã làm giang hàng ông nhẹ đi một « Bếp lửa ».

— Lời vài trăm một ngày ! Thế sao ông không làm nghề này cho sướng. Ông tưởng lúc nầy bộ dễ hốt bạc lắm sao ?

Tôi có cảm giác như ngồi gần bếp lửa, giữa trưa. Tôi xích lại gần, sửa lại chiếc gương cận thị :

— Xin lỗi chú vậy. Quả tình tôi không biết, hỏi lỡ lời. Chớ không có ý gì ngạo chú đâu.

Người đối thoại của tôi dịu giọng :

— Khá lắm là trên trăm, còn ế là vài chục.

— Thế một trăm, chú lời được ba chục ?

— Còn tùy loại sách bán được. Lời ba chục có, hai mươi lăm có.

— Vậy thì cũng đủ ngày hai bữa.

— Nhờ trời, tới giờ thì đủ. Mỗi ngày mỗi ế, mà thiên hạ tưởng khá, nhào vô thêm. Lại càng chia khách, ế thêm. Mình ! có ông hỏi giá sách kìa !

Thì ra ông chủ này trông nom hàng sách này, bà vợ coi chừng hàng sách kế bên. Để ý, tôi thấy sách của ông là loại sách cũ, bìa đã mang lắm vết phong trần, lại là loại sách học ; còn sách bà là tiểu-thuyết, tương đối có cái bộ mặt dễ coi hơn. Bà bán được cuốn « sách kìa », ông tươi người một chút. Tôi bèn hỏi :

— Lời không bao nhiêu, nhưng khỏi « sở bụi », thì cũng đỡ chớ, chú.

http://tieulun.hopto.org



— Cũng có sở hụi chớ sao không, thầy. Bộ thầy tưởng chúng tôi không chịu thuế cho Nhà-nước sao ?

Trước vẻ mặt ngơ ngác của tôi, ông cười.

— Thầy nhà quê quá. Bộ Nhà-nước là con nít sao mà để bọn tôi bán ở đây mà chẳng bắt nạp cái gì. Thuế chỗ ngồi : trăm rưỡi mỗi tháng.

— Ai cũng đóng trăm rưỡi hết sao ?

— Tùy theo chỗ ngồi của mình rộng hẹp. Phần đông là trăm rưỡi.

— Nhà-nước bắt trả tiền chỗ ngồi, thì mình bán được hoài chớ, chú.

Ông phì cười.

— Đâu có dễ như vậy. Bọn tôi chỉ được phép bán tới Tết thôi.

— Chừng ấy chú thím định thế nào ?

— Chừng ấy sẽ hay.

Một khách hàng hỏi giá. Tôi ngồi tò mò nhìn các nhan sách. Đủ các môn. Từ Văn-chương đến Khoa-học, từ Toán Lý-Hóa đến Sử-Địa, qua Sinh ngữ. Toàn là sách xuất-bản trên hai năm nay, phần nhiều lỗi thời vì soạn trước khi chương-trình học đổi mới. Loại luận đề nho nhỏ nhiều nhất. Tự-điển xí xi và lơn lớn cũng có mặt ở đây. Tôi lẩm nhẩm đọc tên :

— *Sửa máy theo hình vẽ.— Toán Điện-học.— 56 bài dịch Việt-Anh.— Giảng văn lớp đệ Tứ.— Đố chia động-từ Pháp.— Luận phổ-thông giải các đề thi từ năm 1949 đến 1958.— Luyện dịch Pháp-Việt và Việt-Pháp.— Luận đề về Nguyễn-Khắc-Hiếu, về Chu-Mạnh-Trinh, về Tôn-Thọ Tường, về Phan-Văn-Trị, về..., Pháp-văn đệ Thất. Việt-Pháp tự-điển...*

Lạc loài vào đám sách giáo-khoa này, có năm ba quyển về y-học, về chánh-trị, về triết-lí . . . *Nợ Vu-Sơn, Tìm hiểu người Nhật-Bổn, Quan-niệm nhân-vị qua các học thuyết Đông-Tây...*

Tôi cười cười giã từ ông chủ giáo-khoa, bước qua bà chủ tiểu-thuyết. Khách hàng ở đây đông hơn. Phải chăng thời buổi này, người ta thích giải trí hơn là học hỏi ? Tôi bắt gặp đầu mình lởn vởn câu hỏi vu vơ này, và óc lại vớ vẩn nhớ đến đôi câu thơ thời tiền-chiến :

« *Hết nợ thi rồi đến nợ thi...*
« *Than ôi đi học để làm gì ?*
« *Những chồng sách nặng khô như đá,*
« *Ruộng gió đồng trăng, anh ấy đi.* »

III.— Với... hương thu

Ở đây và giờ này, làm gì có ruộng, có trăng, nên tôi « đi tìm giang san rút gọn » của tưởng tượng. Tiểu thuyết tái bản của Lê-Văn-Trương bắt người xem chú ý ngay. Vì chưng tương đối nhiều, vì hai ba nhà xuất bản chúng, vì cái tên của chúng : *Ái tình muôn mặt, Những kẻ có lòng, Trường đời, Đứa cháu đồng bạc, Cánh sen trong bùn, Một linh hồn đàn bà, Lịch sử một tan vỡ, Chồng chúng ta...* Tôi cố ý tìm hai cuốn, một có cái tên rất khêu gợi, một có cái tên rất dài, nhưng không thấy. Có lẽ họ Lê chẳng còn giữ được một bổn cũ nào sao ? Đó là hai cuốn : *Sau phút sinh li* và *Ngựa đã thuần rồi, mời ngài lên.*

Cạnh tiểu thuyết Lê-Văn-Trương, là tiểu thuyết, cũng tái bản, và cũng chẳng do

http://tieulun.hopto.org

một nhà — của Hồ-Biểu-Chánh : *Mẹ ghẻ con ghẻ, Vợ già chồng trẻ, Bỏ chồng, ông Cử, Thầy thông ngôn, Hai vợ...*

Tiểu thuyết bà Tùng-Long nằm kế đó : *Còn vương tơ lòng, Nhi-Lan, Hoa tỉ muội, Ái tình và danh dự, Mẹ chồng nàng dâu, Vợ lớn vợ bé...*

Vô tình, người bán sách đã sắp cạnh nhau ba tác giả đã từng có nhiều độc giả nhất, trong ba thời kỳ khác nhau.

Ngoài ba tác giả này, các tiểu-thuyết gia khác chiếm mộ chỗ... nằm khiêm tốn hơn. Có thể nói hầu hết các nhà xuất bản loại sáng tác này đều có « người » đại diện, nhất là những nhà có sách in từ 1952 trở lại. Có những cuốn còn giữ gần trọn vẻ trắng trong (tự nhiên số này rất hiếm), có những cuốn gần như hoa giữa... đường, đa : ố là những cuốn « thường thường bực trung » : sặc sỡ có mà đơn giản có, mất gáy có mà mất bìa cũng có.

Một quyển sách cũ làm tôi chú ý, vì tên người viết cũng như vì tên sách, tên nhà xuất bản. Cầm sách lên mà lòng rào rạt như nổi sóng trùng dương, thời ngùi ngùi như khi nhớ đến đôi đời ngoại hạng đành rụi tàn giữa cảnh âm u.

Tôi hỏi giá. Bà chủ nói giá tăng thêm 100%.

— Thím đã không bớt 50% mà lại tăng 100%, thì là nghĩa làm sao ?

— Sách này đỡ ông tìm trong các hiệu sách mà có ! Nó mất vì nó khó tìm.

— Nhưng mà nó dơ, nó cũ quá !

— Càng dơ, càng cũ mới càng quí.

Chắc bà cũng khó sành tâm lí, biết người mua tha thiết với món đồ mà bắt chẹt.

— Bà hạ nửa tiền, không thì thôi.

Và tôi đứng dậy, bất bình với chính mình. Thì ra mình xem tác phẩm của anh bạn xấu số kia — anh bạn mà mình quí trọng — như các tác phẩm khác không hơn không kém. Thì ra, một khi bị đưa xuống vỉa hè, thì đối với người mua, đó toàn là cá mè một lứa, và đã xem là cá, thì người mua cứ trả giá. Buồn cho mình, tôi đi luôn, lắc đầu khi nghe bà chủ gọi lại bán y giá. Thôi, hãy để tác-phẩm còn « sống sót » ấy cho một ai chẳng có kẻ bớt một thêm hai như mình.

Nằm vỉa hè,
nhưng không giảm giá.

Sao mà lạc lõi đâu đây ? Sách mới tinh, có lắm cuốn vừa xuất-bản, sắp đặt gọn ghẽ, cái vẻ « con nhà » của gian hàng sách giữa trời này nổi bật giữa các gian sách, báo cũ. Tôi vội hỏi :

— Sách đây bớt bao nhiêu ?

— Dạ, có thứ 25%, có thứ 30%.

— Sao lạ vậy. Sách ở đây đều hạ ít nhất là 50%.

— Dạ, sách đây chúng tôi bán như trong các hiệu sách. Tùy theo nhà xuất-bản cho huê hồng nhiều hay ít.

— Thế thì có gì lợi cho người mua ?

— Dạ, có chớ. Ông khỏi tìm kiếm, lục lạo mất công, như khi ông vô nhà sách. Tìm sách mau, trả tiền mau, lấy sách mau, ba cái lợi tuy nhỏ mà cũng đáng kể chớ, phải không ông ?

Con người bán sách ở vỉa hè, nhưng sách thì sách mới, giá giảm như các hiệu sách có cơ sở, có môn bài, có người giúp việc, thì ăn nói cũng hơi khác.

http://tieulun.hopto.org



Bến đường dừng bước...

Đường phố sắp lên đèn, các hàng sách lộ thiên này cũng sắp sửa giải tán, để sáng hôm sau, cùng xuất hiện với ánh dương.

Vài điều nghe thấy.

Tôi trở lại vào một buổi trưa. Để dễ bề la cà và gợi chuyện. Khoảng này, vắng khách, sách cũng ít bị quấy rầy, mà chủ bán cũng thừa thì giờ nói chuyện.

Tôi ngồi trước một hàng bán sách, báo Pháp. Sách thì loại sách trinh-thám chiếm đa-số ; rồi một ít tiểu-thuyết loại giải-trí cho hạng dân, một ít sách học, nhỏ có, vừa có, lớn có.

Muốn bắt chuyện mau lẹ và muốn người chủ hàng vui lòng lời qua tiếng lại, không gì bằng mua đôi quyển của ông ta.

Sách học thì còn mà - cả, tiểu thuyết thì chia làm hai hạng : hạng 5$, hạng 10$. Làm việc gây cảm tình xong, tôi bắt đầu làm... phận sự.

— Khá không bác ?

Giọng người trả lời cao mà nhọc mệt như đám sách bốn mùa phải chịu gió táp nắng ăn.

— Khá gì mà khá thầy. Người ta lật coi thì nhiều, chớ bỏ tiền ra mua thì không có mấy.

— Nhưng mà bác cũng kiếm được ngày hai bữa chớ.

— Thầy hỏi mới lạ ; không được cái đó thì đã bỏ nghề rồi.

— Bây giờ bán không được mấy, chớ trước kia...

— Nói gì trước kia, hồi còn tụi lính Tây...

Để ông mơ màng với thời đoàn quân viễn-chinh Pháp còn lưu luyến đất Việt trời Nam, tôi lại hàng bán sách và báo Việt. Ở đây, có mặt gần đủ tuần báo và tạp chí còn sống, đang ngoắc ngoải hay là chết từ lâu cả những sách người ta in để cho không nữa. Giá bán thì không theo một qui luật nào : có thứ bán lỗ tiền, có thứ hạ giá đến 75% có thứ giá.., tùy hứng. Và chúng làm tôi nhớ lại...

Có một độc giả tờ bán nguyệt san nọ thấy tờ báo mình yêu « bị » bán quá hạ ở vỉa hè, đã nóng lòng viết thơ cho nhà báo mong chẳng còn thấy cảnh đau lòng đó ; nhà báo trả lời rằng đó là điều không thể tránh ; cả ở Âu Mĩ, các tờ báo danh tiếng và bán chạy nhất cũng phải bán xôn : báo dư lại giá nhiều đành phải giải quyết cách đó.

Có một ông chủ báo tờ bán nguyệt san khác ra đời khá lâu, chưa hề bán báo đọng

http://tieulun.hopto.org



cho « Chệt-ve-chai » bỗng sửng sốt thấy báo mình chịu số phận dãy gió, dạn sương đầu vài chục số. Ông liền bỏ tiền ra mua, và về tòa soạn ông dặn nhân viên hễ thấy đâu bán xôn báo nhà thì cứ mua hết về. Nhưng mua đã mấy phen, mà thỉnh thoảng, tìm mua sách cũ ở lề đường, lại thấy báo mình có mặt. Luận bàn với một số anh em, thì ai cấm các độc giả không mua liên tiếp, không muốn đóng lại để dành, gặp lúc dời nhà chẳng hạn, loại đi một số báo nay xét chẳng cần ; đó là chưa nói trường-hợp cô sen chú bếp bán lén (cả báo lẫn sách) kí-lô cho các chú Chệt-ve-chai. Nên từ dạo « tìm ra chân-lí ấy », ông chủ báo nọ bỏ chủ-trương mua lại báo mình bị bán rẻ ở đầu đường xó chợ.

Có một ông chủ báo khác, báo yếu mạng, phải « thanh toán » báo ế, ông ra điều-kiện cho người Hoa-kiều chuyên mua báo cũ : bán kí-lô, nhưng ông xé bìa giữ lại. Thà là báo ông bị dùng vào việc gói mắm gói muối, còn hơn trườn mình ra nằm sát đất để phơi tên phơi tuổi mình và những bạn cộng-tác với mình...

Có một bà chủ báo, báo còn sống, nhưng kho đã chật, bán kí-lô báo cũ với điều-kiện khác : người mua phải xịt mực xanh trang đầu tờ báo ; như thế để tránh cho những đứa con tinh - thần của mình cái số kiếp trăm nắng ngàn sương...

Tôi rời gian báo cũ. Một gian hàng sách cũ sắp xếp gọn ghẽ khiến tôi chú ý. Càng chú ý hơn khi nhận ra hai vợ chồng chủ gian hàng này như đã gặp đâu rồi. Tôi mua đôi cuốn, tôi gợi truyện. Thì ra hai vợ chồng bán sách vỉa hè đây có một cửa hiệu bán và cho thuê sách cũ ở vùng tôi hiện trú. Và tôi cũng từng đến đó lắm phen. Với hai ông bà này thì việc sau Tết không được bán ở lề đường nữa, không thành vấn-đề.

— Thì chúng tôi lại mang về hiệu sách. Mời ông tới đó.

Ít khi gặp một « đương sự » đặc-biệt như thế, tôi bèn nắm lấy cơ-hội.

— Nhà sách họ phàn nàn các ông dữ lắm. Làm thế này, chẳng khác nào gián tiếp đóng cửa tiệm họ.

Ông ta cười.

— Họ nói vậy, chớ đâu đến đỗi gì, ông. Nhà giàu đứt tay như ăn mày đứt cổ. Họ còn một số khách hàng đáng kể. Khách hàng chúng tôi đây là hạng đi chân, đi xe đạp, đi mô-bi-lết, đi xì-cút-tơ, còn số người đi xe hơi vẫn là khách hàng trung - thành của họ. Mà ông biết, ở Sài-Gòn mình, dân có xe hơi không phải ít.

Tôi cười.

— Nghĩa là dân đi xe hơi không thèm lang thang ở vỉa hè ?

— Cũng có chớ. Song họ chỉ lấy mắt nhìn phớt qua thôi, chớ còn cầm lấy cuốn sách, thì đừng có hòng.

— Sao lạ vậy ?

— Thì vậy chớ sao ! Họ là hạng sợ gió sợ mưa, và đặc biệt sợ... vi trùng nằm trong sách cũ !

Tôi lại cười. Nhớ đến một ông bạn... có xe hơi nhà ; người bạn này có lần tuyên bố : « Gì thì gì, chớ mó đến sách báo

http://tieulun.hopto.org

nằm ở vỉa hè, tôi chịu. » Hỏi vì sao, thì được trả lời, cùng với cái lắc đầu lia lịa : « Vi trùng ! »

Tôi xoay câu chuyện. Thì được ông hai hàng sách này biện hộ cho... nghề mình.

— Ông nghĩ coi : nhà xuất bản bán không hết, để ối lại trong kho làm gì ? Để cho mọt gặm mối xơi à ? Họ phải tìm cách thanh toán gấp để có ít tiền xuất bản cuốn khác. Họ xuất bản tiếp, thì lợi cho họ mà cũng lợi cho tác giả. Để vỉa hè bán, chúng tôi chỉ cần được 5% huê hồng, nên sách rẻ. Sách rẻ thì lợi cho người bình dân, và nhất là cho học trò. Nhiều khi dạo phố, thấy cuốn sách hay hay, hoặc thấy mình chưa cần mấy mà giá rẻ, bỏ ra mua chơi... Như thế sách bán chạy, mọi người đều có lợi. Chớ còn sách mới ra lò, thì chỉ có đôi gian bán, mà trừ cũng như họ vậy, 25 hay 30%. Người hưởng một chút, mới là phải điệu chớ, ông nghĩ sao ?

Tôi chưa biết nghĩ sao nên làm thinh lật sách. Hai cuốn sách bề thế, mới tinh, tác giả vốn chỗ quen, làm tôi để ý ; người mua phải mua cả hai, vì đây là hai quyển đầu của một bộ toàn thư. Bìa sau làm tôi khó nghĩ : hai chữ « Quảng cáo » in mực đen, đóng khung sờ sờ ra đó. Hai chữ này của nhà xuất bản, ? của tác giả ? của nhà tổng phát hành ? Và sách cũng có thứ để dành bán « quảng cáo » như... dầu cù-là, bán một tặng một « để làm quen với quí vị đồng bào » ?

Rồi tôi nghĩ vẩn vơ. Có những cuốn sách mà tên như là... tiền định « *Trên vỉa hè Sài-Gòn* » thì còn tìm nơi nào thích hợp hơn đây. Và chẳng biết có phải trên vỉa hè, người ta hay gặp cảnh « *Lá gió cành chim* » ? Vỉa hè là nơi mà « *Các cô gái đậy thì nên biết* » ?.. Và tại vỉa hè đôi khi người ta thấy sống lại một phần « *Kỷ vãng* » ? Được biết « *Ái tình muôn mặt* » ? Được nhìn một « *Gánh hàng hoa* » ?

Nhưng tại sao « *Phong lưu đồng ruộng* » lại lạc loài ở chốn này đây ? Và muốn tìm « *Chân dung Nguyễn-Du* », sao lại phải đứng kề nhà tiểu công cộng nép mình ở vỉa hè ni ? Và chắc chi ta sẽ gặp « *Người vợ hiền* » ta cùng ai sẽ thành « *Đôi bạn* » khi một mình đếm bước trên vỉa hè của chốn tiếng và bụi quá lao xao ? khi « *Duyên Bích-Câu* » là chuyện xảy tận chốn nào... ? Mà sao dạo kinh kì hoa lệ, ai lại tưởng mình ở « *Giữa chốn ba quân..* ? Và « *Phi-Lạc sang Tàu* » sao còn nằm vạ trên vỉa hè Tây-Cống ?

Trang trong một cuốn sách dẫn trí tôi vào nẻo khác. Tác giả đề tặng « Trân trọng tặng anh ....., để ghi mối tình văn nghệ đậm đà ». Người tặng sách và người được tặng vốn với tôi chẳng phải người xa lạ. Thế sao sách lại nằm đây ? Tại vì đã trân trọng tặng mà thật ra vốn chẳng trọng nhau ? Hay vì mối tình văn nghệ đã vì ai, vì đâu mà phai đậm nhạt đà ? Hay là — chắc đúng sự thật hơn — sách bị bỏ quên, sách bị đánh cắp..., chớ bằng không, « thì đâu đến nỗi... »

Rồi tôi lại hỏi : « Tác giả mà thấy sách mình thì phản ứng ra sao ? » Chắc là không sai, tôi thay bạn làm ngay phản ứng ấy : xóa tên nó trong sổ đoạn trường của sách nằm đường. Đứng lên, tôi lại tự hỏi : « Làm sao mình được biết tâm trạng của người có sách tình cờ gặp « đứa con tinh thần » mình nằm lì ở chốn này đây » ?

Và chẳng rõ vì một hồi tưởng nào mà tôi nhẩm lại một câu thơ văn xuôi của Xuân-

http://tieulun.hopto.org

Diệu mà tôi thường ngâm nga lúc tuổi mới hai mươi :

« *Bởi vì chiều nay, rừng thông vừa chín, và sự tình cờ xui chàng đến đó, và cũng sự tình cờ xui ngọn gió đến đây.* »

Ối oăm thay! Ngọn gió chẳng mấy thơm tho, và tôi lại đóng vai « chàng » mới khổ. Khổ vì « chàng » đã gặp « nàng ». « Nàng » nằm lồ lộ ở vỉa hè, áo đã phai màu, nhưng lưng chưa long lở. Quyển sách giáo khoa đầu tiên mà tôi cùng soạn với một số bạn cũng góp mặt với . . . vỉa hè. Quyển sách đầu tiên khi mới in xong còn thơm tho mùi giấy mực, ta nâng niu như khi đỡ lấy mối tình đầu...

Tôi đở ra, sách có cũ mà vẫn còn trinh trắng. Tôi xem bìa sau. Rành rành một chữ Pháp-Lang-Sa : Solde, đóng khung đen lại hẳn hòi. Tôi chợt nhớ anh bạn vốn nhà văn kiêm nhà xuất bản, có lần nói với tôi : « Tôi không phản đối việc nhà xuất bản bán xôn sách mình xuất bản, nhưng phải cho sách bán trong một thời hạn nào đó : 4 hay 5 năm chẳng hạn ; và trước khi bán xôn, nên báo cho tác giả biết, và nếu tác-giả bằng lòng mua lại hết số sách đọng, thì phải bán với giá vốn cho tác - giả Chừng nào tác - giả không mua mới bán xôn ».

Tôi không tin rằng nhà xuất bản sách tôi đã tự tiện bán xôn mà không cho tôi biết trước, vì vốn chỗ quen lâu, lại cũng có trước hẹn với nhau rồi. Vậy chữ *solde* này do bàn tay nào mà có ? Tôi mảng tìm với kiếm « chánh danh thủ phạm » mà quên phân tích tâm trạng mình, mà trước đây không bao lâu mình muốn biết : tác-giả tình cờ « đụng đầu » với sách mình ở vỉa hè... Và tôi cũng quên nốt cái việc « vớt người trầm luân » là chính mình...

*
* *

Sách, báo. nhạc... vỉa hè còn nằm ở đường Lê-Văn-Duyệt, Chợ-Đũi (sáu hàng), ở đường Cao.Thắng, Bàn-Cờ (bốn hàng mà đặc biệt ở đây, chỉ bán về chiều tối, vì chủ chúng — người Tàu — lợi dụng vỉa hè trước cửa tiệm mình mà bán phụ thêm), và rải rác ở Tân-Định, ở Đa-Cao. Nhưng sách, báo, nhạc ở đâu cũng chẳng nhiều bằng ở vỉa hè Lê-Lợi.

Đại khái, thì cũng từng thứ sách, báo, nhạc ấy, giá cả cũng chẳng khác gì nhau mấy, nhưng không rộn rịp bằng.

Đưa các bạn thăm qua sách giữa trời ở đường Lê-Lợi cũng có thể cho là đủ để các bạn có một cái nhìn và một ý niệm chung về một nghề sắp tàn cùng năm tháng.

Tôi có ý muốn kết thúc những bước lang thang trên một vỉa hè đặc biệt này bằng ít vần thơ thẩn, thơ chưa có chữ nào, thì may mắn thay, một người bạn bán sách... trong tiệm, đối diện với vỉa hè đầy sách bán xôn, cho tôi xem bài thơ cảm đề số phận loại sách này, của anh bạn Thế-Nhân (chẳng phải Thế-Nhân « qua các hàng sách » của *Mai* và của *Bách-Khoa*), làm vào cuối năm nay, và sẽ có mặt trong tập kỷ yếu 1961 của nghiệp đoàn nhà in, nhà xuất bản, nhà sách Việt - Nam. Và nhờ người bạn kia mà « sách... vỉa hè » có thêm một kỷ-niệm thơ.., thẩn.

NGUIỄN-NGU-Í

http://tieulun.hopto.org

SÁCH BÁN « XÔN »

Hỡi ai dạo bước đường Lê-Lợi,
Có thấy người ta đua bán « xôn »
Đủ thứ : này ăn, này mặc nhé,
Này là mỹ-phẩm, nọ văn-chương !

Tha-thiết làm sao, quyển sách xinh,
Bao nhiêu duyên-dáng, bấy nhiêu tình
Ấp ôm vạn thuở niềm tâm-sự,
Biết gởi về đâu, ai mắt xanh ?

Đây những lời hay, đây ý đẹp,
Đây trời khoa-học rộng bao la,
Đây lời mô-phạm đang khuyên nhủ,
Cạnh những vần thơ dệt gấm hoa !

Những mái đầu xanh chen tóc bạc,
Nép mình nằm dưới nắng, sương, mưa,
Ngại-ngùng giữa những lời đưa đón,
Nghe lạnh về quanh bước hững-hờ....

Hỡi ai nện gót trên đường phố,
Có thấy u-hoài dáng mắt xanh ?
Những mảnh linh-hồn, chao, rẻ quá !
Ít đồng mua lấy một tâm-tình....

Biết nói gì đây, tôi chỉ thương
Kiếp tằm mang nặng nợ văn-chương,
Vương tơ đến thác, tròn duyên-nghiệp :
Tâm-sự giờ đây hứng bụi đường....

Nhủ thầm, hỡi những văn, thi-sĩ
Trần-thế, nào mong giờ đời chiếu !
Có nhớ cũng chăng hơn vạn kỷ :
« Văn-chương hạ-giới rẻ như bèo ! »

Mùa đông năm 1960

THẾ-NHÂN

(Trích trong tập Kỷ-yếu 1961 Nghiệp-đoàn Nhà in, Nhà xuất-bản, Nhà sách Việt-Nam)

http://tieulun.hopto.org

QUA CÁC HÀNG SÁCH

★ TRÀNG - THIEN ★

40 BÀI THƠ

của **Mai-Trung-Tĩnh** và **Vương-Đức-Lệ** (1)

Tập thơ chung của hai tác giả này có một hình thức độc đáo : Khổ sách dài 30 phân mà rộng chỉ có 12 phân, đã thế bìa sách lại chia ra 1/3 theo chiều dọc, tô màu xanh, làm cho trông quyển sách lại thêm dài thườn thượt.

Hai tác giả đều làm thơ tự do : có những chỗ dài 23 dòng mới sang hàng (*Dựng* trang 17), lại có những câu 2 chữ (*Giờ thư viện*, trang 47) có bài vần, có bài không vần.

Đề tài chính yếu của toàn tác phẩm tập thể này vẫn là ái-tình, nhưng Mai-Trung-Tĩnh có thái độ triết lý hơn, thỉnh thoảng ông có rời vai người yêu, gật gù suy nghĩ về cuộc đời, về lịch sử, về những biến thiên xảy ra trên đất nước (*Cuối cùng*, *Lịch-sử*, *Dựng*, *Bức tường*..) Ý tưởng của ông bi quan lắm, sầu thảm lắm.

Đành rằng cũng có khi ông chú ý trông qua một cảnh tươi sáng của buổi mai, có « con ngựa khỏe lành gõ móng nhịp đều... » có « người thợ rảo chân trong gió sớm » nhưng như thế chính là « để quện mình úp mặt khóc đêm qua » đấy thôi. Ở nhiều chỗ khác, giọng ông ai oán não nùng như thể tiếng khóc nỉ non của bà Tương-Phố xưa kia : « *Tôi vẫn trở về xóm đêm đêm nghe tiếng đàn than van kể chuyện chiều xưa mẹ chết anh bỏ đi, em bơ vơ chịu lấy một mình đau khổ. Em lớn lên mang theo từng hồ lệ khóc không hết ngày xanh. Bao cung bậc nước nở như lòng anh rạn nứt. Người ôm đàn còng lưng gói trọn tấm sự riêng tây, dây trùng nỉ non như trái tim bị hắt hủi...* »

Ý tưởng của Mai Trung Tĩnh đến tả có chỗ tối tăm bí hiểm. Tôi không tin rằng sáng sủa có gì hay ho hơn tối tăm, nhất là trong địa hạt thi ca. Có thể trái lại là khác :

« Allez !... Que tout fut clair... tout vous semblerait vain (2) ». Một chút tối tăm làm ra cái hấp dẫn ở nhiều kiệt tác xưa nay. Thơ cũng có cực kỳ tối tăm đến không ai hiểu nổi tưởng cũng chẳng hại gì, miễn là đọc lên người ta cảm thấy rung động.

Đằng này tôi không được gặp cái rung động thuần túy ấy, khi đọc thơ Mai-Trung-Tĩnh. Nếu có chỗ nào tôi thưởng thức được, ấy chỉ là ở các chỗ sánh sửa mà tôi hiểu được thôi.

(1) Bông lau xuất bản.
(2) Paul Valéry.

http://tieulun.hopto.org

Đối với cái phần mình không cảm thông rung động được, đáng lẽ chỉ nên giữ một thái độ kính trọng xa cách, « kính nhi viễn chi », nhưng tôi e rằng mình thiếu xót nếu chỉ nêu lên nguyên có một tính cách tối tăm, bởi vì, ở đôi chỗ trong sự tối tăm dường như có thêm chút ít lỗ bịch nữa :

(...) « *Tim nhảy hôn nhau đầm thắm*
Tôi đứng giữa duyên dàn buổi tiệc
Thực đơn ngà hoa bay (...)
(...) *Cột đèn môi giới*
Thế giới cười nguyền từ phân
giây (...)
(Tình hôn)

hay là :

(...) *Bên trong ngôn ngữ xứ tim mời*
Anh cúi lặng nghe hồn mùa gặt hái »
(Tiếng hát trong tim)

Vương-Đức-Lệ giản dị hơn : thơ ông ít có chỗ tối tăm, nhiều bài có vần hơn, ông cũng không triết lý, lúc nào ông cũng bám dính sát vào ái tình, ríu rít với ái tình.

Người thanh niên nhiều tình cảm này có những vần thơ thành thực, dễ thương. *Mưa công viên*, *Chiều thư viện*, *Lá thư cuối cùng*... kể những phút đợi chờ đau lòng của người tình muôn thuở ; những bài đó gợi ở chúng ta một mối rung động quen thuộc :

« *Một mình một công viên*
Lạnh chiều mưa ghế đá
Điệu buồn nghe xa lạ
Khói thuốc mờ sầu miên... » (?)

Hình ảnh người con trai si tình kiểu ấy đã thấp thoáng từ thế kỷ nọ qua thế kỷ kia, mà lúc nào bộ mặt rầu rầu thiểu não của chàng cũng gợi được ít nhiều cảm tình nơi chúng ta. Thế mới biết mỗi người trong chúng ta cũng đa tình quá lắm.

Thế nhưng nói về ái tình thì không ai bì kịp Vương-Đức-Lệ. Tất cả thơ ông là ái tình. Ông làm thơ vì mục đích để khuyến khích chuyện đó :

« *Tôi còn làm thơ mãi mãi*
Vì có những người còn chưa yêu nhau. »

Khi ai nấy có đôi có cặp hết rồi, ông sẽ bỏ làm thi sĩ :

« *Khi đã yêu nhau thơ hết nhiệm mầu.* »

Ấy là nói dọa thế, chứ tôi tưởng càng yêu lại càng có chuyện làm ra thơ chứ. Chỉ nói riêng một chuyện hẹn hò người yêu ông đã có dịp làm ra bao nhiêu là thơ : ông hẹn ở công viên, hẹn ở ngõ hẻm Eden, hẹn trong tiệm nhảy phòng trà, hẹn cả ở thư viện !

Không ai trách được khi thi ca đề cập tới ái tình, dù ở thời đại nào. Nhưng có một vài sự kiện xảy ra đồng một lúc khiến chúng ta phải lấy làm ngẫm nghĩ. Tập thơ của hai chàng thi sĩ trẻ tuổi ra đời vào lúc 7 tiểu đoàn Việt-cộng tiến đánh Nonghet, Đồng Chum, phi cơ Nga bay trên đất Lào thả dù tiếp tế súng đạn hàng ngày, hạm đội thứ 7 của Mỹ di chuyển đến sát chiến trận, không quân Mỹ tại các căn cứ ở Thái-Bình-Dương đặt trong tình trạng báo động, minh ước Đông Nam Á họp đêm..., ở trong nước thì chính phủ vừa tuyên bố tổ quốc lâm nguy và hiện thời ngày nào cũng có cán bộ binh sĩ, thường dân chết trong cuộc chiến đấu với Việt-cộng. Khi ấy mở tập thơ của Vương-Đức-Lệ ra, hàng đầu tiên ghi rằng :

« *bao nhiêu những bài thơ tình yêu*
anh sẽ làm và tặng Em tất cả
bao nhiêu những vì sao xa lạ
anh sẽ mua về nạm vào nhẫn cưới cho Em. »

Ta kính phục sự bình thản phi thường trong tâm hồn tác giả, có thể so sánh được với cái bình thản truyền kỳ của ông Phạm-Ngũ-Lão xưa kia ngồi đan dỏ mà không trông thấy quân lính reo hò xung quanh, tới nỗi bị gươm đâm vào vế.

TRÀNG-THIÊN

http://tieulun.hopto.org

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Chúng tôi mới nhận được :

— Một mùa hoa nở (*Liên-Văn*) — Nện gót tha hương (*Lê-quang-Khai*) — Tết Tân - Sửu nhắn Tào - quân (*Lưu - Giang*) — Tình sử ; hoang vu ; Vương vương, Ý nghĩa, Trống, Nếu, Thì thầm, Trăng mộng ; Thủy nhân bất thức quân (*Huỳnh-kim-Sơn*) — Nhớ thương, Em ái (*Cao - thiên - Nga*) — Thần tượng ; Đêm ; Tâm tư ; Hoang vu ; Bơ vơ ; Ngày sau) *Nguyễn-văn-Thưởng*)—Khai bút Xuân Tân-Sửu ; Nước lụt ; Chúc hòa bình thế giới (*Hồng-khánh-Tỵ*) — Cuộc đời ; Chưa vẹn (*Lê-huỳnh-Hoàng*) — Sinh thành (*Nguyễn-chấp-Bình*) — Vệ tinh khí tượng (*Võ-quang-Yến*) — Bức thư gửi ông chủ nhiệm. Gió ngàn phương (*Lê-văn-Chinh*) — Chuyến cuối ; Đợi chờ (*Nguyễn-Nghĩa*) — Tìm về ; Chiều chúa Nhật ; Chuyện chúng mình (*Băng-Đình*) — Lưu-luyến ; Tình Xuân (*Hàn-San*) — Khoa học với con người (*L.M.Bích-Quang*) — Xuân ước Nguyện (*Kim-Thu*).

— « *Tượng đá* », « *Giáo đường* » (Nguyễn-thiếu-Văn), «*Một mùa hoa nở* » (Hiến-Văn).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường - hợp đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông-cảm cho. Đa tạ.

Chúng tôi đã gởi mục bộ môn cho :

Ô.Ô — Trần-ngọc-Nam Saigon 8-12-60.
— Nguyễn-ngọc-Trang Quảng-trị 10-12-60.
— Nguyễn-văn - Sơn Vĩnh - long 14-12-60
— Ng-ngọc-Quang Mỹ-tho 19-12-60

— **Ô. Lê-thế-Chực** Saigon, chúng tôi đã nhận được thư và chi phiếu trả tiền mua báo, xin cảm ơn ông.

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— **40 bài thơ** của *Mai Trung Tĩnh và Vương-Đức-Lệ*. Sách tinh bày mỹ thuật giá bán 30đ.

— **Mộng ban đầu** thi phẩm của Đỗ-Quý Bái và Diễm-Châu, bản đặc biệt không ghi giá.

— **Mắt đêm dài** thơ của *Huy-Phương*, Băng Cầm xuất bản, gồm 30 bài thơ. Giá bán 30$.

— **Luận đề vạn vật** của *Dương-Sâm* và *Nguyễn-hoài-Minh*, sách dầy 168 trang giá bán 40$.

BÁO MỚI

Chúng tôi nhận được tập Nguyệt San **Luận-Đàm** số 1, cơ quan ngôn-luận của *Tổng-Hội Giáo-Giới Việt-Nam*, giá 15$00, in tại nhà in Nguyễn-Đình-Vượng.

Nội dung tờ **Luận-Đàm** số ra mắt có bài của nhà giáo-dục quen biết Ô. Ô. *Nguyễn-Hưu*, *Doãn-quốc-Sỹ*, *Phạm - hoàng - Hộ*, *Thiên - Giang*, *Phạm-thế-Doanh*, *Nghiêm-Toản*, *Vũ-quốc-Thúc*, *Đinh-tử-Thức*, *Nguyễn-quang-Trình v.v.*.

Xin trân-trọng chúc bạn đồng-nghiệp **Luận-Đàm** mạnh tiến, và giới thiệu cùng độc giả Bách-Khoa.

ĐÍNH-CHÍNH

Trong bài « Hiệp-chúng-quốc trước ngã ba đường III : Một cuốn sách của giáo-sư J K. Galbraith, » Bách-Khoa số 96, ngày 1-1-1960, tr. 11, dòng 7 câu :

Nên nhớ rằng thế giới ngày nay không chỉ chia ra làm hai khối tư bản và tự do. . . .

xin các bạn đọc là :

Nên nhớ rằng thế giới ngày nay không chỉ chia ra làm hai Khối **tư-bản tự-do và Cộng-sản độc tài. .**

http://tieulun.hopto.org

CÁO LỖI

Trong bài « Hoàng Chủng, Bạch Chủng » của Ông Phạm-Trọng-Nhân, chúng tôi có bỏ sót một đoạn chú thích (3) trang 86, cột 1 như sau đây :

« Các bà có thích đọc và nghe diễn-văn chăng ?... »

Câu chuyện làm chúng ta liên-tưởng tới Loa Tseng Tsiang trước đây đã từng sung chức Đại-sứ Trung-Hoa tại Nga và Bỉ. Sau ông trở nên Tổng-trưởng Ngoại-giao và Thủ-tướng Chánh-phủ. Chúng ta hãy nghe ông tâm-sự :

« Chánh-phủ Trung-Hoa ủy nhiệm tôi đi Hội-nghị La Haye. Lần đầu tiên trong đời, tôi có dịp đụng chạm với thực-tế : các cường-quốc đều đồng lòng quan-niệm Trung-Hoa như một tối nhược-quốc. Tôi đã rút ở cuộc thử-thách đó rất nhiều kinh-nghiệm...

« Tôi đọc bản thánh kinh và tôi suy-nghĩ rất nhiều về bản thân tôi, cũng như về nước Trung-Hoa yêu-dấu của tôi. Tôi bình-thản sống lại những nỗi nhục-nhã mà tôi đã hằng nếm trải. Tôi ôn lại thái-độ kiêu-căng vô-lý của một số ngoại nhân mà phẩm cách và kiến-thức thực không đáng kể : họ cho như có quyền khinh miệt tôi, chỉ vì tôi là người Trung-quốc ! ...Những nỗi nhục-nhã của nước tôi, của các đồng bào tôi và của chính tôi, không làm tôi nản-chí... Trái lại, chúng làm tôi thêm tin-tưởng, và truyền cho tôi thêm dũng khí...».

(3) Tên những trại giam của Đức Quốc-Xã đã giết hại 6 triệu dân Do-Thái.

Trân trọng xin **cáo lỗi** cùng tác giả và bạn đọc, và mong quý bạn thêm vào giúp cho.

Ngoài ra mong quý bạn sửa giùm thêm những lời sau đây trong cùng bài đó :

Trang 85, cột 1, dòng 27 : khỏi đụng chạm, xin sửa là : **không khỏi đụng chạm.**

Trang 88, cột 1, dòng 16 : thăng trầm hùng bĩ, xin sửa là : **thăng trầm hưng bĩ.**

THÔNG - CÁO

Chúng tôi xin trân-trọng thông-báo cùng quý vị Chủ-nhiệm báo chí và quý vị độc-giả rõ :

Tuy có sự tiếp-xúc giữa chúng tôi với quý vị đại-diện báo chí tại Thủ-Đô trong cuối năm 1960 vừa qua do Hội Cựu Chiến-Sĩ Việt-Nam tổ-chức tại Trụ-sở Hội, song trên thực-tế công việc bàn-giao về giấy tờ giữa Ban Giám-Đốc cũ Nhà THỐNG-NHẤT và chúng tôi chưa hề thi-hành.

Vậy Ban Giám-Đốc cũ vẫn điều-hành công việc như trước.

— Bác-sỹ NGUYỄN-TRỌNG-THIỆN

— PHẠM-VĂN-SƠN

— PHẠM-NGỌC-LỢI.

http://tieulun.hopto.org

Khi một nhà văn, một nhà thơ, cả hai cùng là nhà giáo, chung sức với nhau để chú giải, lược bình ba tập cổ văn, kèm thêm Phụ lục phong phú, thì hẳn cũng đáng cho quí bạn lưu tâm :

I.— CHIÊU HỒN
VÀ
TIẾC THAY DUYÊN TẦN PHẬN TẢN
của NGUYỄN-DU

* Một công trình nghiên-cứu mà sáng-tạo, bác lối làm việc cùng các ý-kiến của Phan-Văn-Hùm, Trần-Thanh-Mại, Hoàng-Xuân-Hãn và *đưa một đề-nghị mà bộ Giáo-dục chẳng thể bỏ qua.*

II.— TỰ TÌNH KHÚC
của CAO-BÁ-NHẠ
THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM
KHUYẾT-DANH

Phụ lục : **I.— Bốn Bang thơ**
II.— Bản dịch «Tự tình khúc» mới của Đầu-Tiếp Nguyễn-Văn-Đề.

III.— TỲ BÀ HÀNH
của BẠCH-CƯ-DỊ
(Bốn dịch của Phan-Huy-Thực ?)
VÀ
TRƯỜNG HẬN CA
của BẠCH-CƯ-DỊ
(*Hận tình muôn thuở*, bốn dịch của Yã-Hạc và Trinh-Nguiên)

Phụ lục : **Các bốn dịch của Minh-Phượng, Vũ-Văn-Khoa, Tản-Đà, Vũ-Đình-Liên, Ngym, Ngô-Thúc-Địch, Vô-Danh.**

* * *

Ba tập cổ văn, gồm sáu áng thơ xưa, của Việt và Hoa do :

BÌNH-NGUYÊN-LỘC và NGUIỄN-NGU-Í

Giới-thiệu, chú thích và lược bình, sẽ ra mắt các bạn một ngày gần đây.

http://tieulun.hopto.org

ĐỌC ĐỌC

TRUYỆN DÀI

ĐƯỜNG XA CHI MẤY

Tác-phẩm đầu tay của LAN-ĐÌNH

Phát hành nhân dịp Tết Tân-Sửu

Bìa của VŨ-THỊ-NGÀ

NGUYỄN-ĐÌNH-VƯỢNG xuất bản

Còn một số sách mới in lại bìa sắp có bán ở hiệu sách lớn Sàigòn :

- FRÉDÉRIC NIETZSCHE
  và Chủ Nghĩa Đi Lên Con Người (*Khảo - luận*)
- NGƯỜI THƯƠNG BINH LIÊN KHU (truyện dài)
- LƯỢC SỬ VĂN NGHỆ VIỆT - NAM
  Nhà văn hậu chiến 1950-1955 (*Phê bình*)

của

THẾ - PHONG

Loại Sách Đại Nam Văn Hiến

Sẽ khởi đăng trên Bách-Khoa số tới

Một Truyện dài độc-đáo của TUYẾT-HƯƠNG

« PHẤN ĐẤU »

Một Truyện dài rút ngắn của CÔ-LIÊU

« QUYỀN PHÉP »

dịch truyện **« LA LOI »** Của ROGER VAILLANT Giải-thưởng Goncourt.

http://tieulun.hopto.org

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — Tai-nạn

INCENDIE Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS Hàng-Hải

RISQUES DIVERS Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

☆

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

☆

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

http://tieulun.hopto.org



Trong một ngày rất gần đây

BANGKOK & HONGKONG

Đường bay "THANH-LONG"

bằng phi cơ bán phản lực

VISCOUNT

của **VIỆT-NAM HÀNG KHÔNG**



- Nhanh chóng
- Êm ái
- Trang trí tối-tân, đầy đủ tiện-nghi.

Quý ngài sẽ thưởng-thức những món ăn thuần-túy Việt-Nam do các cô chiêu-đãi-viên xinh lịch niềm-nở tiếp đãi.

XIN TIẾP-XÚC VỚI CÁC HÃNG DU-LỊCH hay

Air VietNam

16, NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

TEL. 21.624 - 21.625 - 21.626

VIETNAM EXPRESS, 60

http://tieulun.hopto.org